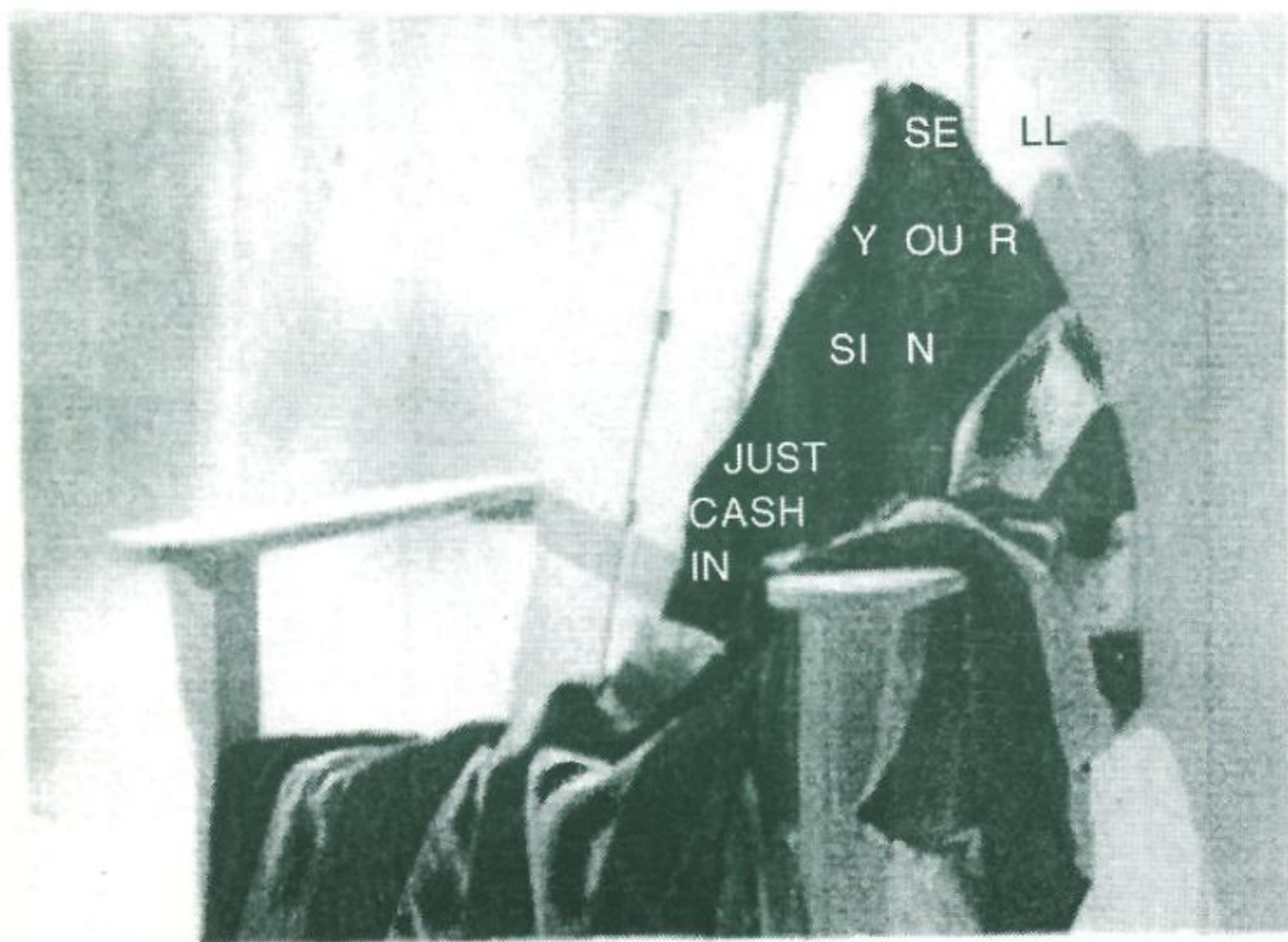


TẠ P C H Í

Thao

SỐ MÙA THU 2003



T A P C H Í



S Ố M ù A T H U 2 0 0 3

chủ trương

Nguyễn Lương Ba
Đỗ Kh.
N.P

Phan Tấn Hải
Trần Phục Khắc
Nguyễn Đăng Thường

Khế Iêm
Nguyễn Hoàng Nam
Lê Thị Thấm Vân

cộng tác và bảo trợ

Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Ngọc Biên
Cường
Nguyễn Huy Quỳnh
Quỳnh Thi

Nguyễn Thị Thanh Bình
Diễm Châu
Nguyễn Thị Ngọc Nhung
Trương Vũ
Lê Giang Trần

Hoàng
Phạm Việt
Vũ Huy Quang
Trịnh Y Thư
Ngô Thị Hải Vân

thư từ, bài vở

Khế Iêm và Đỗ Kh.

phụ trách điều hành

Trần Phục Khắc, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Thủy Trần

P.O. Box 1745 Garden Grove, CA 92842

Email: tapchitho@aol.com

Website:

<http://www.VietnamesePoetry.com>

MỤC LỤC

Tiểu Luận

Thư tòa soạn

Ngợi Ca

Mấy Ý Nghĩ về Thơ

Nguyễn Đình Thi và Tiếng Chim Từ Quy

Con Cá và Búi Tóc

Ba Ý Niệm

Tìm Kỷ Niệm

Đọc Tuyển Tập Thơ

Quyền Xác Nhận

Đôi Nét về Hip Hop

Những Hồn Tản Cư

Phân Tâm Học và Thơ

Đọc Thơ Tân Hình Thức

Dominique de Ville

Nguyễn Đình Thi

Đặng Tiến

Trần Tiến Dũng

Lý Đợi

Đông Hồ

Arthur Mortenson

Imre Kertész

Nguyễn Đăng Thường

Đoàn Minh Hải

Frederick Feirstein

Nguyễn Lương Ba

Thơ

Chinh Phụ Ngâm

Trên Con Đường Nhỏ

Những Tóc Hoài Trên Đồi

Đúng Vào Ngày Xuân Phân

Chống Tay Nhìn

Bài Thánh Ca Cuối Cùng

Chuyện Kể

Hơn Nửa Đời

Mỗi Gạch Chấm

Cười To Trăm Tiếng

Bên Nhau

Đóa Hoa

Port Melbourne

Ếch

Đối Thoại

Cảnh Tượng

Ngôi Sao Chổi

Đi Chơi Tập Thể

Đỉnh Trăng Chờ

Tôi Thấy Sài Gòn

Cù An Hưng dịch

Nguyễn Đình Thi

J. Huỳnh Văn

Nguyễn Tôn Nhan

Hải Vân

J. Đỗ Vinh

Ý Nhi

Đặng Tấn Tới

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Thực

Mai Phương

Huỳnh Lê Nhật Tân

Thường Quán

Nguyễn Danh Lam

Thúy Hằng

Đinh Trường Chinh

Huỳnh Hữu Ủy

Nguyễn Thị Khánh Minh

Trần Thị Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

<i>Có Hơi Thở Ngắn</i>	Phan Tấn Hải
<i>Sự Việc Tâm Thường</i>	Bùi Chát
<i>Do Dự</i>	Phan Huyền Thư
<i>Đất Mỡ</i>	Mai Văn Phấn
<i>Trên Những Cánh Bay</i>	Phan Bá Thọ
<i>Số Đề</i>	Nguyễn Quán
<i>Vẫn Là</i>	Nguyễn Hưng
<i>Hoang</i>	Nguyễn Thụ
<i>Bài Thơ</i>	Charles Bukowski
<i>Ca Khúc</i>	Robert Pinsky
<i>Tặng</i>	Larry Sawyer
<i>Sau Khi</i>	Lục Nguyên
<i>Nhớ Quên</i>	Đỗ Lê Anh Đào
<i>Chủ Nhật</i>	Lưu Hy Lạc
<i>Than Van</i>	Khúc Minh
<i>Chuyện Bắt Đầu</i>	Khánh Hà
<i>Bài Thơ Cũ</i>	Nguyễn Thị Ngọc Lan
<i>Tôi Cũng Là Một Con Rối</i>	Nguyễn Thị Thanh Bình
<i>Huyền Sử</i>	Mai Ninh
<i>Đầu Xuân</i>	Phan Thị Trọng Tuyến
<i>Mùa Ra Trường</i>	Nguyễn Thị Ngọc Nhung
<i>Khách Bên Đường</i>	Trần Tiến Dũng
<i>Chuyện Tình</i>	Nguyễn Đăng Thường
<i>Bài Những Nữ Làm Đầu</i>	Lý Đợi
<i>Duyên Nợ</i>	Vạn Giả
<i>Đối Tượng</i>	Viêm Tịnh
<i>Lục Bát</i>	Nguyễn Mai
<i>Tròn</i>	Thiện Hiếu
<i>Cái Chết</i>	Quỳnh Thi
<i>Kèn</i>	Hà Nguyên Du
<i>Tôi Biết Chiên Tranh</i>	Nguyễn Lương Ba
<i>Tôi Không Phải</i>	Đỗ Kh.
<i>Địa Ngục Treo</i>	Nguyễn Tiến Đức
<i>Ở Một Thành Phố</i>	Nguyễn Phan Thịnh
<i>Khi Không</i>	Đức Phổ
<i>Bỏ Nhỏ</i>	Hoàng Xuân Sơn
<i>Chuyện 40 Năm</i>	Inrasara
<i>Chó và Mèo</i>	Kim YẾN
<i>Stress</i>	Nguyễn Hoài Phương
<i>Kinh Thản Nhiên</i>	Đoàn Minh Hải
<i>Cái Chết Trên Truyền Hình</i>	Khế Iêm
<i>Tin Thơ</i>	
Bìa: Gợi ý từ nhạc phẩm “Intuition” (Trực giác) do nữ ca sĩ Jewel hát, <i>Ltt trình bày</i> .	

Trong số báo này, chúng tôi trân trọng giới thiệu những sáng tác mới thơ Tân hình thức, đánh dấu một giai đoạn và đồng thời chuẩn bị cho tuyển tập thơ Tân hình thức đang tiến hành. Sáng tác, ở mọi thời kỳ, là mũi nhọn, và động lực làm nên giá trị và chuyển động của nền văn học, và nếu không có, mọi kêu gọi đổi mới đều trở thành vô nghĩa. Chúng tôi cũng nhận thấy, sau thời gian đầu lúng túng, và tiếp theo hàng loạt phản bác, mang tính thù nghịch, những nhà thơ Tân hình thức, cho đến bây giờ mới lấy lại sự tự tin và ổn định, định hướng trong công việc sáng tác. Và bởi tiềm năng biến hóa của thể loại thơ này rất lớn, chúng tôi hy vọng, những nhà thơ bắt đầu phát hiện thêm những khả thể mới, làm phong phú tác phẩm của họ, và thơ Tân hình thức sẽ là một dòng thơ đầy hứa hẹn.

THƠ

Ngợi ca những Người Cướp Lửa

Dominique de Villepin

Tác giả Dominique de Villepin, sinh năm 1953, đương kim bộ trưởng Ngoại Giao Pháp, là người phát ngôn cho chính sách hòa bình đối lập với đường lối chiến tranh Bush-Blair trong vụ tập kích Irak đầu năm 2003. Nơi đầu sóng ngọn gió của bang giao quốc tế, ông đã đồng thời cho xuất bản một khảo luận về Thơ, *Ngợi ca những Người Cướp Lửa*, tượng trưng cho Người Làm Thơ, qua hình ảnh mượn của Arthur Rimbaud, lấy từ huyền thoại Prométhée.

Tác phẩm de Villepin hơn 800 trang, súc tích, là một chứng từ quan trọng và cụ thể của địa vị Thơ trong đời sống, ở nhiều tầng cấp, chiều kích và thời đại.

Gọi là một trường luận thi ca nghiêm minh cũng được. Hay một trường ca thi luận đắm say, cũng không sai.

Nói rằng nó biện minh cho những cố gắng của mấy anh chị em chủ trương và duy trì *Tạp chí Thơ* trong nhiều năm nay, là suy diễn chủ quan.

Nhưng không phải là vô căn vô cứ.

Lời người dịch

Trong tôi ngân vang những từ ngữ mang mang hy vọng và hăng say, chất muối và sự sống, ngọn lửa sưởi ấm những lúc buông tay và soi sáng vào cơn ngờ vực.

Một câu thơ Rimbaud hay Célan cũng đủ ngời sáng như vệt thuốc nổ chạy dài đến chân mây cuối một ngày. Nó đột nhiên bùng cháy, nổ tung giới hạn, treo mắt nhìn lên những vòm trời khác.

Trong khi các trò chơi quyền lực thiêu rụi, thì bếp lửa thi ca vẫn âm âm nguồn nhiệt lượng, tụ điểm của tâm thái ung dung và triều cảm trung dung. Ngọn lửa không cần cỗi mà nâng cao. Ngay trong đà suy thoái tự nguyện, nó vẫn minh chứng chiều cao. Không vết tro than, không bọt đắng cay nơi người cướp lửa, chỉ một niềm đắm say nói lên thế giới.

Qua những tấm gương phản chiếu, sau lớp lớp liền trướng vàng son, tôi đã từng thấy bao khuôn mặt méo mó vì sợ hãi, bao bàn tay co quắp, bao bước chân xiêu vẹo, tôi đã từng nghe bao lời lẽ tổn thương, dội vang những tràng cười và khinh mạn. Rồi khi ngọn triều công phần dâng lên, thì tiếng rì rầm bội tăng mấp mé các cung đình. Khi ấy, ngọn gió hừng hực lửa thổi tan ám khí của tuyệt vọng, cắt đứt dây neo, vạch ra con đường nơi khác khi mọi lối thoát đều bế tắc. Trên đỉnh hổ hỏa sơn băng giá, ngọn núi thơ vọt lên từ những triền non thung lỗ chỗ bao nhiêu cơ hàn và bão tố.

Bạn thơ ơi, tôi nợ các bạn niềm nôn nao và nổi bất bình. Tôi nợ nhau cơn khát khao và khát vọng một nét sáng trong tâm cảnh.

Từ những mặt nhật đầu tiên cuối thời Trung Cổ, con người bị ném tung như những miếng mồi, cảm thấy cô đơn trước *thời gian dị hình, đồng lõa với bóng đêm*¹ đe dọa và làm lóa mắt. Giữa ngục thất của bóng tối, thơ nắm giữ chìa khóa, đối mặt với những tâm địa bó buộc trong tín lý hay luận lý. Cùng với địa cầu quay tròn từ đó, và xê dịch những cái mốc của thời đại thì cam lạng và gào thét đã chồng chất lên nhau, trộn lẫn vào nhau

1. William Shakespeare, Toàn Tập, Francois Victor Hugo dịch, 15 tập, 1859-1865, G.F. Flammarion tái bản, Richard III, Romeo và Juliette, Hamlet, 1979, tr. 130. Thời gian dị hình là một chủ đề liên tục trong tác phẩm Shakespeare, xuất hiện trong Kịch bản, qua bánh xe lịch sử nghiền nát và biến dạng các thế kỷ, cũng như qua những bài thơ sonnets.

trong cõi hỗn mang. Và để vạch ra một lối đi giữa đầm lầy, phải có tia sáng mới, đáp ứng với cái dị hình và phù phiếm. *Tài thơ như ngọn lửa (...bập bùng le lói nơi nơi/trong bóng đêm tia sáng rạng ngời)* ².

Nguồn sáng ấy phân chia thời đại. Và tạo ra hố sâu, từ một Villon trên thập ác tử hình đã dựng lên tầm vóc cho sự nghiệp, trong khi các núi lửa đang lùi bước trên mặt đất. Những kẻ đoan chính, người cướp lửa, chỉ sống còn sau điểm cao ngọn lửa bằng mã tấu và những ngọn đuốc sưởi ấm nhiệt tình, nung chảy cho đến chất vàng trên trang hợp cần.

Sau khi cung cấp lời ca cho bộ lạc, thơ đã cống hiến tiếng nói cho con người để đốt sáng trần gian. Thơ đã tìm lại được tự do khuấy lấp từ thời hang động; dù rằng trong hoang mang choáng ngợp trước vô cùng, thơ vẫn phải tìm hơi ấm trong vòng tay những mô hình thượng cổ. Mỗi tia sáng hò hẹn một bờ xa bến lạ, trước khi ngọn lửa phân biệt ngày đêm ngõ hầu vạch lối đi cho một *bước chân thẳng lợi* ³. Điều cần thiết, không hẳn là hy vọng, mà là một vùng đất thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa, một không gian phản kháng trong vết xe bốn mùa xuân hạ.

Bằng chinh phục chứ không phải trong sùng bái lạc hậu, mà có thể thử thách lời bùa chú phục sinh đời sống mới. Như vậy, những người cướp lửa có thể sải bước trên khắp nẻo đường bờ bụi rồi ôm một bó ốt cay, họ đã gìn giữ chất người và tuyên xưng một vương triều ngắn ngủi. Những *ống sáo*** thơ sơ* ⁴ sẽ duy trì bao nhiêu cuộc hợp hôn điểm lệ, thơ ôm ấp lấy đời qua những tác phẩm chân chính rờn rờn nước hồng sắc máu.

Ngọn lửa âm âm trong lòng huyền nhiệm, nơi người thơ tìm nguồn

² Pierre Ronsard, Bi Ca gửi J. Grevin, Toàn Tập, ấn bản Jean Ceard, Daniel Menager, Michel Simonin, nxb Gallimard, Pleiade, cuốn II, 1994, tr. 1112.

³ Arthur Rimbaud, Vĩnh Biệt Mùa Địa Ngục, trong Toàn Tập, ấn bản Piere Brunel, La Pochotique, 1999, tr. 246.

⁴ Lời của Virgile (Bucolique, Thôn Ca, tập đầu) được Jacoby chủ bút báo Tiến Bộ – Progres – nhắc đến trong thư trả lời Rimbaud, tháng 11 năm 1870. Đăng lại trong Thư Tín. Ernest Delahaye trích dẫn trong *Kỷ niệm thân thiết với Rimbaud*, 1925. “Hoàn cảnh không thuận lợi cho những “ống sáo thơ sơ”. Pierre Brunel trích dẫn trong *Người Không Tim Rimbaud*, l’Herne, 1999, tr. 65.

Lời người dịch : những cước chú trên đây đều là của tác giả, có khi tỉ mỉ quá mức cần thiết. Nhưng nó chứng tỏ cách làm việc nghiêm túc, và tác giả chịu khó đọc sách mới. Trong cơn cao hứng, ông vẫn giữ phương pháp chính xác. Nói chung, các cước chú cần thiết cho người nghiên cứu về sau, và lắm khi mang lại những lý thú riêng: tư tưởng của tác giả có khi nằm trong những cước chú.

nước uống. Bằng trọn vẹn bản thể, bằng sáng tạo ngôn từ, người thơ lao mình vào một cuộc hành cước tìm nguồn. Vì huyền thoại Prométhée* không chỉ minh họa một việc ngợi ca động tác phạm pháp, hay chinh phục ngọn lửa cấm kỵ, khai minh cho mặt trời, hay tự hủy trong hỏa thiêu. Nó còn mang ám ảnh những tiếp xúc với vĩnh cửu trong khoảnh khắc, tiếp xúc với tuyệt đối trong phôi pha, với trường cửu trong nhân sinh. Hình phạt cho người thơ sẽ là : tái sinh trong hiện tại triền miên, với niềm đau nổi nhục một lá gan vĩnh viễn bị rửa rói.

Cũng như lời thơ không chịu khuất mình tù hãm trong từ vựng và cú pháp thực dụng, người thơ khước từ số mệnh lẫn cái tầm thường trong cõi sống, lệ thuộc vào chu kỳ tuổi tác.

Người cướp lửa muốn vượt qua trường thành, chọc thủng bí ẩn, chiếm hữu sự truat hữu. Đối diện với thiếu vắng và mất mát, thi nhân thiết lập một hành trình cầu thị, về một thời gian tính khác, một thân phận mới, một tri thức cao hơn, so với ngăn nắp của thói quen, những dập xóa và luyến láy, trở ngại cho việc nở trứng khai hoa.

Người anh em của Prométhée chính là Orphée** đã xuống âm ty tìm người hiền thê khuất bóng. Eurydice không trở về, nhưng người thơ đã thực thi được hành trình qua chuyển đồ của linh hồn, đã chiến thắng được cõi chết nhờ vào cây đàn***. Cây đàn có số giây tương đương với con số Thi Tiên, cây đàn đã khuất phục các ngư nữ Sirène và con ngục khuyến Cybère.

Dominique de Villepin

Eloge des Voleurs de Feu, 830 trang, nxb Gallimard, 2003, Paris

Đặng Tiến dịch - Trang 35-37

giới thiệu và ghi chú

Pentecôte 2003

Ghi chú của người dịch:

* Prométhée: Một huyền thoại cơ bản trong văn hóa Hy Lạp và Tây Phương. Prométhée thuộc dòng họ Titan, được Thần Linh chiêu nạp, đã cướp một bí ẩn của Thần Linh để cung cấp cho loài người, là ngọn lửa. Ngọn lửa làm khởi điểm cho Tri Thức đưa đến Văn Minh, và cuộc Phản

Kháng của con người cưỡng lại Vật Chất và Định Mệnh.

Thần Linh ra tay trừng phạt, buộc Prométhée vào tảng đá cho ó điều ngày ngày rửa rói lá gan, lá gan ngày ngày mọc lại, cho đến khi Hercule dẹt trừ loài ó và phóng thích.

Prométhée là đề tài của nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật Phương Tây.

**** Orphée:** một truyền thuyết phức tạp trong huyền thoại Hy Lạp. Orphée - con một nàng Thi Tiên (Muse) - là người phát minh cây đàn cithare và được thần Apollon ban cho cây đàn lyre 7 dây. Ông thêm 2 dây vào đàn, thành 9, cho đủ số các Thi Tiên, gồm 9 nàng .

Tiếng hát và điệu đàn mê hoặc thần linh, lẫn con người, từ cầm thú cho đến vật chất. Kết hợp lời thơ và điệu nhạc, Orphée khuất phục các Ngư Nữ (Sirènes), và con chó Cybère canh giữ âm ty, trên đường tìm lại người vợ đã chết là Eurydice. Chúa Âm ty bằng lòng cho nàng trở lại dương gian nếu Orphée không quay lại nhìn. Nhưng chàng đã vô tình nhìn lại, khiến cho Eurydice phải vĩnh viễn khuất bóng.

*****Cây đàn lyre** đối lập với *ống sáo thô sơ*, vì cây đàn cho phép vừa đàn vừa hát, kết hợp điệu nhạc với lời thơ ; trong khi ống sáo là một nhạc khí nguyên thủy, sử dụng hơi thở tự nhiên.

Ống sáo của Dyonyssos, so với cây đàn của Apollon là sự đối lập giữa Thiên Nhiên với Văn Hóa.

Trong bài này tác giả sử dụng nhiều điển tích trong văn học và truyền thuyết thế giới.

ĐẶNG TRẦN CÔN

CHINH PHỤ NGÂM

Bài Ca Chinh Chiến

Từ ngày tiến hướng đông nam
 Nơi đâu gió bụi sa trường? Ai hay
 Chiến chinh là thế, xưa nay
 Mạng người ví ngọn cỏ may khác gì
 Dưới rừng thép nhọn bước đi
 Xông pha ầm bụng chỉ vì ân sâu
 Biết chẳng! thời khắc qua mau
 Gươm vung chết yếu trước sau bao người
 Núi Kỳ mờ cũ trắng soi
 Bãi Phì mả mới nằm phơi bốn mùa
 Kìa hồn tử sĩ gió đưa
 Trăng thanh đôi bóng lơ mờ chinh phu
 Chinh phu! ai mặc mặt cho
 Chiêu hồn tử sĩ bây giờ là ai
 Núi sông! tranh giữ cho đời
 Hành quân thấy cảnh ngậm ngùi bước đi
 Chiến chinh hiểm kẻ trở về
 Ban Siêu tóc cũng bạc khi khải hoàn
 Hiểm nghèo thay chốn quan san
 Thước gươm yên ngựa, đời chàng chiến binh
 Cỏ thu gió cát vây quanh
 Tên reo đầu ngựa phá thành vụn thang
 Đường công danh lắm gian nan
 Bám theo khốn khổ, mong nhân khó thay
 Niềm riêng ngậm nghẹn là đây
 Bên song mình thiếp, chàng nay cuối trời

Tiếng Hát Đợi Chờ

Phòng khuê phận thiệp đành rồi
 Chân mây há phải cuộc đời chàng sao
 Mối tình cá nước in sâu
 Mà nay gặp cảnh xa nhau khó lường
 Bỗng thành chinh phụ đáng thương
 Trượng phu quyết chẳng như chàng Vương Tôn
 Bắc nam cách trở dòng sông
 Sớm hôm riêng chịu nỗi buồn phòng khuê
 Một trang anh tuấn hào huê
 Thêm nàng yếm thắm kém gì phong lưu
 Một đôi niên thiếu bên nhau
 Nay xa muôn dặm biết sao gửi tình
 Chàng ơi nhớ lúc xa mình
 Con oanh chưa hát trên cành liễu tơ
 Hỏi ngày trở lại vườn xưa
 Chàng rằng: nàng hãy gắng chờ đỗ quyên
 Tiếng đỗ quyên đã lặng chìm
 Ý nhi thủ thủ, bóng hình chàng đâu
 Nhớ xưa ngay buổi xa nhau
 Hoa mai còn đợi đón chào gió đông
 Hỏi ngày trở lại vườn hồng
 Đáp liễu: chờ lúc đào cùng khoe tươi
 Hoa đào nay đã tàn phai
 Gió đông lịm tắt, đợi người người đâu
 Kìa sen hé nở trên ao
 Buồn trông lại nhớ nơi nao hẹn người
 Lũng Tây chàng hẹn lưng đồi
 Trời cao man mác đợi người người đâu
 Lá rơi trâm ngả trên đầu
 Đứng im cho giọt lệ sầu tự rơi
 Râm ran gà gáy, trưa rồi
 Buồn nghe lại nhớ hẹn người nơi nao
 Hán Dương chàng hẹn bên cầu
 Làn sang, trời đã ngả màu hoàng hôn
 Áo bay, chớp báo mưa nguồn
 Triều dâng sóng vỗ trên cồn, lệ sa

Bài Ca Tâm Sự

Mời về, thư gửi năm qua
 Năm nay lại gửi ải xa nhắc về
 Mỗi mồn, thư đến thư đi
 Hoa dương úa rụng xanh rì bờ rêu
 Sân hoang rêu đã phủ đều
 Trên thêm mỗi bước trăm điều suy tư
 Hẹn sông năm ngoái trong thư
 Năm nay hẹn nữa, lại chờ lại mong
 Thư về, người tuyệt nhiên không
 Sương khuya lạnh lẽo, bên song âm thầm
 Bao đêm tóc nhuộm màu trắng
 Đếm mười cái hẹn chín lần hẹn sông
 Bấm tay tính thuở đợi chồng
 Nào ngờ ba độ sen hồng nở hoa
 Khổ thân lính thú Hoàng Hoa
 Cực người chiến sĩ ải xa muôn phần
 Ai ai cũng có thân nhân
 Quá lâu sao nữ chẳng thăm hỏi gì
 Sao đành tạm bỏ thể nhi
 Sao đành phụ rẫy không về không thư
 Mẹ chàng đầu bạc tóc thưa
 Sớm hôm bên cửa ngồi chờ một thân
 Con mình từng bữa đòi ăn
 Việc nhà thiệp tính không phần nào sai
 Mẹ già, phụng dưỡng hôm mai
 Con thơ, thiệp quyết dạy nuôi thành người
 Riêng còn nỗi nhớ khôn nguôi
 Năm nay năm ngoái buông trôi héo tàn
 Đợi chờ đằng đẳng bao năm
 Hận sâu trăm mối thất dần, sao tan !
 Ước chi một thoáng bên chàng
 Thầm thì kể nỗi đoạn trường cho nghe
 Cành thoa cung Hán còn kia
 Ông bà thương tặng lúc về làm dâu
 Ai lên ải bắc dùm nhau
 Dem thoa tới trại gửi sầu tương tư

Gương Tần, thiếp giữ chẳng mờ
Nhớ từng kẻ má cười đùa soi chung
Ai lên ải bắc đem cùng
Nhờ gương bày tỏ tấm lòng thiếp đây
Ngày xưa nhận cưới trao tay
Bây giờ riêng kỷ vật này gần thôi
Ai đem lên ải giúp tôi
Nhắc chàng phòng vắng đêm dài đợi nhau
Vẫn còn lược khảm trên châu
Thân thương từ thuở mái đầu ngây thơ
Ai đem lên ải giúp cho
Nhắc chàng hiểu ý gắng lo giữ mình.

Cù An Hưng dịch

.

NGUYỄN ĐÌNH THI

TRÊN CON ĐƯỜNG NHỎ

Trên con đường nhỏ em đã đi
Những hàng cây hôm nay muốn nói gì

Làn gió mát buổi sáng này của em
Cỏ xanh non trên đất này của em
Tiếng xe tiếng người rì rầm ngoài xa kia của em
Mỗi giây phút đời anh là của em

Ôi buổi sáng nay trong trẻo như tuổi nhỏ anh
Từ những năm xa mây biếc sóng rừng
Bóng ngựa trắng nhỏ dần trên đỉnh núi
Tất cả đang về đây hôm nay
Tất cả đang về đây tìm em

Anh yêu em mỗi ngày thành dòng suối mới
Và đêm thành cánh đồng sao cho anh lượm đầy tay
Những nỗi vất vả thành niềm an ủi
Giọt nước mắt thành giọt mặt trời

Anh yêu em anh nắm chặt tay em cùng đi
Nắng cháy mưa rơi Anh đi bên em
Gió mờ đêm lạnh Anh đi bên em
Mặt đất thành than đỏ Anh đi bên em
Mặt đất đầy hoa nở Anh đi bên em

Anh yêu em – vậy thôi – anh có em trong đời
Em dịu dàng cánh chim của anh
Niềm thương yêu của anh lo lắng của anh
Dòng sông không bao giờ yên của anh
Ánh đèn đường xa của anh

Sống cho nhau mãi
Có nhau mãi
Sau khi không còn ở cõi này
Vẫn có nhau mãi.

ĐẤT NƯỚC

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc

nói cười thiết tha

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước của những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu

Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngời lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
Đã bật lên những tiếng căm hờn

Bát cơm chan đầy nước mắt
Bay còn giăng khỏi miệng ta

Thằng giặc Tây thằng chúa đất
Đứa đề cở đứa lột da

Xiềng xích chúng bay không khóa được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà

Khói nhà máy cuộn trong sương núi
Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng
Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng

Ngày nắng đốt theo cơn mưa giội
Mỗi bước đường mỗi bước hy sinh
Trán cháy rục nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa

1948-1955

CHUYỆN HAI NGƯỜI YÊU XA CÁCH

Hai người yêu xa cách đã gặp nhau
Họ đi như giữa trời đầy sao

Như kẻ chết khát vừa qua sa mạc
Không nhìn thấy gì không nhìn thấy gì
họ chỉ thấy nhau

— Em thấy không chúng ta vẫn sống
Chúng ta lại gặp nhau chúng ta cùng đã lớn

Ôi anh yêu em sáng rực tâm hồn
Mỗi giọt máu anh chói lọi bóng hình em

— Anh anh ơi em muốn cười cười mãi
Sao nước mắt chảy trào không giữ nổi

Mái đầu anh còn ướp lửa trên tay em
Ôi mắt anh nhìn – Anh đẹp bao nhiêu

Họ ở với nhau quên hết thời gian
Nắng tỏa mây bay mấy ngày qua vội

Có đêm giòng quàn quại những hàng cây
Họ ở bên nhau tất cả mấy ngày

Nhưng chân trời bỗng đục mờ lửa khói
Người con gái lắng nghe và run rẩy

— Anh có nghe tiếng súng phía quê em
Em phải đi rồi anh yêu của em

Rồi một buổi sớm trên sân ga
Họ lại đưa nhau mỗi người mỗi ngã

Như đôi chim tung cánh đôi phương trời
Chưa biết bao giờ lại gặp nhau nữa

Đôi người yêu xa cách lại xa nhau
Yêu nhau nên họ xa nhau.

1955

Mấy Ý Nghĩ về Thơ

Nguyễn Đình Thi

LTS: Bài «Mấy Ý Nghĩ về Thơ» của nhà thơ Nguyễn Đình Thi được viết từ năm 1949, đăng lại trên Tạp chí Tác Phẩm Mới, số đặc biệt về thơ, số 3-1992, Hà nội. Nhà phê bình Đặng Tiến nhận xét: «Cho đến bây giờ vẫn còn đúng với thơ hôm nay». Nhưng nếu đọc kỹ, những suy nghĩ về thơ của ông rất sát với thơ Tân hình thức Việt, một dòng thơ xuất hiện sau bài viết hơn nửa thế kỷ.

Từ trước tới nay đã có nhiều định nghĩa về thơ, nhưng lời định nghĩa nào cũng là không đủ. Có người nghĩ rằng thơ là ở những lời đẹp. Nhưng đâu phải như vậy. Dưới ngọn bút của Hồ Xuân Hương, những chữ tầm thường của lời nói hàng ngày — nôm na mách quẻ — đã trở thành những lời thơ được truyền tụng mãi, và Nguyễn Du không những để lại những câu thơ như Mai cốt cách, tuyết tinh thần mà còn viết:

Thoắt trông lờn lợt màu da
Ăn chi to béo đầy đà làm sao!

Cũng không phải thơ là ở những đề tài “đẹp”, phong hoa tuyết nguyệt của các cụ ngày xưa, hoặc những nhớ mong sầu lụy của các chàng và nàng một thời trước cách mạng. Nhà thơ Pháp Baudelaire đã làm bài thơ nổi tiếng về cái xác chó chết đầy giời bọt. Và ở thời chúng ta, cái xe đạp, khẩu ba-dô-ca, cho đến cái ba lô trên vai chiến sĩ, bóng dây thép gai hung ác của

đồn giặc đều có thể đem nói trong thơ. Nhà thơ ngày nay không đi tìm cái muôn đời viễn vông bên ngoài cuộc sống thực của con người.

Một nhà phê bình cho rằng thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ. Một câu, hoặc một bài thơ hay thì có đặc điểm là ghi ngay vào trí nhớ của ta, làm cho ta không quên được nữa. Văn xuôi, trôi lại, trôi qua trí nhớ của ta. Cái hay của một đoạn văn xuôi còn lại sau khi đã quên hết đoạn văn ấy. Còn đặc tính của thơ là in lại. Chữ gọi chữ, câu gọi câu, đọc chữ trước phải đến chữ sau, đọc câu trước phải đến câu sau, không thể nào khác.

Nhưng những nhận xét tài tình trên đây của nhà phê bình vẫn chưa cắt nghĩa được vì sao thơ có hiệu quả làm cho ta nhớ. Và cũng có cái ta rất nhớ, ví dụ một công thức toán học, nhưng lại không phải là thơ.

Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng? Ta nói trời xanh hôm nay nên thơ nhưng chính ra là lòng chúng ta mang một niềm vui nào mà muốn làm thơ hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn buổi chiều gợi những câu thơ nào nhớ nhung, nhưng chính nỗi nhớ nhung gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ.

Tâm hồn chúng ta có một rung động thơ khi nó ra khỏi tình trạng bình thường, khi nó không còn chuỗi theo thói quen như một dây da trong bộ máy, khi nó thức tỉnh tự soi vào nó để tự nhận thấy đang ở một độ rung chuyển khác thường, do một sự va chạm nào với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác, rồi do tự soi sáng ấy mà sự cảm xúc thành hình được hẳn.

Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói — tức là chữ — để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển mạnh mẽ khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kỳ thực, cái trạng thái tâm lý truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩ, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kèm theo đằng sau như vùng sáng chung quanh ngọn lửa.

Nói đến hình ảnh trong thơ. Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lên ở một nơi giao nhau giữa tâm hồn và ngoại vật, trước hết là những cảm xúc. Cảm xúc là phần thịt xương hơn cả của đời sống tâm hồn.

Thơ phải có tư tưởng, có ý thức, vì bất cứ cảm xúc tình tự nào của con người cũng dính liền với sự suy nghĩ. Nhưng tư tưởng trong thơ là tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống. Tư tưởng của thơ nằm

ngay trong cảm xúc, tình tự. Không ai đọc thơ riêng bằng trí thức mà yêu thơ. Hiểu thơ kỳ thực là vấn đề của cả tâm hồn.

Nên thơ không nói bằng ý niệm thuần túy. Nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luân lý hay vệ sinh chứ không có thơ. Thơ tìm nói với một sự suy nghĩ toàn diện hơn là suy nghĩ riêng theo luận lý. Thơ muốn lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ.

Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng

Nhà luận lý ngồi khảo cứu mãi xem vì sao mà chuyện mây trắng mây vàng lại đưa đến chuyện anh với nàng. Luận lý chưa hiểu, nhưng cả tâm hồn chúng ta đã hiểu và âm vang theo.

Người làm thơ như một người cán bộ. Cách làm việc kém nhất của người cán bộ là ra mệnh lệnh bắt quần chúng vâng theo. Cách nói vụng về nhất của người làm thơ và cũng khó chịu nhất cho người đọc là nói hộ sự việc, diễn thuyết, kể lể. Người cán bộ phải làm sao cho quần chúng tự thấy đường mà đi. Người làm thơ phải để cho hình ảnh của cuộc sống tự nói lên tình ý, khi gieo một câu suy luận đã có cả một bầu cảm xúc sửa soạn chung quanh, đợi câu ấy để cùng bật sáng tất cả.

Thơ gần với kịch ở điểm ấy. Những vai kịch không bao giờ có thể đứng diễn thuyết với khán giả rằng mình đang vui hay buồn, mừng hay giận. Vai kịch phải nói thẳng được ra những lời của sự vui, buồn, mừng, giận trong lòng. Thơ cũng vậy, duy có điều lời của kịch là lời nói ra miệng, của người nọ với người kia, đối thoại với nhau, còn thơ là tiếng nói bên trong, tiếng nói của tâm hồn với chính nó.

Nói thành hình ảnh nhưng không phải thơ là tả cảnh, chụp ảnh hay ghi âm. Hình ảnh của thơ không phải những hình ảnh mà cái ống kính ghi được. Đứng bên ngoài mà chụp ảnh lại sự vật thì trông mà không thấy. “Trong nghệ thuật, một phong cách là một tâm trạng.” Những hình ảnh của thơ đã bao hàm một nhận thức, một thái độ tình cảm hoặc suy nghĩ. Câu thơ nói cảnh mà kỳ thực nói ý tình. “*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*”, mắt trông mà lòng đã nặng buồn nhớ, khát khao biển rộng.

Nói hình ảnh, không phải là dùng nhiều cách ví von. Nói ví thô sơ như mượn cành trúc để nói người quân tử, như dùng con chim sẻ để chỉ tiểu nhân. Người ta vẫn kể làm chuyện cười những câu thơ “khách thính” trong văn chương Pháp cuối thế kỷ cổ điển, sợ hai chữ cái ghé đến nỗi phải nói: “Cái nơi êm ái đỡ lấy chỗ đằng sau của chúng ta”. Những “lửa cầm hồn”, “làn sóng cách mạng” là những cái sáo mớ của thơ chúng ta hiện thời. Nói ví không thể nào thoát sáo.

Cho nên làm thơ không phải là phiên dịch ý tình bằng hình ảnh cầu kỳ.

Hình ảnh của thơ trái lại, phải là hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hay trạng thái nào đấy. Đụng chạm với hành động hằng ngày, tâm hồn tự nảy lên bao nhiêu hình ảnh như những tia lửa tóe lên khi búa đập vào sắt trên đe. Người làm thơ lượm những tia lửa ấy, kết nên một bó sáng, nó là hình ảnh thơ. Người chinh phụ đứng trước nhà ngóng theo bóng chồng, chỉ còn nghe thấy tiếng địch thổi, bấy giờ nói lên cho ta điều ấy và thơ Việt Nam đã có câu: *“Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng”*. Câu thơ giản dị như câu nói thường mà ngân vang mãi. Thơ là nơi tư tưởng, tình tự, quán quýt với hình ảnh như hồn với xác để tạo ra cái biết toàn thể, biết bằng tất cả tâm hồn, không phải chỉ biết bằng ý niệm, bằng tri thức.

Chữ thực trong thơ có nghĩa ấy. Thực trong thơ không những là thành thực trong tình cảm hay ý nghĩ. Sự thành thực ấy đáng trọng, nhưng cũng bao nhiêu người thành thực làm khổ chúng ta, khi bắt ta đọc thơ “tâm tình” của họ.

Thực trong thơ, là tìm được những hình ảnh sống, những hình ảnh có sức lôi cuốn và thuyết phục người đọc. Người làm thơ bắt chợt trong lòng mình một ý nghĩ hay tình cảm, dù thành thực và sâu sắc, cũng không vội dừng lại, đem những tiếng có vần điệu chẳng lười bắt lấy ý nghĩ hay tình cảm ấy. Anh ta còn phải thấy được những hình ảnh trong ý nghĩ hay tình cảm của mình, thì tiếng nói của anh mới truyền cảm sâu sắc được cho người khác.

“Tìm hình ảnh”, nói như vậy tưởng chừng việc làm thơ là đào vào trong tâm hồn mình, cố gắng nặn nọt. Cũng có trường hợp như vậy, nhưng thực ra đáng lẽ là nhà thơ đi giữa cuộc đời, mở rộng cả tâm hồn mình thì mỗi con mắt nhìn gặp trên đường, mỗi cảnh ngộ, mỗi con người cho đến mỗi tiếng nghe thấy, mỗi giọt nắng, mỗi chiếc lá tự nhiên mà vào trong lòng, để rồi động sâu đến tư tưởng và tình cảm. Trong việc làm thơ bấy giờ, hình ảnh tự nhiên hiện lên trước nhất.

Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng. Vì nhà thơ nhìn bằng con mắt của người đầu tiên. Đó là những hình ảnh mới tinh, chưa có vết nhòa của thói quen, không bị đập khuôn vào những ý niệm trừu tượng định trước. Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất. Nhưng những hình ảnh mới lạ ấy đều ở trong đời thực, chúng ta đều thấy. Hình ảnh của thơ vừa làm ta ngạc nhiên, vừa đã quen với chúng ta tự bao giờ. Câu thơ đột ngột làm cho ta nhận thấy những cái gần gũi nhất với chúng ta. Trước kia, ta vẫn gặp mà không biết nhìn.

Những hình ảnh, tình cảm, ý nghĩ kéo nhau đến trong tâm hồn nhà thơ, một trận đánh bất đầu. Quân sĩ của người làm thơ là những tiếng, những lời,

những chữ xếp đặt lần lượt trước sau, hết tiếng nọ đến tiếng kia, hết một câu đến một câu khác. Tiếng, lời, đều là ý niệm, mỗi tiếng là để gọi tên một sự vật. Những tiếng gọi ấy lại xếp hàng một, “dàn quân mảnh mảnh”, không thể hòa lên một lúc như những tiếng đàn trong một bản hợp tấu. Còn kẻ địch của người làm thơ là muôn nghìn hình ảnh của những nỗi niềm, ý tưởng đang chuyển biến, hòa vào nhau lẫn lộn trong cái dòng lớn của tâm hồn. Dem những chữ im lìm, xếp hàng mỏng bên nhau để diễn lên một ý tình, một cảm giác vô hình đang chuyển biến, ào ạt, hay mong manh, người làm thơ đã trông thấy thua to trận đánh rồi vậy.

Chữ buồn ai cũng hiểu nghĩa, nhưng nói “tôi buồn” chưa làm cho ai buồn cả. Đó mới là một ý niệm. Cũng như nói trời lạnh, hoa trắng, ai cũng biết cả, nhưng chưa đủ làm cho ai thấy lạnh, thấy trắng. Mỗi chữ và tiếng mới như một ngọn nến trắng cắt bằng giấy dán trên nền đen. Mỗi ngọn nến vẫn trắng như nền đen vẫn đen. Mỗi chữ là một nghĩa nhưng bài thơ vẫn chưa có hồn.

Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kỳ diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra chung quanh nó một vùng ánh sáng động đập. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gọi ấy. Câu thơ hay, có cái gì làm rung những chiếc cốc kia trên bàn, làm lay động ánh trăng kia trên bờ đê. *Chim hôm thoi thót về rừng...* Chúng ta đọc mà thấy rõ buổi chiều như hơi thở tắt dần, câu thơ không còn là một ý, một bức ảnh gắng gượng chụp lại cảnh chiều, nó đã bao phủ một vầng linh động truyền sang lòng ta cái nhịp phập phồng của buổi chiều. Mỗi chữ như một ngón nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả chung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc chung quanh. Người xưa nói: Thi tại ngôn ngoại.

Cái kỳ diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chẳng ta tìm nó trong nhịp điệu, trong nhạc của thơ. Nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm như tiếng đàn êm tai, một người ngoại quốc không biết tiếng ta cũng có thể nghe thấy được. Nhạc của thơ không giới hạn ở thứ nhạc ngoài tai ấy. Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh tình ý, nói chung là của tâm hồn. Ngâm thơ véo von mới làm cho ta nghe thấy tiếng bổng trầm của bằng trắc, chép thơ, đọc thơ bằng mắt, hoặc đọc lên như khi ta nói,

có lẽ dễ cho chúng ta nghe thấy hơn tiếng nhịp điệu thực của thơ. Đó là nhịp điệu hình thành của những cảm xúc, hình ảnh, liên tiếp hòa hợp, mà những tiếng và chữ gọi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động.

Đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cột cây số. Văn xuôi lôi cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt, từ điểm này qua điểm khác. Thơ, trái lại, chỉ chọn một ít điểm chính, bám vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo. Thơ là tổng hợp, kết tinh. Văn xuôi cho phép không mười phần hoàn hảo, nhưng thơ thì luôn luôn đòi hỏi sự toàn bích.

Cuối cùng, tôi muốn nói tới vấn đề thơ tự do, thơ không vần. Theo tôi, những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vần, đều là những vũ khí rất mạnh trong tay người làm thơ. Nhưng không phải hề thiếu những vũ khí ấy là trận đánh nhất định thua. Thiếu vũ khí ấy, trận đánh gay go thêm nhiều, nhưng người làm thơ vẫn có thể thắng.

Câu chuyện vần hay không vần ở thơ ta gần đây cũng được đem ra bàn cãi. Có bạn cho rằng thơ Việt Nam, khác với thơ các nước, không thể thiếu vần. Tiếng Việt Nam có đứng riêng hẳn như thế không? Thơ Việt Nam có thể bỏ vần mà vẫn Việt Nam hay không? Thiết tưởng cách đáp hay hơn cả là để cho tìm tòi, thử thách. Không có lý luận nào bằng sự thử thách của thực tại.

Riêng tôi nghĩ rằng, không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ. Mỗi thể thơ có một khả năng, một thứ nhịp điệu riêng của nó, nhưng nếu theo dõi những thời kỳ lớn của thơ, đi cùng nhịp với những thời kỳ lớn của lịch sử, thì một thời đại mới của nghệ thuật thường bao giờ cũng tạo ra một hình thức mới. Thơ của một thời mới, trong những bước đầu, ít khi chịu những hình thức đều đặn, cố định. Nó chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm, thử sức mới của nó. Rồi thời đại vững lại, thơ nảy nở trong những hình thức trong sáng đã tìm thấy.

Những hình thức ấy gồm có những phát minh mới, cùng với những hình thức cũ, nhưng bao giờ cũng đã tái tạo, và nâng cao đến một độ khác hẳn xưa.

Thơ chúng ta ngày nay đang ở tuổi trẻ nhất của thời đại mới. Nhịp sống chúng ta, từ sau cách mạng, đập lên nhiều phen dữ dội đến bàng hoàng, đồng thời mở rộng ào ạt. Chúng ta không còn sống khoan thai như một thời nào trước. Nhịp điệu cũ, theo tôi, không còn đủ cho thơ của chúng ta. Nhiều nhà thơ đang đập vỡ để xây dựng, thơ tìm tòi trăm nghìn phía nhưng lúc nào cũng là một sức đang lên như thổi.

Tôi cho rằng chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác. Mà trước hết nên lo sao thơ phải nói lên được những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại. Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay.

Vượt khỏi tất cả mọi luật lệ, không phải thơ trở nên buông thả, bừa bãi. Sự cầu thả, buông lỏng chưa bao giờ đi đôi được với nghệ thuật. Nhưng câu chuyện luật lệ trong thơ cũng như câu chuyện kỷ luật trong cách mạng. Kỷ luật của những tổ chức cách mạng chưa bao giờ dựa trên sự trừng phạt đe dọa mà tồn tại được, kỷ luật ấy phải tự giác mới bền vững. Nghệ thuật có kỷ luật sắt của nó, nhưng đó không thể là những trói buộc, lễ lối định sẵn bên ngoài. Nó phải là sự tự kiểm soát, tự chủ từ bên trong sự sáng tác mà ra. Bỏ những luật lệ máy móc bên ngoài, những luật lệ bản thân của nghệ thuật, những luật lệ từ bên trong mà ra, chỉ càng quan trọng hơn. Đạp đổ bức tường giam trước mặt rồi, giới hạn chỉ còn do sức đi xa của mình.

12.9.1949

Tạp chí *Tác Phẩm Mới* số 3 năm 1992, Hà Nội

JOSEPH HUỲNH VĂN

NHỮNG TÓC HOÀI TRÊN ĐÔI

Áo chàm xưa vắng dấu sương mờ
một ngày trót thương nhau không nắng
suối hiền mơ
môi xanh mãi vầng trăng
mưa trầm lắng
hết tóc hoài trên đôi
chiều đậm bạc xa nhau không biết nói
nhớ người
đôi núi thuở tàn trăng

Gửi Nguyễn Tân Văn, chút hoài cảm

TÔI NGỒI RẤT VẮNG BÓNG TÔI

Tôi ngồi nhuộm máu sân liêu
vì em trầm tụng kinh chiều khóc tôi
tôi ngồi đắm đuối không thôi
vì em thấp nển chờ tôi hiện về
tôi ngồi đâu?

tỉnh hay mê?

chao ôi, ai cột tóc thề trong mưa
tôi ngồi xế bóng thu xưa
vì em liền với nắng mưa theo người

Tôi ngồi, đợi tóc xanh tươi
sáng rất hiu hắt, ai?
cười hắt hiu...
tôi ngồi rất vắng bóng tôi.

Chú ý: Nguyễn Tân Văn, đọc xong xin ghé qua tôi cà phê.

NGUYỄN TÔN NHAN

ĐÚNG VÀO NGÀY XUÂN PHÂN

Tóc em bay một triệu
Lông mi xuân nắng phai
Một trăm năm vi diệu
Long lanh mắt liếc mảy
Chia đi cùng bốn cõi
Vì kiếp trước tan bầy
Triệu bông mười giờ đỏi

xxx
Xóm cầu khỉ rung rung
Anh đi không kịp thở
Mùa nào một triệu bông
Hay chỉ một nhành cũ
Một nhành chưa kịp nhú
Như tuổi em phải không ?

xxx
Gió mưa chiều tan mộng
Anh đi chưa thuộc đường
Nên hồn còn lạnh cóng
Lẫn lộn Âm và Dương

xxx
Bao giờ về cõi ấy
Nhìn em giặt áo quần

Giữa một giòng nước xoáy
Đúng vào ngày xuân phân
Anh sẽ quỳ vái lạy
Mây cứ sa xuống gần
Anh và em không thấy...

xxx

Phải chăng hai bàn chân
Của ngày muôn xưa ấy
Đã dẫm vỡ xuân phân
Của muôn sau ngây ngấy
Mùi nách em thơm ngậy
Như mùi cơm rất cần
Anh sắp quỳ vái lạy.

HẢI VÂN

CHỐNG TAY NHÌN TỪ BỆ CỬA

Xa nhau cũng là hạnh phúc
Cũng là... biết khóc ngày mưa
Không cần nắng hong tơ tóc
Gọi nhau đủ ấm tình xưa...

Cái nắm tay hồi vụng dại
Không ngờ mà vỡ giấc mơ
Cái nhìn tự hồi ngỡ ngác
Giờ đây con mắt đầy mưa...

Cứ xa xa thêm xa nữa
Cho xanh ngọn cỏ đôi bờ
Cho lời gọi tan trong gió
Cho tình muôn thuở tình xưa!

Con sông không xanh trở lại
Con đò ai trôi bơ vơ
Giống tôi mãi phần con gái
Còn chẳng bề cửa ngày mưa...

J. ĐỒ VINH

BÀI THÁNH CA CUỐI CÙNG *KHÓC BAGHDAD*

“allehu-akhbar”, con lạc-đà buồn
nôn ói mưa giữa sa-mạc khô.

từ adam đến saddam,
vẫn một tội nguyên-thủy,
biết thiện-ác là
nửa quỷ nửa thiên-thần...

những đứa con ngỗ-nghịch lai-căng,
mang giòng máu rắn-rít sa-tăng,
mang giòng máu tổ-phụ abrahăm,
cắn đuôi mình chẳng biết ăn-năn.

xưa khi xưa thượng-đế hiếp-dâm
mẹ ê-va trong hình con rắn,
mẹ mari-a qua thể thiên-thần.
ôi mẹ yêu, mẹ đừng che chối nữa!

những đứa con ngỗ-nghịch lai-căng,
mang giòng máu rắn-rít sa-tăng,
mang giòng máu tổ-phụ abrahăm,
nay trở-về đốt phá ê-đăng.

ngàn-lẻ-một đêm thiếu ánh-trắng,
 ngàn-lẻ-một đêm chẳng ăn-năn,
 ngàn-lẻ-một đêm để troi-trăn.

những đứa con ngỗ-nghịch lai-căng,
 mang giòng máu rắn-rít sa-tăng,
 mang giòng máu mohammed, nhớ rằng
 torah và bible, một gốc với khô-răng.

giữa dòng sông tigris và euphrates,
 những con rồng khạc lửa lượn quanh
 nôi-nhân-loại, món mồi ngon, béo-bở.

những đứa con ngỗ-nghịch lai-căng,
 mang giòng máu rắn-rít sa-tăng,
 mang giòng máu mohammed, nhớ rằng
 mohammed, mặt phải che khăn.

mohammed, mặt phải che khăn,
 đầu phải để râu-ria loãm-xoãm.
 hở mặt ra là táo thơm rớt xuống,
 và con-người trở-về trần-truồng.

3-21-03

Ý NHỊ

CHUYỆN KỂ

tặng Tuấn và Nga

Đã nhiều lần
thường là vào các buổi sáng
em tìm đến nơi anh.

Nhiều lần
trong các buổi sáng ấy
em đã toan đưa tay gõ lên cánh cửa
em đã toan cất lời.

Nhiều lần
trong các buổi sáng ấy
em nhìn phiến lá quỳ nơi bờ dậu
những phiến lá hong phơi màu xanh dưới nắng
ôi còn đến bao giờ màu xanh
còn đến bao giờ tình đậm thắm.

Nhiều lần
em tưởng gặp ánh mắt anh
buồn rầu
giấu cợt
lướt qua những mảnh tường
những bàn ghế
những góc tối
rồi dừng lại
sững ngây
nơi khuôn cửa.

Nhiều lần
em tưởng mình nghe thấy
tiếng tay anh chạm vào cây guitar cũ
như tiếng vọng một lời kêu gọi.

Rồi một lần
em thấy cơn mưa rắc hạt xuống khoảng sân
nếu hạt nảy mầm
sẽ có lá trong suốt
nếu mầm thành cây
sẽ có nhánh cành trong suốt
nếu cây đơm hoa
sẽ có cánh mềm trong suốt
nếu hoa tụ quả
ta sẽ có những hạt trong ngần nước mắt.

Rồi một lần
em nói với anh
anh hãy tự mình mở tung cánh cửa
anh hãy vẽ trên bức tường kia
thật nhiều ô cửa mở
dù những ngày không em.

ĐẮC ĐẠO

Dương Bích Liên uống rượu
lặng im
và về.

Đã vượt qua mối vương bận đời thường
đã vượt qua mối vương bận vinh quang
đã vượt qua nỗi lo sợ âm thầm
khi phải đứng riêng về một phía.

Dương Bích Liên uống rượu
lặng im
và về.

Những đối cực
đã tuyệt vời hài hòa trên mặt vải
những tiếng kêu bi thương, cuồng nộ
đã tan trong lặng thinh kỳ bí
và rượu đã thay cho mọi loài ngũ cốc (*).

Rời ra đi
như một vì sao
chợt tắt giữa bao la.

3.1990

(*) Những năm cuối đời, dường như họa sĩ chỉ uống rượu để sống. Ông nói với bạn bè: Rượu là phần tinh túy nhất của ngũ cốc.

Nguyễn Đình Thi và Tiếng Chim Tờ Quay

Đặng Tiến

Nhà văn Nguyễn Đình Thi qua đời tại Hà Nội chiều ngày 18/4/2003, hưởng thọ 79 tuổi.

Anh là một khuôn mặt quan trọng, đã gắn liền tài năng và tên tuổi mình vào lịch sử văn học đất nước, từ những cuộc tranh đấu giành chủ quyền, đến hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Tùy giai đoạn lịch sử và theo tuổi đời, Nguyễn Đình Thi đã chứng tỏ tài hoa và tài năng qua nhiều bộ môn sáng tác: nhạc, thơ, tùy bút, bút ký, lý luận, truyện ngắn, tiểu thuyết và kịch. Đồng thời anh đảm nhiệm thường xuyên nhiều trách vụ chính trị. Ủy viên chấp hành Hội Văn Nghệ Việt Nam từ 1948, anh làm Tổng Thư Ký Hội Văn Nghệ từ 1956 rồi Hội Nhà Văn hơn ba mươi năm liền (1958-1989), làm Chủ tịch Ủy Ban Liên Hiệp các hội Văn Học, Nghệ Thuật Việt Nam. Nguyễn Đình Thi là nhân vật quyền chức, chức rõ ràng là nhiều, quyền đến đâu thì chúng tôi không rõ.

Có khi thừa nhiều quyền, mà lại thiếu cái quyền thực thi đôi điều tâm huyết.

Việc chính của nhà văn là làm văn, chứ không phải làm quan. Con thuyền chức tước Nguyễn Đình Thi, suốt nửa thế kỷ thuận buồm, nhưng những trước tác tâm đắc của anh chưa bao giờ một làn xuôi gió.

Nguyễn Đình Thi quê quán Hà Nội, nhưng sinh tại Luang Prabang, Lào, ngày 20/12/1924. Từ 1931 theo gia đình về nước, học tại Hải Phòng, Hà Nội. Năm 1941 tham gia Thanh Niên Cứu Quốc, 1943 tham gia Văn Hóa Cứu Quốc, bị Pháp bắt nhiều lần. Năm 1945, tham dự Quốc Dân Đại Hội Tân Trào, vào Ủy Ban Giải Phóng Dân Tộc. Năm 1946, là đại biểu Quốc Hội trẻ nhất, làm Ủy viên Thường Trực Quốc Hội, khóa I.

Từ 1942, anh đã viết hàng loạt sách triết học. Triết học nhập môn, Siêu hình học, Triết học Aristote, Descartes, Kant, Nietzsche, Darwin, Einstein ... trong khi giới trí thức Việt Nam thời ấy không mấy quan tâm đến triết học, ví dụ Xuân Diệu, Huy Cận, Hoàng Cầm, Vũ Ngọc Phan. Các lý thuyết gia như Đặng Thái Mai, Hoài Thanh cũng không mấy lưu tâm đến các khái niệm trừu tượng. Do đó, tư duy Nguyễn Đình Thi có những nề nếp và nền nếp riêng.

Thời kỳ này anh sáng tác nhạc, nổi tiếng nhất là bài *Diệt Phát Xít*, làm đua với Văn Cao, và anh làm xong trước bài *Chiến Sĩ Việt Nam*, sau đó là *Bài Hát Người Hà Nội*, về mặt trận Hà Nội đầu 1947.

Thời chống Pháp, anh tham dự hầu hết các chiến dịch lớn, Tây Bắc 1948, Biên Giới 1949, Trung Du 1951, Hòa Bình 1952. Ở mặt trận Điện Biên 1954, anh làm chính trị viên phó Tiểu Đoàn, đánh lên đồi A1, sau đó làm công tác tù binh. Nhưng có lần anh thổ lộ: chưa hề bắn một phát súng.

Từ 1955, anh về làm việc tại Hội Văn Nghệ Việt Nam tại Hà Nội, làm Tổng Thư ký từ 1956, đúng vào thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, và bị nhiều tai tiếng kể từ đó.

Vốn hiểu biết sâu rộng, nhất là về thẩm mỹ, cảm quan nghệ thuật sắc bén, tài hoa về nhiều mặt, Nguyễn Đình Thi còn có một kiến thức và ý thức chính trị vững chãi. Sức khỏe dồi dào, anh là người xông pha và xông xáo, ham suy nghĩ, học hỏi và lao động nghệ thuật cật lực. Anh đủ các phẩm chất để hoàn tất một sự nghiệp văn hóa lớn, trong một xã hội bình thường. Nhưng hoàn cảnh lịch sử đã đòi hỏi anh phải phân tán tài năng và đặt các tiêu chuẩn xã hội, chính trị lên trên quan niệm thẩm mỹ. Sau đó là công tác hành chánh, quản lý một mặt chiếm thì giờ, mặt khác ràng buộc khả năng nghệ thuật. Anh đánh cuộc và phải trả giá. Trả giá để sống, sống để viết, viết chừng mực nào đó theo ý mình.

Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nhất Linh, Vũ Hoàng Chương... đều đã phải trả giá. Đất rẻ thế nào, là số phận của tác phẩm về sau.

Nguyễn Đình Thi thường thường là người đi trước. Chưa dám nói là

người dẫn đường, cũng phải nhận anh là người “nhận đường” với số phận chên vênh của nó. Anh đi trước trong những phong trào, thể loại, chủ đề, rung cảm.

Ví dụ về thơ. Cánh mạng tháng 8/1945 chấm dứt phong trào Thơ Mới và tạo điều kiện cho một cách tân trong thi ca, mà *Nhớ Máu* của Trần Mai Ninh, *Đèo Cả* của Hữu Loan, *Ngoại ô Mùa Đông* 46 của Văn Cao là những điển hình. Nhưng sau đó, các Hội Nghị Văn Nghệ 1948 và nhất là 1949 tại Việt Bắc đã dập tắt những ngọn lửa cách tân, nhân danh các tiêu chuẩn dân tộc, khoa học và đại chúng - nhất là đại chúng.

Và cái bung xung cho lời chỉ trích là thơ Nguyễn Đình Thi, mà Xuân Diệu chê là đầu Ngô mình Sở, Lưu Trọng Lư đòi “tổng cổ ra khỏi nền văn học mới, nền văn học kháng chiến và cách mạng”¹. Nhưng nặng nề, dứt khoát và thẩm quyền hơn ai hết là Tố Hữu — mặc dù và sau khi Nguyễn Đình Thi đã nhận kiểm điểm: “Nghe anh Thi tự phê bình thơ anh, anh chị em nghĩ: tại sao biết mình như vậy, mà cứ làm như vậy (...). Lúc thấy cần làm việc, tôi thấy ghét những bài thơ ấy, và tôi thù ghét cái cá nhân chủ nghĩa nó lại trở về với tôi (...) Những bài thơ anh Thi, tôi cho là không hay vì chưa nói lên được nỗi niềm của quần chúng. Đó là nội dung.

Tôi đồng ý thái độ tự phê bình của anh Thi, một thái độ đúng đắn. Còn một điều cần thiết nữa là anh phải kiểm tra lại cái tư tưởng, cái rung cảm của mình trong quần chúng.”²

Như vậy là tàn đời Nguyễn Đình Thi.

Câu cuối của Tố Hữu, không dừng lại ở những bài thơ Nguyễn Đình Thi làm khoảng 1947-1948, nó sẽ là bản án chung thân cho toàn bộ trước tác Nguyễn Đình Thi về sau. Những bài diễn văn sau này của Tố Hữu, như những năm 1963-1964 sẽ hệ thống hóa quan điểm đánh giá nói trên, tràn sang phê phán chủ nghĩa nhân đạo chung chung, miêu tả hạnh phúc cá nhân, ngợi ca cuộc sống bình thường, những con người bình thường³. Nhưng anh Thi vẫn làm thơ như cũ, có khi còn ... tệ hơn trước!

Về văn xuôi, Nguyễn Đình Thi cũng là người đi trước, trong hai chủ đề chính yếu là chiến tranh và cách mạng.

Ngày nay, người ta ca ngợi những tác phẩm sau thời Đổi Mới, 1986 nói lên những mất mát, thương tích của chiến tranh. Nhưng từ thời chống Pháp, Nguyễn Đình Thi, và Bùi Hiển, đã đề cập đến chủ đề này, và đã

[1] Cách mạng, Kháng chiến và Đời sống Văn học, nhiều tác giả, Nxb Tác Phẩm Mới, tr. 206, 1985 Hà Nội

[2] Tố Hữu, Xây dựng một nền văn nghệ lớn, Nxb Văn Học, tr. 46, 1973, Hà Nội

[3] Tố Hữu, sđd, tr. 356

từng bị chê là tiêu cực, bi quan, chủ bại. Do đó, những truyện ngắn của anh, viết rải rác từ 1948 đến 1954, mãi đến 1957 mới được xuất bản thành tập *Bên Bờ Sông Lô*. Chu Nga, không phải là ngòi bút giáo điều, đã tự hỏi: trong những truyện ngắn này của anh phảng phất một nỗi buồn man mác, khó tả làm cho người đọc không thể không suy nghĩ về những hậu quả đau thương của chiến tranh. Tất nhiên điều đó cũng là sự thực thôi, song có nên nhấn mạnh vào khía cạnh đó? ⁴ Ngược lại, tiểu thuyết *Xung Kích* phấn khởi, sôi nổi hơn, được in từ 1951 và được ngay Giải thưởng Văn Nghệ, lại là một tác phẩm xoàng.

Trong đề tài chiến tranh, *Vào Lửa*, 1966, là tiểu thuyết đầu tiên về cuộc kháng chiến chống Mỹ trên miền Bắc, đồng thời cũng là tác phẩm đầu tiên nêu lên những va chạm giữa hai thế hệ, già và trẻ, chống Pháp và chống Mỹ, chủ đề sẽ được phát triển về sau trong *Mẫn và Tôi*, 1973, của Phan Tứ, hay *Dấu Chân Người Lính*, 1972 của Nguyễn Minh Châu.

Mặt Trận Trên Cao, 1967 của Nguyễn Đình Thi, là tiểu thuyết đầu tiên nói về binh chủng không quân, về chiến tranh kỹ thuật, một đề tài hoàn toàn mới, mà Hữu Mai về sau, sẽ khai thác triệt để hơn trong hai tập *Vùng Trời*, 1971 và 1974.

Văn chương về chiến tranh Việt Nam thì nhiều, nhưng Nguyễn Đình Thi đã vạch lại hành trình người lính bộ đội Việt Nam, từ thưở Chân không giấy đập nát đồn Tây (1950) đến khi sử dụng tên lửa, ra đa. Đồng thời anh cũng ghi lại tâm lý, tâm tư, hoài vọng của người lính thuộc nhiều thế hệ, hoàn cảnh, trong ba mươi năm cầm súng.

Trong đề tài cách mạng, hai tập *Vỡ Bờ I*, 1962 và *Vỡ Bờ II*, 1970, là tác phẩm quy mô đầu tiên dựng lên toàn cảnh cuộc vận động Cách Mạng 1945 - đề tài mà anh đã ấp ủ từ 1948, ước mơ học tập được nghệ thuật của Tolstoi trong *Chiến Tranh và Hòa Bình*. Anh đã dày công lao động trong hơn mười năm - thời gian này anh đã tranh thủ viết *Vào Lửa* và *Mặt Trận Trên Cao* để... dưỡng sức. Hai tập *Vỡ Bờ* là bức tranh hoành tráng về cuộc tổng khởi nghĩa đi từ mặt trận Việt Minh kháng Nhật chống Pháp đến Cách Mạng tháng 8/1945, từ khu mỏ than Đông Triều, qua thôn xóm ven sông Hồng đến hè phố Hà Nội, tầng tầng lớp lớp quần chúng đủ mọi gia cấp, ào ào “tức nước vỡ bờ”, nô nức hưởng về cách mạng. *Vỡ Bờ* là trước tác tâm huyết mà Nguyễn Đình Thi ấp ủ với nhiều kỳ vọng và trau chuốt rất công phu, nhưng đã không được tiếp đón như anh mong ước. Trái lại đã bị phê bình gay gắt, khiến anh nổi dóa, trả lời trên Tạp Chí Văn Học “tôi là

[4] Tác gia văn xuôi Việt Nam hiện đại, Nxb Khoa Học Xã Hội, tr. 160, 1977 Hà Nội

người viết, dắt đến một con ngựa, nhưng bạn phê bình lại hỏi: cái con này của anh sao lại thiếu hẳn một đôi sừng? Rồi chỉ cho người viết một con trâu: hãy xem đôi sừng hùng dũng đẹp thế kia! Tôi e như thế, nói chuyện với nhau vẫn chưa hiểu nhau “⁵”.

Mấy tháng sau, Phong Lê, thuộc Viện Văn Học, thay mặt cho giới phê bình đã trả lời “nhưng đâu phải thế. Nhà phê bình cũng biết là ngựa đấy, nhưng là giống ngựa gầy yếu mà nhà văn thì có vẻ lại muốn xem nó là thứ ngựa chiến, khỏe và đẹp”⁶.

Trả lời giới phê bình đòi hỏi ở tiểu thuyết những “tính cách”, Nguyễn Đình Thi cho rằng đấy là lối “đi xem voi, gấu, trong rạp xiếc mà thôi. Tôi e rằng có bạn, đáng lẽ mở trang sách đến với con người, thì lại mãi đi soi đi đo nó”⁷. Phong Lê cũng đã trả lời về điểm này, giải thích tại sao phải “đi soi đi đo” và đánh giá tư tưởng Nguyễn Đình Thi còn chậm chạp hơn Vũ Trọng Phụng hay Khái Hưng, Nhất Linh thời trước. Và ông kết luận một bài báo nặng nề và gay gắt: “những tư tưởng đó là rơi rớt của chủ nghĩa lãng mạn, và ít nhiều cũng còn dấu vết của chủ nghĩa tự nhiên nữa, lại được bộc lộ qua một cây bút có vị trí quan trọng như Nguyễn Đình Thi, nên hiện tượng đó càng không thể bỏ qua “⁸”.

Ngoài những phê phán về đường lối, tư tưởng và phương pháp, giới phê bình thời đó còn chê trách Nguyễn Đình Thi cho những nhân vật hôn nhau nhiều quá, và như vậy là “không đứng đắn”⁹ (!).

Về sau Phan Cự Đệ sẽ phê phán ôn hòa, chừng mực hơn:

“Nguyễn đình Thi nhìn một số nhân vật dưới góc độ của chủ nghĩa nhân đạo (ít nhiều mang màu sắc tiểu tư sản) của những vấn đề lương tâm, danh dự, nhân phẩm, đạo đức chung chung nhiều hơn là dưới ánh sáng của quan điểm giai cấp công nhân...Nguyễn Đình Thi nhạy bén với những vấn đề của đất nước, dân tộc hơn là những vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp”¹⁰.

[5] Nguyễn Đình Thi, Tạp Chí Văn Học, số 3, tháng 5-6/1972, tr. 49, 47 và 43, Hà Nội.

[6] Phong Lê, Tạp Chí Văn Học, số 6, tháng 11-12/1972, tr. 105 và 109, Hà Nội

[7] Nguyễn Đình Thi, Tạp Chí Văn Học, số 3, tháng 5-6/1972, tr. 49, 47 và 43, Hà Nội.

[8] Phong Lê, Tạp Chí Văn Học, số 6, tháng 11-12/1972, tr. 105 và 109, Hà Nội

[9] Nguyễn Đình Thi, Tạp Chí Văn Học, số 3, tháng 5-6/1972, tr. 49, 47 và 43, Hà Nội.

[10] Phan Cự Đệ và Hà Minh Đức, Nhà văn Việt Nam, Tập I, Nxb Đại Học và Trung Học chuyên nghiệp, tr. 735, 1979 Hà Nội

Một cách nói rằng: anh là nhà văn giỏi, nhưng là một người cộng sản tồi. Nếu quả đúng như thế thì may cho anh Thi, may hơn phương trình ngược lại.

Phan Cự Đệ là bậc giáo điều, và là bậc thầy trong nghệ thuật giáo điều: suốt 30 trang bình luận về Nguyễn Đình Thi lời lẽ ôn tồn, đầm thắm, nhưng tựu trung chỉ khai triển quan điểm kiên định của Tố Hữu năm 1964, đã trích dẫn ở đoạn trên.

Cuối cùng, về kịch, Nguyễn Đình Thi cũng lại là người đi trước. Trong thể loại sân khấu, trước tác Nguyễn Đình Thi gian nan hơn cả, không phải vì anh đưa tư tưởng đi xa hơn so với thơ và truyện. Nhưng vì kịch có một quần chúng đông đảo quy tụ cùng một lúc, khác với thơ và truyện mà người ta có thể trùu chần đọc một mình. Thơ trường phái Nguyễn Đình Thi khó có nhiều độc giả, mà độc giả phái ấy cũng khó bề là hậu thuẫn chính trị. Những độc giả thơ có tiềm năng làm “gió hôm nay là giông bão ngày mai” thì đã được rèn luyện trong lò Tố Hữu.

Vì vậy kịch bản *Con nai Đen*, 1962, bị phê phán và ngăn chặn từ trong trứng nước. Sau đó, Nguyễn Đình Thi viết: *Hoa và Ngăn*, 1974; *Giấc Mơ*, kịch thơ, 1977; *Rừng Trúc*, 1978; *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, 1979; *Tiếng Sóng*, 1980; và bốn vở kịch ngắn khoảng 20 trang: *Người Đàn Bà Hóa Đá*, 1980; *Cái Bóng Trên Tường*, 1982; *Trương Chi*, 1983; *Hòn Cuội*, 1986.

Vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, sáng tác cho kỷ niệm 600 năm ngày sinh Nguyễn Trãi, được trình diễn mấy đêm gì đó, rồi bị cấm, bị phê phán nghiệt ngã, là đã mĩa mai chế độ, cho rằng trí thức là tù nhân của chế độ. Tôi chưa được xem trên sân khấu, nhưng anh Nguyễn Đình Nghi đạo diễn đã kể lại niềm hào hứng khi dàn dựng vở kịch, mang nhiều truyền thống sân khấu cổ truyền lẫn tính cách hiện đại, và anh dựng tiếp *Rừng Trúc* trước khi mất.

Trong kỷ yếu Nhà Văn Việt Nam Hiện Đại, 1997, của Hội Nhà Văn - mà Nguyễn Đình Thi đã trấn nhậm hơn 30 năm — ở thư mục Nguyễn Đình Thi, trang 630, có đầy đủ tác phẩm theo trật tự thời gian, chỉ loại trừ *Nguyễn Trãi Ở Đông Quan*.

Bi kịch Nguyễn Trãi phần nào phản ánh thân phận của một thế hệ trí thức Việt Nam, trong đó có nghịch cảnh và nghịch lý Nguyễn Đình Thi. Những người dù thông cảm, hiểu rằng anh phải thỏa hiệp, cũng trách anh thỏa hiệp quá lâu. Không ai trách Thúy Kiều bán mình, nhưng trong 15 năm trôi dạt, Kiều đã nhiều lần phản kháng, còn anh, từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, không nghe anh nói năng gì trước những phi lý, bất công, oan trái. Không lẽ anh chỉ biết duyên mình biết phận mình thế thôi?

Nguyễn Đình Thi là người tài, ai cũng biết, và tôi rất phục tài anh. Năm 1967, anh viết bài chào mừng đại hội 4 các nhà văn Liên Xô, là một loại văn ước lệ, chỉ cần làm chiếu lệ mà anh đã kể tâm tình :

“Ở miền rừng núi chúng tôi, có một giống chim gọi là từ quy. Các ông bà già bảo rằng có đôi người yêu ngày xưa bị kẻ gian ác ngăn cấm không lấy được nhau, đã hóa thành giống chim ấy. Cho nên đến tận bây giờ, cứ đêm đêm người ta nghe thấy những con chim từ quy gọi nhau từng đôi, một con ở đầu núi này, một con ở đầu núi khác, suốt đêm đôi chim tìm gọi nhau cho đến sáng thì mới gặp nhau. Tôi nghĩ rằng các dân tộc từ bao thế kỷ, cũng đã mò mẫm đi tìm nhau như thế. Và những tác phẩm của các nhà văn thơ lớn ở thời trước cũng khác nào những tiếng gọi tìm nhau của các dân tộc còn bị ngăn cách, chia rẽ trong bóng đêm dày. Chính Cách Mạng tháng Mười là buổi bình minh làm cho các dân tộc nhìn thấy nhau và gặp được nhau”¹¹.

Anh ngụy biện. Chim từ quy thì quan hệ gì đến văn học, và giao lưu văn học thì cần gì đến Cách Mạng tháng Nọ tháng Kia. Rõ là ngụy biện, thậm chí còn là ngụy tín. Nhưng tài quá: một là phát biểu đúng đường lối “vô sản quốc tế”. Hai là đề cao văn học Việt Nam và các dân tộc nhược tiểu ngang tầm với các nền văn học bề thế hơn. Ba là anh mượn diễn đàn quốc tế để hồi âm một tiếng chim từ quy nghe được từ núi rừng Tây Bắc, suốt đời thao thức trong hồn anh.

*Lòng ta vẫn ở trên Tây Bắc
Những đêm thao thức tiếng từ quy*
Quê Hương Việt Bắc, 1950

Đôi chim từ quy là biểu tượng cho tình yêu xa cách — chủ đề chính yếu trong toàn bộ thơ anh:

*Anh đừng dây thắm gọi tên em
Xa em anh ngơ ngác
Anh gọi em anh gọi mãi
Em có nghe thấy anh không*
Núi và Biển, trong Tia Nắng, 1983

Có một lần, không rõ vì lý do gì, anh cao hứng bảo rằng tôi hiểu thơ anh. Không biết anh nói thật hay nói đùa, cho vừa lòng tôi. Nhưng anh đã nói và tôi đã nghe.

[11] Tạp chí Văn Học, số 11, 1967, tr. 74, Hà Nội

Tưởng nợ nhau một lời nói. Hóa ra nợ nhau một tiếng từ quy. Một kiếp từ quy.

Khỉ thật.

“Người bạn thơ phương trời xa”

26 tháng 4, năm 2003

Đã đăng trên tạp chí Diễn Đàn số 129, Paris, 5/2003

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

ĐẶNG TẤN TỚI

HƠN NỬA ĐỜI VỚI NỬA VÀNG TRẮNG ĐÊM NAY

Ta muốn người cùng thấy
Nửa vầng trăng khuất kia
Khi đất trời còn đầy
Sương gió đắm từng khuya

Hơn nửa đời ta rồi
Bút mực cạn lòng thôi!
Khối mộng tròn đắm đắm
Nước siết quanh nơi ngồi

Thương cho ta, chẳng thương?
Xót vì người, có xót?
Thấu một nửa đoạn trường
Nửa kia, trăng lấp lánh

Người người từng đối trăng
Kẻ kẻ giờ đâu nhĩ?
Còn đây chỗ giá băng
Trăng vẫn thường tuôn chảy

Trăng từng là bạn rượu
Tình chung vui trước hoa
Đưa người chơi đáy nước
Giờ rong ruổi với ta

Soi hết tuổi trắng già
Đẹp lại vẻ hăng nga
Lầu lầu in nước biếc
Sáng, tối, khắp người, ta

Hơn nửa đời trông lại
Nửa vầng trăng lướt qua
Nửa nửa bao giờ dứt
Nào cùng lý xót xa

Trong trận đùa cao xa
Cuộc cuộc máu xương mở
Tro phai, sách lệ nhòa
Sau chữ, mầm trần trở

Thiên hạ, cơn cuồng loạn
Oan khốc lớp đời đen
Trăng hời ! Nguồn tơ nồn
Lửa lớn bùng lên ngọn

Hơi thơ từ cổ độ
Qua ngực hồng đôi mây
Người đã thử cuồng say
Người cũng vui tung nổ

Bụi lấm bao ý nghĩa
Sao chẳng dứt sang trang
Ân hận thêm chồng chất
Trông trăng càng xốn xang

Khó theo rình cá tôm
Cực nhọc đong từng chữ
Đâu lên rầy sớm hôm
Buông tay vào phố chợ

Hay chẳng, người bầy núi
Thở mộng ngoài năm non
Đất lay lất bụi mòn
Cây lá mầu chưa nguội

Hát ngao du buổi buổi
Thơ quàng xiêng rờn bay
Tóc trắng bông sông núi
Thân, danh, cười vỗ tay

Những bước người chưa ngờ
Gió tràn cay mắt nắng
Đánh đổi tỉnh cho mơ
Chang chang đời vắng bật

Trăng phai nửa mái đầu
Phiêu bạt đến tìm nhau
Xuân thu quên trọn ý
Canh tàn, bụi xuống mau

Trăng thơ đau cảnh vắng
Đường Quê bước lạnh nhàu
Ghé nhà xưa gõ cửa
Mở khép thoáng ngàn châu

Hẹn mai về chốn cũ
Nhen canh thu xông hương
Bên nhau, trăng ấp ủ
Lửa thơ reo cuối vườn

Nửa đời, nửa vầng trăng
Lòng ta đầy lửa nóng
Bên kia nửa vầng trăng
Ánh bao la dậy sóng.

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

MỖI GẠCH – CHẤM.

ừ chấm . ừ gạch –
ừ số / ừ và ừ...
trên pho tượng
xoải ngửa
xoải sắp
trầm như huyền \
bổng như sắc /
mỏi như ngã ~
lạ như thang !
ran như nặng .
ừ như chấm . ừ như gạch –
ừ ừ...
ừ cái con khỉ khô
cô cái con khỉ mốc
cóc chợ bến thành
chanh ô cầu giấy
nhớ quây thêm đường
ừ chấm . ừ gạch –
lên vách luân hồi
và vẽ dòng đời
qua mỗi gạch – chấm .

NGUYỄN VĂN THỰC

CƯỜI TO TRĂM TIẾNG

Chiều làng nhàng
chim chở nắng vàng
cho con người vui
Chiều không tiền
bướm áo cánh tiên
người mượn đi chơi

Ra đầu đường cười to trăm tiếng
yêu đời mình chẳng cần kinh thư
Theo giòng đời chẳng cần đeo kiếng
nhìn cuộc sống đã nư

Chiều thanh bình có nhiều mây đậu
Thả mộng lành xúi vượt biên cương
Chiều trung bình có trời rộng lượng
Che màn sớm cho người yêu nhau

Tối chung tình mỗi tối mỗi lạ
Ôm nguyệt mình cuội ghẹo lời thôi
Rồi sáng tới chuông reo hối hả
Xuống cuộc đời mang đủ hương đôi

MAI PHƯƠNG

BÊN NHAU

Tiếng bước chân về khuya
khua vội trên phố vắng
hòa tiếng bạn bè cười nói lao xao
quanh đôi ta đi bên nhau
không một câu nói trao riêng
chỉ có ánh mắt đôi lúc chạm nhau
hình như ngôn từ đọng ở đó
ngậm ngùi....

Sánh bước cùng đi
vai sát vai những va chạm nhẹ nhàng
nhưng
hai bàn tay
không thể nắm được nhau...

TRÊN RĂNG NÚI JURA

Tháng tư, trên răng Jura tuyết phủ
những con đường ngoằn ngoèo lên núi
rừng thông xanh lá bốn mùa vi vu
cùng gió

Tháng tư, những bờ tuyết trắng
chưa kịp tan còn in dấu chân
đoàn người lấm chấm trên cao
trượt xuống sườn đồi

Trên lưng chừng núi căn nhà nhỏ phơi
mình trong nắng
 lặng yên
 nghe rừng thở
 nghe gió thì thầm

Biết chẳng,
một người lên núi rừng tìm quên
nhưng núi trắng – rừng xanh
màu thiên nhiên gợi nhớ
lặng nghe tiếng động của thính không
mà trái tim thêm thất nặng
một bóng dáng xa vời...

Suisse, 2003

HUỲNH LÊ NHẬT TẤN

ĐOÁ HOA MÀU NGỌC ANH

Cho em

Cánh hoa rơi
Anh ngắm nhật bên không gian

Tôi mài trái tim của tôi
Chúng chảy ra những vòng gai hồng
Nhuộm em bằng chiếc lá bàng chéo đan lưỡng chiết
Và em đã bế bổng tôi nỗi đau

Mỗi chiếc vòng riêng tách ra
Xa em
Tròn
Em đã ngâm vào tôi tình yêu duy tha
Trong cái giỏ chứa nhiều thực vật và thảo mộc héo khô
Vọt vào tạo khúc hồn nhiên tròn đỏ
Giấc ngủ vẫn chưa lành lặn cho em

Tôi yêu em và quyết định đi thật xa
Thế giới của cõi riêng sắp hàng chúng đi bằng thông điệp
Viễn tưởng em từng ngày anh nhớ
Em múa vào linh hồn tôi dạng hình ma quái
Anh không thể gỡ con rối màu hồng
Rung cứng đập và mùa lá chuyển màu
Rụng...
Xé nát lòng đêm tối tôi thao thức

Tôi ước mơ em dựa trên vai gầy
 Nhìn xa xăm nghĩ mình thám hiểm bằng những kí hiệu
 Đỉnh điểm
 Và tôi rút dần
 Dần ra sợi gai nhỏ ủ vào da thịt
 Tin yêu nhau bằng trang sức cho quả tim của tôi
 Đá đã biến dạng rơi mơ màng ngất ngưỡng
 Mơ nghiêng nghiêng đặt làn hương cỏ
 Hồng da diết gọi tên cho chính mình
 Em xa tôi
 Để chấm dứt
 Những chiếc gai màu hồng hoá vạn nghìn nỗi đau

Trong tôi nghe tiếng đập của nước
 Động vào vách của khe núi cao chảy từ biển
 Trái tim tím xanh còn trùng biển tê liệt

Em sợ
 Dấu vết nước màu hồng căng
 Đâm vào tôi đau ngà còn lại tơ chân con nhện cái
 Bồng bênh

Con Cá và Cái Búi Tóc

Trần Tiến Dũng

Tôi, trong những ngày mưa Sài Gòn thường nhớ về những vùng nước xanh màu lúa của buổi đi câu thuở nhỏ. Việc câu cá của tôi và anh tôi lúc đó không để giải trí, đó là việc anh em tôi có thể làm để giúp cha mẹ cải thiện bữa ăn gia đình. Tôi nhớ, trong lúc buông câu ngồi chờ bọn cá rô cá sặc đến, chúng tôi luôn mơ sẽ câu được con cá lạ và to. Anh em tôi mê mải nói về con cá tưởng tượng này, chúng tôi cùng tin đó là con cá ít xương nhiều thịt và rất béo, chúng tôi cũng tin chỉ cần câu được con cá của phép lạ đó là cả nhà tôi sẽ có món cá để ăn quanh năm không hết.

Bây giờ mỗi khi bắt gặp cảnh đám trẻ thả câu trên đồng lúa, tôi lại nhìn thấy con cá bí ẩn từ dòng nước kí ức tuổi thơ. Cá hiện ra trong màu nước lấp lánh. Cá chiếm hữu toàn bộ cảm xúc tôi. Cái nhìn tôi một lần nữa lại hướng về con cá có ánh mắt xa lạ. Lúc này, ý thức tôi đòi nhận biết cá không vì nhu cầu miếng ăn nhưng lại cho một cơn đói khác, cơn đói ngôn ngữ biểu đạt những hình ảnh tâm tưởng. Tôi thật có nhu cầu muốn đưa cái nhìn ngôn ngữ ra khỏi những lễ thói thông thường (cái nhìn đang nhốt ngôn ngữ biểu đạt của tôi trong tập tính cũ) tôi muốn phát giác cái vũ trụ ẩn kín trong tôi, khám phá những liên hệ giao cảm giữa ý thức với những vòng cung không gian, lối đi thời gian của cái vũ trụ huyền bí đó. Cá đến

từ vũ trụ xa lạ nào ngoài các tôn giáo và các nhà thần bí? Tôi tin một khi ngôn ngữ thi ca được kết cấu bằng phẩm chất cá nhân toàn triệt, chúng ta sẽ đóng được con tàu lấp lánh vàng, con tàu này sẽ đưa chúng ta đến từng bến bờ của cái vũ trụ thuộc về chúng ta nhưng hãy còn mơ hồ và mơ hồ cũng bởi chúng ta nhìn vũ trụ ấy xa lạ.

Thi ca trong thời đại truyền thông đa phương tiện không muốn phí công nói những gì mà những phương tiện truyền thông ra rả nói ngày đêm, thơ cũng không thích chung sống với những gì mà người bạn đồng hành của nó là văn xuôi vốn quan tâm. Thơ thật kiêu hãnh khi chỉ nói những gì mà duy nhất cá nhân thi sĩ có. Trong trường hợp con cá của tôi, nếu ngôn ngữ biểu đạt thành thơ, có người sẽ nói: đó chỉ là thi ca của kinh nghiệm, một thứ bí ẩn cá nhân không có điểm chung để liên hệ. Quả thật trước đây, cách nhìn thi ca của tôi cũng đã được đào luyện để tránh xa cái vũ trụ hình ảnh cá nhân. Nếu lúc nào đó tôi chợt nhớ tới cái phần huyền nhiệm trong tôi thì điều đó cũng chỉ có ý nghĩa như một món quà đang tồn tại để chờ đợi các giá trị tôn giáo đến nhận lãnh. Thơ, đối với tôi chỉ là thứ hình ảnh ngôn ngữ hào hùng, tao nhã, sướt mướt... Nếu thơ hiện hữu chỉ đơn giản biểu hiện các đặc tính như thế, có lẽ người ta chỉ cần đọc thẳng vào đời sống. Nói cách khác, chính đời sống với chiến tranh, tình yêu, thân phận... đang từng ngày từng giờ đọc lên bằng cảm xúc chung, đó là một thứ thơ đang có sẵn, món ăn nhanh cho cảm xúc, vật lưu niệm của từng chặng sống và yêu, điểm từ của học thuyết và chính kiến... Tôi thật nhìn thấy trên đỉnh cao của sự thỏa mãn thi ca đó cảm xúc con người bị các giá trị có tính phổ quát cầm nhốt. Tại sao chúng ta lại cho phép mình tưởng rằng ngoài những nội dung có tính phổ quát, tất cả đều không có giá trị?

Những năm đầu của thiên niên kỷ này, muốn hay không chúng ta vẫn là chứng nhân của sự phá sản các hệ thống giá trị phổ quát. Thí dụ: máy tính đánh thắng các thiên tài chơi cờ. Và nếu máy tính thích chắc chắn nó sẽ có đủ ngôn ngữ hình ảnh phổ quát để trở thành thi sĩ. Nếu những ai đang cảm giận những bài thơ “không có giá trị phổ quát” chúng ta chỉ nên nhắc lại rằng lý trí và tư tưởng của họ đáng ra phải “cảm giận” như vậy trước những cái hộp nhựa có tên là computer.

Từ thi sĩ sang tiểu thuyết gia, ngôn ngữ không có gì khác biệt khi hướng về các giá trị thẩm mỹ hay đạo đức. Chỉ có sự khác biệt về chất liệu khi một đằng là các hành vi của con người trải ra thành truyện (văn xuôi), đằng khác là vũ trụ cá nhân nén lại, không câu thúc. Thi sĩ đã có thể thể hiện sự khát khe của tuyệt đối khi đặt để sự liên hệ của con người với vũ trụ bí ẩn còn chưa được biết tới của chính họ. Ý chí này có lẽ bất bình thường nhưng thật quyến rũ.

Trong trường hợp con cá của tôi, tôi thật muốn viết một bài thơ về con cá đó. Viết không theo mọi cách viết đã được biết, dù chắc chắn bài

thơ này sẽ bị đám đông nhân-danh-chủ-thể-văn-hóa ruồng bỏ ngay khi nó chào đời. Tôi vẫn muốn biết nó thuộc về khuynh hướng nào. Mỗi bài thơ là một sự sống, nó có quyền hỏi về gốc cội của nó. Trong phạm vi riêng của tiếng Việt, mọi người vẫn tôn vinh (vì văn học chính thống cho đến tận hôm nay vẫn từ chối xác định) thơ của Đặng Đình Hưng (1924 – 1990) và Thanh Tâm Tuyền (1924 -). Tôi cũng khẳng định thơ đương đại phát nguồn từ họ và có thể từ một số bài khác. Thơ của họ xuất hiện như một văn bản tuyên cáo về lịch sử một miền đất ngôn ngữ mới. Khi các nhà chinh phục này sáng lập chủ quyền ngôn ngữ trên ngay ranh giới đầu tiên của cái vũ trụ có sẵn bên trong họ, ta thấy việc sáng tác thơ khởi đi từ họ là việc tiếp tục tìm kiếm một dạng ý thức cá nhân ngay trên chính cái bản năng huyền nhiệm vốn đã được biết của thi ca.

...Có lần,

*Tôi nhận mặt... một cái chai đánh
hàng đồng nát mang máng bên tai ____
thiếu, và một cái hộp
và nói thật,
trong đôi guốc, tôi chú ý nhất là cái chặt
chặt của đôi quai*

Đặng Đình Hưng – Bến Lạ

Trời sẫm

*Như mắt
Như ngõ hoàng hôn này
Hôm nay
Nghe lời hát quen quen
Người đàn bà ấy mang tên
Lời từ biệt
Trên một sân ga vắng
Tiếng kèn trầm của một chiếc ô-tô-ray
Đầy dĩ vãng*

*Nếu đã đi từ Hà Nội xuống Hải Phòng hay
sang Bắc Ninh
Nếu đã đi từ Saigon xuống Vĩnh Long hay
lên Thủ Dầu Một
Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình
Như kẻ say rót rượu lấy mà uống*

*Cho vui thêm cuộc hành trình
(Đúng rồi những thù ghét thơ tôi ơi)
Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc.*

Thanh Tâm Tuyền – *Liên đêm mặt trời tìm thấy*

Có thể tính trẻ con thích làm chương của tôi đã tức thì bắt gặp những hình ảnh thơ không phổ quát này, nhưng sau đó... Tôi nhìn thấy, mỗi hình ảnh sống động mà tôi sở hữu đã định hình trong dạng một cánh cửa trong tôi, sau mỗi cánh cửa là một con đường thôi thúc tôi ra đi. Đi trước tiên là để rũ bỏ trách nhiệm đối với những xác lý cũ, đi và không bao giờ được phép dừng lại lưu trú trong ánh sáng và bóng tối của sự huyền nhiệm, đi tới chỗ cảm giác đang khao khát luôn thì thầm: chắc chắn phải có một thực tại khác. Có người sẽ không tin, họ chỉ thích đứng yên nhìn ngắm hình ảnh cũ, tìm lại lý lẽ cũ, cưỡng ép cảm xúc vào cái khung cũ... cũng có thể những hình ảnh đó chỉ chuyển động theo cách riêng của nó nên họ không muốn phí sức nghĩ cho một cơ may quá ít, họ tránh xa cái phần dính líu làm nên sự sống của thi ca là những hình ảnh từ cõi huyền nhiệm hốt nhiên nhìn thấy cảm xúc của thi sĩ. Họ không có đủ đức tin để lắng nghe câu nói bên trong họ: chắc chắn phải có một thực tại khác. Tiếng nói đó như là sự tiếp xúc giữa cảm quan của họ và cái vũ trụ mà đáng ra họ phải tới. Công việc của thi sĩ là tìm ý nghĩa khác cho những hình ảnh họ lưu giữ. Bởi chỉ riêng việc mở con đường bên trong họ ra, thi sĩ đã sáng tạo một thực tại khác.

Tôi có câu chuyện khác muốn kể. Trong lần đầu tiên tôi ra Hà Nội, trước khi nhìn thấy Hà Nội, như mọi người sinh ra và lớn lên ở miền Nam, tôi đã được các bài học trong sách giáo khoa và các phương tiện truyền thông hào phóng trao tặng đủ mọi hình ảnh về Hà Nội. Từ trong tôi, bắt đầu từ tuổi thơ chớm nhận biết những hình ảnh Hà Nội đã xếp thành những phiến đá và lối đi đó có tên là Hà Nội của tôi. Trong buổi sáng đầu tiên ở Hà Nội, bị thôi thúc bởi thói quen uống cà phê của người Sài Gòn, tôi tìm tới quán cà phê Lâm. Tôi không nhớ có tự bắt mình ghi lại hình ảnh người và cảnh đang lướt qua mắt tôi không, hay tự khung cảnh khác lạ của một quán cà phê Hà Nội mùa đông với thời gian rất chậm và không gian rất đậm đã giúp tôi ghi nhớ. Tôi nhìn thấy tia nắng đầu tiên của không gian lạnh bay qua song rèm cửa sổ quán cà phê và đậu lại trên gương mặt một cô gái. Có lẽ cô mười bảy tuổi, áo len của cô vàng đậm hơn màu nắng, quần jean, giày bố trắng, cô ngồi trên cái ghế gỗ thấp bên cạnh cái bàn cũng chẳng cao gì hơn, trên bàn là tách cà phê và hình như cả ba có cùng tuổi già. Nắng muốn nói với tôi điều gì khi đậu lại trên gương mặt cô, những đường nứt màu hồng lợt trên da môi cô! Không, nắng rung động trên mặt cô chỉ để nói với tôi về cái búi tóc, kiểu búi tóc người phụ nữ miền nam,

cái búi tóc được gói chặt như một cuộn len. Lập tức mùi nắng, mùi đêm, mùi dầu dừa, mùi mồ hôi của má tôi trở về trước mũi tôi. Tôi lắng nghe lòng mình. Cô gái Hà Nội muốn nói với tôi điều gì? Tôi lặng nhìn cô, và như người bừng tỉnh giữa đêm khuya, trong khoảnh khắc, có một bàn tay vô hình cầm lấy tay tôi, đưa tôi trên con đường Hà Nội của tôi. Sau những thoáng bối rối và hạnh phúc, những hình ảnh ẩn kín về má tôi những tưởng phai lợt trong những giá trị phổ quát đã được cô gái Hà Nội đánh thức trong một thực tại khác, một giấc mơ khác.

Ba Ý Niệm Nhỏ với Thơ Việt...!

Lý Đợi

Khi nói đến thơ của một tác giả cụ thể nào đó (kể cả những tác phẩm không xác định được tác giả); thì cũng có nghĩa là chúng ta nói đến một ngôn ngữ cụ thể nào đó; mà khi nói đến một ngôn ngữ, thì cũng có nghĩa là nói đến một không gian văn hoá-địa lý và hoàn cảnh lịch sử của ngôn ngữ đó.

Thơ Việt được chuyên chở trong nền văn hoá Việt. Mà sự thật của nó, cái nền văn hoá ấy, lại phải gồng gánh quá nhiều vấn đề — đáng ra không thuộc về văn hoá (như chiến tranh, đói nghèo...), nhưng lại đè nặng lên văn hoá; và nó đã trở thành văn hoá.

Mà, thơ lại được chuyên chở bởi một nền văn hoá *chiến tranh, văn hoá đói nghèo* — thì chắc chắn một điều là nó không còn đủ thời gian để lo nghĩ những chuyện *xa vời*.

Không nghĩ được chuyện xa vời, cũng đồng nghĩa với không có: *những tham vọng quá trớn, những mục tiêu bất khả lượng đạt, những công tác không có bất cứ ai dám tưởng tượng đến* (Italo Calvino)⁽¹⁾. Nghĩa là thơ thiếu cái gốc của **tư tưởng**; vì, chúng ta không có đủ thời gian để tạo ra một

⁽¹⁾ Italo Calvino, *Tính cách bội trượng trong văn chương tương lai*, Hoàng Ngọc-Tuấn dịch, Việt 6, tr.115.

cái phong (một nền tảng) triết học. Thiếu một sức **tưởng tượng**; vì chiến tranh là thực dụng, mọi tưởng tượng trong chiến tranh đều hướng đến cái thực dụng, chứ không phải như thơ, tưởng tượng hướng đến cái tưởng tượng. Thiếu một sức **liên tưởng** nhiều cấp độ; vì các mối quan hệ kiểu *hàng xóm láng giềng* trong văn hoá, chưa quen với kỹ thuật công nghệ — với cách xử lý thông tin đa chiều, khoảng cách xa. Cuối cùng, là thiếu một **nụ cười hoà điệu** giữa trái tim và trí tuệ; vì cái nghèo chưa làm cho *trí tuệ biết khóc, trái tim biết cười* (chữ Nhật Chiêu dùng), vì thế thiếu một sự trầm tư thoả đáng trong tác phẩm.

Thiếu một vài điểm này (tất nhiên còn nhiều điểm khác nữa), tác phẩm, may mắn lắm, là đạt được sức sống của một tác phẩm trang trí — cho thời đại mà tác giả đó sống.

Có người sẽ hỏi rằng, chiến tranh đã đi qua lâu rồi, sao lại đổ tội cho chiến tranh. Xin trả lời rằng, đây không phải là cách để đổ tội, mà là cách để nhìn nhận một sự thật đúng với bản thể của nó. Chiến tranh đã đi qua nhưng thói quen sống đời sống chiến tranh vẫn còn. Nó không chỉ được khơi gợi trong chính nền văn hoá của nó; mà còn, bị tác động từ tình hình thế giới xung quanh. Nhìn cảnh Mỹ đánh Iraq, khắp thế giới biểu tình phản đối chiến tranh (không phải để ủng hộ Mỹ hay Iraq) — nhưng người dân Việt lại không mấy người lên tiếng-biểu tình, nhưng các báo có tin tức về chiến sự lại được bán rất chạy thì đủ biết cái thói quen sống với không khí chiến tranh là như thế nào.

Trở lại với thơ Việt, do vừa thiếu tố chất vừa sống trong điều kiện có tính tạm bợ kiểu chiến tranh; nên, có thể hình dung nó trong 3 ý niệm nhỏ sau đây: Thứ nhất, **tính tiểu nông**⁽²⁾, đây là một điểm nhìn không mới và không lạ — cái mới lạ duy nhất là mỗi lần nhìn lại, tự nhiên thấy nó vẫn đúng y hệt như cũ; dù đáng ra thì nó phải thay đổi. Một điểm nhìn mà không có gì thay đổi, cũng có nghĩa là một điểm nhìn không bình thường, không muốn nói là bất hạnh — một điểm nhìn chết. Đặc trưng của tính tiểu nông cũng là sự quan tâm tới cách nhìn. Người nông dân sau lũy tre làng (chuyện trước đây) thường chỉ biết cái vườn, con gà, thửa ruộng... và cùng lắm là những cái làng kế bên của mình. Vì thế, khi muốn nghĩ đến một điều gì cụ thể, trước tiên, họ nghĩ đến cái của mình trước, cái khác mình sau. Cái của mình sẽ được bảo vệ và cô lập với cái khác mình, trong

⁽²⁾ Nguyễn Hoàng Văn, *Tinh thần tiểu nông trong văn học Việt Nam*, Việt 6, tr.30 — tr.43.

quyền lợi và nếu quyền lợi bị xúc phạm. Quý cái của mình một cách thoái quá, đâm ra, không chấp nhận cái khác mình. Và từ đó, có xu hướng chỉ xem cái của mình là duy nhất; hoặc là trung tâm... Thứ hai, **tính đứt quãng** ⁽³⁾, đây cũng là một điểm nhìn không mới, nhưng không thể không nghĩ về nó, như là một trong những chìa khoá để vào nhà. Nếu **tính tiểu nông** thuộc về tính chất của nền văn minh và sự phát triển của nó (văn minh lúa nước thường gắn với sản xuất nông nghiệp, những tiểu nông đi ra từ đây); thì, **tính đứt quãng** thuộc về hoàn cảnh lịch sử. Như đã nói, cá nhân người sáng tác phải nằm trong một giai đoạn lịch sử cụ thể. Có thể cá nhân đó không quan tâm tới hoàn cảnh mà anh ta sống, nhưng những ràng buộc mà hoàn cảnh đè vào anh ta thì không tránh khỏi. Viết về chiến tranh trong ký ức thường tốt hơn ngồi viết trong điều kiện bom rơi ngoài cửa sổ. Ở một xứ sở mà luôn bị ngoại bang dòm ngó, cuộc sống luôn thấp thỏm, nhà văn chưa bao giờ được bình tâm để nghĩ về chuyện người, và chuyện mình. Vì thế, người cầm bút là người của một quãng nào đó; và một thế hệ viết văn, cũng là thế hệ của một quãng nào đó. Ở tác phẩm của họ, tính miêu tả (tính tin tức, phê phán, tuyên truyền) cho một hiện thực là rất cao. Chưa bao giờ (hoặc hiếm khi) có được một sự kế thừa, một sự phát triển tiệm tiến. Một nền văn học bị đứt quãng là một nền văn học không có lịch sử. Vì không có lịch sử nên dẫn đến nguy cơ không có văn hoá. Những người mới bắt đầu cầm bút, thường phải bắt đầu từ một quá khứ quá xa, xa hơn khoảng cách bình thường (vì trong khoảng cách đó không có văn học). Y như có người làm thơ, phải bắt đầu từ lục bát ca dao và dừng lại ở lục bát Nguyễn Du — tất nhiên, một sự dừng lại ở mức thấp. Sự đứt quãng này cũng có một phần nguyên nhân từ ý niệm thứ nhất. Do quen với nhịp sống kiểu nhà nông, mọi việc xảy ra, cứ từ từ giải quyết (thật ra, thì không đủ tác phong và phương tiện để giải quyết). **Tính đứt quãng** thường dẫn đến tình trạng từ chối hiện tại, đúng hơn là chối bỏ hiện tại; vì hiện tại luôn bơ vơ, không được quá khứ (tất nhiên, quá khứ gần) hỗ trợ những bậc thang để bước lên và chuyển động. Vì thế, văn chương bị đẩy đến một tính chất rất quan trọng và rất đáng buồn, khi nhắc đến: **tính hoài cổ... Tính hoài cổ** cũng là kết quả tất yếu của 2 ý niệm vừa nêu. Nền văn học (cụ thể là thơ) mà chỉ biết nghĩ đến chuyện của mình, không chấp nhận chuyện khác mình và luôn luôn bị đứt mạch về sức sống thì tất yếu phải có tâm

⁽³⁾ Xem thêm: Nguyễn Ngọc Tuấn, *Tính chất thuộc địa và hậu thuộc địa trong văn học Việt Nam*, Việt 6, tr.44 — tr.60. Mọi thông tin về Việt, có thể xem tại: www.tienve.org.

trạng hoang mang; không tránh khỏi sự cầu cạnh-bấu víu vào những cái lớn, an toàn hơn. Mà cái lớn của nền thơ Việt chưa bao giờ **thuộc về ngày hôm nay**, lúc nào nó cũng nhìn vào một cái gì cụ thể trong quá khứ và lấy đó làm xuất phát điểm cho sự phát triển của hiện tại. Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương chưa bao giờ là cái lớn của thời đại mà nó ra đời. Nghĩa là hiện tại bị đứt quãng, vì thế phải hoài cổ, mà thực chất của hoài cổ là tìm về một hiện tại, đang ảo tưởng, là nó đầy đủ và có giá trị. Thật ra thì thơ Việt chưa bao giờ có được một giá trị tại hiện tại và chưa bao giờ tạo ra được một hệ thống; vì không có một hệ thống nên nó luôn luôn bị đứt quãng; và những giá trị mà nó hướng về luôn ở trong tình trạng không đầy đặn, không muốn nói là tũn mủn. Vì không có một giá trị đích thực, cho nên dẫn đến một quan niệm đầy ảo tưởng: *quan niệm về cái còn sót lại*. Cái còn sót lại không bao giờ là một di sản đúng nghĩa, vì nó có thể ngẫu nhiên là một di sản, hoặc có khi chỉ là một tác phẩm tồi. *Quá khứ của văn học Việt là quá khứ tũn mủn*.

Khác với các nền văn chương lớn, luôn biết nhìn mình trong thực tế một hệ thống và những ngoại lệ của hệ thống đó. Biết nhìn mình trong trí tưởng tượng, sự vô biên và những hạn định của trí tưởng tượng. Văn chương Việt nói chung, thơ Việt nói riêng, không có khả năng tưởng tượng, nên từ chối tưởng tượng. Từ chối tưởng tượng nên cũng có nghĩa là từ chối phép liên tưởng. Mà sức mạnh của phép liên tưởng là đem những vấn đề, những tư tưởng, những nền văn hoá, những nền văn minh... xích lại gần nhau. Văn học Việt không muốn xích lại gần, không muốn mình lớn lên. Tự bó mình trong thế giới hạn hẹp và tự xem đó là hiện thực. Thật ra, hiện thực với đầy đủ ý nghĩa của nó: *hiện thực trầm tư*, thơ Việt cũng chưa bao giờ đạt đến.

Nói không phải để phê phán, mà để thấy rằng, thơ Việt luôn luôn bị đẩy vào tình trạng không đủ thời gian (thuộc về 3 ý niệm trên) để nghĩ dài và nghĩ nhiều. Vì thế, di sản và tài sản của thơ Việt, nếu cần gọi tên đúng, đó là sự lo âu — là sự băn khoăn tự hỏi: *nếu có đủ thời gian, cần phải làm gì trước tiên*.

Xin trả lời, thơ Việt cần thay đổi cách nhìn, phải nhìn khác đi về thơ, cái mà đang được đa số ủng hộ. Không hẳn là mới hay cũ. Chỉ đơn giản là khi thay đổi cái nhìn cũ-cái nhìn quen thuộc; để đứng ra riêng một chỗ, để nhìn vấn đề vô tư và sáng hơn. Khi ấy cái nhìn sẽ có “nhiều cửa sổ hơn”, có nhiều vấn đề để suy nghĩ hơn. Bởi đơn giản, một cái nhìn mà được nhiều người ủng hộ, triệt tiêu sự chống đối — thì đó là một cái nhìn không độc đáo, không mới, không vận động; không muốn nói là cái nhìn đã chết.

Viết về những thứ, mà tự bản thân mình cũng xác nhận là không có gì mới, thì quả thật hơi chán. Nhưng sau 3 ý niệm được phác thảo trong

vội vàng, tự thấy mình cũng làm được một việc; đó là, đánh đổ lòng tự hào hão về cái di sản thơ mình đang có. Nó có thành tựu trong quá khứ, kể nó; nhưng không phải vì thế mà cứ khư giữ lấy *xương cốt thần linh* (ăn mày dĩ vãng) mà quên đi những đòi hỏi thực tế của hiện tại. Và tự thấy 3 ý niệm vẫn còn cung cấp được một điểm nhìn đúng trong môi trường thơ Việt hiện nay; điều mà trước đây, thú thật, nếu có bị đánh chết, tôi cũng không công nhận.

Mộc Giác 3/2003

THƯỜNG QUÁN

PORT MELBOURNE (DOCK SONG)

Chỉ kim tinh một mắt cao, một nửa trăng cao hơn nữa mắt người
nhìn phải ngược
hừng đông tiễn biệt đêm dài của lá đen im của cảnh dài đậm
sương nước
tiếng còi rùng mình đi mười hai toa trắng, tiếng chó sủa đen ẩm
tảng tro hồng và bao nhà
chim thức lao chao ước, ẩn

Trong đỏ đầu móc chờ tia sáng mặt trời sau rặng gầy và ngoại
thành lúp cỏ
bật loé truyền tin đồng loạt sẽ rung, rơi, bay lượn, rớt
mưa sương trong nắng chớm, u ử giấu phương Nam một biển
vẫn lam chìm
tàu hải dương đi xuyên đêm qua hết Malacca, Anh Đô và biển
Bắc, hết
nhiều đêm Thái Bình chao trầm móc neo rỉ đợi, vào tới đầu hải
tuyến Beacon Cove

Hai tháp đèn vịnh cảng đèn nháy 4 giây, thuyền trưởng giục
vui, rút hơi thuốc lão
bể cứng kim la-bàn, ghìm vòng lái vào cung bậc thấp, chỗ rẽ
háng
mũi tàu đưa vào sương vào phố chập chùng lưới dây hải đảo
những kiện hàng thô

Connex thùng vuông sẽ rở xuống căn trưa, ly bia hẹn với thủy
thủ, công nhân bốc rở ở Dock

cái sủi bọt tắm vàng và lan canh tiếng, có tóc bối cao thời 50
 hay thả man sau 68, ngẫm lại
 thành phố sau 2000 đã đổi hung, pha trộn và rộng mở, đa màu
 và pha lai, cross-
 Rốc, saxo, hắc tiêu, hip-hop. CẤM HÚT THUỐC BÊN TRONG
 [Nhà Quán] là lệnh, cái ấy duy hơi bực
 mình, nhưng không sao, những bó thường, dọc mấu neo thì vẫn
 cổ lỗ thích thân
 đi đi tàn thuốc ở cửa, vất xèo vào mặt nước gợn, cá tấp, sao-bể
 thạch-hoá lây lan hào dất, đá tảng chịu
 nước đánh một tấp rờn, lênh đên những triền chuỗi lặn vỡ sao
 mười giờ
 đặt chiếc mũ nỉ xanh mơ-rin vào móc gỗ mới đánh véc-ni
 con mắt trái lướt một mặt bằng: hải cảng bình lặng.
 Thế giới đã hoàn tất tự bao giờ mà cứ mãi dở dang, và ngược
 lại,
 cảm giác ẩn một lóng chìm chìm không định độ mà an tâm, là
 thế giới cứ thế
 đã tự nó hoàn chỉnh.

Bây giờ là cỏi, chiếc áo dạ dày đen gấu treo kế bên hàng
 nón mũ (kẻ tới trước)
 chỉnh đồng hồ tay lần nữa với đồng hồ quán, lấy địa phương,
 kêu
 bữa điểm tâm khí muộn. Kim Tinh bay giờ đã vào cung Nam
 nhưng không mất người
 khả thể thấy, trăng vẫn đỉnh đầu, phong phanh. Trời vịnh cao,
 những chùm cao ốc
 sát biển tụ ô quan cũng thấp. Cánh -
 thấy một cánh ó, chiếc mỏ khoằm móc khoằm, vút cũng là bao
 cao-ngươn chưa về
 lật trang sổ ghi đen hải hành Destination Date Facts
 những dữ kiện linh tinh bất gặp, chẳng gặp (những mẫu tin biết
 chừng đâu
 mai sau có người thuỷ thủ mười bảy vào nghề giở gặp)
 Cái hẹn trong thời gian hay ngoài, không bao giờ duy đúng chắc
 chẳng trật bản lề
 sao người cứ gọi là *date*, chắc để nhớ buổi phải đo sao mà định
 giờ và
 thời khắc. Ở Nam bán phải cắm chốt vào Southern Cross, chỗ
 ngoặt đầu gọi Cha Oí!

Những bộ óc thiên văn ở Liêu Dương, ở Lưỡng Hà, Rome và
 Mount Stromlo
 vốn từ chối chuyện con người bất trắc, nhìn suốt vào vô cùng để
 hơn cái cạn
 của giếng người. Ôi nhưng mãi mãi ở đâu thì cũng rồi rất nhiều
 và nhiều khô
 hồ đen và trang trắng. Cái gì nắm được phải kiểm nghiệm Kant,
 cân bằng
 với toán tính, trước khi ghi xuống bằng ký hiệu, phương trình,
 chữ viết
 bằng ngôn ngữ văn phạm qui ước. Ghi, xin thêm chữ mới, hay
 phải đo dẫm lại
 từ La Tinh, cổ tự Ai Cập, truyện ký thần thoại
 Pegasus và cặp chó song sinh Sirius
 Sự giàn định của không gian con người nên tự hỏi có tất định
 hay hoàn vũ thăm thẳm trùng lượng, Thượng Đế cũng lắc đầu
 “Ta không biết”
 và phẩm hạng các thần Hy Lạp cũng nằm gói bên trong
 như một vở tuồng của người thức
 hàng vạn đêm dài mùa kịch sân khấu Elizabeth. Cứ ghi xuống
 công nhận thăm thẳm và chỗ đứng, một điểm, trong không gian
 và thời gian có là
 phù du

Vậy mà phải ghi xuống. Dù sẽ lên giàn lửa của Điều Tra Mật
 Viện Inquisition
 của Giáo Hội. Thời gian, những vết đánh mờ vân đá Nhà thờ
 Thánh Mark ở Venice,
 thời gian trong mắt tượng Georgio Bruno bên cánh tả Nhà thờ
 Thánh Pê trô ở Rome,
 thời gian trong ngón chân lõm huyệt một cùi, vì triệu môi hôn
 khách
 hành hương tượng đá huyền đen Ni-gi-ê, negro, “nigger”
 tiếng sữa đoạ nạt béc-giê nhà chủ “Nigger!”
 Cha Ơi một hôm đổi thành âm kêu thân ái
 bao nhiêu công nhân da đen trầy da vai trên trăm hải đạo
 Kublai Khan không nhất thiết tin những điều Marco Polo thuật
 lại
 sau những chuyến thám trình
 nhưng vì thế Italo Calvino
 “hỏa sơn của người sống không phải là cái gì sẽ là; nếu có một

hỏa sơn, nó đang là có mặt, hỏa sơn nơi ta sống ở đây mỗi ngày,
chúng ta làm nên vì cùng nhau có mặt”

Những thành phố Vô Hình của Calvino hiện dần lên Isidora,
Dorothea, Zaira,
Anastasia, Tamara, Zora
New Atlantis, Utopia, Oceana, Tamoé, New Harmony,
New Lanark

Chicago, Thành Phố Những Thiên Thần, Sydney, Tokyo, Melbourne, Wellington
Madagasca, Sài Gòn, Hán Thành, Thượng Hải, Đà Nẵng

Nó hiện lên trên những nền đất cốt của Troy, Nippur, Ur, Uruk

Biển là mặt gương

Những Đại Hãn xoay lưng lại biển, lật trang Atlas
mơ hồ những điểm đỏ nóng đầu tay
Những kinh đô ảo mộng. mê cung, ma trận
Lửa bắn từ điểm X nửa địa cầu
Bao nhiêu thành phố hóa vô hình, bình địa?

Marco Polo nhìn thẳng vào mắt Đại Hãn
chao chén trà Ô Long
đảo một hơi trầm Nghệ Tĩnh

*“Có hai con đường để thoát khỏi sự chịu đựng hỏa sơn kia .
Con lộ đầu dễ cho nhiều con người con kẻ :
chấp nhận hỏa sơn và trở thành một phần của nó, và làm thế
con người ta không còn có thể thấy nó .
Con đường thứ hai thì hiểm nghèo và đòi hỏi sự canh thức
và kiếm tìm nắm bắt mãi miết duy trì
kiếm tìm và học hỏi để công nhận những ai và cái gì,
giữa hỏa sơn, không là hỏa sơn,
rồi thì khiến cho những ai những cái đó tồn tại,
cho những ai những cái đó không gian. “*

Italo Calvino. Hết một sách. Hết một trang cuối bản thảo nhà
văn sẽ

thả cọng bút, đứng dậy tìm một hơi hướm ngưỡng của gió biển
 vị muối, hay anh sẽ đi ngược lại trang đầu
 điều chỉnh một chữ, nơi này, nơi kia, và tự hỏi
 có nên để quá nhiều. Ôi cố tín!
 Nếu Marco Polo không sinh ra ở Venice
 nơi những phản chiếu lâu dài
 vẽ cong những ký hiệu, *sign* luôn thay đổi
 người ấy có đã ra đi ?

Những đêm cầm, những môi ngọt porto bồ đào
 sau những mắt ướt sóng sánh đằng sau bao mặt nạ
 huyền mộng của thịt da
 gọi mời cái gì?

Những ván thuyền thâm muối
 mảng nước dưới chân cột buồm rơi
 rỏ ròi con mắt tinh xanh, sự cô độc của đất nổi trôi trên sóng
 cất lên và chùng đục nhấn chìm
 thứ lau lao cong âm nhạc xanh, tối,
 những ván thuyền khảm chạm chực tã ra
 nếu không có những then mộng.

Những gân tay hồi chiều những thủy thủ
 tới từ Hoa Nam, Bắc Phi, Tây Ấn
 họ đã đứng quanh anh, những con người chấp nhận
 và người trọng tuổi, nhà thiên văn của hải trình
 cái kẻ kia của đôi chùng và tra vấn
 Họ đã đứng quanh anh, thực như cuốn sổ hải trình,
 những sự kiện nổi trôi ghi ký
 cũng là mộng lung như một mối tình
 sau một quay lưng đèn quán Cầu Chợ Vecchio
 Những ngôi sao nửa khuya trên trời ấn định
 và những hành tinh lấp lánh cứ xoay
 và những con người trong kiếp, trong chuyển vận
 thêm một ngày, một canh đêm, một lấy đi, một thêm vào
 ở chỗ này, một ghi nhân, một lật mở trang, một hàng chữ, và
 khép lại ở chỗ khác.

Những thành phố mới, kiếng và thép trong phác thảo
 kiến trúc
 trong thảo chương software, trong độ cứng của cốt bê-tông
 một kẻ sẽ đi vào trong ấy từng ngày một cho tới
 một hôm không vào, không bao giờ nữa
 vì hoả sơn, hay vì một giấc mộng quấy rầy nửa sáng
 hay vì một con khuẩn độc, hay một mối tình già quá chén.

Đồi một người trượt lên một trang.
 Bụi phủ, cát lấp, ký ức
 của ai đó, kẻ khác, cháy bùng lên, phản dội, rức sáng.
 Những thân cá xanh nhẩy vọt trước mũi tàu
 cong lượn ướt, những bạn đồng hành đồng sự
 trong cô độc im lặng. Im lặng ban đầu và sau cùng, im lặng.
 Giữa là những hồi, những đoản sonnet.
 Cố gắng, nói tiếng nói có được, thu gặt trên những cảng, trạm
 thô tháp và lịch lãm, biển giữa gọt, thơ ca, ca từ, sóng ô ê, vỡ
 biển
 biển trên những lòng sần đá địa cầu sẽ khô, thêm nữa sẽ nổ
 trận.
 Hay đá đã khô, không thêm một giọt nước nào nữa vào lòng
 không gian vô hạn? Sự cố gắng ấy, sự làm nên ấy, là hôm nay
 lập đập
 lóng ngóng thở, một tinh cầu.

Đại Hãn đã dụi lửa, ngả người ra sau gối hoa
 nhưng anh, kẻ duy trì và cố gắng, anh đứng dậy hay anh
 vẫn ngồi vẫn thẳng
 chữ của trôi nổi dậm đời của họ, là chữ của anh.
 Nhưng ý nghĩ ấy thoáng qua rồi cũng mất.
 Lửa nển trong cung điện, trong nhà thờ
 khác với lửa cháy ở một tinh cầu
 khác với lửa vô hình trong một cụ thể cái gọi là sự sống
 sự sống có đó và mất đấy, dập đánh, phù động
 những triền sáng, một hơi thở mặn, một hương buồn ngái vịnh
 cảng
 khi hơn một người bước đi.

25/5. 2003

§ Italo Calvino – *Invisible Cities*

NGUYỄN DANH LAM

ÉCH

Từng ngày hoe hoét với rêu
 Tôi con ếch cốm
 Sinh ra từ ếch cốm từ ếch cốm từ ếch cốm
 Có một chút gì đó là màu gốm
 màu lốm đốm
 Hộp leo lét sáng trời tôi tự hào luốm nhuộm

Tôi có một đáy giếng
Rằng bơi tự do
Rất ít đầy
Thường là cạn
Đôi khi nghe nói về một cái nong màu xanh
Nhưng loài ếch cổ gần
Chẳng ai ngược
Ý thức ngược
Làm sao ngược
Thế là còn cái vũng

Tôi giao du cá bảy màu
Lòng tong
Chiều nhậu sừng sừng bọt nước
Kêu ộp ộp
Cười tộp tộp
Đêm tìm đụn trứng
Cứng
Khựng
Cười ngơ ngất

Rêu nuôi tôi
Ếch mà được no rêu là sướng lắm
Có lạ gì da tôi chuyển xanh
Phóng thể xanh
Phai từng ngày lốm đốm
Phai từng ngày sặc gổm
Thảng chút ngứa ngáy thì vùng vằng ộp ộp

Tôi thành rêu
Xanh trọn vẹn màu cái vũng
Ngày tôi chết
Nằm giữa bụng
Lúc ấy mắt mới ngược
Tôi khóc
Trước vòm trời xanh ngắt!

THUYẾT HẰNG

ĐỐI THOẠI

Tôi chờ đợi một tiếng gọi từ phía trước
Nơi hoang sơ
Gió thét gào cô độc qua kẽ đá
Thạch sùng thả hơi vào đêm, mắt hấp háy, à ời
sao thức chi để suy tư rơi trên dải đất này?
Nỗi buồn lấp lóa
Ngọn cây chơ vơ khoảng trống vô định
Cây đã già hay cây tắm ánh sao?

Tôi nhẫn nại chờ đợi một tiếng kêu
Có thể đến và có thể không
Như khát vọng giấu sau cánh cửa màu xanh ghi
xộc xệch tuổi tác, ghim trên đấy một nụ cười ố vàng
mở ra và sập lại
Se sắt đàn chim về mỗi cánh, kéo lê trên bầu trời
vết hơi nước ẩm đục
Đành chọn lưu trú trên mệnh mông...

Tôi tự cười và tự nói trong mơ, rằng ai đó đang mời tôi
Lời gọi từ phía trước
Lấy gương mặt và hi vọng làm giấy thông hành
Trượt theo chuyến tàu chạy bằng gió và cát
Rập rình tiếng hú
Cong vênh con chữ
Tôi
Đã mơ.

Buổi sáng thức dậy bởi tiếng cửa mình hành cở đại
Tạm dừng cho cuộc đối thoại giữa ngày và đêm.

Tháng 3.02

ĐINH TRƯỜNG CHINH

CẢNH TƯỢNG

Mùa đông bầu trời thường úp ngược thành biển
trên trời cao những con còng lửa đang bò quanh đêm
tôi ngồi mơ các nốt ruồi đang ve vãn trong ly vodka thứ chín
quán rượu khuya những bài jazz mỗi chìm xuống đáy ly
chúng tôi ngồi xoay quanh ngồn ngang đa chiều
kích thích biển bênh bồng trong câu thơ khuya
đong đưa trên bọt rượu
mảng tường treo những bóng ly giữa nền tranh cháy đỏ
khúc jazz trườn quẩn quanh cổ
xiết chặt tôi ngạt thở .
Đêm nay nốt ruồi trên cổ em bồng mọc trên những người con
gái khác.

2-2002

Tìm Kỷ Niệm về Thi Hào Tagore

Đông Hồ

Tôi đã ngần ngại, không muốn kể lại chuyện này vì khi nói ra, phải nói về mình nhiều quá. Có gì khó nghe bằng mình lại kể chuyện mình. Nguyễn Du đã thác lời em Vương Quan mắng chị Thúy Kiều:

Quan rằng: Chị nói hay sao

Một lời là một vận vào khó nghe!

Nhưng anh em văn hóa lại không bằng lòng, anh em nghĩ khác. Nghĩ rằng, cuộc gặp gỡ giữa một ông Thư ký Hàn lâm viện của nước Ấn Độ với một thi sĩ của nước Việt Nam không phải chỉ là việc riêng của hai cá nhân thôi mà nó còn là việc chung văn hóa của hai dân tộc. Bởi vậy những tài liệu sống, đầy đủ, rõ ràng và đúng là rất cần thiết.

Nếu cần rõ và đúng thì còn ai kể lại cho bằng mình tự ký thuật việc mình. Cũng có cách: mình viết rồi ký tên người khác. Nhưng như vậy thì không thành thật. Chúng ta, ai đã đành làm như vậy hay sao. Thôi thì không ngần ngại nữa. Mình thẳng thắn chép rõ việc mình.

Hồi cuối tháng ba dương lịch này, một hôm tôi nhận được điện thoại của ông Thái Văn Kiểm ở Nha Văn hóa. Thái tiên sinh tin cho tôi hay rằng có một vị đại diện cho Hàn lâm viện nước Ấn Độ, nay mai sẽ sang đây, mục đích sưu tầm tài liệu, kỷ niệm về thi hào Rabindranath Tagore ở nước Việt Nam.

Cuộc sưu tầm này rất rộng lớn. Họ châu du khắp thế giới, thu thập tài liệu cho thực đầy đủ, chuẩn bị đến năm 1961 sẽ làm lễ kỷ niệm đệ bách chu niên ngày sinh nhật của thi hào R. Tagore. Họ ghé qua Sài Gòn ta khoảng đầu tháng thư này.

Thái tiên sinh hỏi tôi có tài liệu gì về Tagore thì cho xin, hoặc có biết gì về việc Tagore năm xưa đã từng ghé Sài Gòn thì chỉ dẫn cho. Tôi cũng không hiểu lý do vì sao mà Thái tiên sinh hỏi tôi trong khi còn bao nhiêu người khác đáng được hỏi hơn. Đang lúc đột ngột tôi chỉ phúc đáp được một ít điều:

Năm thi hào Tagore ghé qua Sài Gòn tôi còn ở Hà Tiên, không được trực tiếp gặp mặt. Về tài liệu thì, riêng tôi đã mất mát hết rồi, nhưng tôi có thể chỉ dẫn cho tìm được.

Năm 1924, thi hào R. Tagore đi du thuyết về chủ nghĩa hòa bình. Cuộc du thuyết này đã có ảnh hưởng to lớn, gây nên một dư luận xôn xao trên thế giới.

Nhân loại năm đó, chưa hoàn hồn về tai họa đại chiến 1914-1918. R. Tagore vừa cổ động cho thế giới hòa bình, vừa lên án khoa học Tây phương rất nghiêm khắc.

Vừa thoát khỏi cơn ác mộng hoang mang, gặp Tagore, Tây phương như người sắp chết đuối vớ được chiếc phũ phao. Cũng có một ít nhà tư tưởng Tây phương không đồng ý, nhưng phần nhiều đều ý thức rằng: Đông phương mới là nơi cực lạc, mà chủ nghĩa hòa bình của Tagore là chiếc bè đưa họ qua biển khổ, cho khỏi cơn Âu lục trầm luân.

Sau cuộc Âu du, thi hào R. Tagore về Á Đông. Có dự định ghé qua Việt Nam. Cho nên năm 1924 đó, báo chí nhất là tạp chí *Nam Phong*, nói về Tagore rất nhiều.

Các nhà trí thức Việt Nam đang ngong ngóng đợi.

Bỗng một tin làm cho ai nấy ngạc nhiên. Ngạc nhiên biết bao, khi nghe rằng dân Trung Hoa đã phản đối Tagore kịch liệt.

Ngày cuối tháng 4 năm 1924, Tagore bước chân xuống Bắc Kinh, giới chính khách, giới học sinh làm biểu tình phản đối. Họ tung truyền đơn đả đảo Tagore, họ đòi đuổi Tagore ra khỏi nước Tàu, họ hăm dọa phá rối các cuộc diễn thuyết của Tagore.

Tôi không nhớ rõ, vì không có tài liệu, hình như Tagore cũng có nói được một hai lần, đều bị chính khách học sinh Tàu phá đám.

Vì thất bại ở Tàu trong chuyến du thuyết đó, Tagore không ghé qua Việt Nam mà về thẳng Ấn Độ.

Các nhà trí thức Việt Nam năm đó lấy làm ngạc nhiên. Họ không hiểu tại sao một bậc thi thánh của Á Đông, được Âu Tây hoan nghinh, từ năm 1913 đã lãnh giải Nobel, đi đâu cũng được tiếp đón ân cần, thế mà chính người Á Đông lại không lấy làm quý.

Còn lạ lùng hơn nữa là Ấn Độ và Trung Hoa đã sẵn có hai nền văn minh to lớn, đã sẵn không khí thuận tiện cho hai đảng cảm thông nhau. Thế mà lại bị từ chối, từ chối đến quyết liệt.

Các nhà trí thức năm đó hãy còn lý tưởng lắm, họ chưa nhận được thực tế nước Tàu.

Nước Tàu đang mắc vào một tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Họ phản đối Tagore phải có cái lý của họ.

Chính khách và học sinh Tàu năm đó lý luận rằng:

Nước Tàu vì ham chuộng hòa bình, đắm say thi vị, mê một giấc ngủ mê man, ngót bốn nghìn năm, để cho đến nỗi Âu Tây xâm lấn đất nước, áp bức dân tộc, khiến cho nước Tàu điêu đứng khốn đốn mọi đường. Mới vừa thức tỉnh, bệnh trầm kha vẫn gượng dậy (nên nhớ năm Tagore ghé nước Tàu, sau cách mạng Tân Hợi 1911 mới 13 năm) chưa tìm được phương lược nào đối phó với liệt cường, thế mà bỗng có người đến đem thuyết hòa bình ru ngủ.

Đang say gảy khúc mê hồn ấy chi. Khúc “êm ái xuân tình” của Tagore mang đến, thanh niên chính khách Tàu cho là một cung đàn lỗi nhịp. Trách gì họ chẳng đòi đập bỏ đàn đi.

Nói cho đúng, cũng có trí thức ôn hòa, trong có bác sĩ Hồ Thích, chủ trương phải chăng, cùng với các vị giáo sư đại học lão thành, tổ chức trọng thể lắm.

Ngoài việc đưa R. Tagore vào du ngoạn Tử cấm thành, còn tổ chức mấy buổi hát đặc biệt cho Tagore xem. Họ đem diễn cả vở kịch *Chitra* của Tagore, mà vai đào chính ra trò là tiểu thư, con gái một vị nguyên thượng thư.

Phái ôn hòa này chủ trương rằng: mặc dầu chủ nghĩa hoà bình của R. Tagore đối với nước Tàu hay dở thế nào, nhưng đối với một bậc đại thi gia đệ nhất Á Đông đương thời, cả thế giới đều trọng vọng, thì nước Tàu cũng nên tiếp đãi cho có thể thống.

Sở dĩ tôi kể đông dài việc năm 1924 Tagore thất bại ở Tàu rồi không ghé đây, vì thấy có nhiều người lầm tưởng rằng năm Tagore sang thăm Việt Nam là năm 1924, vì thấy trong năm 1924 đó tạp chí *Nam Phong* đã nói về Tagore rất nhiều và các báo chí cũng báo trước tin Tagore ghé vào Việt Nam.

Bốn năm sau, năm 1929, Tagore mới ghé lại Sài Gòn, có lẽ năm đó Tagore cũng không du thuyết ở Việt Nam, vì biết nói sao cho ổn ở một xứ nhỏ đang bị lệ thuộc Pháp nặng nề.

Năm đó Tagore đi Nhật Bản, đi tàu Angers, vì tàu cần ghé Sài Gòn, nhân dịp đó Tagore lên bờ thăm chơi chính phủ miền Nam nước Việt.

Ấy thế mà các nhà trí thức Sài Gòn năm đó đã tổ chức được cuộc nghinh tiếp thi hào Ấn Độ kể cũng long trọng lắm.

Thật sự năm đó trí thức Việt Nam Sài Gòn nghinh đón Tagore nhằm mục đích chính trị nhiều hơn văn hóa.

Trí thức Việt nam khoảng mấy năm đó đang mê say các nhà lãnh tụ cách mạng ra mặt chống đối với võ lực đế quốc như Moustapha Kémal của Thổ Nhĩ Kỳ, Zaglul Pacha của Ai Cập, Gandhi thuộc hạng chí sĩ, ái quốc dám lên tiếng, dám hành động chống xâm lăng, chống đế quốc thực dân để đòi hỏi độc lập cho nước nhà. Họ không được công khai đón tiếp những Phan Sào Nam, Nguyễn Thượng Hiền, thì họ đón tiếp Tagore cho hả hơi vậy.

Cuộc đón tiếp Tagore nhằm ngày 21 tháng 6 năm 1929 do đảng Lập Hiến và báo *Tribune Indochinoise* chủ trương tổ chức, giới Ấn kiều tham dự.

Tôi nhớ không có diễn văn dài. Hình như một bài ngắn của vị lãnh tụ Ấn kiều, một bài ngắn của Diệp Văn Kỳ hay Trương Văn Giáo, và Tagore có đáp từ bài ngắn ngắn. Bài của Tagore khi đó ai cũng lấy làm khó hiểu.

Ngoài việc nghinh tiếp, tôi nhớ có một việc thú vị, là thi hào Tagore khi thấy quốc phục Việt Nam lấy làm thích lắm. Thi hào ngỏ ý muốn có một chiếc áo dài. Ban tổ chức đưa thi hào đến một hiệu may, hình như hiệu may Bắc. Hiệu may tức thì huy động nhân viên, cắt may tặng thi hào chiếc áo dài bằng gấm màu, việc may nhanh chóng chỉ trong vòng vài ba tiếng, kịp cho mặc đi du ngoạn, chụp hình chung với các vị tổ chức.

Ấy đại khái trong khi không sẵn tài liệu trong tay, tôi đã kể thuộc lòng những việc, cách những ba mươi năm, bằng dây nói với ông Thái Văn Kiểm ở Nha Văn hóa Á châu như trên đó.

Tạm là những cái mốc chỉ dẫn để ai có muốn đầy đủ chắc chắn, rõ ràng hơn thì xin tìm tài liệu ở các thư viện, những báo chí Việt ngữ, Pháp ngữ, Hoa ngữ khoảng trước sau ngày 21 tháng 6 năm 1929. Nên tìm thêm tài liệu ở hội Khuyến học Nam Kỳ, Hội Trí Đức Thế Dục (Samipic), Hội Société des Etudes Indochinoises, Hội Alliance Francaise.

Cũng nên tìm thêm tài liệu ở lãnh sự quán Anh, ở các hội Ấn kiều và cả tài liệu ở Thị Sảnh thành phố Sài Gòn, ở sở Cảnh sát nữa.

Về báo chí của ta thì tôi nhớ báo *Tribune Indochinoise*, báo *Đuốc Nhà Nam* là cơ quan của đảng Lập Hiến. Còn có báo *Phụ Nữ Tân Văn*, báo *Rạng Đông*, báo *Thần Chung*, v.v...

Tôi chỉ dẫn chứng chừng đó mà thôi, chớ tôi không có tài liệu đích xác.

Đầu tháng tư tôi bận việc nhà, nên việc tiếp đón vị Hàn lâm Ấn Độ cũng bỏ quên, không nghe nhắc đến nữa. Tôi tưởng cũng đã xong rồi. Mãi cho đến hôm 8 tháng 4 năm 1959, tôi bỗng nhận được điện thoại của ông Thái Văn Kiểm cho hay rằng: ông Hàn lâm Ấn Độ sẽ đến đây sáng ngày 9 tháng 4 năm 1959. Ở lại đây ngày 10 và đến ngày 11 thì đi sang địa phận

nước Tàu.

Ngoài các cuộc tiếp xúc chính thức với các hội văn hóa, thư viện, bảo tàng viện, đại học viện, bộ Quốc gia Giáo dục, v.v... ông Hàn lâm ngổ ý muốn đến thăm riêng một nhà thơ Việt Nam để nói chuyện cho có tình thân mật hơn.

Ông Thái Văn Kiểm đề nghị nhờ tôi lãnh vai trò thân mật đó. Thái tiên sinh nghĩ rằng: tôi là thi sĩ nửa cũ nửa mới, nhất là đã từng sống vào khoảng 1924-1929, là năm Tagore có tiếp xúc liên quan với giới văn hóa nước mình.

Tôi đã từ chối, lấy lẽ rằng người bình hoạn, nhà ở thì là nhà buôn luộm thuộm, nơi đứng chốn ngồi không đủ trang nhã để tiếp một vị khách quý. Huống chi, hãy còn biết bao nhà học giả văn gia xứng đáng hơn nhiều. Nhưng Thái tiên sinh khẳng khẳng giữ mãi đề nghị trên và bảo rằng: Nếu Đông Hồ không nhận thì Nha Văn hóa cũng sẽ kéo bữa ông Hàn lâm Ấn Độ đó vào, đòi uống trà ở Đại Ấn Am để xem thi sĩ có đuổi ra được không.

Trước cử chỉ thẳng thắn và lời nói chân thành của ông Thái Văn Kiểm, tôi không làm sao chối từ được, đành phải nhận lời vậy.



Nhận lời rồi thì đâm lo lắng. Chương trình ấn định vào 4 giờ chiều ngày 10 tháng 4. Chỉ còn có một ngày một đêm nữa thì khách tới, vậy chuẩn bị đón tiếp thế nào đây cho phải? Vì dầu hèn cũng tiếng là một thi sĩ Việt Nam. Làm sao để cho người bạn văn hóa ngoại quốc có cảm tưởng tốt để giới thiệu thi giới nước nhà. Nhất là cần tỏ cho người bạn láng giềng cùng cảnh ngộ với mình thấy rằng: Việt Nam cũng như Ấn Độ, tuy đã ngót thế kỷ bị văn hóa Pháp xâm lấn, tiếng Pháp đem thế lực thống trị đè nén mà Việt Nam vẫn giữ được nguyên vẹn văn hóa cổ hữu và tiếng Việt vẫn mạnh mẽ tiến lên chống trả, vừa giành lấy được địa vị. Thôi thì chuẩn bị, chuẩn bị thế nào đây. Yiễm Yiễm Thư Trang¹ phải dọn dẹp, thu xếp cho vừa là khách sảnh, vừa là một thư trai.

Phòng ốc trang hoàng, bằng những đàn thanh, tranh thủy mặc, lọ hoa, trầm hương. Khói trầm đượm hương hoa quý, những bức tứ bình, hoành phi. Toàn là rất cổ điển, rất Á Đông. Ngoài các bức liễn chữ Tàu, treo thêm hai câu đối Nôm viết bằng chữ Quốc ngữ.

Một câu treo ở cửa ngoài viết trên giấy đàn chu.

Nước trí non nhân, đất Á chiếm riêng xuân vạn thuở

(1) Tiệm sách và nhà xuất bản của thi sĩ Đông Hồ.

Trăng hiền gió thánh, trời Đông mở rộng ý ngàn phương.

Một câu thứ hai treo chỗ thư trai viết trên giấy hồng đào:

*Văn giữa lòng đời, xã hội mục tuôn dòng hoạt động
Tiếng trong hồn nước, non sông lời mở ánh tinh hoa.*

Khoảng 16 giờ thì ông Nguyễn Khắc Kham, giám đốc Nha Văn hóa đưa ông K. E. Kripalani đến. Có giáo sư Nguyễn Đình Hòa đại diện cho Bộ Quốc gia Giáo dục, giáo sư Nguyễn Đăng Thục đại diện cho Hội Văn hóa Á châu, cụ Nguyễn Công Diệu đại diện cho giới Nho gia lão đại.

Ông Kripalani nói chuyện bằng tiếng Anh. Trong khi đàm thoại thì ông Nguyễn Đăng Thục và ông Nguyễn Khắc Kham nói được ít nhiều, tôi và cụ Nguyễn Công Diệu thì phải nhờ ông Nguyễn Đình Hòa thông dịch.

Bắt đầu, ông Kripalani nói rằng ông rất cảm động mà thấy được tiếp ở một khung cảnh trang nhã khả ái. Nhân ông khen bộ quốc phục tôi mặc rất nên thơ, tôi hỏi ông qua đây đến thư viện, đã tìm thấy bức ảnh của thi hào Tagore mặc quốc phục Việt Nam chưa. Ông bảo là chưa tìm thấy, ông lấy làm tiếc lắm.

Ông Krapilani hỏi tôi về những việc năm 1929, khi thi hào Tagore sang đây. Tôi được lược kể qua mọi việc, đại khái như những điều tôi đã dẫn ở phần trên.

Ông Krapalani hỏi về ảnh hưởng của Tagore đối với Việt Nam, với văn hóa Việt Nam như thế nào.

Tôi đáp rằng: chưa có một tác phẩm lớn nào của Tagore được dịch ra tiếng Việt. Chỉ có dịch được vài ba truyện ngắn, bốn năm bài thơ, ít bài diễn thuyết. Nhưng phần nhiều cũng là dịch theo Pháp văn. Cũng có một phần dịch theo Anh văn. Còn tiếng Bengali, là tiếng quốc ngữ của Tagore đã dùng để làm thơ thì tuyệt nhiên ở Việt Nam chưa có ai học.

Nhân đó, tôi ngỏ ý tiếc cho hai dân tộc Ấn Việt, ở gần nhau văn chương văn học rất cần trao đổi lẫn nhau mà chưa một người Ấn nào học được Việt ngữ cũng như chưa có một người Việt nào học được Ấn ngữ. Hai bên biết nhau qua loa chỉ nhờ trung gian sách Tây phương.

Người Việt Nam ngày nay, biết được văn chương tư tưởng Ấn Độ, qua ngôn ngữ Tây phương, cũng như ngày xưa muốn thông Phật học, phần lớn đều phải học Phật kinh qua bản dịch bằng Hán tự. Vì thế, ông Krapalani đề nghị hai quốc gia Ấn Việt nên tìm phương tiện mở trường cho hai dân tộc học ngôn ngữ lẫn nhau. Điều đó chẳng những bổ ích rất lớn về đường văn học mà còn làm cho hai dân tộc được gần gũi, hiểu biết nhau hơn.

Ông Kripalani hỏi tôi vì sao mà thích Tagore và thích về điểm nào. Tôi đáp rằng:

“Khoảng năm 1925-26, tôi còn ở Hà Tiên, có mở một học xá chuyên dạy toàn tiếng Việt ngữ. Tôi đọc thấy, về phương diện giáo dục, chủ trương của Tagore đúng với ý muốn của tôi hai điều:

1. Một là giáo dục cho con người biết yêu cảnh thiên nhiên, cho lòng con người gần với lòng tạo hóa, tìm ở đó một quan niệm hòa bình cho cuộc sinh tồn vĩnh viễn. Hà Tiên là một nơi sẵn nhiều phong cảnh đẹp: có hồ, có rừng, có biển, có sẵn một khí vị dễ cảm nhiễm. Ngày đó tuổi còn trẻ tôi dám có ước vọng làm cho Trí Đức Học Xá ở Hà Tiên của tôi trở thành nhà tinh xá đại học Santiniketan của Tagore.

2. Điều thứ hai là: Cũng vào khoảng 1924-25 đó, Việt ngữ bị đồng bào chưa giác ngộ khinh rẻ, vì say mê theo tiếng Pháp là tiếng nước thống trị. Tôi đang hô hào cổ động, cần phải lấy tiếng Việt làm tiếng căn bản giáo dục, tôi cần dẫn những bằng chứng để làm vững chắc theo chủ trương của tôi: Tôi thấy Tagore từng nói rằng: “Có học bằng tiếng mẹ đẻ thì chúng ta mới mở trí khôn ra được”. Và Tagore đã dùng quốc ngữ mà sáng tác nên bao nhiêu tác phẩm bất hủ, làm cho cả thế giới đều thán phục.”

Tagore khi đó đối với tôi là một bằng chứng hùng biện để nói chuyện với những người còn nghi ngờ khả năng của Việt ngữ.

Tôi hỏi ông Kripalani, việc Hàn lâm viện Ấn Độ trù tính đến năm 1961 sẽ làm lễ đệ bách chu niên kỷ niệm ngày sinh nhật thi hào Rabindranath Tagore như thế nào?

Ông Kripalani đáp:

“Hiện hãy còn nghiên cứu, chưa ấn định. Chuyến châu du này của tôi, vừa là để thu thập tài liệu, vừa là để thăm hỏi ý kiến các bạn văn hóa mọi nơi trên thế giới, xem phải làm thế nào. Chúng tôi rất ước mong được các bạn Việt Nam giúp chúng tôi, cho ý kiến, cho tài liệu, cho tác phẩm. Điều mà hiện có thể biết được là Hàn lâm viện Ấn Độ phải lo ấn hành những tác phẩm, những tài liệu có liên quan đến thi hào Tagore.

Ví dụ ở Việt Nam đây. Các bạn văn hóa sẽ làm một quyển sách góp ý, nói về Tagore. Mỗi vị cho một bài. Hoặc là nói về ảnh hưởng chung của Tagore đối với văn hóa Việt Nam, hoặc là nói riêng về mỗi nhà văn đã có cảm tình, đã có kỷ niệm gì đối với Tagore. Sách đó sẽ được dịch ra nhiều thứ tiếng, và Viện chúng tôi sẽ phát hành trong dịp lễ kỷ niệm.

Nhân đây, riêng tôi, tôi mong được hoan nghinh ý kiến thi sĩ Đông Hồ và các bạn hiện diện.”

Tôi đáp:

“Từ đây cho đến năm 1961, cũng hãy còn lâu, chúng ta hãy còn nhiều thời gian trù tính. Có lẽ rồi các anh em văn hóa sẽ có dịp bàn tính chung, về việc này. Riêng tôi, là một người làm thơ tầm thường, chưa xứng đáng để lãnh phần danh dự góp công vào.

Ở đây, giới văn hóa hãy còn đông đảo lắm. Giới văn nhân, giới ký

giả, giới thi sĩ. Lại còn giới ca nhạc nữa, vì theo tôi biết, thi hào Tagore, chẳng những là một nhà thơ, mà còn là một nhà âm nhạc, một nhà thẩm âm có tài. Thơ Tagore là nhạc. Mỗi bài thơ là một bản nhạc, mà tiếng Bengali, cũng như tiếng Việt, rất giàu nhạc điệu. Tagore muốn làm thơ, bắt đầu thử ghi nhận âm điệu trước, rồi mới tìm lời sau, y như là nhạc sĩ phổ nhạc. Có lẽ, các nhà âm nhạc Việt Nam chúng tôi, đã có phổ nhạc thơ Tagore rồi, mà tôi không biết. Xem đó thì thấy cuộc góp công vào việc dự lễ kỷ niệm của Tagore sẽ to lớn lắm, và còn cần mở rộng phạm vi cho khắp các giới văn nghệ.

Ngoài các hội văn hóa, như Hội Báo chí, Hội Nghiên cứu liên lạc văn hóa Á châu, Hội Bút Việt, Văn hóa vụ của Bộ Thông tin, Nha Văn hóa, Đại diện cho Unesco, còn Bộ Quốc gia Giáo dục. Chính Bộ mới chính thức, mới có đủ thẩm quyền, có đủ điều kiện đứng ra chủ trương việc này. Chúng tôi có dự vào, cũng chỉ được hân hạnh góp vào đó một phần nhỏ thôi.”

Ông Krapalani ngắt lời, cười bảo:

“Nhưng ngay bây giờ, thi sĩ hãy hứa đi! Hứa đi, rồi chắc chắn sẽ thành công. Vì lời của các thi nhân, xưa nay đều là những lời tiên tri cả mà!”

“Mà thôi,” ông Krapalani nói tiếp, “hiện thi sĩ Đông Hồ riêng đã có kỷ niệm gì đối với Tagore chưa?”

Tôi chỉ lên giá sách, đối diện chỗ đang ngồi, đang treo một bức chữ khổ 50 x 120cm.

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa giải thích cho ông biết đó là một bức giấy dó nhuộm màu hoa hòe vẽ long phụng. Là loại giấy rất quý do thủ công nghệ ở làng Bưởi chế nên. Đây là loại giấy ngự dụng, ngày xưa chế riêng cho Triều đình dùng để viết bằng sắc phong thần và ban phẩm tước cho các quan.

Còn chữ viết là chữ Quốc ngữ viết bằng bút lông mực Tàu, do tôi nghĩ ra, để thay cho chữ thảo của Tàu, mỗi khi có bài thơ câu đối viết treo chơi.

Bài thơ chép trên đó là bài dịch trong sách *Gitanjali*, sách được giải Nobel năm 1913.

Và còn một bài nữa. Tôi đưa ra chiếc quạt giấy nan tre. Một mặt quạt vẽ điểm nhiễm vài nét sơn thủy, một mặt chép bài thơ dịch, cũng như bài trên, dịch ở sách *Gitanjali* của Tagore. Ông Kripalani nhờ ông Nguyễn Đình Hòa dịch qua hai bài thơ cho ông nghe thử.

Bài nào cũng vậy, khi ông Nguyễn dịch đến câu thứ hai, thì ông Kripalani gật đầu, tỏ ý biết rồi. Ông đọc thuộc lòng ngay cả hai bài bằng bản dịch tiếng Anh.

Ông Kripalani nói rằng ông rất lấy làm lạ vì sao thi sĩ Đông Hồ dịch hai bài thơ này. Đây là hai bài thơ mà thi hào Tagore lấy làm đặc ý. Thuở sinh thời, thi hào thường ngâm luôn. Thấy thế phải thu thanh, để giữ lại

giọng ngâm của tác giả.

Ông Krispalani lại cho biết là hiện ông có mang “băng” thu thanh hai bài thơ đó, và vài bài khác nữa, theo cuộc hành trình, hiện để tại sách sạn Majestic. Ông sẽ cho mượn để thu lại giọng ngâm hai bài đó, của Tagore, bằng tiếng Bengali.

Tôi nhờ giáo sư Nguyễn Đình Hòa nói: “Hai bài thơ này tôi dịch từ năm 1929, là năm Tagore sang đây, dịch theo thể song thất lục bát là một thể thơ xưa, bây giờ ít ai làm nữa. Thơ này đã có in trong tập thơ Đông Hồ, xuất bản năm 1932. Hôm nay, nhân ông Krispalani sang đây tìm tài liệu về thi hào Tagore, tôi chép ra: Bức đó hờ long phượng, chép lại bài *Quê Hương Nhân Loại*, thì nhờ ông mang về tặng Hàn lâm viện Ấn Độ. Còn chiếc quạt giấy chép bài *Lời cầu nguyện*, thì riêng tặng cho ông để làm duyên văn hóa.”

Ông Krispalani đứng lên, chắp hai tay để trước trán, cúi đầu như lối nhà sư niệm kinh, cung kính đáp rằng:

“Tôi không dè mà được hậu đãi như thế này: Bức chữ thì tôi mang về giao cho Viện Hàn lâm, chắc chắn là nó sẽ được để vào Bảo tàng viện Tagore. Còn chiếc quạt, ồ chiếc quạt, quý hóa lắm. Chiếc quạt tôi sẽ mang về tặng lại cho bà Krispalani. Bà mới là người xứng đáng được lãnh tặng phẩm này vì vợ tôi là người cháu gái độc nhất của thi hào Tagore đó. Vợ tôi sẽ cảm động biết bao, khi nhận được chiếc quạt thanh nhã do tôi từ xa mang về. Vừa là kỷ niệm của một bạn văn hóa phương trời, vừa là kỷ niệm của tổ phụ trong gia đình.”



Phần mìn đàm, phần tổng tặng cũng đã tạm đủ. Sau cùng, dành phần cho từ ý văn hoa thúc kết buổi tao phùng. Tôi đọc mừng ông một bài nghinh từ nhỏ. Là lời nói của giới văn hóa Việt Nam gửi gắm cho ông thư ký Hàn lâm viện Ấn Độ:

Thưa,

Có một con sông, bắt nguồn từ chỗ cao siêu tuyệt vời, đổ ra chỗ sâu thẳm mênh mông; chứa chan lai láng khắp các lòng đất.

Từ cội đất rất gần, đến cội đất rất xa, góc hẻo lánh quanh hieu nào mà không được giọt nước con sông nọ, nhiều ít, tắm tưới thấm nhuần, cho lòng đất được mát mẻ, hồn đất được êm đềm.

Đời đời kiếp kiếp, không cách dòng đứt quãng bao giờ.

Đó không chỉ là con sông Hằng hà, con sông Hằng hà mà số cát “Hằng hà sa số” tượng trưng cho vô lượng vô biên; mà đó còn là nguồn triết học đạo lý của nước Ấn Độ. Cũng như con sông kia, nguồn triết học đạo lý nọ,

đã phát nguyên từ chỗ cao đại vô cùng rồi chảy tràn ra chốn yên thâm bất tận, vĩnh viễn tắm nhuần cho lòng nhân loại. Đời đời kiếp kiếp, không cách dòng đứt quãng bao giờ, cho đến ngày hôm nay.

Chiều hôm nay, Ngài đến với chúng tôi, cũng như chiều hôm xưa, cách đây vừa đúng 30 năm, thi hào Rabindranath Tagore đã đến với chúng tôi.

Ngài đã noi theo dòng nước nọ mà đến đây.

Chẳng lạ lùng, không bỡ ngỡ, chúng ta tiếp xúc nhau, như đã quen thuộc tự bao đời.

Chúng ta há đã chẳng cảm thông nhau từ bao thế kỷ rồi đó hay sao, nhờ chúng ta đã từng cùng nhau soi bóng trên dòng nước trong xanh nọ. Đã từng cùng nhau cúi xuống vốc giọt nước thanh khiết² mà uống vào lòng, đã từng tắm gội chung một dòng đạo lý thiêng liêng.

Từ bao thế kỷ, nước sông Hằng hà đã chẳng hòa lẫn với nước sông Mê-kông, nước sông Đồng Nai đó sao.

Hai bài thơ, năm xưa, tôi dịch được ở tập Gitanjali, hôm nay, chép ra đưa tặng, nhờ Ngài mang về cho Viện Hàn lâm quý quốc; là chút kỷ niệm chung đối với đại thi hào của nhân loại.

Ngài chắc đã nhận ra rồi, mực chép bài thơ này, là mực mài với nước có lẫn nước sông Hằng hà đó.

Và còn đây, chén trà nghinh tiếp Ngài hôm nay, Ngài nếm xem, có đúng là trà pha với nước có lẫn sông Hằng hà đó không.



Tôi đọc xong thì được dịch ngay ra Anh văn. Ông chăm chú nghe.

Bài nghinh từ, tôi chép tay, trên giấy vieux vélin, đóng thành tập, bìa kim bảng, đưa ông giữ.

Ông Krispalani tỏ vẻ rất cảm động, hai tay trịnh trọng đón lấy tập văn, nói thêm mấy lời tạ lãnh, rồi thì tôi đưa ông Hàn ra sân. Chủ khách chấp tay làm lễ bái biệt.



Đêm đó, bác sĩ Gupta, lãnh sự Ấn, mời ông Krispalani ăn cơm; đến dự có mấy vị đại diện cho bộ Giáo dục, cho các cơ quan văn hóa.

Trong tiệc, nói chuyện vui vẻ thân mật lắm.

Có một việc, tình cờ xảy ra, tôi chép ra đây, kể như là giai thoại.

(2) Sông Hằng (Gange) hiện là con sông “tinh khiết” nhất nhì thế giới!!!

Nhơn trong khi ăn, nói về lối ăn cầm đũa và không cầm đũa của người Á Đông, nói về các món ăn Việt, các món ăn Ấn, nói về sự điều chỉnh cay nồng mặn nhạt của mỗi dân tộc khác nhau, tôi có kể một câu “chuyện đời xưa”:

Tôi kể:

“Đêm nay, bọn mình nói nhiều về chuyện ăn, tôi chợt nhớ lại, ngày xưa, có một bậc thánh không thích nói chuyện ăn, đúng hơn là không thích ăn nữa. Ông Thánh đó, trong tay không một tác gươm, không một viên đạn, suốt đời chuyên dùng chiến thuật làm nư nhin đói, mà đánh ngã được một đế quốc to lớn, khiến cho kẻ xâm lăng cũng phải kính nể mà hàng phục.

Thế mà mĩ may thay! Ông Thánh đó không chết vì đói chẳng những không chết vì đói khát mà cũng không chết vì tù đầy. Đợi cho đến ngày quốc gia giành được lãnh thổ, dân tộc giành được độc lập rồi, chỉ vì nội loạn, hai tôn giáo tranh chấp nhau mà ông Thánh đó bị một kẻ cuồng tín cầm một vũ khí tầm thường giết chết.

Chuyện thật là lạ lùng!

Nghe tin Thánh bị ám sát, đồng bào của Thánh lấy làm đau đớn lắm, có làm lễ truy điệu tại hội quán, trong ngôi đền thờ ở đường A. Dupré, bây giờ là đường Thái Lập Thành.

Có một thi sĩ, đang cảm khái về nỗi nước nhà tao loạn, ngồi ở một quán đối diện, nhìn qua cuộc lễ truy điệu, lòng thấy buồn một nỗi buồn thời thế. Thi sĩ ứng khẩu bốn câu:

*Dân ba trăm triệu chia Hồi Ấn
Một tấm thân gầy lo xác khô
Cõi Phật từ nay Người nhịn đói
Cuộc đời thôi mặc kẻ ăn no!*

Ông Thánh nhịn đói đó là ai, chắc các ngài đã biết rồi; còn anh thi sĩ buồn ngông ngông nọ, là người hôm nay đang được ngài “ăn no” với các ngài đây.”

Ông Krispalani nhờ ông Nguyễn Đình Hòa dịch bài thơ của tôi, chép vào quyển lưu bút của ông. Rồi ông kể thêm rằng: Năm 1948, khi Thánh Gandhi bị ám sát, thì ông đang làm tùy viên văn hóa ở Brésil. Sứ quán Ấn nhận được hung tin, loan truyền ra, cách mấy tiếng đồng hồ sau, có một nữ sĩ nhỏ người Brésil cũng làm một bài thơ cảm động lắm.



Tiệc xong, ông Krispalani nhờ Đông Hồ ngâm hai bài thơ dịch *Gitanjali* của Tagore, nhờ ông lãnh sự Gupta thu thanh để ông mang về Ấn Độ.

Mấy hôm nay, người mệt, chiều nay lại uống nhiều nước trà, giọng đục quá. Nhưng cũng đành phải nhận lời, cốt ngâm lấy từng tiếng, từng chữ rõ ràng.

Bác sĩ Gupta nói trước mấy lời giới thiệu, rồi đưa ống thu thanh cho tôi. Tôi lên giọng:

Quê Hương Nhân Loại

*Đó là chốn lẫm tằm khí cốt
Đó là nơi khoáng đạt tâm hồn
Là nơi bác ái chứa chan
Là nơi chẳng có tương tàn tương ly
Đó là chốn trí tri cách vật
Đó là nơi nỗ lực thành công
Là nơi đạo lý quán thông
Thanh cao chẳng lẫn trong vòng tối tăm
Đó là chốn vững cầm thiên lý
Bước vào nơi ngõ trí đường nhân
Thảnh thơi trong cõi tinh thần
Quê hương nhân loại muôn phần tỉnh tươi.*

Lời Cầu Nguyện

*Cầu nguyện đấng toàn năng toàn trí
Đánh tan lòng vị kỷ đê hèn
Cầu cho lòng được tự nhiên
Khi vui vui thoả khi buồn buồn qua
Cầu cho được tài hoa lỗi lạc
Để đem thân gánh vác việc đời
Lòng ta nguyện với lòng trời
Gần đời cao thượng xa đời nhỏ nhen
Nguyện đừng khuất phục quyền uy vũ
Nguyện đừng khinh bỏ kẻ khốn cùng
Lòng trời xin tựa cho lòng
Trong khuôn số mạng vui cùng hóa nhi.³*

(Dịch hai bài thơ XXXV và XXXVI
ở sách *Gitanjali* của R. Tagore)



Tôi ngâm xong, hai ông cảm ơn nói:

Tiếng ngâm này đến năm 1961 sẽ đồng vọng trong buổi lễ đệ bách chu niên của thi hào Rabindranath Tagore, rồi sẽ còn ngân nga vĩnh viễn ở nước chúng tôi.

Về việc tìm tài liệu kỷ niệm thi hào Tagore

Nhân thấy được phần đầu hai bài ký sự này đăng ở *Bách Khoa* số 56, nữ sĩ Ái Lan cho tôi hay là nữ sĩ có giữ một kỷ niệm về thi hào Tagore rất quý.

Năm 1929, khi R. Tagore đến Sài Gòn, thì anh của nữ sĩ là cố ký giả Lê Trung Nghĩa làm phóng viên cho báo *Tribune Indochinoise*. Lê Trung Nghĩa vừa là một phóng viên nổi tiếng, vừa là một họa sĩ có tài, bấy giờ đến phỏng vấn thi hào Tagore tại khách sạn Continental.

Thi hào Tagore đã ngồi yên tại chỗ cho họa sĩ Lê Trung Nghĩa tìch vẽ truyền thần chân dung thi hào. Hình trức diện, râu tóc bạc, áo đen, ngồi cầm bút, đặt tay lên bàn. Vẽ bằng than đen, trên giấy trắng cứng, khổ 50 x 65cm.

Bức vẽ này, họa sĩ Lê Trung Nghĩa ký tên, đề ngày 22 Juin 1929 ở dưới. Và thi hào Tagore ký tên vào phần trên chỗ tay cầm bút, đề ngày theo lối Anh Mỹ: June 23-1929.

Bức vẽ này thực là một văn nghệ phẩm rất quý, một kỷ niệm tốt cho làng văn hóa, hiện còn giữ nguyên vẹn tại nhà Ái Lan ở Bàn Cờ.

Tôi mách như vậy để các cơ quan văn hóa và lãnh sự quán Ấn Độ ở đây lưu ý, nếu có cần, thì tìm hỏi vị chủ nhân trân tàng.

Nhân đây, tôi nghĩ các nhà văn hóa có kỷ niệm. Có cảm nghĩ về Tagore, nên công bố lên báo, để tiện việc cho người sưu tầm về nhà đại thi hào này.

(Trích *Núi Mộng Gương Hồ*, hồi ký của nữ sĩ Mộng Tuyết, quyển 1. Tựa đề của trích đoạn này do Tạp chí Thơ.)

(3) Bản Anh ngữ của nxb Macmillan, London, 1913 (không ghi tên người dịch):

35.

Where the mind is without fear and the head is held high;

Where knowledge is free;

Where the world has not been broken up into fragments by narrow domestic walls;

Where words come out from the depth of truth;
Where tireless striving stretches its arms toward perfection;
Where the clear stream of reason has not lost its way into the dreary desert
sand of habit;
Where the mind is led forward by thee into ever-widening thought and action
^{3/4}
Into that heaven of freedom, my Father, let my country awake.

36.

This is my prayer to thee, my lord ^{3/4} strike, strike at the root of penury in my
heart.

Give me the strength lightly to bear my joys and sorrow.

Give me the strength to make my love fruitful in service.

Give me the strength never to disown the poor or bend my knees before in-
solent might.

Give me the strength to raise my mind high above daily trifles.

And give me the strength to surrender my strength to thy will with love.

HUỲNH HỮU ỦY

NGÔI SAO CHỎI CỦA THẾ KỶ MỚI

Buổi chiều ngồi bên bờ biển, nhìn
những đám mây trôi qua, trôi qua,
và hấn thấy mọi chuyện dường như
chẳng có nghĩa lý gì. Mỗi lửa

chiến tranh đang muốn nổ bùng khắp
nơi khắp nước khắp địa cầu. Những
đám mây xám cũng đang biến dạng
thành mây lửa vùn vù tàn khốc.

Mưa gió bầm dập đã mấy ngày
đường ngập lụt và những sấm sét
cùng mây lửa không biết sẽ bùng
nổ lúc nào. Và ngôi sao chổi

ấy, ngôi sao chẳng ai trông đợi
thì đang quét qua hắc ám trên
đàn chiến hạm đổ về vùng biển
nhắm tới. Hấn trốn chạy một nơi

hung bạo để đến an toàn khu,
thì hóa ra trung tâm thanh bình
đã trở nên chính là trung tâm
của lửa. Chẳng nghĩa lý gì, mẹ

kiếp, chẳng nghĩa lý gì. Con chim
hòa bình ngậm trái đất và cành
nguyệt quế bay đi, chỉ còn ngôi
sao lửa đang cháy đỏ khốc liệt

tàn bạo chính giữa trái tim từ
bi của thời đại mới.

Feb 13, 03

THỬ BƯỚC THEO CON ĐƯỜNG TÂN HÌNH THỨC

Ông Khế Iêm giục tôi hoài viết thử
những bài thơ lòng vòng không câu kéo,
vắt từ giòng này qua giòng kia, chữ
này qua chữ nọ, đoạn nọ qua đoạn

kia, mà có thể cũng chẳng cần chấm
phết dấu hỏi dấu than dấu nối dấu
gạch chéo quái quỷ gì cả. Sợ mất
lòng bạn không dám cười phì chỉ cười

thầm trong bụng, vậy mà đọc riết cũng
quen tai lại nữa, đọc mấy lời đùa
cợt gọi là thơ tân kỳ rắc rối
chỉ bằng lời và chữ đời thường của

ông cuồng sĩ thời đại bỗng cũng thấy,
cũng thấy là cái gọi là vắt giòng
nhảy lung tung, chạy nghiêng ngửa hóa ra
cũng tạo được một vẻ thơ mộng rất

lạ. Vậy thì tôi cũng viết bừa viết
thử vài câu và nói theo kiểu của
ông Khế Iêm ông Nguyễn Đăng Thường ông
Phan Tấn Hải là thơ tân hình thức.

Tôi muốn làm vỡ tấm kiếng tân hình
thức Khế Iêm thành tân hình thức của
tôi. Không vần, không nhịp, không chấm không
phết, xộc xệch và bệ rạc tôi chạy

lung tung giữa những chữ. Tôi vô chính
phủ tôi tự do tuyệt đối giữa tân
hình thức.

2.2003

NHÂN DANH

Lửa nhân danh con người
mà hòng sủng thì đen
ngòm và những cột khói
những trái nấm lửa vẫn

âm ỉ qua mùa đại
nạn. Lửa nhân danh con
người nhân danh hòa bình
nhân danh chân lý tự

do. Ngọn lửa ấy đang
muốn thiêu đốt quả cầu
xanh và màu xanh của
lá màu diệp lục. Và

hơi thở cùng giấc mơ
của đất thì như đang
muốn tắt thở. Này những
lời dối trá, mẹ kiếp,

những nhân danh và bóng
tối địa ngục lòng người
mẹ kiếp chiến tranh, mẹ
kiếp nhân danh, mẹ kiếp

hòa bình công lý.

2.2003

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

ĐI CHƠI TẬP THỂ

Không biết ai đó nói
bì giờ mình la lên
là có tiếng vọng lại,
rồi cũng chẳng biết ai

là người đầu tiên hét
lên một tiếng, rồi người
thì hùng hổ réo tên
mình, kẻ thì giơ hai

nắm tay lên la to:
— ai đó, thôi thì đủ
thứ câu hỏi và trả
lời. Con bé đứng cạnh

tôi cong cả người lại
gào: — Minh ơi, làm tôi
giật bắn mình — gọi tui
hả — dả, đâu tên bồ —

à, ra tên bồ, hèn
chỉ nó hơn hở hết
sức. Nói chung ai cũng
hết sức hơn hở la

hét, kêu, gào, rồi nghếch
mặt lên chờ tiếng vọng
lại của mình, mà có
nghe ra cái gì đâu,

ngoài tiếng ồm ồm, vậy
mà lúc ra về ai
cũng cười thoả thuê làm
như rất đã, khi được

hét loạn lên như thế,
và trong mớ tạp âm
vọng lại kia họ khoái
chí vì chắc mẩm là

của mình. Có một người
không la không hét gì
cả, nên giờ y là
kẻ duy nhất không cười.

2/2003

MẸ ƠI IN THƠ RA ĐỂ LÀM GÌ

Đó là câu đứa con trai nhỏ
không phải hỏi, mà như có giọng
của kẻ đang nhìn một kẻ làm
chuyện vô bổ, vừa về đến nhà

nó hớn hở — con thấy thơ của
mẹ chưng ở tiệm sách, nhưng — giọng
của nó hơi xù xuống — con đứng
hoài mà hồng thấy ai mua hết

trọi — tới đây nó chột nói nhỏ
lại như nói thầm — cả bố nữa,
con nói bố mua cho mẹ một
cuốn bố cũng hồng mua, bố còn

nói không thấy ở nhà còn cả
đồng sao — nhưng con muốn bố mua
để làm gì — không hiểu sao tôi
cũng cái giọng thầm thì như nó

— thì để tiệm sách trả tiền lại
cho mẹ, mà mẹ ơ — nó bỗng
nói to — nếu hồng bán được họ
trả thơ lại cho mẹ, hả mẹ —

tới phiên ông chồng — để bán ve
chai con à — ừ nhớ có lần
bác Bùi Giáng cầm một cuốn thơ
cũ của tôi lên dử dử — nè

tui lượm cuốn này ở bà bán
de chai đó ghen có đề tặng
nữa à — biết nói sao cho đỡ
quê, thơ mình đề tặng còn bị

bán ve chai nữa là, nhớ một
ông bạn nhà thơ còn nói — tặng
thơ rồi còn phải thêm một châu
bia nữa may ra tui mới đọc

dùm — thằng con sẽ nói gì nếu
nó biết hiện giờ tôi còn một
cuốn thơ đang chờ giấy phép để
in? nó vẫn còn đang lải nhải

với ông bố nó — sao mẹ in
thơ chi cho lỗ tiền há bố,
tội mẹ quá à, nếu có tiền
con mua cho mẹ một cuốn liền —

Cám ơn con nhiều lắm, Bảo Chương

2/2003

TRẦN THỊ MINH NGUYỆT

ĐÌNH TRĂNG CHỜ

Dưới mắt thiên hạ, rành
rành tôi là gã đói,
xiêu vẹo, lạc kiếp, vậy
mà khi gặp em, tôi

bỗng trở thành giàu có,
hạnh phúc nhất. Em nhẹ
nhàng rẽ lối, bước vào
tôi, khi vai thon nồng

môi, khi tay mềm thấp
cháy, khi thịt da... Tôi
cuống quít trăm tay, ôm
bắt. Chiều nay em trần

trọng mang đến tôi món
quà: đôi cánh màu tươi,
núi, biển, chiều, đầm đầm
màu trắng, màu đêm

màu em và màu tôi.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

TÔI THẤY SÀI GÒN

Saigon internet rất chậm, xe
ôm thì phóng rất nhanh. Bụi nóng cây
xanh saigon khó mọc. Đám phụ nữ
kỳ bí, thi đua bịt mắt các nữ
phi tặc hành hung trượng nghĩa giữa ban
ngày. *Tôi ra đi nơi này vẫn thế*
*lá vẫn xanh trên con đường nhỏ** dân
vận và lừa tôi lừa cả mọi người.

Saigon tình yêu bức xúc chưa đủ
chiều trai gái đã ghì siết hôn nhau
trên yên xe máy chật ních trong công
viên vì sao không đủ ghế đá thiếu
cả cây to bóng cả che dùm. Tôi
trả 10 đô la qua đêm bức bối
khách sạn có máy lạnh đúng vào đêm
saigon điện cúp. Bọn tây la âm
bọn nhật xí xô ba lô. Tôi ưu
tiên tiếng Việt hô to. Có đèn cây
không cô. Tôi cần để viết. (Thật ra
tôi sợ bóng tối âm hồn hồn ma
bình nguyên lộc vương hồng sến nguyên hiến
lê pétus ký lục vân tiên về
hỏi tội nói tôi nói nhảm nói dài
sai) saigon đánh hơi tiền thật nhanh
đến đích cho nhanh ai đâu loanh quanh

vòng vo thời tam quốc. Saigon không
 có ai chịu xem ti vi chương trình
 ban ngày của nhà nước. Mỗi chiều từ
 giám đốc công nhân chủ quán trừ các
 bác các anh chị em ít vốn còn
 lang thang rao bán bắp luộc bắp xào
 giấy số phở bò viên kẹo gum mì
 gõ tất cả an toàn vừa ăn cơm
 trên sàn gạch bóng vừa tưng bừng mở
 quạt đón chờ xem đá banh phim truyện
 hàn quốc. Các yunkiyun souchan
 con ông giám đốc cam nhưng không điếc
 tha thiết yêu không biết rồi có lấy
 được souchan không. *Saigon nắng mưa*
 chiều chủ nhật cho em bây giờ mất
*tình đưa** em nào cũng đeo kiếng bịt
 mặt nên tôi chưa thấy được có đôi
 mắt nào chịu đưa tình với tôi không.

Saigon đêm tôi thức khuya nơi khách
 sạn 10 đồng đêm có con rít thật
 trăm chân uốn éo từ góc chân tường
 bò ra (không phải con rít mốc chết
 chìm trong hũ rượu ngâm đâu nghe.) Tôi
 lên gân giậm một chân phát hiện rít
 chết không kịp ngáp. Saigon dậy sớm
 tập thể dục múa gậy vườn hoa ngưỡng
 thiên bái địa. Qua tivi mọi phát
 thanh viên bản tin thế giới đều đọc
 tên powell là pao oeo mọi nam phát
 thanh viên đều trẻ đẹp hơn tom cruise
 tất cả các nữ phát thanh viên đều
 vượt hẳn hơn hoa hậu hai ngàn lẻ
 ba phạm mai phương. Saigon qua ti
 vi đã lọc đi bụi ôi là bụi.

Saigon 3/2003

**lời nhạc trịnh công sơn

PHAN TẤN HẢI

CÓ HƠI THỞ NGẮN CÓ HƠI THỞ DÀI

Tôi ngồi hít thở hơi ra hơi vô
hơi dài hơi ngắn, xin cho đất trời
bình an, mưa thuận gió hòa, cơm ăn
đủ no áo mặc đủ ấm, tôi ngồi
hít thở hơi ngắn hơi dài hơi vô
hơi ra hít thở ngồi tôi tôi ngồi
ngồi tôi tôi ngồi thở hít hít thở
dài ngắn hơi ra ngắn dài hơi vô,
xin cho bình an đất trời, gió hòa
mưa thuận, cho mẹ cho em cho chị
cho anh đủ cơm mỗi ngày, đủ áo
cho ấm, nước mắt rưng rưng lở mang
nghịch nặng tôi ngồi hít thở Tôi đứng

thở hít đứng tôi hít thở, hơi ngắn
tôi biết hơi ngắn, hơi dài tôi biết
hơi dài, nhìn đủ trong tôi mùa xuân
mùa hạ mùa thu mùa đông ẩn tàng
hơi thở, một hơi này dài hơi ấm
mùa xuân, hơi sau ngắn lại nắng hè
quá gấp, bụng phình ra thở hơi ngắn
hơi dài mang đi nỗi buồn mùa thu
đổ lá, lạnh giá hơi thở mùa đông
run rẩy nhớ nhau, thở tôi đứng hít
hơi ra hơi vào, xin cho an bình
ngày ngày thế giới, cho trẻ nhỏ vui
ngày ngày đi học... Thở hít trong tôi

đất trời bao la, có hơi dài ngắn
 hít thở trong tôi, có mây trong phổi
 có gió ngang môi có rừng xao xác
 hàng mi trước mắt có biển rạt rào
 trong hơi thở ngắn trong hơi thở dài
 có biển cuồn cuộn trong hơi thở gấp
 trong hơi thở gắt tôi ngồi tôi đứng
 tôi đi tôi nằm tôi chạy vẫn thở
 trong tôi đất trời kinh ngạc có cây
 có đôi tôi mẹ có em có rừng
 Tây Tạng vì vu nghìn năm có sừng
 trâu gỗ Lão Tử vọng về, thở hít
 trong tôi hơi ngắn hơi dài xin cho
 bình an đất trời xin cho trẻ nhỏ
 ngày ngày đủ ăn.... Hít thở trong tôi

hơi dài hơi ngắn thở hít tôi trong
 hơi ngắn hơi dài có hơi thở đỏ
 có hơi thở xanh có hơi thở vàng
 có hơi thở đen xin cho đau khổ
 trần gian xin cho hung hiểm đất trời
 vào theo hơi thở, tôi ngồi tôi chịu,
 tôi đứng tôi chịu khổ đau trần gian
 cho em cho mẹ cho chị cho anh
 an bình bình an, hơi đen tôi thở
 cho trẻ hết bệnh, hơi vàng tôi thở
 cho mẹ hết đau, hơi xanh tôi thở
 cho chị khỏi đói, hơi đỏ tôi thở
 cho người rũ hết bao nhiêu căm thù
 hơi dài hơi ngắn buông sạch ngàn đời
 oan nghiệt.... Tôi ngồi tôi thở tôi đứng

thở tôi tôi về Sài Gòn về tôi
 Nha Trang tôi về Ban Mê về tôi
 Hà Nội tôi thở tôi có biển
 trong mắt có gió trên tóc có lời
 yêu thương ngàn ngày trăm ngày tôi thở
 thở tôi tôi đi tôi đứng tôi ngồi
 tôi nằm hơi thở trong tôi có thở
 trong tôi có đôi mắt em đôi nhìn
 trong tôi có tôi quỳ lạy đất trời

tạ ơn có tôi lạy quỳ mưa thuận
gió hòa cho mẹ cho em đủ no
đủ ấm có tôi thở hít có tôi
lạy quỳ xin cho người người giải thoát
xin cho người người đời đời thoát khổ....

Hơi thở thở hơi hơi ra hơi vô
hơi dài hơi ngắn có gió rì rào
có biển ca hát có rừng nghiêng chào
có Nha Trang buồn có Sài Gòn vui
có thở có hơi có ngắn có dài
nhưng không có tôi nhưng không có chị
nhưng không có em nhưng không có mẹ
nhưng không có khổ nhưng không có đau
ngàn năm qua rồi tỉ năm qua rồi
có hơi thở ngắn có hơi thở dài
có bầu trời cao mây tan từ thuở
đất trời bình an, có bờ cát trắng
dấu chân sắp mờ.... Có hơi thở ngắn

có hơi thở dài có hơi thở dài
có hơi thở ngắn có đủ bốn mùa
gói trong hơi thở có đủ trời sao
trắng mây gió lộng trong một thở hơi
trong một hơi thở, không mẹ không em
không chị không tôi không người không hề
một người không ta không ai không thấy
một ai không ai một thấy không hề
một ai không ai một hề, chỉ có
hơi thở chỉ có thở hơi....

Độc Tuyển Tập Thơ Những THIÊN THẦN Nổi LOẠN

Arthur Mortensen

Một tuyển chọn những đóa văn vần” — đó là câu diễn tả tuyển tập là gì trong OED (Oxford English Dictionary). Theo Orthodox Church (Giáo hội Chính thống) Hy Lạp, tuyển tập là một tuyển chọn những bài viết sùng đạo. Có lẽ các tuyển tập thơ là cả hai. Chúng còn có thể là tuyển tập những thông điệp chính trị, mặc dù bạn sẽ không tìm thấy nghĩa này trong bản OED đương thời. Có rất nhiều tuyển tập thơ phát hành mỗi năm tại Hoa kỳ, hầu hết là những đóa hoa mà ít người muốn hái. Tuy nhiên, cuốn này lại khác.

Và thật vậy, trước hết, tuyển tập này tập hợp được hầu hết những nhà thơ trẻ hơn trong phong trào Tân Hình Thức. Trên hai mươi năm vừa qua, phong trào là một phần biến dạng rộng lớn trong thơ mà châm ngôn sau đây trở thành ưu thế: *cách làm một bài thơ quan trọng như điều nó muốn nói*. Đây cũng là khác, mặc dù có thể khiến người ở ngoài địa hạt thơ lấy làm kinh ngạc rằng một châm ngôn như thế lại có thể được nói lớn ra. Có phải hầu hết những diễn đạt nghệ thuật đều phát triển từ cuộc hôn nhân của thể thức, đam mê và phân tích?

Thí dụ như trong jazz, bạn không thể chờ đợi Diane Reed nói rằng “chúng tôi phải hát dở để truyền đạt tới thế giới như thế đó.” Và bạn cũng không chờ đợi Spielberg ném một mớ xà bần những hình ảnh phân mảnh lên màn bạc là “hình ảnh đúng duy nhất của Holocaust.” Và bạn cũng không chờ đợi Stanislaw Lem viết một truyện dài hai trăm năm mươi trang về mình và gọi đấy là khoa học giả tưởng. Dẫu vậy, qua thời gian dài, những ý tưởng tương tự lại là quan điểm chính thức của một nhóm nhà phê bình và nhà thơ riêng biệt. Có thể đó là lý do tại sao rất ít độc giả đương đại để ý đến thơ của người trong những nhóm ấy. *Tại sao thứ thơ ấy quan trọng*, Dana Gioia có lần đã hỏi. Thật vậy, tại sao? Từ lâu, nhà in Story Line Press đã cố gắng thay đổi khái niệm ấy, không phải bằng cách ép ăn thứ cũ, mà đưa những nhà thơ đến với người đọc.

Thật ra, trong khoảng mười năm trở lại, Story Line Press là tiếng nói quan trọng nhất giữa những tiếng nói đòi đổi ngược thẩm định thịnh hành về nhà thơ và dòng thơ. Và một cách là họ tái giới thiệu thơ qua hình thức truyện ngắn hay truyện dài. Với *Iris*, cứng cỏi như truyện của Nelson Algren, hay *The Diviners*, hay *City Life*, hay *There You Are* của Louis Simpson, những nhà biên tập của Story Line Press đã cố gắng cho thấy, thơ có thể hay như văn xuôi trong tiểu thuyết. Bạn sẽ không thấy chúng trên bản liệt kê sách bán chạy nhất trên báo *Times*; có thể sẽ không bao giờ có. Nhưng, như một dòng sông bắt đầu từ con suối bên ghềnh núi, biết bao thay đổi trong khái niệm và lạc thú đại chúng của một hình thái nghệ thuật. Dù vậy, câu hỏi vẫn là, Mark Jarman và David Mason đã đóng góp gì cho mục đích ấy qua dẫn giải cuốn *Rebel Angels*?

Thường có nhiều cú đánh rẻ tiền nhắm tới các tuyển tập. Một trong những cú đó là than phiền về những người góp mặt, hoặc về những người bị bỏ quên. Người khác thì bắt bẻ về những tin điệp lầm lẩn trong tựa đề. Có người lại thách đố những thỉnh ý ở bìa sau. Thí dụ điển hình, đây không phải là tuyển tập đầu tiên về thơ hình thức có nhạc tính của phong trào Thơ Mới Rộng. Chính cuốn *A Formal Feeling Comes* (biên tập bởi Annie Finch) của Story Line mới đủ tư cách đó. Ta có thể than phiền cả đêm về những điểm nhỏ nhặt như thế nhưng kết quả chỉ làm mất ngủ mà thôi. Những vấn đề thật sự của thi tập này có thể tìm thấy bằng cách trả lời những câu hỏi sau đây:

- 1) Những bài thơ trong đó có hay hay không?
- 2) Thi tập có trưng ra được mẫu mực thích đáng về những người trong những địa giới đó không?
- 3) Tuyển tập này có làm sáng tỏ ý tưởng mà các nhà biên tập đã đưa ra là cơ bản cấu tạo nên nó hay không?

Qua cả ba điều trên, *Rebel Angels* đáng được nằm trên kệ sách nhà bạn. Luận bàn kế tiếp sẽ cho thấy tại sao, nhưng trước hết, là cái thán từ

này: một lời than phiền lớn nhất đã bị ném ra ngoài cửa sổ là “làm thế nào mà truyện kể lại bị bỏ quên để ưu tiên cho thơ hình thức, thơ ngắn, có nhạc tính v.v...” Nhưng Story Line đang sửa soạn tiến hành cuốn thi tập thứ hai dành cho phong trào Thơ Mở Rộng, một thi tập về thơ tính truyện. Với kỳ vọng tốt đẹp về cuốn này báo trước lời than phiền riêng ấy, đây là lúc trở lại với tại sao *Rebel Angels* đáng để bạn quan tâm.

Những bài thơ tuyệt diệu. Mẫu mực rộng rãi và bao hàm. Một số quan điểm và âm hưởng, đều bày tỏ qua “điều luật để phóng thích,” như Richard Moore nói về thi luật và hình thức, gợi ý rằng các nhà biên tập đúng, thi luật và hình thức không gò ép mà lại làm tăng giá trị cho phát biểu, bất kể chủ đề nào. Trước hết hãy nhìn đến bài thơ “Aunt Toni’s Heart” (Tấm lòng của dì Toni) của Rafael Compo, một trong những bài thơ mạnh mẽ tôi đọc được sau một thời gian dài:

... an afternoon of sticky kisses, sweets –

Parked cars made silver rivers from the streets.
I’d hide beneath the table where the men
Playd poker in the smoky shade. They bent
Their cards. Red wine, cigars and pepperoni.
It wasn’t really whispers when Aunt Toni
Sat right down beside my Uncle Joe – surprise
Is more like it – and stared into his eyes...

... một buổi chiều của những cái hôn dính, thức ngọt –

Xe đậu thành dòng sông bạc trên đường.
Tôi trốn dưới bàn nơi bọn đàn ông
Chơi xì phé trong khói thuốc. Họ bẻ
Lá bài. Vang đỏ, xì gà và xúc xích.
Không hẳn là thì thầm khi Dì Toni
Ngồi cạnh Dượng Joe của tôi – ngạc nhiên
Đúng hơn – và nhìn thẳng vào mắt ông...

Cách diễn tả thẳng thắn, đương đại, những chi tiết bén nhọn, những động từ và danh từ mạnh mẽ – có phải vì thế mà đệ tử của W.C. Williams cho là “thơ tự do?” Và tuy vậy, bạn không tìm đâu ra bài thơ tự do nào bén nhọn như bài thơ này. Nhịp điệu văn xuôi tạo nên một cường độ mạnh mẽ với vần luật cặp đôi của những dòng thơ; chuyển động của đoạn thơ này, như năm đoạn khác, đều không giống hầu hết thơ đương đại. Nhà thơ nắm vững những yếu tố vận luật trong một bối cảnh hiện đại biến tác phẩm

thành đáng nhớ và sống động. Giờ hãy đọc đến bài thơ “The Rapist’s Villanelle” của Tom Disch.

... I had to smile

At her hand-knitted sweater from the Isle
Of Skye, an apres-skis of bold chartreuse.
She spent her money with such perfect style.

Enchanted by her, mile on weary mile
I tracked my darling down the avenues.
I couldn’t help myself; I had to smile.

... Tôi mỉm cười

Với chiếc áo ấm đan tay của cô từ Isle
Of Skye, thoải mái màu rượu đậm.
Cô xài tiền với phong cách toàn hảo.

Thích thú bởi cô, từng dặm mệt mỏi
Tôi dõi dấu người đẹp của mình suốt đại lộ.
Tôi không cưỡng được; Tôi phải mỉm cười.

Có lẽ Tom Disch là một trong hai nhà thơ thành công với một bài thơ loại này, dùng tiếng nói của một tên hiếp dâm, thú vị với nạn nhân tiềm ẩn của hắn. Nhà thơ kia là A.D. Hope của Úc đã qua đời, đây lại là một việc hay khi Disch có thể thay thế được cho một chân dung lớn. Và ông đã làm được. Thể thơ villanelle(*) làm nhức đầu hầu hết mọi người vì nếu chỉ sai một lỗi nhỏ trong hai câu lặp lại qua sáu đoạn thơ, không có gì cứu vãn được bài thơ ấy. Nếu Disch phạm những lỗi như thế, ông sẽ không nói ra. Cách dùng chữ rất lạ; có lẽ người kể chuyện là chuyên viên mua đồ sỉ cho cửa hàng Bergdorf. Để đối lại với cách dùng chữ trong lối kể chuyện của bài thơ, Disch tạo nên một nhân vật không ngờ được, một người có lẽ đáng hãi sợ hơn một nghi can thường có của cảnh sát. Có lẽ đấy là cố ý của Disch. Thứ cố ý như vậy không thể có được nếu không có cách áp dụng vài hình thức nghệ thuật nào đó với nguyên liệu thô. Có phải đó là việc tái giới thiệu vần luật và thể thức với truyện kể, đúng không? Đấy không phải là lời mờ, quý giá hay chơi trò giả vờ. Không có lý do nào hết để làm như vậy. Hãy đọc bài thơ “The Shadow Returns” của Phillis Levin.

Villanelles là thể thơ bắt nguồn từ Pháp, xuất hiện trong thơ tiếng Anh sau năm 1880, gồm 19 dòng, vần đôi, có những dòng lặp lại trong bài thơ.

It was my death that stung my sight:
Substantial time to race my heart
Before I turned from it in doubt.

It was my love upon the bed
Who pointed out my silhouette,
Anonymous and monochrome.

Never understood, till then,
The subtle bond of ghost and kin,
The visible world invisibles win....

*Cái chết của tôi làm cay mắt:
Vừa đủ lúc để tim đập nhanh
Trước khi ngoảnh mặt không tin.*

*Đó là tình yêu của tôi nơi giường bệnh
Đã chỉ ra hình bóng của tôi,
Vô danh và đơn sắc.*

*Chưa bao giờ hiểu ra, cho đến lúc ấy
Mối ràng buộc âm thầm của hồn ma với thân quyến,
Thế giới hữu hình vô hình chiến thắng...*

Cách dùng vần, rất chính xác trong vài trường hợp, và đồng vần (slant rhyme) qua hình thức của ép vận và hòa vận với trường hợp khác, đem lại cho bài thơ sức vang dội lạ lùng mà ta thường nghe trong thơ của Emily Dickinson. Nó biến thành bất khả khi đọc bài thơ mà không chú ý đến âm thanh, hoặc không thể không bị kéo và đẩy trên ý nghĩa của nó. Cũng như với ảnh hưởng của Tom Disch và Rafael Campo, nó giả định được đấy không là tình cờ. Để tránh ảnh hưởng ngẫu nhiên, nói một cách khác, để kèm chế sự diễn bày, có lẽ gần đúng với cố ý của tác giả hơn hết, là lý do chính yếu để dùng niêm luật, giống như lựa chọn chữ một cách cẩn thận. Trong khi có một ước đoán thiếu suy nghĩ, cho là ta không thể khơi dậy bí ẩn hay có tính gợi nhớ bất kể loại nào qua kiểu đó, ngược lại thì đúng hơn. Cái phẩm chất đầy ảnh hưởng như thế là một trong những kết quả đáng chú ý của cách dùng các yếu tố thi luật trong nghệ thuật thơ. Sau cùng, hãy đọc “Nights of 1964-1966...” của Marilyn Hacker:

White decorators interested in Art,
Black file clerks with theatrical ambitions,
kids making pharmaceutical revisions

in journals Comp. instructors urged they start,
 the part-Cherokee teenage genius (maybe),
 the secretary who hung out with fairies,
 the copywriter wanting to know, where is
 my husband? the soprano with the baby,
 all drank draft beer or lethal sweet Mannhattans
 or improvised concoctions with tequila
 in summer when, from Third Street, we could feel a
 night breeze waft in whose fragrances were Latin.

Những nhà thiết kế nội thất da trắng quan tâm tới nghệ thuật
 Những thư ký da đen với tham vọng kịch nghệ,
 Bọn trẻ con viết những thay đổi được phẩm
 trong định kỳ Viết Văn người dạy thúc dục họ bắt đầu,
 người thiếu niên có chút máu da đỏ Cherokee thiên tài (có thể),
 người thư ký lang thang với truyện thần tiên,
 người viết lời quảng cáo muốn biết, chồng tôi
 ở đâu? ca sĩ giọng cao với đứa bé con,
 tất cả đều uống bia thùng hay rượu pha ngọt độc hại Mannhattans
 hay pha chế tức thì với tequila
 vào mùa hè khi, từ Third Street, chúng tôi có thể cảm được một
 luồng gió đêm phảng phất mà hương thơm của chúng là Latin.

Nếu bạn không biết Marilyn Hacker là ai thì bài thơ này sẽ khiến bạn muốn đọc thơ cô nhiều hơn. Cả hai, cô và Fred Feirstein, đã mang lại nhiều biến dạng qua quan điểm bén nhạy và gần gũi từ lâu đã thiếu vắng trong hầu hết thơ Mỹ và trong phần lớn lịch sử văn học của chúng ta. Brace rhyme, hay ABBA v.v..., dùng với cách đồng vần (không tránh được trong tiếng Anh, nhất là với một bài thơ dài), là một tính toán tuyệt vời, nhưng không mấy người dùng đến. Điều khiến ta lấy làm lạ không phải là tại sao, mà là tại sao không? Hãy nhìn cách nó đóng góp trong nhịp điệu của phần trích một trong những bài thơ hay nhất trong thi tập. Thứ tác phẩm như thế, như *Manhattan Carnival* của riêng Feirstein, vài đoạn khiếm tốn trích ra ở đây, là một phản luận mạnh mẽ, ý tưởng cho rằng vần luật là dụng cụ của bọn quý tộc và trưởng giả. Chúng là dụng cụ của nhà thơ như bốn nhà thơ này, đại diện cho 21 nhà thơ khác.

Rất khó để tìm cho ra một tứ khúc (quatet) thơ trạch hướng hơn mà hãy nhìn đến những yếu tố có chung của vần luật, với vận cước thay đổi, và toàn diện cấu trúc trong từng bài. Các nhà thơ theo đuổi những đối tượng diễn đạt khác nhau, nhưng họ dùng chung một phương tiện. Làm thế nào được? Các bài thơ nghe không giống nhau. Âm hưởng của thơ Levin gần như là một bùa chú. Thơ của Disch cũng vậy nhưng dẫn đến một kết cuộc

khác một cách cấp tiến. Thơ của Campo và Hacker mang âm hưởng của cuộc trò chuyện cường điệu nhưng lại nói về những thứ hoàn toàn khác nhau. Có phải đấy là mâu thuẫn? Có phải bề mặt phải là sự khác biệt?

Dĩ nhiên, trước năm 1900, thứ ý tưởng như thế sẽ làm độc giả, nhà thơ hay nhà phê bình sửng sốt. Một ngôn ngữ thông thường và thi học thường được dùng để chuyển tải nội dung khác nhau rõ rệt và những “tuyển tập” tích trữ những bài thơ xưa cũ thường là vậy. Nhưng những chiến thuật như thế “đã chứng minh” là không thích hợp để diễn tả thời đại phức tạp như thời đại hiện nay của chúng ta?

Thời gian và một lần nữa trong thi tập này, các nhà biên tập đã để cho những tác giả trả lời câu hỏi trên bằng cái cách mà qua nhiều, nhiều năm trước đã không xảy ra. Như cái hài hước chua cay của R.S. Gwynn trong “Among Philistines,” giọng trần trụi của Dana Gioia trong “Counting the Children,” âm hưởng buồn mạnh mẽ “Ballad of Aunt Geneva” của Marilyn Nelson, và kéo duỗi-thể thơ “Desire” của Molly Peacock. Mỗi nhà thơ đã lưu ý nhiều đến nghệ thuật bằng như nội dung; cả hai, bài thơ và điều nó chuyên tải đến người nghe hay người đọc đều trở nên mạnh mẽ hơn vì vậy.

Dĩ nhiên là thi tập không phải xuất bản chỉ để đem đến một nhóm thơ đặc biệt. Chúng giới thiệu với bạn một lượng số nhà thơ rộng rãi hơn là bạn tưởng mình đã biết. Thơ, ngay cả thứ thơ hay nhất ở Mỹ, thường được xuất bản một cách khổ sở bởi báo hàng ngày hay những thứ truyền thông khác nên những thi tập như thế này thường là chìa khóa dùng để khám phá những tiếng nói mới trong nền thơ Mỹ. Người ta tin rằng *Rebel Angels* sẽ dẫn dắt độc giả đến nhiều bài thơ và tập thơ khác nữa bởi những nhà thơ góp mặt trong đó, và đồng thời cũng dẫn, chắc chắn, đến Volume 2, thi tập Story Line về thơ tính truyện.

Trong trường hợp bạn vẫn chưa nghĩ ra, chúng tôi khuyên bạn nên đọc *Rebel Angels*.

Nguyễn Thị Ngọc Nhung dịch
Expansive Poetry & Music Online Review
Rebel Angels

BÙI CHÁT

SỰ VIỆC TÂM THƯỜNG

Chuyện tình

Em hoàn toàn thuộc về anh rồi
em không còn nghĩ đến T nữa
em sợ một ngày phải mất anh
cứ rờ thì biết em yêu anh thế nào

ôm chặt em
đừng kêu thương mới cần chỉ khi nào anh cứng đầu
đẹp V à đỏ và nóng lắm không được cho ai nhé em xí rồi

đau đớn sung sướng quá hôn em đi hôn chỗ này này
em không bắt ở rể đâu
anh sẽ hiểu
nếu phải có con em chỉ sinh một
.....

em không thể tiếp tục với anh được
thật đấy đừng phiền em
em lừa anh 80% thôi mà em đang có thai
em và T yêu nhau lắm em chỉ lừa anh 80% thôi
thật đấy đừng nhìn em
em đang có thai

* 2 T khác nhau

HƠN SÁU TRĂM NĂM MƯỜI NGÀY BÊN NHAU ĐÔI KHI SAY ĐẤM

Đến bên tôi Nàng im lặng
cửa đôi môi đầy máu một con sông
không chảy trên nốt ruồi nơi
âm hộ nàng thơm
mùi thuốc bắc

Đến bên tôi Nàng
gặp những ngày tình những đêm
không ngủ tôi đã nuôi dưỡng
Nàng đã cho nàng
bú đã mớm cho nàng
mọi cảm xúc và nàng
lớn

Đến bên tôi Nàng nhắm mắt
nàng đi Nàng vứt bỏ
phiền muộn Nàng tưởng tượng
hạnh phúc Nàng kêu Nàng
thù tôi ghê gớm

Nàng đến bên tôi

PHAN HUYỀN THƯ

DO DỰ

Hạnh phúc vỡ ra những bụi sao
đầm ìa cảm nín
câu chữ thơm mùi vụng trộm
ánh mắt căng dọi sợi đau

Ngượng ngập chìm chết em
Xác đức hạnh trôi trên dòng sông
đam mê
tam đoạn luận.

Nụ hôn giống căng ngực miền trắc ẩn
Mây đi
Sương về
Hạ độc bình minh

Ngủ vùi trong anh
nhịp tim còn lạnh lốt
đòi gỡ. Đòi buộc
Đòi tỉnh dậy. Đòi
do dự
miên man.

03-03-27

MAI VĂN PHẤN

ĐẤT MỎ

Cuộn chảy
trong tiếng gào những dải phù du
đáy sông quặn thắt chưa hết sáng
hoàng hôn ngậm chặt ánh ngày
lửa co giật
sục sôi mầm nộ
đỉnh cây ngàn ngút bốc cao

Căng ngang trời cánh chim
cho ngữ nghĩa trĩu vì mặt đất
nơi mặt gió gặp đỉnh đồi cúi gục
hang tối phà bí ẩn với sương mai
ao chuôm tìm hương lên trời
dòng sông vừa chảy
vừa sinh nở

Vòng tay sóng khóa rộng
nô đùa bông bột trẻ thơ
mặt nước bỗng thành phế tích
Em đứng lại mặt trời đã vỡ

Trôi ...

Trôi qua vô cơ lặng im
ngọn bắc cạn
muội dầu trắng trời
thoảng nghe thang thuốc phân trần...

Bông hoa mở
bùng vỡ những khoảng đất rộng.

PHAN BÁ THỌ

TRÊN NHỮNG CÁNH BAY MƠ HỒ

Gởi Nguyễn Hữu Hồng Minh

Đừng nấn ná lục tìm đừng nghe ngóng
Đừng huyễn hoặc mình xui mình kiếm mình
Những giấc mơ rục rịch đợi ta bay
Những giấc mơ xoải đôi cánh nằm chờ trông tiếng động

Hãy nhắm mắt rơi vào cái dạ dày đầy những lông tơ
mềm mượt cánh bay
Cứ ngả lưng trên làn da bóng êm của loài thú lạ
Bay. Bắt đầu những rú gầm xé gào
Bắt đầu bằng một giả định
Ta mãi xa lìa lô xô ngày bụi bặm những đua chen

Bay. ta bay trên đôi cánh trắng nhợt thiếu máu
của loài lông vũ cốt sắt
Ta bay trên thi thể của gã đàn ông muôn đời mộng du
Cảm giác rung bật bông bênh và chao đảo
Cảm giác sự lừa bịp đã gieo mầm vào sâu kín cô đơn
hư ảo cuộc đời ta

Đôi cánh mơ lôi ta bay qua những miền mây trắng cõi phù
thế
Ta một điểm chấm bé tí không mùi vị
Một proton sự sống vụt cháy vừa lụi tắt
Ôi . ta không còn mắt để nhìn thấy

Không còn đôi tay giữ lấy mình
Ta tự làm bốc hơi ta giữa lưng chừng ảo vọng nuôi trời cao

Ta bay nghiêng ngả
trên đôi cánh mệt nhoài đầy ngữ nghĩa thi ca
Lúc nhúc những sâu bọ kiến gián
Những lơ nhờ nhớt nhọt ám ảnh trắng
Những loang thẫm xanh lam tím tái giọt rượu cặn
Những mặt rêu mưa mùi và những cái núp vú

Cái Gạt Tàn Cô Độc Lăn Vào Lặng Lẽ Sống

Những cử chỉ vô vọng
cứ đuổi rượt trong tiếng thét mê sảng của bào thai.
Những tiếng rên hư hờ đầy lên
bóng tối trong cái cuống họng của kẻ bị hoạn.
Ta mang trăm ngàn chủ đích
Trăm ngàn hạt giống và n ư ớ c
Ta mang trăm ngàn Tiếng Nói Xa Lạ theo bAY.

1998

NGUYỄN QUÁN

SỐ ĐỀ

Không còn là sự biến thiên
đó những con số độ
không cần phải chạy nhảy
không cần phải hồi hải, dồn dập dốc hết túi

chủ cái nổ tàu
và mảnh giấy thân em
đừng ngược xuôi
tất cả các con số vô nghĩa
khi con người dư thừa cách sử dụng

trong những ngày con xuất hiện
tôi phờ rầu
loại tóc dài giống đực
không thời gian tắm rửa
người hôi thối
tôi không cần những giấc chiêm bao
mọc ra những con số
thứ ruồi bầu

tôi trèo lên ngọn cây
rình những con mối bên suối
và khát nghe suối khóc

người ta ưa ống nhòm
từng mua những con số
tôi không cần chiêm bao
tôi đánh gục những con số
trồi lên bọt khí đầy miệng

chỉ còn một số ẩn chìm

19/1/2002

NGUYỄN HÙNG

VẪN LÀ...

Vẫn là sương gió ngàn thơ
Em khắc tên bằng sắc màu hoa nở
Em vẫn đi trong thơ đã bạc màu
Vẫn là khao khát
niềm đau...
Mái đầu chưa chạm
Mùa mưa chưa về.

Vẫn lòng theo những cơn mê
Theo những dòng trôi
Theo về biển
Em vô tình trong phiên áo mong manh...

MƯA BÓNG MÂY

Vẽ là vẽ những búp mai
nở trên sông dài
còn lại là dòng nước chảy...
Ngày ngày như bứt lá mang đi
Để lại nơi đây sóng gió bất thì
Đã có bao người không thấu dạng
Vác gươm băm nát cả dòng sông

Em ngồi dệt mộng bên khung cửa
Mong cho xưa lại về với chốn xưa
Em ngồi xếp chữ bằng hoa lá
Lấy nhan sắc để giỡn đùa
Tự thế em hóa thành trẻ nhỏ -
Tay tự cửa phải tay mình: Máu ứa...

NGUYỄN THỤ

HOANG

Sông một mùa hoang lữ
Đất một ngày hoang cây
Em một chiều hoang đợi
Anh một đời hoang tay

TUYẾT

Lại một mùa tuyết trắng nửa châu Âu
Tuyết trắng cứ mơ màng tuyết trắng
Những bông tuyết những cuộc đời im lặng
Đường về với đất bay bay

CHARLES BUKOWSKI

Charles Bukowski sinh năm 1920 tại Andernach (Đức). Ba má ông đã di cư sang Mỹ. Tiếp theo thời thơ ấu khó nhọc là một cuộc đời tầm thường, làm đủ các nghề. Do vậy ông đã tự tạo hình ảnh của “kẻ thua cuộc” tìm khuây khỏa qua những cuộc tình ảm đạm. Để thoát khỏi cái thế giới mờ đục của những kẻ bị loại ra ngoài giấc mơ Mỹ, ông bắt đầu làm thơ, đăng trên những tờ báo không tên tuổi. Ông cũng có sáng chế nhân vật nhị trùng «già mắc dịch» (dirty old man), để cung cấp những bài ký cho các trang báo “chui”(underground magazine).

Cuốn sách đầu tay *Notes of a Dirty Old Man* (Ký của một thằng già mắc dịch, 1969) đã do Lawrence Ferlinghetti, nhà thơ kiêm giám đốc nhà xuất bản các tác phẩm beatnik ở San Francisco, in ấn. Bởi thế, dù ngoài ý muốn của ông, người ta đã xếp Bukowski, hay «Buko» hoặc «Buk» vào hàng những nhà văn chịu ảnh hưởng Jack Kerouac. Năm 1971, xuất hiện quyển *Post Office* (Bưu điện), cuốn truyện đầu tiên của ông, lấy hứng từ những năm tháng đen tối. Kế là một tập truyện ngắn đã khiến ông nổi danh *Erections, Ejaculations, Exhibitions and General Tales of Ordinary Madness* (Cương cứng, xuất tinh, phô trương và những mẫu chuyện chung chung về một cơn điên bình thường, 1972), và một tập thơ *Love Is a Dog from Hell: Poems 1974-1977* (Tình yêu là một con chó từ địa ngục, 1977). Cũng trong mạch tiểu sử, ông cho ra mắt cuốn *Woman* (Đàn bà, 1978) một cuốn truyện khá dày, nhiều đậm tính, và *Ham on Rye* (Thịt

muối với bánh mì lúa mạch, 1985), một tập ký về những năm tháng đầu đời...

Ở Pháp, sự khám phá Bukowski bắt đầu từ lúc ông xuất hiện trên ti vi trong chương trình [văn học] “Apostrophe” vào đêm 22 tháng 9 năm 1987. Được mời tham dự cùng với những người đứng “bên lề” khác, như Cavanna và bác sĩ Ferdière, Bukowski đã nốc cạn một chai rượu vang trắng một lít, chửi rửa tất cả mọi người tham dự, khiến nhà văn nữ Catherine Paysan thất kinh. Bernard Pivot [người điều khiển chương trình] chứng hững, ra lệnh bảo lôi ông ra ngoài. Khán giả chưa từng được chứng kiến một chuyện tương tự trong một buổi truyền hình nghiêm túc như vậy. Biến cố này được chạy trên trang nhất các nhật báo trong ngày hôm sau và âm vang đến New York. Đạo diễn Ý Marco Ferreri tức tốc quay một cuốn phim phóng tác *Tales of Ordinary Madness* với [tài tử Mỹ gốc Ý] Ben Gazzara trong vai Buk. Sự tai tiếng này vẫn không ngăn cản được một vài nhà văn (Philippe Sollers, Alphonse Boudard) nhìn nhận tài năng vượt bậc của ông, một con người thật ra ít thô tục hơn người ta đã nghĩ. Các bài thơ của ông, chẳng hạn, dưới cái bề ngoài giản dị, ẩn núp cái biệt tài sử dụng các hình ảnh và sự cô đọng có thể so sánh với thơ Nhật, và lối viết tự sự của ông đã có đóng góp không nhỏ vào việc “mở nút” cho khá nhiều tác giả trẻ đương đại, bằng cách giải phóng họ ra khỏi những ràng buộc của «lý thuyết».

...Là một nhà thơ khó xếp loại, Buk đã sống và viết trong cái góc nhỏ bé của ông. Không bạn bè với hạt nhân beat (Gregory Corso, Peter Orlovsky), cũng không thân cận với nhóm Black Mountain College (Charles Olson, Robert Creeley), và tránh như bệnh dịch các “ngài” ở San Francisco (Kenneth Rexroth, Robert Duncan). Ông không vay mượn Walt Whitman. Ông cách xa John Ashberry cả ngàn cây số. Thẩm mỹ của Bukowski lăn bánh tại một nơi rất xa thẩm mỹ của những nhà cách tân như Jackson MacLow hay Emmett Williams. Phương pháp của ông $\frac{3}{4}$ làm hai ba bài thơ mỗi đêm tưới bằng rượu nho miền Rhin $\frac{3}{4}$ không giống phương pháp của họ.

...Tựa đề của nhiều bài trong tập *Love Is a Dog from Hell* tự chúng đã là cả một chương trình: I've seen too many glazed-eyes bums sitting under a bridge drinking cheap wine (Tôi đã thấy quá nhiều kẻ lang thang mất lờ đờ ngồi tu rượu dưới gầm cầu), Numb your ass and your brain and your heart (Đã khiến cho đít não tim ta tê liệt), One for old snaggle-tooth (Thơ cho một cụ già răng hư), The night I fucked my alarm clock (Cái đêm tôi đéo chiếc đồng hồ reo). Thế nên việc các nhà thơ (Auster, Carver) thuộc trường phái “văn tối thiểu” (prose minimale) bấu môi đối với Bukowski cũng dễ hiểu thôi. Quá nhiều rượu, quá nhiều khí, quá nhiều cứt. Bởi thế ta vẫn thích ông.

Raphael Sorin (*)

BÀI THƠ LÀ MỘT THÀNH PHỐ

bài thơ là một thành phố đầy những phố xá và cống rãnh
 đầy những thánh nhân, những anh hùng, những người ăn xin,
 những người loạn não,
 đầy mưa, bão, và gió
 to, bài thơ là một thành phố trong thời chiến tranh
 bài thơ là một thành phố đang bốc cháy,
 bài thơ là một thành phố đầy ắp súng đạn
 với những tiệm cắt tóc đầy những thằng say chua chát và khinh
 mạn,
 bài thơ là một thành phố nơi Thượng đế lỏa thể cưỡi ngựa
 như Lady Godiva qua khắp phố xá,
 nơi có tiếng chó sủa trong đêm;
 bài thơ là một thành phố đầy những nhà thơ
 hầu như tương tự
 cay đắng và ganh tị...
 bài thơ là cái thành phố này trong cái lúc này,
 50 dặm chẳng cách xa nơi nào cả,

9:09 sáng,
 vị của thuốc lá và của rượu mùi,
 không có lính cảnh sát, không có những cặp tình nhân bước trên
 đường phố,
 bài thơ này, thành phố này, cái rào chắn,
 những cửa đóng, hầu như rỗng,
 thăm sâu đâu không lệ hà, già nua dù chẳng xót xa,
 những núi đá cang cường,
 đại dương như ngọn lửa tím nhạt,
 một vầng trăng chẳng còn cao cả
 một điệu nhạc từ những cửa sổ đổ vỡ...

bài thơ là một thành phố, bài thơ là một xứ sở,
 bài thơ là một thế giới...
 và giờ đây tôi cấm nó dưới mặt kính lúp
 để cho một ông giám đốc nhà xuất bản soi mói,
 và đêm tối đang phủ trùm mọi nơi
 và những phụ nữ xám và nhạt đứng xếp hàng chờ,
 chó theo chó ra cửa sông,
 tiếng kèn trom pêt báo giờ xử giảo
 khi những tên tiểu nhân khoe khoang về những cái
 chúng không làm nổi.

CHƯA TỪNG ĐIÊN ĐẾN THẾ

3 giờ sáng
 uống rượu và làm thơ.

một lần nữa
 hơn bao giờ hết
 tôi cần phải có ngay một cái lồn
 thật khít khao
 trước khi ánh sáng
 chao nghiêng

3 giờ 15 sáng
tu rượu và làm thơ

vài người nói rằng tôi đã nổi
danh rồi

nếu thế sao tôi lại phải một mình ngồi ở đây
nốc rượu và rặn thơ
lúc 3 giờ 18 phút?

chưa từng điên đến thế
họ chẳng thể hiểu nổi rằng tôi
vẫn lơ lửng bên ngoài khung cửa
sổ
trên tầng bốn
dầu cho tôi có ngồi
tại đây cặm cụi

viết
thì cũng chỉ hết như tôi đang
tòng teng nơi tầng 68, 72, 101:
tầm phào
chả dừng cảm tí nào cả
chỉ tối cần thôi

ngồi tại đây một mình
uống rượu và làm thơ
vào lúc 3 giờ 24 phút.

MỘT CÁI CHỖ KHÔNG QUÁ TỆ

ả có cặp đùi to
và tiếng cười rất giòn
ả có thể cười cợt bất kể chuyện gì
và các tấm màn cửa thì màu vàng
và tôi đã chơi xong
rồi trước khi bước vô phòng
tắm
ả moi từ gầm giường ra và ném cho tôi
một tấm giẻ.
nó cứng đơ như hồ bột
bởi tinh khí của các tên đàn ông
khác.
tôi chùi vào tấm ra.

lúc ả rời phòng tắm trở ra
tôi lại được ngắm cặp mông của ả
khi ả khom người
đặt một đĩa nhạc
Mozart.

A...

tôi uống bia Đức
và ráng hoàn tất một bài thơ bất hủ
dù đã
5 giờ chiều.
a, thế mà tôi cũng đã khuyên bọn sinh viên
đừng bao giờ làm
thế!

nhưng khi chẳng có lũ đàn bà
quanh ta và những cuộc đua
ngựa
thì đâu còn việc gì khác nữa để mà làm?

tôi đã hưởng lạc
hai lần một mình
đã đi ra ngoài để ăn trưa

đã bỏ hai lá thư
 đã tới tiệm chụp phôi.
 ti vi chẳng có gì đáng coi.
 điện thoại thì im ắng.
 và tôi đã xỉa
 răng.

mưa sẽ không rơi nhưng tôi nghe
 tiếng xe đồ của bọn thợ làm ca
 8 giờ mỗi ngày
 ở đằng sau nhà.

tôi tiếp tục tu bia Đức
 để hoàn tất cái trước tác
 lớn đó
 dù biết rằng mình chẳng làm nổi.
 vậy thời hãy cứ uống và uống
 bia Đức
 và vấn những điều thuốc lá
 và khi đồng hồ điểm 11 tiếng
 tôi sẽ ngã lăn ra
 giường
 ngửa mặt thiếp ngủ
 dưới ánh điện trong khi bài thơ bất hủ
 vẫn kiên tâm
 chờ.

VỀ NHÀ

lũ con gái đang lái xe về
nhà
và tôi ngồi bên cửa sổ nhìn
bọn nó

có một con áo đỏ
lái một cái xế trắng
có một con áo xanh
lái một cái xế xanh
có một con áo hồng
lái một cái xế đỏ.

lúc con áo đỏ
bước xuống chiếc xế trắng
tôi ngắm cặp giò nó.

lúc con áo xanh
bước xuống chiếc xế xanh
tôi liếc cặp giò nó
lúc con áo hồng
bước xuống chiếc xế đỏ
tôi ngó cặp giò nó.

con áo đỏ
đã bước xuống cái xế trắng
có cặp giò xinh nhất

con áo hồng
đã bước xuống cái xế đỏ
có cặp giò tạm được

thế nhưng tôi chỉ nhớ
cái con áo xanh
đã bước xuống cái xế xanh
vì tôi ngó thấy cái xì líp của nó

bạn không thể hình dung nổi cuộc đời tôi
 nó hấp dẫn tới mức nào
 vào khoảng 5 giờ 35 chiều.

BÀI THƠ CHO MỤ RĂNG HƯ

tôi biết một phụ nữ
 hay mua những trò chơi nát óc
 những trò chơi lắp
 ráp
 các miếng gỗ
 các sợi kềm
 cho tới khi chúng ăn khớp nhau.
 bà tính nhẩm
 bằng toán học
 giải quyết được hết mọi trò
 chơi khó
 bà sống trên bờ biển
 để dành những viên đường cho lũ kiến
 và bà đặt niềm tin
 tối hậu
 ở một thế giới hoàn hảo hơn
 tóc bà trắng
 chẳng mấy khi được chải gỡ
 răng bà hư
 và bà khoác những bộ áo liền quần rộng
 thùng thình
 phủ che một cái thân hình
 nhiều phụ nữ thầm muốn có.
 biết bao năm bà đã khiến tôi bực mình
 với các trò tôi đã cho là
 lập dị^{3/4}
 như ngâm các vỏ trứng trong nước

(để tưới cây cho chúng có thêm
 chất can ci).
 thế nhưng khi nhìn lại cuộc đời
 bà
 và so sánh nó với những cuộc đời khác
 rục rờ, độc đáo
 và đẹp đẽ hơn
 tôi nhận thấy rằng bà đã ít gây thương tổn
 cho kẻ khác hơn những người tôi quen biết
 (và thương tổn có nghĩa là thương tổn thế thôi).
 đời bà đã có nhiều lúc thật kinh khủng
 những lúc mà lẽ ra tôi phải cố giúp
 bà nhiều hơn
 vì bà là mẹ đẻ của đứa con duy nhất
 của tôi
 và chúng tôi đã từng là một đôi tình nhân đắm đuối,
 nhưng bà đã vượt qua được tất cả
 như tôi đã nói
 bà đã ít gây thương tổn cho kẻ khác
 hơn những người mà tôi quen biết,
 và nếu bạn nhìn mọi việc dưới góc cạnh ấy,
 thì đúng đấy bạn ạ,
 bà đã tạo được một cái thế giới hoàn hảo hơn.
 bà mới chính là kẻ chiến thắng.

Frances, bài thơ này anh viết để tặng
 em.

Nguyễn Đăng Thường dịch

* Trích lời tựa *L'amour est un chien de l'enfer*, tập II, bản tiếng Pháp
 của dịch giả Gérard Guégan (nxb Bernard Grasset, Paris, 1995, trong tủ
 sách Les Cahiers Rouges). Nguyên tác: *Love Is a Dog from Hell: Poems*
 1974-1977, nxb Black Sparrow Press, Santa Rosa, 1977 và 2001.

ROBERT PINSKY

CA KHÚC SAMURAI

Lúc không mái nhà, tôi lấy
can trường làm mái. Lúc không
cơm tối, đôi mắt tôi ăn.

Lúc không mắt, tôi lắng nghe.
Lúc không tai, tôi suy nghĩ.
Lúc không ý nghĩ, tôi chờ.

Lúc không cha, tôi lấy sự
thận trọng làm cha. Lúc không
có mẹ, tôi ôm hôn lệnh.

Lúc không bạn, tôi lấy sự
yên tĩnh làm bạn. Lúc không
kẻ thù, tôi chống thân tôi.

Lúc không đèn, tôi lấy tiếng
tôi làm đèn. Không có tăng
lữ, lưỡi tôi: ban tụng ca.

Lúc không phương tiện, may rủi
là phương tiện. Lúc không có
gì, cái chết là vận may.

Nhu cầu là sách lược, thờ
ơ là chiến lược. Lúc không
người tình, tôi ve vãn giấc ngủ tôi.

Cù An Hưng dịch

1. Thi sĩ Mỹ (New Jersey 1940 -), có học vị Ph.D. của trường đại học Stanford, giảng dạy tại University of California, Berkeley. Ba lần nhận chức danh *Poet Laureate of the United States*. Thi phẩm mới : *Jersey Rain*, nxb Farrar, Strauss and Giroux, 2000.

2. Ông sử dụng công thức *Lúc tôi... thì tôi...* lấy ra từ một bài thơ Nhật thế kỷ 14 để viết bài *Samurai Song*, bài thơ được Rita Dove chọn vào tuyển tập *The Best American Poetry 2000*, nxb Simon & Shuster.

LARRY SAWYER

TẶNG GUILLAUME APOLINAIRE

vây cá thế giới xưa, một mẩu thịt bò
dưới tháp Eiffel một đám đấu bò tốt
đánh giá đời những tay buôn đồ cổ
rau diếp La Mã nhú từ xe hơi
tôn giáo vẫn khóa thân trên cỏ
Âu châu của tâm hồn, tinh thần Phúc Âm tỏa
mùi những phương trình hiện đại, với lễ phục của anh
Giáo hoàng dè dặt quan sát, đi bộ trên những phố này
người nghe lời xưng tội của giấy dán tường và trứng
triển vọng của những bản liệt kê này trong mưa
25 cents cho những chuyến phiêu lưu của một gã cảnh sát
những tên móc túi dưới những cái bóng, Guillaume chân dung anh
thêm hoan lạc cho một vùng-trắng-đã-lỗi-thời, kèn đồng của
mặt trời
kẻ chỉ huy bày lũ khủng long đẹp, những cây trumpet
đội âm dưới những bức tranh tường
JAMES KỸ NGHỆ ĐÊM NAY TRẬN ĐẤU BÒ TỐT SỰ CÔ
ĐỘC
Paris, phố vang dội trong sự quyến rũ trùm đề của anh
những cây vĩ cầm thán sáu, đám trẻ kỳ lạ đẹp được kêu diễn
lại
những y phục trắng nháy múa trong gương
tắm tiếng là bạn xưa giữa những hàng ghế, tắm kiếng mẫu
kiểu tóc của tình yêu và anh ở đấy với thời anh
từ lối cắt dán bị lãng quên còn những khung cửa sổ xanh
xưng tụng ống khói đỏ như đuốc cháy là sự thâm thúy thạch anh
tím

khí lạnh lẽ trườn trên da
 vĩnh hằng được tôn vinh giữa sáu ngành
 bảy nếu kể cả phục sinh
 với chim, Christ chỉ là một phi công
 hạ cánh trên một đĩa nhạc chơi tụng ca
 những đại dương Phi châu, những vòi máu thủy ngân
 tha tội chúng tôi cái đêm loài beo không vết này
 những khoảnh khắc nhỏ giọt, một mỹ nhân ngư thức giấc và gọi
 tên anh
 Paris nhảy múa, một người bảo quản không phép tắc
 những bàn xoay roulette những tu viện và những đập nhỏ ngăn
 sáng
 chỉ một đường là biến vào nơi tắm tối
 nhạc buồn của các ông thủ tướng coi đàn bà là đẹp
 anh đích thị một trái cam nếu không phải vùng trắng
 một ngôi nhà, một cái bàn, những cánh hoa hồng
 anh giống một bài ca, quen thuộc như chính anh
 đưa con kiệt xuất của vùng-nước-nay-đã-mất

Cù An Hưng dịch

từ tạp chí MILK, volume one, 1999

Larry Sawyer là người chủ trương tạp chí thơ MILK mà số ra mất xuất hiện tháng 11 năm 1999 tại <http://www,milkmag.org>

LỤC NGUYỄN

LỤC NGUYỄN (LU YUAN), nhà thơ Trung hoa sinh năm 1922 tại Hồ bắc. Bài thơ đầu tiên, “Trẻ bán báo”, xuất hiện trên tờ “Tân Hoa” vào năm 1941. Năm 1942, tập thơ đầu tay, tựa là *Chuyện tiên*, được in trong tủ sách “Tháng Bảy” của Hồ Phong. Với ngôn từ giản dị, thanh thoát nhưng bén nhạy, tập thơ này đã được nhiều nhà phê bình rất chú ý.

Thuộc thế hệ những năm 30, 40 (của thế kỷ XX), hy sinh tất cả cho cách mạng, ông đã phải im tiếng trong suốt hai mươi năm, bản thân trở thành nạn nhân của điều mà ông gọi là “cơn bão tố chính trị 1955” (kéo dài mãi tới 1965), nhưng ông đã may mắn sống còn sau cuộc “cách mạng văn hóa” và được phục hồi quyền viết vào năm 1976.

Sau đó, ông đã cho in tập thơ Những đóa hoa trắng gồm một số thơ của bạn bè và của chính ông. Năm 1984, nhà xuất bản văn nghệ nhân dân ở Bắc kinh đã ấn hành tập *Thơ của con người*, gồm nhiều bài thơ cũ, mới của Lục Nguyễn. Trong một bài tự thuật tựa là “Thơ và tôi”, Lục Nguyễn cho biết ông đã say mê Lỗ Tấn ngay từ khi ông còn nhỏ. Ông viết : “... tất cả các tác phẩm của Lỗ Tấn, lần lượt, đã hướng dẫn tôi, từng bước một, trong việc khám phá tất cả chiều rộng và tất cả chiều sâu của văn chương, không, của đời sống... (...) Lỗ Tấn không bao giờ viết thơ hiện đại theo đúng nghĩa của từ này. Nhưng tôi thấy tất cả các tác phẩm của ông, kể cả những tùy bút của ông, gần gũi với thơ hơn, thuộc về thơ hơn là tất cả những gì chỉ có hình thức thơ. (...)”

Bản dịch dựa theo các bản Pháp văn của François Cheng trong *Entre source et nuage* (Albin Michel, Paris 1990; đã có bản in khổ sách bỏ túi) và của Pan Ailian, Yan Hansheng trong tạp chí “*Littérature chinoise*”, số 3, 1984.

Lộ-trấn, 12-02-2002. DC.

SAU KHI SOẠN TẬP “THƠ CỦA CON NGƯỜI”

Đó là hình ảnh đầu tiên của thiên nhiên
rung động đầu tiên của cuộc sống mới thắm hiềm
một khúc tình ca sẽ không có vọng âm
chén rượu cay đắng đầu tiên mà ta sẽ không bao giờ có thể
uống cạn

Đó là màu xanh cây lá của một cuộc đời bị xô đẩy vào khe đá
một tiếng kêu yếu ớt phóng ra dưới khoảng bao la của trời xanh
một giọt lệ không chùi
một nét nhăn nhó đã quên ở khóe môi

Đó là những nốt nhạc của một bài ca buồn và phấn khích
một hạt màu trong vũ trụ hồng-đào của bà Nữ Oa
một tiếng vọng của những làn sóng siêu thanh những năm năm
mười
một dòng nước xoáy của những ngọn triều quá lớn những năm
sáu mươi

Đó là một lời kinh nguyện của một Kha-luân-bố mới gửi tới đại
dương
ước vọng đạt tới những đỉnh cao của một con phụng hoàng gãy
cánh
lớp lắng đọng của niềm tin không thể đoạn tiêu nhất
chất chưng cất của lý tưởng khó có thể thực hiện được hơn cả
Đó là một cuộc đi dạo tuyệt vọng trước cánh cửa triết lý
một cái vỗ nhẹ ngẫu nhiên dành cho khung cửa sổ nghệ thuật
một lời thú nhận mà sự cay đắng của cuộc đời lăm bấp
một kỷ niệm nhạt nhẽo về thời đại lớn của chúng ta

Đó là một chút hương hiến dâng những kẻ đã hy sinh
một nguyện ước thành thực gửi tới những phần tử ưu tú sẽ tới
sau chúng ta
lời vĩnh biệt đôn đau nhất với quá khứ
và lời chào nồng nhiệt nhất với tương lai.

CHUYỆN TIỀN

Hồi nhỏ
tôi chưa biết đọc
Má là thư viện của tôi

Tôi đọc má

Một ngày kia
Thế giới sẽ hòa bình
Con người sẽ biết bay
Lúa sẽ mọc giữa tuyết
Tiền bạc sẽ chẳng dùng làm gì hết

Vàng sẽ dùng làm ngôi
Tiền giấy để phủ tường
Tiền đồng để ném những vòng tròn trên mặt nước

Một ngày kia tôi sẽ trở thành người lữ khách
cưỡi một con hạc hồng đến từ Ai cập
Mang một trái táo vàng ánh
và một ngọn nến có mái tóc bạc
Tôi sẽ băng qua những xứ của chuyện cổ
để hỏi vợ là nàng công chúa
của Kinh thành bánh kẹo

Nhưng trong khi chờ đợi
Má bảo
Ta phải làm việc nhiều

SẦU MUỘN

Mặt trời gấp cây quạt những tia sáng
Chúa Giê-su cười lừa trở lại Giê-ru-sa-lem
Người lữ khách đã mua một cây đèn
rong ruổi con đường tới một làng xa

Nhà Hiền triết suy ngẫm
bên bờ một cụm sương lúc hoàng hôn
Con ốc sên thu hình vào vỏ
Chìm ngập trong mưa vươn mình một ngọn tháp
(bị bóng cây thập giá nện cổ chuông vang lên)
Một tiếng nói trong suốt
Gọi mi bằng tên mi
Mi, tuy vẫn tỉnh, mi sẽ là người khách của mộng

Đây là một chuyện tiên

Đêm đã khuya rồi
Hãy cho tôi một cây diêm...

ĐOM ĐÓM

Con bướm đêm chết bên ngọn nến;
Ngọn nến, ngọn nến, chết trong lòng gió.

Hồi ánh mờ xanh
Ánh sáng của sương mù và lạnh lẽo
Mi chẳng để cho đêm tối và mưa
Chôn vùi
ta tặng mi khúc hát của ta

Biến bản thân thành ngọn đèn rọi sáng
Đi theo con đường của chính bản thân

CÂY ĐÀN TỖ-BÀ GỖY I

Hái một trái cây màu ngọc bích
Trong khu rừng đầy gió đầy mưa
Để đến nói với em
Đây là món quà của anh
ố em chẳng muốn

Cũng chẳng hơn gì anh chấp nhận
Nói tới những bông hồng khóc than
Khi máu chảy

Em hãy coi
Con én lượn lờ
Trông chừng ngôi nhà đất làm sao
Anh yêu em như vậy

CÂY ĐÀN TỖ-BÀ GỖY II

Tôi e rằng
ẽ đáy thăm mắt em
Cư ngụ nỗi đơn độc của tôi

Em hỏi tôi
Tại sao im lặng
Từ quá lâu

Tại sao lại phá vỡ im lặng
Tôi hơi buồn

Tất cả cũng tựa như khi ta đau
Không một ai khác chia sẻ được

Diễm Châu dịch

ĐỖ LÊ ANH ĐÀO

NHỚ, QUÊN

Đông ở thành phố thiên thần không biết nhiệt độ trừ,
Vẫn cắn nát cả da em
Buổi chiều giữa mùa.
Em chen với mấy ngàn chiếc xe trên xa lộ giờ tan sở,
Cho kịp lớp yoga,
Tập thở.

Nhớ thở.
Nhớ sống.

Quên chấp cánh bay giữa chần gối cả bốn mùa
Lúc nào cũng hơi nóng cho anh và hơi lạnh cho em.
Tại vai anh rộng, nhịp anh mệnh mang,
Tại em không đủ hồng huyết cầu.
Bốn mùa hết thơ ấu
Không mùa còn.

Quên chấp cánh bay trên đường phố Sunset lúc nửa đêm
Em cảm thấy như điểm
Em cảm thấy như tiên
Say vừa đủ cho theo kịp bước chân nghệ sĩ của anh
Khi ta hôn
Lớn và sâu
Em cảm thấy mình đẹp quá lần đầu.

Quên chấp cánh bay những cuối tuần yên tĩnh
Hai năm có một trăm lẻ bốn cái cuối tuần,
Một trăm lẻ bốn lần ta bỏ ăn sáng,
Bỏ tản bộ, bỏ nhà hát, bỏ quán trà.
Đam mê gì xa?
Khi bình yên rất gần.

Quên bay.
Nhớ thở.

01/30/2002

Quyền Tự Do Xác Định Tự Thân

Imre Kertész

Đề tài của tôi là quyền tự do xác định tự thân, nó bao hàm quan niệm đơn giản là mỗi và mọi thành viên của xã hội đều có quyền là cái tự thân mình là, nam cũng như nữ. Không ai phải chịu trở thành đối tượng của sự rẽ rúng hoặc nạn nhân của sự kì thị vì cơ duyên sinh ra đời của mình hoặc cung cách người đó chọn để tự nhìn mình dù cho sự kì thị như thế được các quyền thế đang ngự trị dung túng, một cách công khai hoặc trong bí mật. Đồng thời, dĩ nhiên, không ai đáng được hưởng dụng những ưu thế bất công do cội nguồn, tín ngưỡng, tư tưởng, hoặc giản dị chỉ do thân thế của người đó. Ở châu Âu này, bạn giả định những quyền tự do đó là hiển nhiên; bạn hưởng dụng chúng trong đời sống thường ngày của bạn như những nhân quyền cơ bản và có thể không thấy nhu cầu nói về chúng.

Nhưng thiết yếu phải thảo luận về vấn đề này, vì ngay trong những nền dân chủ phương Tây, quyền tự do xác định tự thân vẫn chưa phải là một đề xuất được giải quyết thoả mãn như vẻ bề ngoài thoát tiên nhìn. Đúng là văn minh phương Tây đã đầu tiên công thức hoá ý niệm về nhân quyền, trong đó nền tảng là quyền về tự do và phẩm giá. Nhưng nhà nước toàn trị cũng có gốc rễ nơi đây. Đối với những thể chế độc tài thế kỉ 20, đã là tự nhiên việc phế bỏ các quyền cá nhân, việc nhốt con người như bầy cừu

trong các chuồng khổng lồ, và việc gán cho họ những cái nhãn dễ nhận loè loẹt là những huy hiệu quá hiển nhiên của một thân phận đặc ưu hoặc sỉ nhục. Người ta thường nghĩ đến những đầu mút của những vách ngăn xác định như thế. Nhưng có hàng mấy chục những vách ngăn khác làm trung gian, đại diện cho những hình thức đa dạng về kì thị.

Chúng ta không thể nào lượng giá quá cao sự tổn hại gây ra bởi sự định chế hoá và sự áp dụng thực tiễn của hệ thống quy chụp nhãn hiệu tập thể này cách thức nó đã xuyên tạc quan điểm của người dân, ung độc tương quan của họ với nhau, và làm đồi trụy những hình ảnh tự thân của chính họ.

Hệ thống phù hiệu do bọn Quốc xã chế ra trong một cung cách là hệ thống đơn giản nhất và lộ liễu nhất. Mục tiêu của họ là tận diệt những người nhất định trong khi khuyến khích những kẻ khác để như thể ngựa cái nòi thuần giống. Trong những chế độ độc tài cộng sản, tình thế phức tạp hơn. Ở đây những viên chức làm việc tuyển chọn luôn luôn ở bên trong vách trại, và họ liên tục đưa người từ chuồng này sang chuồng khác. Thỉnh thoảng lại xảy ra là, giữa tiến trình tuyển chọn, viên chức phụ trách bị chộp ngay từ phía sau lưng và bị xô một cách thô bạo vào ngay một trong những chuồng kém vui, là nơi đến mãi tận lúc đó y vẫn từng hồ hởi hốt người khác vào.

Tôi chẳng muốn quá dấn vào một cuộc phân tích các chế độ độc tài, vốn biến sự kì thị và diệt chủng thành một nguyên lí tổng quát của việc cai trị. Hơn nữa, tôi chỉ đề cập hai hình thức cực độ nhất của sự kì thị tập thể do các thể chế độc tài thế kỉ 20 thực thi, và chỉ nêu những mẫu ở châu Âu. Chúng ta biết là có những hình thức ngoài châu Âu. Ngay ở châu Âu, cũng có những hình thức kì thị tập thể dịu nhẹ hơn, nhưng tuy vậy vẫn hoàn toàn hữu hiệu mà chúng ta có thể gọi là kì thị dân sự.

Quyền uy chính phủ hầu như bất lực trước sự kì thị dân sự, và các chính khách được thân thương gán nhãn hiệu là thân dân lợi dụng sự kì thị này với một thái độ vô liêm sỉ thoải mái. Rồi lại có, đặc biệt ở những nhà nước Đông Âu hậu cộng sản, loại hình kì thị được dung túng ngấm ngấm, thậm chí còn được đề cao, mặc dù bị nhà chức trách chối bỏ nhiệt liệt trên mặt chính thức. Cách đây không lâu, một nhà văn Ấn độ, là Urwashi Butalia đã kể lại kinh nghiệm riêng của bà. Chúng ta học biết được nhờ bà những gì xảy ra cho một dân chúng khi chính trị đóng một cây nêm tách hai nhân dân, trong trường hợp này là dân Ấn độ và dân Pakistan, vốn nói chung một thứ tiếng và san sẻ chung một nền văn hoá khiến cách suy nghĩ, cuộc sống của chính họ, có thể bị sự cuồng tín tôn giáo và chủ nghĩa quốc gia phi lí lật nhào như thế nào. Thực tình chỉ qua một đêm, những người này thấy mình nằm trong hai trận địa khác nhau và bỗng nhiên không biết phải xoay xử làm sao với cuộc sống gian nan cụ thể của chính họ, căn cước

minh bạch của họ, sự xác định tự thân của họ cho đến lúc đó chưa từng bị nhiễu loạn.

Người châu Âu chúng ta đã thường kinh qua những thay đổi đột ngột thường khi tàn bạo như thế trong thế kỉ vừa qua ở Đông Âu và Trung Âu nhiều hơn phần phía tây của châu lục này của chúng ta. Những thay đổi như thế thường đi kèm với những tổn thất văn hoá không thể thay thế. Những trung tâm văn hoá và những thành thị đại học của một thời, nơi ba hoặc bốn ngôn ngữ được nói, sa xuống cấp ao tù tĩnh lặng trong những đế quốc bao la và đơn giản biến mất khỏi địa đồ văn hoá của châu Âu. Nhiều người sẽ nghĩ tới Czernowitz, nơi nhà thơ Paul Celan cất tiếng chào, như *“một thành phố mà cư dân là người và sách.”* Chính là người Đức, bởi hậu quả của xung lực hướng về thống trị thế giới, đã huỷ diệt văn hoá Đức trong những khu vực đa dân tộc, đa ngôn ngữ mà dân chúng lên tới hàng bao triệu người những khu vực phần lớn thống ngự bởi ảnh hưởng văn hoá Đức.

Họ huỷ diệt những thiểu số Do thái nói tiếng Đức hoặc tiếng Yiddish ở đó, là những tập thể đã cống hiến cho ngôn ngữ Đức những nhà văn học vĩ đại như là Joseph Roth, Franz Kafka, và Celan.

Thường khi sống trong những hoàn cảnh khác ngôn ngữ, những nhà văn này viết bằng tiếng Đức, và làm vậy vì đó là ngôn ngữ họ nói ở nhà cha mẹ; và vốn là Do thái nên do đó không gốc rễ và mang tính thế giới bốn biển là nhà và vô tổ quốc, như kẻ thù của họ gán ép, họ suy nghĩ trong những chiều kích của một ngôn ngữ lớn. Viết bằng tiếng Đức đối với những nhà văn này có nghĩa là độc lập về tinh thần; nó bảo đảm cho họ quyền tự do xác định tự thân. Ngày nay những vùng văn hoá từng một thời về cục bộ mang tính cách Đức (và tôi nhấn mạnh từ cục bộ) đại khái từ bán đảo Crimea xuyên qua Bukovina tới Galicia về mạn bắc không còn làm phong phú văn hoá Đức nữa, và sự mất mát này chính những người Đức phải duy nhất chịu trách nhiệm.

Đặt chính trị và văn hoá thành kẻ thù của nhau chứ không phải chỉ thuần đối lập là một hiện tượng đặc trưng của thế kỉ 20. Nó không hề là một phát triển tự nhiên; chính trị li dị với văn hoá tạo nên chuyên chế vô hạn qua cực quyền và có thể tàn hại khủng khiếp.

Sự li dị này có thể không huỷ diệt sinh mạng và tài sản, nhưng luôn luôn làm đồi trụy linh hồn con người. Phương tiện của huỷ diệt được gọi là ý hệ. Thế kỉ 20, một thế kỉ đậm nét vì một sự mất mát tai ương về các giá trị văn hoá, biến những gì từng là giá trị thành ra ý hệ.

Khía cạnh bi đát nhất của biến đổi này là những quần chúng hiện đại, vốn chưa từng tiếp cận với văn hoá, thay vào đó tiếp nhận ý hệ. Diễn biến này có nhiều nguyên nhân, mà một nguyên nhân trong đó chắc chắn là sự kiện rằng những quần chúng này xuất hiện vào một thời khi văn minh châu Âu đang trải qua một trong những nếu không nói là chính khủng hoảng tâm

linh sâu thẳm nhất của nó. Có những kẻ, với sự trợ giúp của những kĩ thuật tinh vi do bộ máy của những chính đảng khai triển, đảm nhận việc điều khiển và lợi dụng những quần chúng này. Ất hẳn Thomas Mann là người đã nói chỉ cần gọi một khối lớn là một Dân tộc là có thể làm họ ôm ấp gần như bất kể điều gì. Chẳng cứ phải có quyền lực nhà nước toàn trị để làm việc này; sự thống trị cực quyền của một Franco, một Dolfuss, hoặc một Nicholas Horthy cũng có thể xoay chuyển tông giáo, ái quốc, và văn hoá thành chính trị, và chuyển tự thân chính trị thành một công cụ của hận thù.

Hận thù và đối trá đây có lẽ là hai thành tố quan trọng nhất trong giáo dục chính trị mà con người trong thế kỉ 20 tiếp nhận. Chúng ta chỉ cần nhớ lại những “Hai phút hận thù” trong tác phẩm 1984 của George Orwell.

Sándor Márai viết năm 1972: *“Đối trá chưa bao giờ là một sức mạnh tạo lịch sử có thể lực như trong 30 năm vừa qua.”* Điều này, đặc biệt đúng với những xứ sở ở Đông Âu và Trung Âu, là những nơi sau thế chiến I bộc lộ những tình tự quốc gia chủ nghĩa nhạy cảm thái quá. Một quyền lực lớn ở Trung Âu là đế chế Áo-Hung, sụp đổ và sự phân rã của nó sản sinh những độc tố lây nhiễm những nhà nước quốc gia mới mọc lên thế chỗ. Trong những trường đại học và cao đẳng của một nước Hungari bị chặt xén khốc liệt, những đạo luật kì thị được thực thi, và, vào năm 1938 luật pháp chế định bài Do thái bao quát hơn được thông qua. Năm 1944, họ gắn lên người tôi một ngôi sao vàng, theo một nghĩa tượng trưng nó vẫn còn đó; cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn không thể nào tháo gỡ nó ra.

Tôi thú nhận là điều này ắt dường như gây ngạc nhiên là hơn 10 năm sau việc loại trừ những nhà nước toàn trị châu Âu cuối cùng, hơn 10 năm sau việc du nhập nền dân chủ đại diện vào phần này của châu Âu, tôi còn nói như thế. Sự thật là đã không dễ đương đầu với sự kiện này, và còn đã khó khăn hơn để cố thanh thoả với nó. Những tâm trạng đờn đau như thế, xem chừng, tự động sản sinh ra bệnh lí riêng chẳng cần chúng ta nhận thức trọn vẹn nó. Chẳng hạn, bạn có cảm giác rằng thế giới quanh mình là mơ hồ, quỷ mị, mặc dù chính bạn mới là kẻ đã hoá hư ảo như hình ma bóng quế.

Hoặc điều đối nghịch xảy ra: bạn tri giác bản thân mình như thuộc về ai, dấu cho toàn thể chuyện bạn đã làm chỉ là hoà nhập vào với những cảnh quang bao quanh dị hoá. Nhà tôi, vốn là người Mĩ và do đó không vướng mắc những căn bệnh Đông Âu này, đã nhận xét rằng, khi chúng tôi đi nước ngoài, tôi trải qua một sự thay đổi nhân cách trọn vẹn. Ở nước ngoài, tôi thấy thoải mái như ở nhà, trong khi ở quê nhà, tôi xử sự như người xa lạ.

Với người ngoại quốc, tôi nói chuyện tự do, nhưng với chính người đồng hương, tôi lại không thoải mái. Trong chế độ độc tài mang danh chủ nghĩa xã hội, đó là một tình trạng tự nhiên, và ít nhiều tôi đã học cách sống với nó. Làm quen với phân biệt chủng tộc trong một chế độ dân chủ đòi

hỏi nhiều thời gian hơn. Nhưng ít nhất tôi đang tới tận đáy của một vấn đề, mà, tôi tin tưởng, chẳng phải chỉ của riêng mình.

Trong đời sống thường ngày của mình, tôi thường xuyên phải đáp ứng với những kích động nhiễu loạn từ thế giới bao quanh phóng tới lối của mình, như thể những kích xúc điện nhẹ châm vào da. Nói theo cách ẩn dụ, tôi luôn gãi mình mãi. Chúng ta tất cả đều quen với châm ngôn nổi tiếng của Montesquieu: *“Trước tiên tôi là một con người, rồi sau mới là một người Pháp.”* Kẻ phân biệt chủng tộc vì chủ nghĩa bài Do thái kể từ Auschwitz không thuần chỉ là bài Do thái muốn tôi trước tiên là người Do thái, rồi sau không phải là một con người nữa.

Thoạt đầu, trong nỗi hoang mang, chúng ta mò mẫm tìm những lập luận để tự vệ và thấy rằng chúng ta nói với và nghĩ về chúng ta trong một cung cách sơ khai nhất. Chẳng lạ: điều chúng ta đối đầu là sơ khai hơn hết thấy. Nếu chúng ta bị xô vào một chuồng thú, chúng ta phải chiến đấu như loài thú. Lối nghĩ hèn hạ mà chúng ta chống đối dẫn chúng ta nghĩ về mình theo những cách thấp hèn; sau một hồi, chúng ta không phải nghĩ về mình mà là về một kẻ nào khác. Vấn tất, tiến trình này bẻ queo nhân cách chúng ta. Sự tự vệ tối hậu và đau đớn nhất của một nhân cách bị bẻ queo như thế cũng quen thuộc: chạm chán với những tay ý hệ phi nhân, nạn nhân bất hạnh công mình để chứng tỏ nhân tính của chính mình. Có một điều gì bi thương trong những nỗ lực này, vì chính cái bọn ý hệ muốn tước bỏ của nạn nhân là nhân tính của người này. Nhưng một khi nạn nhân chấp nhận các phạm trù phân biệt chủng tộc, nạn nhân trở thành một người Do thái, và người đó càng cố chứng tỏ nhân tính của mình, thì lại càng trở thành đáng thương hơn và ít nhân tính hơn. Trong một cảnh quang phân biệt chủng tộc, một kẻ Do thái không thể mang tính người. Mà cũng không thể là một kẻ Do thái nữa. Bởi “Do thái” là một chỉ danh không mơ hồ chỉ riêng trong mắt của lũ bài Do thái.

Một nhà văn Pháp, Edmond Jabès, có lần nói những khó khăn của kiếp sống Do thái đồng nhất với những khó khăn của một nhà văn. Chưa từng có ai mô tả thân phận của tôi rõ hơn. Tuy thế, tôi vẫn thấy một dị biệt quan trọng. Việc tôi trở thành một nhà văn là kết quả của một quyết định có ý thức, nhưng tôi sinh ra là một người Do thái. Để cho tự thân nhà văn của tôi và tự thân Do thái của tôi kết hợp với nhau và hình thành một thuộc tính riêng lẻ, tôi phải nhìn tính cách Do thái của tôi theo cung cách tôi nhìn việc thi hành có kế hoạch một tác phẩm văn học: một công tác phải hoàn tất; một quyết định ủng hộ hiện hữu toàn diện hoặc chối từ tự thân. Nếu tôi chọn một đời sống tròn vẹn, mọi sự lập tức hoá thành lợi thế cho tôi. Cuối cùng, sự kiện rằng tôi là một người Do thái là kết quả của một quyết định; một khi đã quyết, không những tôi chỉ sẽ không bị xô vào một cái gọi là khủng hoảng căn cước, mà một ánh sáng tinh duệ hơn cũng sẽ chiếu

rời toàn bộ cuộc hiện hữu của tôi. Tuy thế, tôi vẫn phải đương đầu một vài câu hỏi khởi từ tính chất đặc thù về Do thái tính của mình.

Hai hoặc ba thập niên trước đây, tôi ắt coi câu hỏi của tôi đang viết cho ai là một câu hỏi giả không liên quan. Dĩ nhiên tôi đang viết cho chính tôi, tôi ắt đã nói thế, và về căn bản, tôi vẫn duy trì điều đó. Nhưng hôm nay tôi có nghiêng hơn về việc thú nhận rằng những người khác, thế giới quanh tôi, những tương liên gọi là xã hội, cũng đóng một vai trò trong sự sáng tạo ra cái thực thể gọi là “tự thân tôi”. Như vậy, ít nhất một phần, tôi là một tù nhân của những hoàn cảnh của mình, và điều này không hề nghi gì đã lưu lại dấu ấn trên mọi thứ tôi từng sản xuất.

Nếu tôi nói tôi là một nhà văn Do thái, tôi không nhất thiết hàm nghĩa rằng chính tự thân tôi là Do thái. Bởi một người Do thái kiểu gì mà lại không hề có giáo dưỡng tông giáo, không nói tiếng Do thái chút nào, cũng chẳng thân thuộc cho lắm với những văn bản nền tảng của văn hoá Do thái, và lại chẳng sống ở Israel mà ở châu Âu? Tuy nhiên, điều tôi có thể nói về tự thân ấy là tôi là một kẻ kí lục đương thời của một thân phận lạc thời, thân phận của người Do thái hội nhập, người cứu mạng và lưu dấu thân phận này, và là một kẻ tiên tri về sự tiêu vong của thân phận ấy. Về phương diện này, *Endlosung* [giải pháp tối hậu] giữ một vai trò then chốt: không ai mà căn cước Do thái dựa chủ yếu, có lẽ chuyên biệt, vào Auschwitz, có thể thực thụ được gọi là một người Do thái.

Đó là “người Do thái phi Do thái” theo định nghĩa của Isaac Deutscher, là loại hình không gốc rễ ở châu Âu, không thể phát triển một quan hệ bình thường với một thân phận Do thái bị cưỡng ép lên mình. Người đó có một vai trò để đóng, có lẽ một trò quan trọng, trong văn hoá châu Âu (nếu còn có một thứ gì như thế), nhưng y không thể có bất kì một vai trò gì trong lịch sử Do thái hậu-Auschwitz hoặc trong sự phục hoạt Do thái (nếu có, hoặc sẽ có, một thứ gì như thế).

Nhà văn của Holocaust [Tế thiêu] vì vậy ở trong một vị thế khó khăn. Trong một bài luận văn trước đây tựa đề là “A szám zott nyelv” (Tiếng nói bị lưu đầy), tôi cố thử khai triển ý tưởng rằng Tế thiêu không và không thể có ngôn ngữ riêng của nó. Kẻ sống sót ở châu Âu phải mô tả khổ nạn của mình bằng một trong những ngôn ngữ của châu Âu, nhưng ngôn ngữ này không phải là của y; nó cũng chẳng phải là ngôn ngữ của xứ sở y dùng để kể chuyện mình. “Tôi viết sách của tôi trong một ngôn ngữ vay mượn, nó hẳn nhiên sẽ tổng xuất chuyện kia, hoặc chỉ dung nó ở rìa ý thức”, tôi đã viết như thế trong bài luận văn; tôi nói “hẳn nhiên” bởi xứ sở mà ngôn ngữ của nó tôi dùng đã khai triển những huyền thoại trong cuộc tranh đấu cho dân tộc sinh tồn kéo dài hàng bao thế kỉ, và những huyền thoại này, vốn là một bộ phận của sự đồng thuận dân tộc không nói ra, cũng đã tác động lên văn học nước ấy.

Tôi thích viết bằng tiếng Hungari bởi, như thế, tôi càng nhận thức sâu sắc hơn sự bất khả của việc viết. Trong một lá thư gửi Max Brod, trong đó ông trầm tư về vị trí của nhà văn Do thái, Kafka nói đến ba điều bất khả: không thể không viết, không thể không viết bằng tiếng Đức, và không thể viết bằng cung cách nào khác. Rồi ông nói: *“Chúng ta có thể hầu như thêm một điều bất khả thứ tư: đó là không thể viết.”* Ngày nay, ông hẳn có thể tiếp tục thêm một điều khác vào danh sách: không thể viết về Tề thiêu. Chúng ta có thể tiếp tục kể số những điều bất khả nghịch lí đến vô tận. Chúng ta có thể nói rằng không thể không viết về Tề thiêu, không thể viết về nó bằng tiếng Đức, và cũng tương đương không thể viết về nó bằng cung cách nào khác.

Dù viết ở bất cứ ở đâu, bằng bất cứ ngôn ngữ nào, nhà văn của Tề thiêu vẫn là một chiếc hồn vong lãng đãng, hỏi xin tị nạn tâm linh chạy trốn không khỏi trong một tiếng nói nước ngoài. Nếu đúng câu hỏi triết học thực thụ duy nhất là một câu hỏi về tự tử, vậy thì nhà văn của Tề thiêu chọn tiếp tục sống sẽ chỉ biết một vấn đề thực thụ duy nhất, vấn đề bán xối, dù chính đáng hơn phải nói đến lưu đày. Lưu đày khỏi quê nhà đích thực, vốn chẳng hề hiện hữu. Vì nếu nó đã có hiện hữu, ắt là chẳng không thể viết về Tề thiêu. Và như thế Tề thiêu ắt phải có một ngôn ngữ, và nhà văn của Tề thiêu hẳn có thể hội nhập vào một văn hoá hiện tồn.

Nhưng cơ sự này chẳng có bao giờ. Mọi ngôn ngữ, quốc gia, văn minh, đều có một Tự thân chủ thể nó tri giác, kiểm soát và mô tả thế giới. Tự thân tập thể luôn luôn hoạt động này là iếu tính nhờ đó bất kì cộng đồng lớn, quốc gia, nhân dân, hoặc văn hoá nào cũng có thể lập căn cước, theo những mức độ thành công biến thiên. Nhưng ý thức về Tề thiêu tìm đâu cho ra một quê nhà? Ngôn ngữ nào có thể thừa nhận bao gồm iếu tính của Tề thiêu, Tự thân chủ thể của nó, ngôn ngữ của nó? Và nếu chúng ta nêu câu hỏi này, một câu khác ắt chẳng nối theo có thể quan niệm chẳng rằng Tề thiêu có ngôn ngữ chuyên biệt của nó? Và nếu trả lời cho câu hỏi ấy là “ừ”, thì chẳng phải sao là ngôn ngữ đó tất phải kinh hoàng đến độ, u ám đến độ nó sẽ huỷ diệt những ai thốt lên ngôn ngữ đó?

Chắc cũng phải lẽ thôi là kẻ đào vong của Tề thiêu nên chấp nhận sự trục xuất của mình và lâu lâu có thể đưa ra những báo cáo về thân phận lưu đầy. Sự thể phải như vậy đặc biệt ở Đông Âu và Trung Âu, nơi do hậu quả của hai cuộc thế chiến và riêng vụ Tề thiêu, một ngôn ngữ liên quốc gia và siêu quốc gia là tiếng Đức đã biến mất, một ngôn ngữ đã từng có thời được nói từ vùng Bukovina [Rumania] đến Cracow [Poland], từ Praha [Czech] đến Fiume [Croatia] một ngôn ngữ trong đó những nhà văn không thể hoặc không ưng tìm một chỗ trong một nền văn học quốc gia đã tìm thấy quyền tự do phát biểu của mình.

Những nền văn học quốc gia này cho thấy ít thiện chí thu nhập bài

học trường giới của Tế thiêu, trong khi tự thân kinh nghiệm ấy, dấu trong một cung cách rất khác biệt, cũng là một bộ phận của ý thức tập thể của họ. Nhưng ngoại trừ những khuôn mặt công cộng công khai kết ước với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc hẳn sẽ tai hại nếu bắt lỗi bất cứ ai về điều này, và còn tai hại hơn khi nói đến chủ nghĩa bài Do thái “hấp thụ cùng sữa mẹ”. Chủ nghĩa bài Do thái tiếp thu là một di sản nặng gánh, nhưng chắc chắn nó không mang tính di truyền; những nguyên do của nó chuyên biệt mang tính cách lịch sử và tâm lí. Những quốc gia này đã chịu những tổn thất lớn lao về phẩm giá quốc gia và đã bao năm tranh đấu để tự thân tồn tại như những quốc gia. Trong một cung cách đặc trưng nhưng chẳng độc đáo chút nào, than ôi, họ đã khám phá trong chủ nghĩa bài Do thái một vũ khí thuận tiện trong cuộc tranh đấu đó.

Oscar Wilde, người, trong thế kỉ 19 còn ngây thơ, đã bị bỏ tù vì thông giải quyền tự do xác định tự thân một cách quá phóng khoáng, đã viết trong một luận văn: “*Hãy biết mình!*” là châm ngôn viết trên cổng đền của thế giới cổ đại. Trên cổng đền của thế giới mới châm ngôn sẽ viết là “*Hãy là mình*”.

Kinh nghiệm của chúng ta, chính mắt của chúng ta, bảo cho chúng ta hàng ngày rằng chính cái “thế giới mới” đang làm cho điều này ngày càng trở nên bất khả. Tuy nhiên, chúng ta không thể nhắm cao hơn điều Nietzsche đã dành cả một chương trong cuốn sách vĩ đại của ông *Ecce Homo* [Nhìn xem Con người]: trở thành cái chúng ta là, theo định mệnh của mình, và rút từ đó những kết luận thích đáng, bất kể chúng cay đắng tới đâu. Có thể là con đường tới quyền tự do xác định tự thân chẳng dẫn chúng ta tới đâu cả. Đối với một nhà văn mà một ngôn ngữ, cái ngôn ngữ trong đó y viết, luôn luôn mang tính đặc ưu, khó mà thừa nhận là, về phần y, một ngôn ngữ này cũng như một ngôn ngữ khác và chẳng ngôn ngữ nào thực sự là của mình.

Thực tình, tôi thuộc về cái nền văn học Do thái nó hình thành ở Đông Âu và Trung Âu. Nền văn học này chẳng hề bao giờ được viết ra bằng ngôn ngữ của môi trường quốc gia trực tiếp và chẳng từng bao giờ là bộ phận của một nền văn học quốc gia. Chúng ta có thể vạch sự phát triển của nền văn học này từ Kafka tới Celan và những người kế tục chỉ cần lần giở những nền văn học di dân phức biệt là rõ. Đại bộ phận, nền văn học này chuyên trị việc tận diệt dân Do thái ở châu Âu, ngôn ngữ của nó có thể biến thiên, nhưng bất kể là ngôn ngữ nào, nó cũng chẳng bao giờ có thể xem là ngôn ngữ cha sinh mẹ đẻ. Ngôn ngữ trong đó chúng ta nói còn sống bao lâu chúng ta còn nói nó. Một khi chúng ta lặng câm, ngôn ngữ ấy cũng tiêu ma luôn -- trừ khi một trong những ngôn ngữ lớn hơn xót thương nó, bồng nó lên, và ôm nó vào lòng, thế đó, như thể những tranh tượng Mẹ ôm Con từ câu rút.

Tiếng Đức là ngôn ngữ ngày nay có cơ nhất để làm điều này. Nhưng cả tiếng Đức, nữa, cũng chỉ là một nường nấu tạm thời, quán trọ một đêm cho những kẻ không nhà. Biết thế là tốt, làm hoà với cái biết này là tốt, và thuộc về những kẻ chẳng thuộc về nơi nao là tốt. Con người phù du cũng tốt thôi.

Nguyễn Tiến Văn dịch

Theo bản trích dịch tiếng Anh của Ivan Sanders đăng trên nhật báo ở Anh *Người canh giữ* ngày 19 tháng 10 năm 2002. Luận văn “*Quyền tự do xác định tự thân*” sẽ xuất hiện trong tác phẩm Văn học nhân chứng: Biên bản cuộc Hội thảo kỉ niệm 100 năm giải Nobel, do Horace Engdahl biên tập và sẽ xuất bản ở Singapore do nhà Xb Thế giới và Khoa học vào tháng 12/2002.

LƯU HY LẠC

CHỦ NHẬT VỪA RỒI

gửi Đỗ Kh.

Gã bước vào đám đông bật ca
lên, "Chúa ở giữa mọi người.." khom
lưng gã xuống phía dãy ghế cuối,
góc nhà thờ lạnh lẽo tối om

om; quỳ trên miếng ván, đầu gã
cúi thấp một lúc, ngược lên đưa
mắt nhìn tốp con gái đứng trang
nghiêm trong dàn đồng ca, gã

phát ngấm, cả bọn họ chẳng đưa
nào tiết hạnh; sát hàng ghế phía
góc phải trước mặt ba cha ngồi,
nguyên đám con gái bảy, tám đứa,

đứa khom, đứa quỳ lô nhô, gã
âm thầm ngó ba cha cúi đầu,
mắt lim dim chẳng biết phải thời
dâu bể; một tiếng ho không thể

kêu hãm từ nơi góc trái phía
các cụ ông, bà cụ vang lên, gã
lợi dụng lăm bằm — thời dâu bể
ai cũng có thể thành HITMAN,
cầu xin cho linh hồn ông Nguyễn

Đình Thi... Lặng lẽ một hồi gã
lìa khỏi hàng ghế, trống trơn bước
qua cửa không quên cho tay nhún
vô nước thánh đặt hai bên trở

vô trán, vô mình, vô hai vai
chả biết phải thời đâu bể, gã
cầu sự calm lặng của bấy cừu*
được cứu độ. Nhắm từ cổng nhà

thờ gã băng ra đường cái, dọc
đường, cơ man nào kẻ hút xách,
người bụi đời, có thằng bậm trợn
cũng có thằng mặc mẹ gã, thả

lơn tơn, gã phát ngẫm, "Chúa ở
giữa mọi người". Bạ lắc đầu, chê
kết cục tầm thường, chịu; tôi có
phải HITMAN đâu.

* tựa một cuốn phim ăn khách.

VĂN YÊN ỒN

Nói gì nói, sau lần bị gái
cho de cũng như chuyện phịa, tôi
vẫn cứ phải loay hoay đầu này,
đầu nọ, vẫn đợi, vẫn ngó các

nhật báo Việt ngữ, vẫn phải sinh
sống gần đây thấy liên tiếp đăng
thông báo về việc thi viết Văn,
làm Thơ với đề tài “Trả Ta

Sông Núi.” Sau lần bị gái cho
de nói gì nói, cũng như chuyện
phịa đề tài “Trả Ta Sông Núi”
trời ơi; toàn những người hành nghề

bán bảo hiểm, những vị bác sỹ
tổng quát, những nhà luật sư chuyên
lo thương tích xe cộ/ say rượu
ấu dả, những tay tài trợ/ đầu

tư tiền bạc mua/ bán nhà ở
bất động sản, những ký mục gia
hàng đầu của hầu hết báo chí
thương mại, giải trí họ đồng tham

gia vào hội đồng giám khảo cuộc
thi viết Văn, làm Thơ với đề
tài “Trả Ta Sông Núi.” Thơ / Văn
không đồng hạng tiền. Giải Nhất: Một

ngàn năm trăm đồng. Giải Nhì: Một
ngàn đồng. Giải Ba: Năm trăm đồng.
Nói gì nói, đề tài “Trả Ta
Sông Núi” sau lần bị gái cho
đe cũng như chuyện phịa tôi vẫn

cứ phải loay hoay, chờ đợi mãi
kết quả của cuộc thi với một
ban Giám Khảo đáng tin cậy như
thế đấy.

Tháng giêng 03

NHẦM RÕ NGHĨA MỘT BÀI THƠ ĐĂNG BÁO CÁCH ĐÂY VÀI NĂM.

Cũng một tiếng ới trữu nổi niềm
cá nước đeo nặng Sài-gòn ba
trăm năm tôi tổng ngồng, hóng trên
cảng Cựu Kim Sơn, đoạn đái một

cầu vòng bảy sắc hồng nhận bến
nhà Rồng xuống biển với một tâm
thức thật dày đặc những trói buộc.
Tôi manh nha một việc gì đó

chẳng hạn như — muốn nuốt trọn những
ánh mắt lơ lửng, những khao khát
một cách hết sức bỉ ổi về
một cuộc hội nghị, chỉ Pháp thoại

trong lòng ba mươi sáu phố phường
Hà-nội, việc trong tôi manh nha
như thế cho đến giữa đêm, nó
có cơ sở để cũng một tiếng

ới trữu nổi niềm cá nước đeo
nặng cảng Cựu Kim Sơn hai mươi
năm, một tôi đứng tổng ngồng nhìn
tôi thi gan với biển; rồi trong

một tâm thức thật dày đặc những
trói buộc, tôi trở thẳng mặt hét
tướng lên — mà y mà về Sài-gòn
lạng quạng, bọn chúng giết.

THỨ NĂM 28 THÁNG 11/ 2002.

Gặp lại ả cười cười, tôi cũng
cười mở mồm “Tao nhớ mày.” ả
quăng ánh mắt gờm gờm tôi “Mày
còn cần sa?” Tôi rụt cổ rút

vai thọc hai tay vô túi quần,
ánh mắt ả đầy xét nét mà
tự khiêu khích, tôi nói “Bỏ nhà!”
ả tỏ vẻ nông nổi xáp lại

gần tôi hơn, đưa ánh mắt dọi
thẳng mặt tôi, “Đi về lấy!” đoạn
ngúng ngợm quay đi. Tôi đứng chần
chừ, hai bàn tay nắm lại, bỏ

yên trong túi quần, nói với theo
đẩy đưa “Mày đợi tao.. một tiếng!”
ả ngoáy đầu xoáy ánh mắt vào
tôi nhắc nhở lẫn nhieć móc, “Mày

đã cho tao leo cây!” Tôi cong
người buột mồm, “Cho tao xin lỗi!”
Ồm ờ, tôi nói với thêm “Lần
này, tao gọi!” ả xoay hẵn người

lại, “Còn giữ số của tao... “ Miệng
nói, ả lục lợi trong tay nải,
tôi đi lại, chìa lòng bàn tay
ngay mặt ả tỏ ý cho ả

cứ ghi bừa lên đấy. Ắ rút
nắp viết hý hoáy, đầu mũi viết
nhọn miết trên da thịt cho tôi
cảm giác rát/ xót, ánh mắt ả

lom lom mặt tôi đượm van lơn,
“Nhớ, tao đợi. “ Ắ xoay người bước
thật nhanh, tôi ngậm mồm đứng nhìn
theo, một hồi lâu tôi biết tôi

phải làm gì ngày hôm nay để
giả ơn.

KHÚC MINH

THAN VAN

Thượng đế dắt tôi đi một vòng thăm
thiên đường và địa ngục. Để cuộc tham
quan được vô tư, tôi không nên nói
chuyện với bất cứ ai tại hai nơi

ấy. Mọi ý kiến thắc mắc Ngài giải
thích rõ ràng cho tôi hiểu. Trên thiên
đường, tôi thấy phần đông các vị tu
sĩ lớn nhỏ của các tôn giáo, có

mặt gần đầy đủ. Không nơi nào bán
bia rượu, không đi điếm. Mọi người đi
lại nghiêm chỉnh. Có nơi treo bảng chỉ
nhánh tòa soạn V. H. có sạp

bày bán báo này. Thượng đế giải thích:
những người chủ trương và cộng tác báo
V. H. luôn luôn đội ông Khổng tử,
Mạnh tử trên đầu. Từ đời tư đến

tác phẩm của họ rất nghiêm túc. Họ
không vãng tục, chửi thề, không làm tình
bừa bãi. Các tu sĩ, các cụ đọc
tác phẩm của họ không thể chỉ trích

được. Khi xuống địa ngục, Thánh Phê Rô
vừa mở cổng, tôi gặp ngay cảnh bát
nháo: chợ trời, chợ chui, chợ tình tấp
nập. Mua bán trao đổi đủ thứ, thượng

vàng hạ cám. Các em mắt xanh, môi
đỏ, ăn mặc nghèo tận mạng, trông thật
bất mắt. Mọi người uống bia rượu xả
láng. Có hai nơi treo bảng chỉ nhánh

tòa soạn báo H. L. và T. C.
T. Nhiều sạp bày bán chung hai tạp
chí này. Thượng đế giải thích: những người
chủ trương và cộng tác hai báo ấy

phần đông là các trí thức trẻ hoặc
lớn tuổi nhưng tinh thần cởi mở, phóng
khoáng, nhiệt tâm muốn cách tân thơ, văn
viết ngữ, từ hình thức đến nội dung.

Họ sử dụng ngôn ngữ và cách hành
văn đổi mới, táo bạo làm cho các
tu sĩ, các cụ cảm thấy khó chịu,
bị sốc. Nếu họ mở chỉ nhánh tòa

soạn, bày bán hai báo ấy trên thiên
đường, e sẽ bị các nhà đạo đức,
các cụ phản đối. Nhưng báo của họ
bán rất chạy tại địa ngục. Cuối cùng

tôi làm đơn xin ở lại địa ngục,
thoải mái hơn thiên đường. Chỉ cần có
hai tờ H. L. và T. C. T.
cho tôi đọc quanh năm là nhất rồi.

KHÁNH HÀ

CHUYỆN BẮT ĐẦU

Chuyện một người đàn ông
và một người đàn bà
ở chung trong một ngôi
nhà là chuyện bắt đầu

cho tất cả, là đầu
mối của mọi sự rắc
rối buồn vui, là nguồn
cảm hứng của văn chương

nghệ thuật và tất cả,
tất cả từ khi thế
giới bắt đầu, từ khi
con người bắt đầu, không

biết đến bao giờ mới
chấm dứt. Chuyện ông A-
dam và bà E-và, một
đàn ông và một đàn

bà. Khi người đàn ông
và người đàn bà mở
cánh cửa một ngôi nhà
thì mọi chuyện bắt đầu.

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

BÀI THƠ CŨ

Xóm nhỏ ngày xưa mỗi lần xe vào
xóm, lũ con trai nhỏ bỏ chơi,
bỏ ăn, chạy theo, đu vào đuôi xe
cười rạng rỡ. Nhưng chiều nay, chiều nay,

chiều nay có chiếc xe nhà binh vào
xóm, lũ trẻ ngừng ăn, ngừng uống, ngừng
nói, ngừng thở, dõi theo... Đó là xe
chở xác anh tôi, tử trận nơi chiến

trường Hạ Lào, hai mươi mốt tuổi, chưa
lập gia đình., mới có người yêu. Hạ
Lào. An Lộc. Đồng Giã. Bình Xoài. Chiều
nội trú, buồn, mưa lất phất, phòng ngủ

lầu ba. Phía dưới là đường Yên Bái,
có những đôi nhân tình che chung chiếc
dù cho lòng chột lạnh đến vô cùng...
Có những môi hôn, dưới hàng hiên vắng,

cho lòng xôn xao nhớ... Nhớ người tôi
sẽ yêu, nhớ người sẽ yêu tôi. Nắng
sấp tắt, những bóng đèn đường hiu hắt.
Những đường mưa cắt nghiêng vũng sáng

vàng vọt dưới cột đèn, và vũng sáng
ấm áp, trong vuông cửa sổ nhà ai,
ở trong đó, có những đôi nhân tình,
yêu nhau. Không có phần cho tôi, không

có phần cho anh tôi, không có phần
cho người lính trẻ say khướt bước đi
xiêu vẹo dưới kia... Xóm nhỏ ngày xưa,
lũ con trai nhỏ bỏ chơi, bỏ ăn...

tháng 6 - 1970

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

TÔI CŨNG LÀ MỘT CON RỐI

Người đàn ông ngồi đó trong tấm khung
 của buổi chiều sẫm màu, như con cá
 sa lưới như con chim sụp lồng như
 không thể tìm ra cách này cách khác
 trước mặt sau lưng phía trên phía dưới
 làm như mình đã kiệt sức, không còn
 muốn ăn nhập gì đến sự có mặt
 của tôi, cuộc đời, bất cứ ai khác
 trong một công viên có lắm bồ câu
 bay tới bay lui sà lên sà xuống
 mặc kệ thiên hạ có người rong chơi
 có người đi tản có người bỏ đi
 vì lý do này hay vì lý do khác
 có người trở về tìm kiếm đâu đâu
 rồi thấy không còn gì, không có gì
 lại bỏ đi và lần này có khi
 không về nữa, không bao giờ về nữa
 trong khi công viên sáng sáng chiều chiều
 lá xanh vô tình thương đế vô hình
 giấu những ẩn ngữ trên những vòm trời
 người đàn ông là một con rối và
 tôi cũng là một con rối, thì thôi
 mặc kệ gió với những lời cầu hôn
 những con rối những hẹn hò ghế đá
 vỗ tay chứ, kìa bóng tối diễn kịch
 còn ánh sáng thì đã quá nhàn nhạt
 những hài kịch không hái nổi nụ cười
 người đàn ông cũng thế, tôi cũng thế
 rồi sao nữa, với hàng loạt vai tuồng

người đàn ông với một con chó đốm
vẫn trung thành như những điều khát khao
sau hậu trường sau những diễn xuất tồi
con chó đốm, gã đàn ông không nhà
an phận chia nhau những mẫu bánh vụn
chia nhau mấy nỗi xác bất xang bang
những chiều xuống sáng lên những tan những
nát. Vậy đó, còn lại bây giờ là...
những ngày hạ trở về không ai hay
những sớm mai choàng mắt không hề biết
mặt trời đã rớt tởm tự lúc nào
bên sông. Một xác ve, một xác bướm
một tình yêu một người đàn bà đã khô
những mùa màng hoa phượng xác xơ cành.

MAI NINH

HUYỀN SỬ

Không có gã thanh niên bỏ những
 kèn đồng giữa chợ dẫn tôi vào
 sau cánh cổng sơn xanh sắt ố
 bờ tường vỡ lở mái trần cầu
 thang, lớp học hành lang trống vắng
 ngày hè chất xếp ghế bàn chờ
 sơn cọ sửa sang cho kịp tựu
 trường, tôi đã chẳng biết trong lòng
 đời sống bụi dơ chen chúc lất
 lay người khốn khó vẫn còn nơi
 thơ rục thắm bông hoa của gã
 con trai mới được quá hai mươi
 ngồi vẽ dưới mây cho đám trẻ
 em nghèo một lớp học tường đầy
 hình ảnh sáng vui thay rác rưởi
 dềnh quanh chợ búa. Không có chàng

thanh niên lạ lắm mời tôi vào
 quán bờ đường uống thêm một ly
 cà-phê đóng bã đen nhờ và
 thổi vài hơi khói vòng nạc-ghi-
 lê kêu bập bập làm sao tôi
 biết người chủ quán đã bắt chàng
 ta phải trả mười lần giá cả bình
 thường vì dám mời một người
 đàn bà ngoại quốc không quen bằng
 món tiền ăn một ngày trọn ba
 đồng Ai Cập đáng môi tôi son

khép ngoài đường bụi bay múa hồn
nhiên trong chiều nắng. Không có con

tàu trôi giữa hai bờ sông chỉ
là người lách vào huyền sử bao
ngàn năm ngủ yên vua trời đội
đêm kêu hoảng trong mồ mả đền
đài chùm bóng không gian u uất
đề lên phận người da cháy dân
nuy-bi bị lưu đày ra khỏi
quê hương cội nguồn nhường đất đai
mang phần mệnh tha phương trên lạc
đà cong lưng, họ lìa xa những
ngôi nhà tường vẽ hoa và chim
sắt vòng tròn mặt trời hơn bốn
ngàn năm về trước bà hoàng I-
Sis đào sông để tìm thân thể
người tình chung bị thù nhân chặt
mười bốn khúc thả trôi trong dòng
đục hờn ghen. Cuối cùng chỉ còn
thiếu đôi mắt đắm sâu nên huyền
thoại sông Nil không thoát khỏi chữ
Tình.

Nil, 2003

CHẤP GƯƠNG

Một tiếng kêu giữa bình minh thức giấc
Rừng trầm hương chân khép dưới lưng
Kéo một tấm màn gai
mơ che nắng lạ
rọi mặt người chưa tỉnh đêm xuân

Chẳng hay sao ngõ trước em đã về
Mưa rớt giữa hai bờ gương sủi bọt
Nước nả lân tinh
cuộn sông trùng hợp
tuôn triền vách mở
Người tới sau
một vói tay
miền ngực hở
vớt trăng làm mảnh vỡ phiến trần gian

Ngoài sóng mắt mở tìm đâu không bóng dáng
Dấu chân về đôi lũng chẳng còn ai
Đạp trên nghìn tầng mây rơi lấp
bãi sâu em
cỏ oải vô tình

Chấp được gương đâu
đôi dòng không nối được
Cắt một đường
ngang cỏi nhớ mệnh mong
Ảnh bên kia
hai viền đêm khép lại
Trăng ảo đành vỡ giữa trên sông

tháng cuối, 2002

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

ĐẦU XUÂN, TIẾNG ĐIÊN RÉO GỌI

nhiều đêm
 thật nhiều đêm
 quá nhiều đêm. tiếng đời thường ỳ ầm đồng
 vọng. nhiều đêm tháng giêng. một tháng giêng
 1968. mười đêm tắm gội tình
 yêu và tình chết, triệt tiêu nhau đưa tôi
 lội biển lửa đời thường theo
 ngôn ngữ thời thượng.
 mười đêm. nhiều đêm.
 quá nhiều đêm. đời thường trấn nước, bỏ tôi
 quên, bỏ quên tôi trong tiếng nhạc Exodus. rồi cao bồi, da đỏ
 với Custer, Angelique et le sultan, Kiều Chinh với Chuyện năm
 Dân. Đoàn Châu Mậu.
 người về từ đỉnh núi. trận nóng nhỏ trong mùa lạnh toàn cầu.
 đại nhạc hội. Rex. Đại Nam
 nhiều đêm
 rất nhiều đêm.
 tiếng đời thường không ai giải thích. Ỡ ầm, xa xăm.
 đêm tháng năm 1968, hoả tiễn bay vèo. Kề cận. Một đêm
 nổ đùng. sân thượng. nghìn tiếng chiêng
 công. ôi trời sập. cả nhà choàng thức giấc, ba má
 lừa chúng tôi rầm rập xuống nhà, dưới đất. hàng xóm đôi gia
 đình
 cũng lục tục kéo qua. một chục đứa, nhỏ lớn, vừa vừa, khoái
 chí, đã gặp nhau buổi chiều, giờ nằm cạnh nhau buổi tối trong
 chiếc mừng thật rộng. năm bảy người lớn tiếp tục bàn tròn, dự
 đoán
 mục tiêu. trại lính toà tỉnh trưởng. sân thượng nhà mình nằm
 ngoài
 tấn công đợt hai. mấy bà mẹ lo âu thắm thấu âu lo
 vào lũ trẻ. hai trái pháo. mục tiêu
 122 li, một rớt
 xuống sông một vô
 chòi ông bán
 chiếu. sáng sớm đi xem mặt trận

về Má nói may làm sao ôi thiệt
 may làm sao chết chỉ một người
 trong xóm. riêng tôi hơi bị
 điếc. nhớ hoài (những?) đêm (vui?) thời ấy.
 nhiều đêm. quá nhiều
 đêm. một hai trảy trưa bên lề! trăm nghìn thiệt hại trọng
 tâm. một tuần sau, một tuần trước, một vài năm sau, trước, vẫn
 hoả
 tiễn bay vào, âm ỷ. nhiều đêm. thật nhiều đêm. đồng vọng. Bê
 bốn mươi, em bảy chín.. em trăm mười ba. Tê năm mươi bốn.
 Thần sấm. Bê năm hai thả bom một chỗ, chắc cũng thả bom
 nhiều
 chỗ khác. ai bấm. tháng năm sáu tám.
 nút. một quả bom rơi
 xuống một chiếc
 hầm cá nhân. nhiều bom rơi. ông ngoại
 oạng ngoại tôi đào đắp
 một mình. một mình đào ao đắp đập.
 một mình. nông dân thứ thiệt. dân vườn
 chánh gốc. ông ngoại. một
 mình. chết. trong hầm đất. một mình
 tôi không nghe
 tiếng nổ
 không thấy bom
 không thấy ngoại
 chết lặng cơn
 điên tôi hồi hải
 chạy quanh tìm. nhiều đêm. thật nhiều đêm.
 hiểu vì sao người ta đánh
 bom phóng hoả tiễn. người ta dạy có những lúc phải đấu
 tranh phải bắn giết kẻ
 thù giải phóng dân tộc (rất thường) và (đôi khi) nhân loại. À ra
 thế những cuộc
 đời thường. triệu triệu người đã điếc đã điên, không kể người
 đã chết, bởi chẳng ai trở về kể lể điều gì cho tôi nghe. ngoại tôi
 cũng vậy. thôi thôi không tính người
 đã chết. những người đã chết và đã quên người sống sót. những
 mất
 mát trung tâm. ngôn ngữ thời thượng.
 bên giáo bên lương. bên thanh bên tục. các giềng mối văn minh.
 những đồng văn đồng chủng những đồng đạo đồng môn. thánh

chiến. Phe nó phe ta phe tà phe ác. đồng than đồng tụng.
 còn chi ai khá ai hèn. còn chi mà nói ai hiền ai ngu
 điều quan trọng
tiếp tục đời thường.
 hôm nay tháng ba 19, hai ngàn lẻ ba, một vài hoả tiễn
 chọt chọi loài màn ảnh khi tôi chỉ
 muốn xem tin tức thời tiết cho cuối tuần
 chơi cuộc đời thường
 Baghdad. ôi đúng mục tiêu quần hùng giang hồ định trước.
 đẹp báo tắt đài, co ro
 trong cuộc đời thường. nhớ Tony và Maggie, tay thuốc, tấm
 lưng mềm. In the mood for love. nhắc phen.
 nghe tiếng lạ (trong em). không không.
 Oum Kalsoum nức nở tình ca. anh ơi về sớm. tiếp tục đời
 thường chợ búa, xi nê, xe hơi, khai
 thuế, điện thoại cho con, meo miếc gia
 đình, bạn bè, ai yên chỗ nấy
 hôm nay 20 tháng ba. trận chiến đổi pha. từng đoàn xe tăng
 tung cát vàng sa mạc. mad max xua quân. Mel Gibson Tina
 Turner nghìn lần tài tử

sáng hôm nay ừ chính thức khai xuân tưng
 bừng đào hồng mận tím. Forsythia Tulipe Magnolia
 cố sức đời thường tôi nín
 kéo người yêu ới gọi bạn bè
 lại xi nê, hẹn
 hò đi chơi. coi tranh nghe nhạc
 tiếp tục tắt
 đài vất báo
 đóng ti vi
 nhưng
 thiên hạ xuống đường. xin làm khiên đỡ
 đạn. xin chết cùng.
 kẻ chống người theo
 radio, tv, đặc phái viên,
 trực tiếp. Non à la guerre, no war, hết ultimatum, đả đảo Sad
 Dam, hoan hô Blair Bush. Bush must go. Saddam phải lưu
 vong. bạn bè cãi cọ, giận hờn, chí choé chửi nhau. phải đem lại
 tự do. tiêu diệt khủng bố. nên chiến vì chẳng thể hoà. toàn cầu
 nghe chẳng Saddam nguy
 hiểm. đánh bắt kẻ hôn quân, cứu giúp dân lành. yên tâm. thanh

toán gọn. chớp nhoáng TotalFinaElf, TexacoMobil, Loukoil chờ
đợi. chiến hạm năm mươi tỉ euros. lựu đạn ba đô. phải quay
vòng kinh tế.

và Cie. mở bong bong lợi lộc. ôi mà y tên ngớ ngẩn. hôn quân
khác với dân lành. hoá tiền mất thần đường chém ngọt. nhà dân
lành khác dinh thự hôn quân. phụ nữ đội khăn khác xa chiếc
burqa âm thầm

dấm dớ. quá hâm. mai một dầu lửa
một cent một thùng bự, ôi đời đẹp xiết bao. Ờ, tôi cũng sẽ biết
chạy mercedes (lexus) như ai.

đổ super unleaded một (hai?) đồng năm (mười?) lít. *Oh yes.*
cuối tuần

sang Florida ra khơi coi cá voi giỡn
nước, vé rẻ mạt. tuyệt đối an toàn. đời thường quý giá. quân bất
kiến Hoàng hà chi thuỷ. *no?* nhà quê!

hậu đình hoa yêu nữ vẫn nói cười. tắm biển có thể không cần
mặc bikini. đời thường này không phải đời Congo. ăn rau cải
bio chứ không hám thịt người pygmées. xưa nay hiếm quý vốn
chỉ một đôi nơi.

khủng bố nào cũng phải diệt. dù trứng nước hay giả bộ nằm gai
nếm mật. câu tiển saoudien hay qaida yéménite.

nhiếc nhau đã đời. Đ.m nghĩ mà y ra. có giỏi qua Bá Đa làm
khiên đỡ đạn. làm quân cảm tư. chứ ở tại Time Square làm
poets against

war. dễ ợt.

lưỡi chảy cát trôi đà điều ngẩng nhìn trước mặt
tin đặc biệt Flash

Info intox. màn ảnh lửa. breaking news.

bom loè chớp

đạn

sáng từng đóm chậm

đỏ vàng cam thật đẹp

kính hồng ngoại tuyến xuyên

đêm sa mạc xanh giếng dầu trắng

cát. một đêm. nhiều đêm. đặc

phái viên từng bừng chẳng khác đêm Oscar Gấu vàng Berlin
Cannes

nhiều đêm. quá nhiều đêm. bom nổ như đèn

trời. pháo scud ấy

pháo bông.

tiếng cam. patriot

là tiếng câm. toàn những tiếng câm. qua hồng ngoại tuyến.
 tôi chạy quanh tìm.
 bóng ngoại. nhiều đêm. thật nhiều đêm.
 nhiều đêm. thật nhiều đêm. quá nhiều
 đêm. ba mươi lăm năm tôi vẫn tìm bóng
 ngoại miệt mài tìm điên
 điên vẫn hoàn điên.
 ôi ba mươi lăm năm có gì đâu. những thua thiệt bên lề.
 mười hôm điên tai. quần quanh biên biệt. có gì đâu. những bóng
 hình mờ
 mịt. Giữa trọng tâm năm tuần Giông Tố Sa
 mạc. Mấy tháng truy lùng Ben Laden, vạ tiếng chiêng công.
 nghe. chỉ vài trăm chiến sĩ: mất mát trung
 tâm. không đáng kể. tài ba các lão tướng, rất hứa nhân gian
 kiến bạch đầu.
 thua thiệt bên lề vài triệu kẻ điên tai hai phe thù bạn. Tỉ tỉ đô
 la.
 có là bao, vẫn thở sống. quờ quạng.
 đời thường. tiếp tục điên điên bên
 lề. tôi muốn kêu mấy Bush
 tôi muốn réo các Hussein
 có giỏi thì thách đấu. Duel. Uýnh tay đôi.
 phe trục phe tà, phe tả phe
 ta. kẻ pour người contre
 có giỏi thì versus tay không. từng cặp.
 có giỏi thì thuyết phục bằng
 Tay Bút Mực Tim Ốc nghĩ
 thôi
 xin lắng nghe lời câm điên
 tội than van
 đôi phút
 bởi vì
 ngồi xa
 hạ lệnh
 bấm nút
 thì quá đổi
 unfair.

03-2003

Đôi Nét về Hip Hop

Nguyễn Đăng Thường

Ra đời ở Bronx (New York) trong thập niên 70, Hip Hop đã lan nhanh khắp thế giới và xâm nhập mọi nền văn hóa địa cầu. Là một hiện tượng độc nhất vô nhị, trong 30 năm qua, Hip Hop đã cách mạng mọi loại hình nghệ thuật (nhạc, họa, vũ, văn, thơ...) và biến đổi những xã hội trong đó văn hóa Hip Hop đã có cơ hội được phát biểu.

Định nghĩa

Hip Hop đã xuất hiện ở South Bronx, một ghetto của New York với vấn nạn ma túy và tội ác bạo tàn hết cỡ dưới mọi hình thức, khoảng giữa thập niên 70. Phong trào Hip Hop là giao điểm của nhiều nền văn hóa và khuynh hướng nghệ thuật. Đại để, ta có thể chia Hip Hop ra làm bốn địa hạt: khiêu vũ, nguệch họa (graffiti), DJ'ing, và emc'ing (rap), có gắn bó chặt chẽ và đã uống chung cái nguồn lịch sử văn hóa xã hội Huê kỳ. Nghệ sĩ rap KRS One trong một bài viết về đề tài này đã có thêm 5 điểm chính yếu khác nữa, là: nghệ thuật sử dụng thân thể như một nhạc cụ (Beatboxing), thời trang vỉa hè (Street Fashion), ngôn ngữ đường phố (Street Language), cái khôn lanh ngoài ngõ để “rút tĩa những quy luật chung” (Street Knowledge), và kinh doanh chợ trời, nghĩa là tìm cách “biến 15 xen ra thành một đồng đô” (Street Entrepreneurialism).

Hip Hop là một hoạt động có tính cách văn hóa vì nó bao trùm

nhiều dạng thái biểu dương nghệ thuật, tuy khác biệt nhưng vẫn bổ túc nhau. Trong giai đoạn đầu, Hip Hop là văn hóa qui tụ những cộng đồng Mỹ-Phi và Mỹ-Porto-rican. Khu Bronx có một cộng đồng rất lớn dân Mỹ-Porto-rican. Họ mê nhạc disco trong thập kỷ 70. Cái lần ranh văn hóa lúc ban đầu giữa hai cộng đồng này, đã được Hip Hop dần dà tẩy xóa. Nhóm Mỹ đen và nhóm Mỹ la-tinh có rất nhiều điểm tương đồng. Trước tiên là tính di truyền. Bởi họ mang chung dòng máu Tây-ban-nha. Người Tây-ban-nha khi tới đảo, vì nhu cầu sinh lý, đã hiếp phụ nữ bản xứ (thổ dân) mà con cháu sẽ là người Porto-rican. Khi tìm được vàng trên đảo, người Tây-ban-nha đã chở thêm dân nô lệ từ châu Phi tới để phụ giúp trong việc khai thác và đã tạo ra giống người Mỹ-Phi. Tóm lại, hai cộng đồng sống cạnh nhau và mang chung ít nhiều một dòng máu này, đã đặt nền tảng cho Hip Hop.

Có thể vì từ Hip Hop mang nhiều nghĩa và gợi nhiều ý khác nhau nên đã được giữ lại để chỉ định cái phong trào đã xuất hiện trong thập niên 70. Trước tiên vì nhạc Hip Hop tiếp tục dòng nhạc do người Mỹ-Phi sáng chế. Thật thế, Hip Hop gợi nhớ nhạc Be Bop (dòng nhạc jazz hiện đại xuất hiện sau thế chiến 2 nhờ các đóng góp của Dizzie Gillespie và Charly Parker). Hip Hop cũng có liên hệ với khiêu vũ. Hai âm “Hip” và “Hop” gợi nhớ vũ điệu của các “breakers” trong khu Bronx. “Hip” có nghĩa là “đúng mốt”. Nhưng nó cũng có thêm nghĩa của một tiếng lóng, là biết “xoay trở”. “Hop” thì là một từ gợi thanh, diễn tả sự nhẩy vọt, vươn tới. Do vậy Hip Hop hàm ý sự tiến bộ và sự tiến thân nhờ tính thông minh và tài tháo vát.

Từ Hip Hop có thể đã do ca sĩ rap Love Bug Starky sáng chế. Hip Hop, theo các nghĩa kể trên, đã được các tay chủ lễ MC (Master of Ceremony) luôn luôn sử dụng trong các buổi dạ diễn, rồi trong các đĩa nhạc, dần dà đã lan khắp nước Mỹ và thế giới. Chúng ta sẽ thấy nguồn gốc của từ “Rap” trong phần sau. Hip Hop là một phương tiện để hiện hữu bằng một kiểu thức khác hơn sự hiện hữu do xã hội áp đặt. Hip Hop là một quan điểm về xã hội và những yếu tố của xã hội. Hip Hop đối hưởng, chiếm hữu, sáng tạo và biến cải cái tiêu cực thành cái tích cực.

Hip Hop, văn hóa vũ múa

Tất nhiên cái nguồn của vũ điệu Hip Hop là châu Phi, ngày xưa là một lục địa với vài chục tỉ người da đen, sẽ bị bắt giữ và chở sang Mỹ làm nô lệ phục vụ cho bọn người da trắng muốn biến cái lục địa mới đó thành “miền đất hứa”. Trong suốt những năm tháng nô lệ ấy, trong khi người da trắng và các giáo hoàng đặt nghi vấn về sự có mặt của “linh hồn” nơi bọn mọi đen, những người da đen này đã cố hồi sinh một nghệ thuật châu Phi chôn sâu trong đáy người họ, để cho tình cảnh của họ bớt phần cực nhọc.

Gắn liền với âm nhạc mà người da đen sẽ sáng tạo trên đất Mỹ, vũ múa sẽ biểu lộ song song với tiến trình của âm nhạc. Như nó đã từng với Jazz, vũ múa là một yếu tố quan trọng đối với Hip Hop. Theo Buster Smith thì “nhạc jazz là một loại nhạc cốt để khiêu vũ”.

Quincy Jones nói thêm: “Ngày xưa, vũ trường là bến đỗ của các giàn nhạc jazz. Giàn nhạc khiêu vũ và giàn nhạc jazz chỉ là một mà thôi.” Teddy Wilson: “Thiếu khiêu vũ, nhạc sĩ jazz bị mất sự kích thích tối cần.” Trong nhạc jazz nguyên thủy, chính những vũ công đã nâng và giữ giàn nhạc. Nếu các vũ công tồi thì dàn nhạc cũng kém. Và Louis Armstrong đã xác định thêm tầm quan trọng của vũ trong nhạc đen: “Anh sẽ không nhìn thấy những diễn tiến trên sàn nhảy nếu mắt anh cứ dán chặt vào các nốt.”

Ở Ba Tư (Bresil) vũ múa từ châu Phi trở thành chiến cụ để chống lại bọn chủ trương mãi nô, hòa lẫn với các nhịp điệu Ba Tư tạo thành điệu vũ/chiến cụ *capoiera*. Vũ điệu Hip Hop dần dà tiến triển theo nhạc đen. Trên sân khấu, James Brown là một trong những vũ công thuộc hàng quái kiệt. Các bước cách tân của anh là nguồn cảm hứng lớn lao đối với các vũ công ở New York. Thêm vào cái văn hóa Mỹ-Phi đó, là sự đóng góp của người Porto-american thích vũ điệu *disco* ở Bronx, trong lúc người Mỹ đen thích vũ điệu *funk* hơn.

Vũ điệu Hip Hop gồm nhiều đặc tính:

1. Vũ điệu *Break*. Còn giữ nhiều đặc tính của *capoiera*. Gồm nhiều kỹ thuật và động tác khéo léo (acrobatic) gần mặt đất, đã nảy sinh ở New York. Các tay nghề của vũ điệu này là nhóm Rocksteady (Crazy Leg, Frosty Freeze, Ken Rock), nhóm Dynamic Rockers, và nhóm New York City breaker.

2. Vũ điệu *Electric Boogie*. Hóa thân của vũ điệu Electric Boogaloo từ bờ biển Tây Huê Kỳ, nơi mà vũ điệu này được thể hiện dưới các dạng thức của funk. Bên Pháp Electric Boogie có cái tên mới là Smurf. Vũ điệu này gồm nhiều kỹ thuật đặc biệt, như *popin'* (?) do Boogaloo Jo sáng tạo, hoặc kỹ thuật *lockin'* (khóa) do Don Campell sáng chế. Marcel Marceau, nghệ sĩ hề nhại điệu bộ (mime) lừng danh của Pháp đã đóng góp không nhỏ cho vũ điệu này với các sô của anh trên truyền hình Mỹ. Ở bờ biển Tây cũng đã phát triển vũ điệu *Hop Rock*. Frosty Freeze (có thể là người đã sáng chế cử động “bước lui”, được ca sĩ Michael Jackson phổ biến dưới tên gọi *Moonwalk*), nhóm Rocsteady, và nhóm Electric Boogie Force là những diễn viên chính của vũ điệu này ở New York. Các vũ công này mau chóng trở thành những tên tuổi trong khu phố của họ. Đồng thời ở đầu thập niên 70, New York cũng đã có những vấn nạn băng đảng trầm trọng. Các tội ác cũng gia tăng, nhưng Hip Hop và vũ múa đã cho giới trẻ

có được một sự chọn lựa mới.

Một trong số những nguyên tắc căn bản của Hip Hop (và tất nhiên cũng của vũ múa) là sự đo tài. Các vũ công từ nhiều khu phố đối đầu nhau trên sàn nhảy với những vũ thuật thay cho dao hay súng trên đường phố. Nhưng các trận thách đấu cũng có khi kết thúc bằng những cú đấm đá. Các vũ công còn trong lứa tuổi thiếu niên đều thuộc giới trẻ của các ghetto. Họ đã chuyển sự phẫn nộ vào vũ múa. Vũ múa đã trở thành mối đam mê hàng đầu. Nó thay thế cho cuộc đời nghèo khổ lang thang trên hè phố, trên bình diện tài chính cũng như tinh thần. Các vũ công được đặt cho cái biệt danh là “b. boys”, mẫu tự “b” là từ “breaking” viết tắt. Từ “break” trong tiếng Anh có nghĩa là “cắt đứt/ngưng nghỉ”. Trong các bài nhạc (soul và funk) break là lúc ca sĩ và nhạc sĩ ngừng nghỉ, trừ giàn trống và kèn trầm vẫn tiếp tục chơi để giữ nhịp “beat”. Đó là những lúc thuận tiện nhất để các vũ công trở tài, mà một tay DJ (Disc Jockey/chạy đĩa nhạc) tên **Kool Herc** đã thấu hiểu, do vậy anh đã cho chạy đi chạy lại mãi các đoạn này với hai giàn máy hát, bên phải và bên trái. Chính anh đã gọi các vũ công là “b. boys”. Về sau “b. boys” (breakin’ boys) cũng có thêm nghĩa mới là “bad boys”.

DJ, những người dọn đường

DJ, hay Disk Jockey, những người giữ phận sự chạy các đĩa nhạc funk và disco đã có từ lâu, trong các buổi phát thanh nhạc radio hay trong các clubs. Nhưng Hip Hop đã thay đổi hẳn tình thế. Nếu không có các tay DJ thì sẽ không bao giờ có Hip Hop. Ba ông tổ của Hip Hop trên bình diện âm nhạc là ba chàng DJ: Kool Herc, Afrika Bambaataa, và Grand Master Flash.

Kool Herc gốc Jamaican. Thời niên thiếu anh đã rời Kingston tới New York sinh sống trong khu Bronx. Vì lực lưỡng và giỏi các môn thể dục điền kinh nên bạn đồng lớp gọi anh là Hercule, được rút ngắn thành Herc. Sau khi đã “xịt” (graffiti) tên anh lên các mặt tường, anh hướng về việc chạy đĩa (Dj’ing) và đã có thần kiến sử dụng cái “sound system” (hệ thống âm thanh) của thời thơ ấu trên đảo vào cái thực tại của khu Bronx. Anh tổ chức các buổi “nhót trong xóm” (Block Party) và chạy các đĩa Soul và Funk anh thích. Vì chỉ có một giàn máy nên anh phải nói vào micro như các tay DJ Jamaican trong khi tay kia anh thay đĩa. Chỉ khi anh “trộn âm” (mix, mixer) với hai giàn máy anh mới sáng tạo được những kỹ thuật pha trộn vẫn còn được sử dụng đến nay. Khi chơi cùng một đĩa nhạc trên hai giàn máy, anh đã có thể chơi đi chơi lại những đoạn anh thích, nhất là các đoạn “breaks”. Dần dà, vì phải để hết thì giờ và tâm trí vào việc hoàn hảo kỹ thuật trộn âm, Herc không thể tiếp tục “nói” (rap) vào micro như trước,

nên anh phải mời vài bạn hữu, như Coke La Rock, giữ cái “mic” thế anh, tạo thành nhóm “Herculoids”, nhóm “ca sĩ” rap đầu tiên. Nếu không có nhóm này thì sẽ không có phần tiếp.

Nhờ thấy Kool Herc sử dụng các giàn máy mà **Afrika Baambataa** đã tìm được con đường của anh. Baambataa cũng ngụ trong khu Bronx. Khoảng đầu thập niên 70 anh thuộc một băng đảng New York tên Black Spades. Vừa tiếp tục đến trường Bambaataa vừa theo băng đảng lang thang trên đường phố cho tới ngày Soulski bạn anh bị ám sát. Bambaataa bèn suy gẫm về cuộc đời anh và tình cảnh của dân Mỹ-Phi trong xã hội da trắng không chỉ đã bóc lột bằng sự nô lệ hóa người da đen trong nhiều thế kỷ, mà ngày nay còn giam giữ họ trong sự nghèo túng, dốt nát, cùng với áp bức, hận thù và kỳ thị. Noi gương các lãnh tụ trong các phong trào đấu tranh đòi dân quyền như Malcom X, Martin Luther King, thậm chí Bobby Seale và Huey P. Newton (các tay đã sáng lập nhóm Black Panther Party), anh quyết định, với tư cách một anh ghetto trẻ, biến những năng lực tiêu cực đang lượn quanh trong môi trường của anh thành những năng lực tích cực qua trung gian của sự biểu hiện mỹ thuật và văn hóa Hip Hop, và anh trở thành một DJ như Kool Herc. Bambaataa là người đầu tiên pha trộn nhiều loại nhạc khác biệt nhau: vào Funk và Soul của những năm 60 và 70 anh trộn nhạc rock, nhạc công nghiệp Kraftwerk và nhiều loại nhạc khác nữa.

Nhóm *Zulu Nation* do Bambaataa thành lập, về sau qui tụ thêm vào hàng ngũ nhiều tay DJ khác, như Grandmixer DST, Jazzy Jay, Kool DJ Red Alert, Afrika Islam... Chẳng mấy chốc các vũ công cũng gia nhập Zulu Nation để trở thành những yếu tố liên bang của những người trẻ tuổi có liên hệ tới Hip Hop. Nhóm *Nation Zulu Universelle* có những buổi họp về các giá trị “Peace, Unity, Love, and Having Fun” (Hòa Bình, Thống Nhất, Tình Yêu, và Vui Hưởng). Họ xem âm nhạc và những biểu hiện mỹ thuật nền tảng của Hip Hop như là phương tiện để giáo dục và giải thoát giới trẻ ra khỏi những vướng mắc của sự bạo tàn. Tìm hứng trong các giá trị tôn giáo có tính các hoàn vũ và liên hiệp, cũng như vay mượn thêm của Hồi giáo (mặc dù cách phục sức của Bambaataa và các anh Zulu có thể khiến các ông trưởng sư Hồi giáo đứng tim) Bambaataa bám víu vào cái tên của bộ lạc “Zulu” ở Nam Phi đã đánh bại quân Hòa-lan vào năm 1879, nhờ sự đồng đạo và đồng nhất. Tóm lại, Bambaataa đã muốn sử dụng âm nhạc và văn hóa như một nguyên động lực trong sự tiến thân.

Chúng ta đang ở giữa thập niên 70, và từ bốn hướng của khu Bronx những người trẻ tuổi đang liên kết trong sự hồ hởi chung đối với phong trào đang hình thành dưới mắt họ, mà chính họ lại là những diễn viên chính: phong trào Hip Hop. Cái thế hệ mà tới lúc đó xã hội đã không

buồn để ý tới, mà xã hội Mỹ vẫn tội hóa, nhất định muốn cho thế giới (mặc dù lúc đó họ chưa ý thức rõ ràng được như vậy) chứng kiến cái khả năng sáng tạo của mình.

Khắp đó đây Kool Herc và các Herculoids mang sinh khí tới cho các Blocks Party và rất nhanh Bambaataa trở thành một lực lượng địch mãnh liệt. Khu Bronx chưa từng chứng kiến một hiện tượng như thế. Hàng nghìn người đổ xô về các công viên để được nghe cái âm thanh mới do các DJ pha trộn, nghe những gã nói vào micro, xem những gã vũ múa lộn đầu quay mòng, trong lúc ở đằng sau họ, vài tay “ngược ngoạc”, “vẽ vờ” cũng từ bỏ sự vô danh an toàn để mạo hiểm nhập bọn. Khu Bronx náo động. Văn hóa hè phố sôi sục và mau chóng tràn ngập các khu phố khác của New York.

Một người trẻ tuổi khác, gốc Jamaican và cũng cư ngụ tại Bronx, giúp cho Hip Hop nở rộ tầm hoạt động. **Grand Master Flash**, nhìn Herc bên các giàn máy, bắt đầu để tâm đến sự điều khiển các máy móc có thể cho phát ra những âm thanh có sức gây phản ứng tức thì nơi các vũ công và đám đông. Grand Master Flash tận dụng những hiểu biết của anh về điện toán học ở trường để áp dụng vào nghệ thuật “dee jaying”. Anh hoàn chỉnh kỹ thuật của Herc. Rồi lấy hứng ở Grand Wizard Theodore, người sáng chế kỹ thuật “scratch”, Flash sáng chế các kỹ thuật “scratch” (cào) và “cut” (cắt) của anh. Vào năm 1976, Flash đã hoàn tất công việc của mình và cuộc đối chọi lại hệ thống âm thanh của Kool có thể khởi sự. Flash cũng bắt đầu viết lách vài cái vần, nhưng vì quá bận rộn với các giàn máy nên anh phải nhường vai MC lại cho những người khác.

Rap: văn hóa ngôn ngữ ghetto

Như đã thấy, Kool Herc có những *home boys* (“gà nhà”) như Coke La Rock và Clark Kent để rap theo những phần nhạc cụ trong các đĩa nhạc do Herc chơi. Coke và Clark thường xướng đọc những vần ứng khẩu hay những cảm nghĩ đã được thử trước, để lôi cuốn các vũ công trong các sô của họ. Các hoạt động trước micro này mang đến cho những người làm vậy cái biệt danh MC (đọc như “em xi”) có nghĩa là: Master of Ceremony (chủ lễ) hay Mic Controller (người sử dụng micro). Thế nhưng hành động thao dượt ngôn ngữ như vậy đã được biết trước đó dưới cái tên “Rap”.

“Rap” trong tiếng Anh có nghĩa là một cái gõ nhanh và nhẹ gây một tiếng động khẽ. Cũng có nghĩa là liên lạc bằng những tiếng gõ. Trong tiếng lóng Mỹ-Phi, từ “rap” chỉ định một người có ngôn ngữ sắc bén, sử dụng ngôn ngữ một cách lanh lẹ như **H. “Rap” Brown**, ngày nay được biết đến dưới cái tên Jamil Abdullah Al-Amine. Trong thập kỷ 60, Rap Brown là đảng viên của nhóm sinh viên bất bạo động SNCC (Student Non-Violent

Coordination Comittee), rồi của Black Panther Party. Anh đã được cái biệt danh “Rap” trong những trò đấu khẩu được gọi là “dozens” mà anh là một tay thiện nghệ trong ghetto. Trò “The dozen” và các trò “Double Dutch jump rope” khác, có thể ví với cái trò “mẹ mày” nhưng bỏ bớt cái phần tồi tàn mà Arthur (?) đã mang vào. Nguyên tắc của trò đấu khẩu này là hai đối thủ cứ hạ nhau thả ga không chừa cả bà mẹ của địch thủ. Môn thể dục bằng mồm này đã được bọn trẻ ghetto thực hành, pha trộn các tiếng lóng của ngôn ngữ hè phố với sự ứng khẩu tức thì. Tiếng tăm của H. Rap Brown đã khiến cho từ “rap” được phổ cập nhanh chóng. Bởi Rap Brown đã từng là bộ trưởng của Black Panther Party và là một trong các diễn giả đã gây ấn tượng mạnh nhất của các thế hệ những nhà cách mạng trẻ.

Cách sử dụng tài tình lời ăn tiếng nói ấy là một truyền thống rất đặc biệt của người Mỹ-Phi, và trở ngược về tận châu Phi và các thầy phù thủy kể lại những huyền thoại và lịch sử các bộ lạc và các gia đình. Ở châu Phi, các thầy phù thủy là những kẻ giữ gìn lịch sử và cái khôn khéo (sagesse, wisdom) chung. Con cháu những người nô lệ gìn giữ cái nét đó trong di sản, nhưng đã cập nhật nó vào thực tại nước Mỹ và thế kỷ 20. Rap gợi hình ảnh một mục sư giảng đạo trong Nhà thờ trên cái nền âm thanh của Gospel, hình ảnh một “bluesman” diễn tả cái thực tế tái tê của cuộc đời mình, hình ảnh một Louis Armstrong nói theo nhịp điệu của hai chiếc kèn đồng. Hoặc hình ảnh của những Lats Poets, đã hòa hợp thi ca của họ với nhịp tiết vừa thành thị vừa truyền thống, của những nhạc cụ có âm hưởng (percussion) trên các đường phố Harlem. Hay thêm nữa, hình ảnh một Gil Scott Heron đọc các bài thơ của mình trong tiếng nhạc soul.

Rap, với tư cách văn hóa truyền khẩu, đã luôn luôn là một yếu tố căn bản của văn hóa Mỹ-Phi. Các DJ của các đài phát thanh đã giữ một vai quan trọng trong cộng đồng da đen, với tính cách là nguồn thông tin âm nhạc cũng như chính trị. Cái tài ăn nói “bếp xép” (gift to gab) của các tay DJ đài được hoan nghênh, và đã từng là một nguồn cảm hứng cho các tay rap đương thời, tuy cái từ “rap” cũng được liên kết (với “Jack the ripper”, tên sát nhân đã giết chết các cô gái điếm trong sương mù Luân Đôn thế kỷ 19) bằng cách chơi chữ, như trong trường hợp “Jack the rapper”.

Tất nhiên truyền thống khẩu truyền ấy cũng hòa lẫn vào các bài ca soul. **James Brown** rap “Brother Rap”, và chắc chắn anh đã phổ biến trên tỷ lệ hoàn cầu cái âm thanh mới lạ đó. Nhưng anh không phải là người đầu tiên đã xen một phần nói suông vào ca khúc. Issac Hayes, Barry White, và dĩ nhiên Millie Jackson cũng đã đệm những đoạn rap (nói suông) trong những chỗ “laid-back” (cool/nguội) của bài hát. Thực thế, từ “rap” từng được sử dụng để gọi sự nói theo nhạc, và nữ ca sĩ Millie Jackson

là người đã quen thuộc với những khúc ca như thế, khiến cô có thể tiếp tục triển khai ở các đoạn có ca từ (lời nói được phổ nhạc) những chủ đề thường rất sexy và feminist (nữ quyền luận) trong các bài hát của cô. Cô cũng sẽ không quên cười cợt các tay rapper sau này đã nợ cô tất cả, như trong bài “I had to say it” cô nhạo báng ra mặt những Sugar Hill Gang và những Kurtis Blow khác.

Trên bình diện âm nhạc, rap nằm trong dòng tiếp nối nhạc funk và soul. Những âm thanh hiếm hoi, chỉ những người sành điệu mới được biết, nhờ có rap mà đã có thêm được một tuổi trẻ thứ hai. Les Metters, Sly & the family Stone, trọn bộ P. Funk của George Clinton, Curtis Mayfield, Isley Brothers, Ohio Players, O’ Jays, James Brown, Issac Hayes, Millie Jackson vừa kể... và nhiều tên tuổi khác đã cấu tạo các nền nhạc cho âm thanh “rap”.

Rap và nguồn gốc Jamaican

Giới trẻ Hip Hop tất nhiên đã lớn lên trong cái không khí soul và funk đó. Các DJ phát thanh các ca khúc của James Brown, Millie Jackson. Và rap, dễ đạt tới hơn một ca khúc quen thuộc, vì gần gũi với cái thực tế của ghetto nhất, mà cũng dễ đạt tới hơn một cuộc khẩu chiến “dozens”, trở thành một phương tiện để thể hiện của một phần giới trẻ. Nhưng cái kiểu thức phát âm đó (nói theo nhịp) không chỉ đến từ nhạc soul. Raggae cũng có cái đặc thù đó: ngoài các ca sĩ raggae cổ điển đã có thêm các Dee Jays chỉ nói trên nền nhạc của các bài riddim (?) dân gian ở Jamaica. Các tay Dee Jay này (được gọi vậy vì họ lấy lại kiểu thức phát âm của các tay DJ từ các đài phát thanh Mỹ “R&B US”) cũng là những người điều khiển những hệ thống âm thanh. Họ tạo không khí và thúc đẩy dân chúng. Họ không ca. Họ “chúc tụng” (toast). Rồi họ ghi âm các bài riddim dưới dạng thức dee jay.

Trong thập niên 50, hệ thống âm thanh đầu tiên được ghi nhận là của Tom the Great Sebastian, với DJ Duke Vin. Rồi là sự bùng nổ: Duke Reid (và DJ V-Rocket), Lord Koos, Icky Man, King Edward, và tay huyền thoại Sir Coxson “the downbeat”, với DJ Winston “Count Matchuki”. Anh DJ này là người đầu tiên “chúc tụng” trên những riddim, và cuối thập niên 50 sẽ có thêm King Stitt và Opie nhập bọn.

Duke Reid, địch thủ của Coxson, khi đó mới có thêm một phụ tá là tay “chúc tụng” (toaster) tên **Cuttins**. Thế là mỗi hệ thống âm thanh đều bắt chước làm y chang. Phải chờ đến giữa những năm 60 thì các bài “chúc tụng” trăm phần trăm mới được thu đĩa 45 vòng. Nhưng kẻ đã thực sự vinh danh bài “chúc tụng” (cũng được gọi với cái tên “dee jay style”)

là **U-Roy “the originator”**. U-Roy “nhà phát minh” đã được đồng thanh công nhận là một bậc thầy. Được liên kết với kỹ thuật “Dub” (thêm các hiệu quả điện tử vào phần chơi nhạc cụ) do King Tubby sáng chế, U-Roy cách mạng nhạc raggae và có nhiều đệ tử. Kiểu thức toaster trở thành một hằng số trong nhạc Jamaica đã triển nở từ *ska* đến *rocksteady*, rồi tiến đến raggae, cho phép sự nảy nở thực sự của toast trong nhạc khiêu vũ Jamaica tại các vũ trường, và mặc dù không ngừng tiến hóa, vẫn còn được lưu tồn đến nay.

Như thế, cái văn hóa “toast” và “sound system” đặc thù Jamaica ấy, đã theo Kool Herc di tản sang Huê Kỳ, trộn lẫn với soul, rồi Break Beat. Rap đã dần dà tiến tới cái dạng thức được biết đến ngày nay.

1979: Rapper’s Delight

Coke la Rock rap để đệm với các biểu diễn của Kool Herc từ hai giàn máy. Và giới trẻ ở khu Bronx tò mò và kích thích bởi kiểu thức diễn tả mới lạ này (và được Hip Hop làm cho sáng giá) đã khởi sự viết những câu vần. Bởi rap là một thể loại nhạc dễ vươn tới, nên chỉ cần một tờ giấy và một cây bút để viết. Và khả năng ngẫu tác, đọc ca lời, dòng chảy, bấy nhiêu là yếu tố để cá nhân hóa từng bài rap. Trước tiên, rap chỉ là hai giàn máy hát và một chiếc micro. Cái ý niệm mới này không chỉ lôi cuốn giới trẻ mà còn khiến họ cảm thấy cái âm nhạc đó đang ở trong tầm tay.

Các rapper (người rap/ca sĩ rap) đầu tiên hợp thành một lực lượng hùng hậu: Grandmaster Caz, JDL, cùng với các rapper khác và các DJ như Charlie Chase, Toney Tone hợp thành các nhóm Cold Crysh Brothers, Lovebug Starsky, Busy Bee, Kurtis Blow, Ramellzee, Fab 5 Freddy, The Fantastic Four, KK Rockwell, Rodney Cee, Zulu Queen Lisa Lee, Tanya Winley... Và Melle-Mel với Kid Creole rap cho Grandmaster Flash sẽ trở thành nhóm Furious Five.

Đồng thời các DJ lo hoàn chỉnh kỹ thuật của họ. Grand Wizard Theodore sáng chế kỹ thuật scratch, và tất cả DJ Hip Hop đều đã để lại dấu ấn của mình khi dji’ng. Cuối thập niên 70, văn hóa Hip Hop đã nảy nở ở những nơi khác. Tín điệp đã được truyền đi và các clubs (hội quán/quán) bắt đầu để ý tới cái văn hóa mới lạ này. Quán Roxy mở cửa cho các DJ của nhóm Zulu Nation vào, và trở thành một nơi không thể tránh khỏi của thế hệ Hip Hop đầu tiên ở New York. Các vũ công trở tài cùng với những thách đố và sự sôi sục của cái tiểu vũ trụ đó đã khiến nhiều ngoại nhân phải chú ý.

Sugar Hill Record, nhãn đĩa của Sylvia Robinson ở New Jersey (một tiểu bang ở về phía nam New York) muốn cho ra đời một đĩa rap. Bà

mời các tay rapper lân cận như Big Bank Hank, Master Gee và Wonder Mike tất nhiên đã trở thành băng đảng Sugar Hill Gang một cách rất hợp lý hợp tình. Ca từ của nhóm này không tuyệt vời, một phần cóp lại ca từ của Grandmaster Caz, phần kia chứa đựng những vần về cổ điển của H. Rap Brown: “I’m the hemp the demp, the ladies pimp, women fight for my delight” (xin tạm dịch: ta đây chính là tên đười tên lười, tên ma cô của các bà các cô, họ cấu cào nhau để được nhào vô). Tất cả được rap trên nền nhạc cổ điển của Chic “Good Times”, nghĩa là có bảo đảm thành công mỹ mãn. Đó là năm 1979 và đĩa nhạc này đã lưu lại một dấu ấn vĩnh viễn trong lịch sử âm nhạc.

Thế nhưng đĩa nhạc rap đã được ghi khắc để thương mại hóa đầu tiên là đĩa “Personality Rock” của Kick Tim III, vài tháng trước đấy. Lúc ấy nhóm Funk “Fat Back Band” muốn hợp tác với một tay rapper và King Tim III đã tình nguyện nhảy vô. Do vậy họ đã thu bài “Personality Rock” trên mặt B của đĩa “You’re My Candy Sweet” (cũng là đĩa “Personality Rock” kể trên).

Cũng trong năm 1979, sau sự thành công của nhóm Sugar Hill Gang, Grandmaster Flash & the Furious Five cũng phiêu lưu vào thị trường đĩa hát và cho ra đời đĩa nhạc “Super Rappin’ No 1”, đã thu lại bài “7 minutes of Funk” của Tyrone Thomas và the Whole Darn Family’s dưới nhãn hiệu Castle Music. Năm ấy Paulette & Tanya Winley cho ra đời “Rhymin’ and Rappin’” của hãng Paul Winley Records, một nhãn hiệu nhạc funk muốn xé rào nhảy vào rap. Năm sau Tanya Winley cho ra mắt đĩa “Vicious Rap” (Rap phóng đảng).

Vẫn trong năm 79, ca sĩ rap Spoonie Gee được nhà sản xuất Peter Brown mời và kết quả là đĩa “Spoonin’ Rap” dưới nhãn hiệu Peter Brown. Trong cái năm 79 đánh dấu ấy, Castle Music cho ra đời “Rapping and Rocking the House” của nhóm Funky Four Plus One More, đặc biệt qui tụ KK Rock Well và Rodney Cee (về sau anh được biết với cái tên tuổi mới Double Trouble/Hai Dọa) cùng với nữ ca sĩ rap Sha Rock. Kurtis Blow để lại dấu ấn của một ca sĩ rap đã ký hợp đồng với một hãng đĩa lớn: Mercury, với đĩa “Rappin’ Blow”.

Trong cái tiểu vũ trụ Hip Hop, các cộng đồng Mỹ-Phi và Mỹ-Porto-rican đã giữ vai chính. Nhưng có hé mở và người Mỹ trắng, thường đến từ môi trường ngược họa (graffitti), cũng khởi sự bám víu cái thể loại nhạc mới đã hình thành: nhạc Rap.

Graffiti: Hip Hop xâm chiếm các mặt tường

Graffiti (xin tạm dịch là “ngược họa”) không phải là một văn hóa

đã do Hip Hop tạo ra. Nguệch họa đã từng có mặt, như rap và break danse, một dạng nghệ thuật cửa sau, một văn hóa bên lề, bởi thế cho nên nó cũng cần được sáp nhập vào phong trào Hip Hop. Khi các tay nguệch họa Mỹ Đen và Mỹ-Porto-rican trông thấy Hip Hop, họ cảm thấy tiềm năng của văn hóa mới này và bám vào ngay. **Graffiti** và **Tag** (Nguệch họa và Ký tên) là những yếu tố tạo hình của Hip Hop, cũng bị chế ngự bởi tinh thần đua tranh, vượt bậc, cầu tiến như rap và vũ múa, cộng thêm sự phi pháp khiến cho nguệch họa là một trò chơi nhiều hiểm nguy.

Nguệch họa, nếu thu hẹp vào hành động vẽ và viết trên vách, thì đã có từ nghìn xưa. Nhưng trong hậu bán thế kỷ 20, các băng đảng ở New York đã sử dụng nó như một mã số để ghi ranh lãnh thổ của mình. Tương tự như khi mặt tường được dùng làm nền cho những khẩu hiệu chống đối của những người đấu tranh chính trị.

Trước tiên là ở Philadelphia, vào khoảng giữa thập niên 60, khi Cornbread và Cool Earl dùng bụi than để viết tên mình (tag) lên mặt tường. Tag chỉ là chữ ký của một tác giả, chỉ cần vài phút là xong, trong khi graffiti đòi hỏi nhiều thì giờ hơn. Tag được sử dụng bởi các băng đảng để ghi lãnh thổ. Nhưng khoảng cuối thập niên 60, tag đã có tầm cỡ hơn, vì không còn giới hạn trong sự hoạt động của các băng đảng.

New York, cuối thập kỷ 60: một thành phố với vô số những kẻ sống trong những khu phố ảm đạm của Bronx và Brooklyn. Bọn trẻ bị áp lực không ngừng, do sự túng thiếu hay sự bạo tàn. Ngoài ra chính phủ cũng xao nhãng lơ là, không có tổ chức chu đáo ở mức hạ tầng trong các khu phố này. Nhiều khu vực của Bronx đã bị thiêu rụi, bỏ phế. Chỗ nào có thể sử dụng được thì bọn trẻ tha hồ thao túng xịt sơn. Nhưng chúng không được các khu lân cận và cả nước Mỹ biết đến. Do vậy chúng nảy ý xịt sơn lên các toa tàu điện ngầm, khiến tác phẩm của chúng được cả thành phố và nhiều người chú ý.

Phong trào xịt sơn như vậy đã di chuyển từ đường phố sang tàu điện. Vì vậy sự cạnh tranh càng gia tăng vì bọn trẻ muốn được bạn bè nể phục. Thế nên các “Writers” (xin tạm dịch là “nguệch sĩ”, gom chung các tay “tag” và các tay “graffiti”) bắt đầu nới rộng tầm hoạt động đến các toa xe, để tác phẩm được tung ra khắp bốn phương. Tag là cách để cho người khác biết đến mình. Graffiti là để được nhìn nhận như là một nghệ sĩ.

Ở New York, nguệch sĩ đầu tiên được ghi danh sổ sách, từ năm 1970, là Taki. Gốc Hy-lạp, anh này phủ đầy các mặt tường New York với chữ ký Taki 183. Taki là tên, 183 là số nhà anh ở Manhattan. Đồng thời với anh có Julio 204, Joe 136 và Frank 207 cũng đã khiến cho thiên hạ bàn tán. Các nguệch sĩ này có một số đệ tử khó kiểm kê cho hết, như: Papo

184, Friendly Freddy, Super Kool 223, Wap, Barbara 62 và Eva 62 (hai nữ ngược sĩ), Stay High 149, Lee 163rd, Phase 2, Snake 131, Japan 1, Moses 147, Hondo 1, Junior 161, Riff 140, v.v... Với ngần ấy ngược sĩ, kiểu thức các chữ càng ngày càng thêm tầm quan trọng để cá nhân hóa từng người một. Kích thước và bề dày của chữ cũng đã gia tăng. Topcat 126, gốc gác ở Philadelphia với kiểu thức *Block Letters*. Phase 2 đặc biệt với kiểu chữ tròn *Bubbles Letters*. Kiểu chữ 3 chiều (3D) do các xit sĩ Flint 707 và Pistol sáng chế.

Vào năm 1972, Hugo Martinez sáng lập United Graffiti Artists (UGA) và trưng bày tác phẩm của Phase 2, Mico, Coco 144, Flint 707, Pistol, Bama, Snake và Stich. Ngoài ra, trên đường phố, nhiều toán được thành lập. Đáng kể là Ex-Vandals de Dino Nod và nhóm Wanted do Tracy 168 thành lập. Họ là những kẻ đã tiên phong trong việc minh họa thêm các nhân vật. AJ 161 và Silver Tips cũng tiên phong trong việc xit cả một toa xe, được phổ biến bởi Butch, Kindo, Case, Lee, Mono, Comet, Ale 1, Slave, Doo 2, John 150. Giữa thập niên 70, nhóm “Throw up” xuất hiện với những ngược sĩ như: TEE, DY 167, PI, CY, IN, PEO, LE, IZ, TO, OI, FI.

Nguộc họa đã để lại dấu ấn trên não trạng thị dân ở New York vì mỗi ngày họ sử dụng tàu điện và nhìn thấy các toa tàu. Nguộc họa cũng để lại dấu ấn trên khắp thế giới, qua báo chí và truyền thông. Tất nhiên thành phố New York không thể khoanh tay mãi. Các phương tiện lớn đã được điều động như rào kẽm gai. Các toa tàu được chùi rửa và phủ lớp sơn trắng, nhưng đồng thời các graffiti cũng được đưa vào các phòng tranh. Nhưng chỉ là một mốt thời thượng chóng qua. Thực chất của ngược họa là một phương tiện để cho bọn trẻ nổi loạn. Đầu thập niên 80, Henry Chaflant với cuốn phim tài liệu “Style Wars” đã đưa ngược họa lên màn bạc và để cho các nghệ sĩ graffiti được phát biểu cảm nghĩ. Kế đến là các phim về Hip Hop như “Wild Style” và “Beat Street”

Thập niên 80: Rap khắc vào đĩa nhựa đen

“Rapper Deligh” của Sugar Hill Gang và sự thành công hoàn vũ khiến các hãng đĩa chú ý tới rap. Hãng Mercury ký hợp đồng với Kurtis Blow. Hãng đĩa Pháp của Jean Caracos và Bernard Zekri, đặt trụ sở tại New York, chạy theo sự nghiệp của một số rappers và các DJ, như DST và Fab 5 Freddy. Tommy Boy, một nhãn hiệu mới, ký hợp đồng với Afrika Bambaataa và the Soul Sonic Force (GLOBE, Pow Wow & Bigggs). Riêng Grandmaster Flash cùng với nhóm Furious Five thì thương lượng được sự cộng tác với Sugar Hill Records, cũng như nhóm Treacherous Three (Kool Mool Dee, Special K, LA Sunshine). Tay DJ phát thanh rap đầu tiên là Mr

Magic trong sô “Rap Attack” của anh trên đài WHBI ở New Jersey, rồi trên đài WBLS ở New York. Chẳng mấy chốc Kool DJ Red Alert cũng có giờ phát thanh xen kẽ của mình, từ đó Hip Hop không ngớt xâm chiếm các làn sóng điện.

Năm 1982, Bambaataa “cha đỡ đầu của Hip Hop” cho thính giả nghe tiếng ca của Zulu Nation với đĩa “Planet Rock” trở thành một “tube” (bản nhạc ăn khách) thế giới. Trích đoạn một “cấu trúc” (structure) của Kraftwerk, Bambaataa và nhóm Planet Patrol sáng chế một âm thanh mới: Electro Funk. Từ sự chi phối do Bambaataa vào phần “beat” đó, nảy sinh những loại “nhạc techno” ngày nay. “Planet Rock” là một bài nhạc “cult” của nhạc điện toán. Tiếp theo là “Looking for the Perfect Beat”, “Renegades of Funk”, và “Unity” song ca với James Brown “cha đỡ đầu của Funk”.

Cũng trong năm 1982, Hip Hop khắc đĩa “The Message”, một tín điệp xã hội, qua sự trung gian của Grandmaster Flash và nhóm Furious Five. “White Lines”, “New York, New York” tiếp tục vai trò rap xã hội. Nhóm Fab 5 Freddy thu vào đĩa Celluloid bài “Change the Beat” với mặt B là một bài rap Pháp của B-Side kết thúc bằng sự cào (scratch) mạnh nhất bởi các DJ: “Biiip Aaaathis stuff is really Freshhhh”. Thính giả được nghe B-Side bên cạnh Time Zone (một nhóm của Bambaataa) trên đĩa maxi “The Wildstyle” trong năm 1983. Rap bắt đầu được chính thức công nhận trên thị trường đĩa hát. Nhiều ca sĩ, như Blondie, chịu ảnh hưởng rap, cho ra mắt đĩa “Rapture” đã trở thành cổ điển. Năm 1983, Bill Laswell sản xuất an bum của nghệ sĩ Jazz Herbie Hancock dưới nhãn hiệu của Celluloid, và mời Grandmixer DST cào một bản nhạc khác, “Rock It”, đã trở thành một bài “cult”.

Hip Hop bước ra ngoài tiểu vũ trụ Bronx, được khiêu vũ phổ biến, các ca sĩ rap ứa ra từ khắp các khu phố New York, và một lịch sử mới của Hip Hop đang hình thành. Nhóm Run DMC từ khu Manhattan tung ra đĩa “Suckers MC’c”, cách tân hình ảnh ca sĩ rap với sự lựa chọn thời trang Adidas và thêm gia vị cho rap bằng nhạc rock với các bài như “King Of Rock” và “Walk This Way” hát song ca với nhóm hard rock Aerosmith.

Các nhóm và ca sĩ rap nam nữ sinh sôi nảy nở: Whodini, Roxane Shante, MC Shan & Marley Marl, UTFO và Real Roxane, **Ice T** từ Los Angeles hợp tác với Afrika Islam, một DJ Zulu. Ca sĩ rap khu Queens, **LL Cool J** gạt hái thành công liên tiếp với “I can’t live without my radio” và “Rock The Bells”. KRS One và DJ Scott La Rock lăng xê Boogie Down Productions, và vô số nhóm rap lại sinh sôi nảy nở: Cash Money và Marvelous, Eric B và Rakim, Stetsasonic, Slick Rick & beatboxer Doug E Fresh... Một thế hệ rap mới đang bước tới. Kể từ năm 1985, nhạc Rap triển nở với tốc độ phi thường ở Huê Kỳ.

Trang sử Hip Hop được tiếp tục viết

Lịch sử Hip Hop được tiếp tục viết mỗi ngày, khắp các nơi trên thế giới... Những người trẻ tuổi nam và nữ có nhiều hứng cảm tại khu Bronx trong thập kỷ 70 cho ra đời một hiện tượng đa văn hóa có tính cách hoàn vũ và phổ thông, đã lan tràn và cách mạng tất cả các loại hình văn chương nghệ thuật đương đại (âm nhạc, khiêu vũ, hội họa...)

Nhạc rap mang nội dung xã hội được đặt nền móng với tín điệp “The Message” vẫn tiếp tục với các nhóm như **Public Enemy**. Đã có thêm nhiều nhánh khác như Egotrip (Vị kỷ) với EPMD, Kool G Rap & Polo, Ultramagnetic MC’s, Big Daddy Kane. **Gangsta rap** với School D, và nhất là nhóm NWA ở Los Angeles với **Dr Dre**, Easy E, **Ice Cube**, MC Ren & Yella. Từ năm 1988 có thêm “đội” (posse) Native Tongue với Jungle Brothers, **De La Soul**, A Tribe Called Quest và Black Sheep, và các nhóm như Third Bass, KMD, Jazzy Jeff and Fresh Prince. Phía nữ giới có các cô Salt’N Pepa, **Queen Latifah** và MC Lyte. Các ngôi sao mới (và tỉ phú) hiện nay: **Eminem**, **Missy Elliott**, **50 Cent**...

Từ cái nôi Bronx, Hip Hop đã tràn qua các khu phố khác của New York, khắp nước Mỹ, rồi nhanh chóng tới các nơi khác trên thế giới, để cuối cùng trở thành một thị trường khổng lồ với các ngôi sao, các nhà đầu tư, các câu chuyện ngời lên đôi mách, được các ngành công nghiệp to lớn của Huê Kỳ ve vãn.

Nguyễn Đăng Thường dịch

*& viết theo hai trang web tiếng Pháp tình cờ bắt gặp vài năm trước, nhưng đã lạc mất địa chỉ. Một tác giả có thể tên là **Ben “Gee”** (?). Thành thật cảm tạ và xin lỗi các gia chủ.*

PHỤ LỤC

Artist: Ice Cube
Album: Kill at Will
Song: Dead Homiez

Verse One:

Up early in the morning, dressed in black
 Don’t ask why? ‘Cause I’m down in a suit and tie

They killed a homie that I went to school with (Damn!)
 I tell ya life ain't shit to fool with
 I still hear the screams of his mother
 While my nigga laid dead in the gutter (Shit!)
 And it's getting to my temple
 Why is that the only time black folks get to ride in a limo?
 It makes me so mad I want to get my sawed-in
 And have some bodies hauled in
 But no, I pay my respects and I'm through (whaddup Cube?)
 Hug my crew, and maybe shed a tear or two
 And I wanna get blitz
 Grab my 40 ounce and then I reminisce
 About a brother who had to be the one and only
 So I dedicate this to my dead homiez...

Verse Two:

Another homie got murdered on a shakedown {three gun shots}
 And his mother is at the funeral, havin' a nervous breakdown
 Two shots hit him in the face when they blasted {two gun shots}
 A framed picture and a closed casket
 A single file line about 50 cars long
 All drivin' slow with they lights on
 He got a lot of flowers and a big wreath
 What good is that when you're six feet deep?
 I look at that shit and gotta think to myself
 And thank God for my health
 'Cause nobody really ever know
 When it's gonna be they family on the front row
 So I take everything slow, go with the flow
 And shut my motherfuckin' mouth if I don't know (Word!)
 'Cause that's what Pops told me
 But I wish he could have said it...to my dead homiez

Verse Three:

I remember we painted our names on the wall for fun
 Now it's «Rest in Peace» after every one
 Except me, but I ain't the one to front

Seems like I'm viewin' a body after every month
 Plus, I knew him when he was yea big
 Pour beer on the curb before I take a swig
 But somethin' ain't right
 When it's a tragedy, that's the only time that the family's tight
 Lovin' each other in a caring mood
 There's lots of people and lots of food
 They say «Be Strong» and you're tryin'
 But how strong can you be when you see your Pops cryin'?
 So that's why Ice Cube's dressed up
 Because the city is so fuckin' messed up
 And everybody is so phony
 Take a little time...to think about your dead homiez.

Nó ngủm rồi

Khúc Một:

Mới tảng sáng mà tôi đã đóng bộ đồ nỉ đen
 Đừng thắc mắc vì chiếc cà vạt và cái bộ vớ chẳng hèn
 Thằng bạn đồng trường của tôi đã bị bọn cớm hạ rồi (Damn!)
 Cuộc đời chẳng là cái đồng cứt thơm để cho ta vọc
 Tôi nghe tiếng bà già nó kêu trời và rống và khóc
 Trong khi thằng mọi ngã lăn tòm vào lòng rãnh mương (Shit!)
 Và tôi thanh thoi cất bước tới ngôi thánh đường
 Sao bọn mọi đen chỉ được ngồi xế những lúc như thế
 Khiến tôi nổi nóng muốn vác cây súng cửa nòng ra
 Để có thêm vài cái thầy ma mà khuân vác về nhà
 Tuy nhiên tôi chỉ cúi chào và thế là xong cuộc lễ (whaddup Cube?)
 Ôm hôn bằng hữu và có thể rỏ một hai giọt lệ
 Và muốn được xơi bom rơi đến gần như tất thờ
 Nên hít 40 ounce để mà tưởng mà nhớ
 Cái thằng bạn hiền thằng anh em độc nhất của tôi
 Vì vậy tôi tặng bài này cho cái thằng đã ngủm rồi

Khúc Hai:

Lại thêm một thằng bạn thân bị bắn trong một trận càn quét [ba
 phát súng]

Và bà má nó đi đưa ma và bị khủng hoảng tinh thần
 Hai phát súng nổ tung cái bản mặt mo đen của nó {hai phát
 súng}
 Một tấm hình lộng kiếng với một chiếc mũ kết
 Một cái hàng dài nối đuôi năm chục cái xế đen thui
 Đèn pha vàng mờ mờ và đoàn xe chạy từ từ
 Nó được rất nhiều bông hoa và một vòng hoa rất bụi
 Để làm gì hả khi ta đã nằm trong cái lỗ sâu 2 mét
 Tôi ngó cái đồng cốt to đó và tôi suy tôi xét
 Cám ơn Thượng đế nhé về cái sức khỏe của tôi
 Bởi chẳng có ai thực sự có tài đoán trước được nổi
 Cái lúc gia đình mình sẽ đứng đợi ở nơi hàng đầu
 Thế nên tôi cứ tà tà mà trôi xuôi theo dòng chảy
 Và ngâm cam đu má cái miệng hén lại nếu tôi chưa thể (Word!)
 Vì các đấng sanh thành thường bảo ta làm thế
 Nhưng sao họ chẳng bảo dùm cho cái thằng bạn đã ngủm của
 tui

Khúc Ba:

Tôi còn nhớ chúng tôi hay xịt tên mình lên tường để mua vui
 Giờ thì phải ghi “An Nghĩ” theo ý của mọi người
 Trừ tôi, nhưng tôi không là một tên hay chống đối
 Hình như tôi phải nhìn một cái thầy ma sau mỗi tháng
 Số là tôi đã chơi thân nó khi nó chỉ mới bi to
 Mà đã biết rót bia vào cốc rồi ngó tôi nốc một ngụm
 Nhưng có điều gì đó coi bộ như là chưa thật ổn
 Chỉ khi gặp biến thì người trong nhà mới xích gần nhau
 Yêu thương nồng nàn trong tình tương thân tương ái
 Cả đồng bà con cả đồng đồ ăn và thức uống
 Họ bảo nên “Vững lòng” và ta cố vững lòng
 Nhưng vững tới đâu khi bố mẹ nước mắt chảy ròng ròng
 Thế nên thằng Ice Cube này mới chứng diện thật bảnh bao
 Vì dụ mẹ cái thành phố chó đẻ này chỉ là một cái đồng rác cao
 Và mọi người đều giả trá và cù lén và cà chớn
 Đây... hãy để tí thời giờ mà nghĩ tới những thằng đã sạch trơn

Artist: 2 Live Crew
Album: Is What We Are
Song: We Want Some Pussy

Chorus(4x): [Luke]
Somebody say HEY-Y-Y-Y-Y WE WANT SOME PU-U-US-
SAY-Y-Y!
(HEY-Y-Y-Y-Y WE WANT SOME PU-U-USSAY-Y-Y!)

Verse 1: [Brother Marquis]

You see, me and my homies like to play this game
We call it Amtrak but some call it the train
We all would line up in a single-file line
And take our turns at waxing girls' behinds
But every time it came to me, I was shit out of luck
Because I'd stick my dick in, and it would get stuck
The girls would say «Stop!» I'd say «I'm not!
That's enough, I quit, 'cause y'all are bustin' me out!»
I say, girls, don't hide it, just divide it
And please don't knock it until you've tried it
So to all of you bitches and all you hoes
Let's have group sex and do the Rambo!

Chorus

Verse 2: [Fresh Kid Ice]
I'm the Peter Piper of the 1980's
Got a long hard dick for all of the ladies
I don't care if you got three babies
You can work the stick in my Mercedes
If you wanna blow, just let me know
We can go backstage at the end of the show
I'll look at you, and you will look at me
With my dick in my hands as you fall to your knees
You know what to do, 'cause I won't say please
Just nibble on my dick like a rat does cheese!

Chorus

Holy shit!

Bọn tui muốn có ngay vài cái lồn

Hợp xướng (4x): [Luke]

Thằng nào vừa bảo Ê-Ê-Ê-Ê-TUI TAO MUỐN CÓ NGAY
VÀI CÁI L-Ô-Ô-Ồ-Ồ-N-N

(Ê-Ê-Ê-Ê-TUI TAO MUỐN CÓ NGAY VÀI CÁI L-Ô-Ô-Ồ-Ồ-N-N)

Khúc 1: [Brother Marquis]

Tui và lũ bụi đời thích mê cái chuyện bề rất văn nghệ
Gọi nó là Amstrak hay là trò hỏa xa cũng thế
Bọn tui nối đuôi thành một cái hàng dài
Và luân tay chà láng đít mông lũ con gái
Nhưng hể tới phiên tui thì thế nào nó cũng khựng
Hể tui nhét củ mì vô thì nó bị kẹt cứng
Tui ghê đòi “Tộp” tui bảo “Chưa ộp”
Nhưng tui cũng rút lui vì đã lúi lon thọt hộp
Tui bảo, ê, ghê ới đừng kẹp mà phải tách đôi
Cũng đừng chê quả thối khi chưa được nếm mùi ối
Này bọn đĩ chó và lũ cặc bò
Nào ta hãy bề hội đùng với cái trò hùng Rambo

Hợp xướng

Khúc 2: [Fresh Kid Ice]

Của thập kỉ 80 tui là cậu Pitơ Paipơ mình gai
Củ dài và cứng cho lũ liên bà con gái
Tui đéo có lo nếu em đã có ba thằng nhóc
Em có thể ngồi Mercedes mà đánh bóng cái thẳng trục
Nếu như có thêm bú thì em cứ hú cho to nhé
Ta có thể vào hậu trường ngay sau cái buổi ré
Tui sẽ mé em và em cũng sẽ lé tui
Tay tui nâng đùi cui khi con ghê quì gúi
Tui nói mi biết công việc của mi tao đéo cần năn nỉ
Mi cứ gặm cái đùi ni như chuột nhấm khúc bánh mì

Hợp xướng

Cứt thánh!

Nguyễn Đăng Thường phóng tác

Những Hồn Tản Cư -Di Cư -Di Tản và Vượt Biên với Bài Thơ Ông Đồ

Đoàn Minh Hải

*“Phượng nhìn xuống vực thẳm,
Hà nội ở dưới ấy” . . .*

Mai Thảo. Đ G T H N.

— “Xuân đến không hẹn hò, như bước em tình cờ, lạc vào hồn thơ một chiều thu cũ. Đêm ấy xuân vào đời hoa bướm như ghen lời bỏ người mà đi giữa lúc xuân thì. Nước mắt đêm xuân u hoài chết trong tim người ... “¹

Thỉnh thoảng trong đời người bất chợt một cảnh trí một mùi vị nào mà ta thích mà ta đã trải qua bỗng hiển hiện thật rõ ràng trong tâm cảnh hay một mùi hương như mùi lúa chín tới hoặc mùi nhang và hoa quyện vào nhau thoảng qua, nói đúng hơn là nó chỉ thoảng qua trong óc; thật thích thật đáng níu lại giữ lại nhưng cái tích tắc đó sẽ mất ngay lúc ta còn chưa kịp ngẩn ngơ tiếc... như giờ đây lời ca của một bài hát nào đó, của ai đó đang lườn lách và đi, xuyên qua người. Thế đó, mà có lúc thức trọn một đêm dài để nhớ lại lời ca mà không sao nhớ được nhất định không nhớ được chữ bắt đầu của bài hát đó là gì. Thế đó, đời người có những lúc bất chợt như thế đó mà thay đổi hẳn cuộc đời cũng nên

Thế đó...

Hết rồi những ngọn gió hiu hiu của trời xanh mây trắng mùa thu bước qua những cơn gió se lạnh của mùa đông áo ấm bỗng nhiên lại nhớ đến bài thơ *Ông Đồ* của tác giả Vũ Đình Liên. Một cụ Đồ quắc thước hiên ngang ung dung tự tại ra dáng con nhà hay một ông Đồ lụm khụm hom hem đang ngồi “bày mực tàu giấy đỏ, trên phố đông người qua” tay phe phẩy chiếc quạt nan.

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông Đồ già

Sao mùa xuân lại cứ phải hoa đào mà không là một loài hoa nào khác nhưng hoa gì mà không phai – hoa đào thì thắm đấy nhưng rồi đào lại phai lại nhạt – như đã báo hiệu rồi một cái gì sẽ mất mát ngay từ lúc khởi đầu:

Bày mực tàu giấy đỏ
Trên phố đông người qua

Mực tàu giấy đỏ – đỏ đen là một mặt của cuộc đời, tuy một mà hai tuy hai mà một, được thua thua được. Dù hoa đào có đỏ như giấy thắm thì rồi nó cũng có dấu hiệu đen mốc với thời gian... nhưng nhìn nét chữ của một cụ Đồ tài hoa viết chữ đẹp và bay bướm như lung linh trong nắng xuân, trong gió xuân và trong ngày xuân giữa lòng mọi người đang xuân càng trở nên rỗng bay phượng múa hơn. Và dù trên phố đông người qua hoặc ít người qua lại thì ông Đồ vẫn ngồi đó vẫn bày mực tàu giấy đỏ như một ẩn tượng một chứng tích không thể thiếu của mùa xuân và nếu không có ông thì mùa xuân như thiếu gió thổi vào những cành đào thì đào sẽ chóng phai hơn và mùa xuân sẽ bị cắt đi một góc nào đó của bức tranh xuân lòng người sẽ tiếc thắm ngần ngơ thiếu vắng một cái gì đó...

Ông Đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Trên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
tám tắc ngợi khen tài
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay.”

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu
Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sầu

Ông Đồ vẫn ngồi đó
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông Đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu Bây giờ

Vũ-Dình-Liên

Mỗi năm hoa đào nở

Mỗi năm...mỗi năm như muốn nói với chính lòng mình rằng năm nào, năm nào cái cảnh ấy cái hình ảnh thân quen ấy vẫn ấm nồng còn đó như muốn thi gan cùng tuế nguyệt của lòng người. Nhưng cái gì mà còn mãi đâu. “Thành quách lâu đài bóng tịch dương” (?)

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu

nhưng... làm cho lòng người khựng lại với mỗi năm mỗi vắng, trái hẳn với:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông Đồ già

và

Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Đã thấy thưa dần thưa dần với thời gian, vì đâu vì lòng người nay đã đổi thay hay vì lòng người thay đổi đất nước loạn ly, người người nay đã ly tán trong ly loạn binh đao... thôi rồi

Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sầu

Giấy đỏ cũng bày ra đó nhưng đã buồn nên không còn thấm và cũng đang nhạt nhòa, mực thì đọng lại rồi cũng chết khô thôi – đọng lại trong

nghiên sâu cho đến cái nghiên đứng mực cũng sâu... - Làm sao còn thắm nổi với lòng người đã ly tán hoang mang với đất nước loạn ly, gió xuân lại bắt đầu hiu hắt, hoa đào lại bắt đầu bơ vơ rụng – rụng như bước chân người giờ đã bơ vơ tản cư...

Ông Đồ vẫn ngồi đó
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.

Lòng người đã đưa đến một sự phủ phàng mà không ai muốn thế, không một tấm lòng riêng nào muốn vậy:

Qua đường không ai hay
Ông Đồ vẫn ngồi đó...

Những bước chân qua đường bây giờ đã không còn tâm trí nào để nhìn thấy cái ông Đồ thân quen trầu mếu kính nể của năm xưa hoa đào còn thắm gió xuân còn nồng dù ông Đồ vẫn ngồi đó vẫn ngồi đúng chỗ của những năm xưa, những bước chân cứ vội vàng mỗi lúc mỗi như chạy với tâm trạng nửa hồn ra đi còn gửi nửa hồn ở lại, mà nửa hồn ở lại giờ đã như mực đọng trong nghiên sâu.

Lá vàng rơi trên giấy

Nửa hồn ở lại chỉ còn như những chiếc lá vàng thần thờ rơi trên giấy có còn hồn chẳng là chỉ để lại một chút gì luyến tiếc băng khuâng theo những hạt bụi thời gian của cuộc trường chinh đã báo hiệu. Lá vàng của hoa đào ư hay của gió xuân? Lòng người đã chia làm mấy mảnh hồn, đã úng đã ứa đã phai thành lá vàng rồi và trong lòng người cũng đã mưa bụi bay chớ nào cứ ngoài trời mưa bụi mới bay bay- ngoài trời mưa bụi bay.

Có còn hay còn đâu những mơ mộng xa xưa một thời vàng son của dĩ-vãng thương yêu; mưa không ướt đất và mưa không bao giờ ướt má hồng em và mưa mà phấn không trôi môi không nhạt và mưa không làm ướt được tấm khăn voan em quấn quanh cổ ba ngón để cho gió lất phất tung bay; mực bụi bay ngoài trời hay trong lòng ai mà biết được và ai còn trả lời được cho ai. Trời đâu muốn bày cảnh phân ly để trêu ghẹo người đi kẻ ở

Năm nay đào lại nở
không thấy ông đồ xưa
những người muôn năm cũ
hồn ở đâu bây giờ

Như đã trải qua mấy thời xa vắng bỗng nhiên năm nay hoa đào lại nở trong ngập ngừng, năm nay đào lại nở... mà sao lại không thấy ông Đồ xưa chỉ thấy se thắt lòng người và lòng người se thắt băng khuâng, sao không hỏi là năm ngoái năm kia năm nào năm kia mà lại hỏi:

Những người muôn năm cũ

Hay những kỉ niệm thời gian đã không còn trong tâm trí người tản cư – Hoàn toàn không phải thế, “người muôn năm cũ” cũng có nghĩa là những người muôn năm trước thời điểm ông Đồ đã mất dấu và muôn năm sau ông Đồ đã chẳng còn của những người ra đi đang và đã ở đâu trong cái không gian và thời gian mờ mịt khói lửa này. Ý thức thời gian rất chắc chắn như đã ghim chặt trong lòng để chia để định cho quá khứ và tương lai ở một giòng sông chia cắt sau này như trăm năm trong cõi người ta, như muôn năm cõi hồn lang thang phiêu bạt nay đang ở đâu và đã về đâu.

Hồn ở đâu bây giờ.

Hồn của những người thuê viết - cái nét chữ tài hoa ấy- hay hồn của chính ông Đồ, cũng chẳng cần biết là đào lại nở là nở vào những ngày đầu xuân hay nở vào bất cứ ngày nào của mùa xuân còn rớt lại. Đến ngày nào hồn mới hồi cư sau những ngày hồn đã vội vã quang gánh và bồng bế tản cư hồi hồn. Có hỏi hàng trăm lần hàng ngàn lần hay hơn nữa hoặc đánh trống kêu oan cũng vô âm mà thôi, vì...

Mực “đã chết” trong nghiên sấu. Hình ảnh ông Đồ chỉ còn chẳng mãi mãi chỉ là những hoài niệm ngổn ngang trăm mối tơ vò trong lòng người tản cư ngày ấy, nếu còn nếu có dù chỉ là mờ nhạt của thời gian.

Những tưởng ông Đồ vẫn ngồi đó như tượng đá năm năm tháng tháng ngày ngày với ngọn gió xuân với hoa đào nở với trên phố đông người qua. Nào ngờ ông Đồ cũng chẳng thấy tảng đá cũng chẳng còn và những hồn muôn năm cũ bây giờ phân ly đến đâu và đang vật vờ ở đâu... chỉ là bóng chim tăm cá, chỉ là những vệt mây trời của những cánh vạc ăn sương để lại tự năm nào năm nào. Những tưởng...

Đông 2002

1. Lời ca của bài hát đầu bài này người viết đã không thể nào nhớ. Xin cảm ơn và thành thật xin lỗi tác giả.

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

MÙA RA TRƯỜNG

Những người trẻ, ra trường nhiều lần,
tiểu, trung, đại, và hậu, hậu đại
học thành người lớn, chừng nào trưởng
thành thì không ai biết, không muốn

biết hoặc từ chối trưởng thành dù
đã ra trường nhiều lần. Những nhấn
nhủ, hy vọng, thất vọng của mẹ
cha nhiều hơn của bọn trẻ ở

những đêm thức trắng, học chữ, học
chơi, học làm người lớn. Trường thi,
trường đua, trường đời, chạy mãi chạy
mãi đến rồi lại chạy, đến rồi

lại chạy, đuổi theo đích khác không
ngừng không dứt. Tôi thấy tôi, thấy
con tôi, con người khác, ra trường
lần nữa, lần nữa rồi lần nữa...

TRẦN TIẾN DŨNG

KHÁCH BÊN ĐƯỜNG

Ông thích ném cái bóng chiều, chiều rả rời của ông, xuống mặt đất. Hai cánh môi luôn mấp máy thì thầm gọi tên mình. Gió rì rào trong nội cỏ. Ông không thể ngoái lại nhưng ông nghe đám đá cục của buổi sáng trò chuyện với tụi đá cục buổi trưa, chuyện.

— Ông ta là người duy nhấy không thể chết

— Buổi chiều lại dám lừa dối ông ta sao?

Ông đưa bàn tay thô vụn chải tóc, bàn tay nằm úp trên đầu ông, từng ngón thay nhau gõ theo nhịp chiều đỏ. Hầu như từ mọi phía, côn trùng chim đêm không muốn nhìn mặt người đàn ông này. Gió lay đập đám cỏ gai và hướng về phía hàng bạch đàn đang đi nhanh về nhanh cho kịp buổi chiều.

— Chuyện ông ta không thể chết là thật ư!

— Có khi buổi chiều đã lừa dối ông ta.

— Hãy nhìn cách những ngón tay ông ta nói chuyện với cái đầu, đó là thứ ngôn ngữ ca ngợi việc làm của người không thể chết

— Có nghĩa là ông ta đứng ỳ, không thể về với đám đông trong chiều chiều thanh thản. Đêm mùi phân bò thoảng bình yên. Con đường đã về ngôi nhà Lá Rêu yên nghỉ. Con đường khác rút vào cái hóc riêng vang tiếng ca con nít hoặc đã chui vào ống quần của bọn đàn ông đi về phía quán nhậu. Và rừng cây treo lên trời thắm xanh những ngôi sao loáng ánh bạc. Ông rút cổ lại, vai nhô lên, có thể bên trong áo ông có chỗ trú, một chỗ trú cho cái đầu rất nặng của ông, cần thiết lắm chứ! Nhưng không ai chắc, mọi ngày chiều hết, trên đường về ngôi nhà bình yên, không ai chắc! không đụng phải ông và té u đầu sứt trán.

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

CHUYỆN TÌNH

nàng tên tina nàng rất xéch xy
và hấn đã bị cú sét khi ngắm
ảnh nàng khỏa thân trên mạng lúc 3
giờ sáng ôi môi nàng đỏ tóc nàng

đen miệng tròn tựa chữ O vú to
như hai quả dưa của mình là đóa
lan rừng xinh eo thon da mịn chân
nhỏ giò dài nên hấn ót dưa nàng

ngay bằng thẻ tín dụng và không xe
hoa pháo hồng nàng đã tới nhà hấn
đúng 10 hôm sau trong 1 cái hộp
be bé hấn hồi hộp xé lõi nàng

ra kê môi vào cái lỗ xì mà
thổi cho nàng phình lên chuyển sinh khí
vào người nàng đầy hơi thở ấm của
chính hấn và từ cái giờ phút ấy

họ đã trở thành đôi uyên ương lý
tưởng hạnh phúc tuyệt vời và tuy không
thể sinh nở nhưng bù lại nàng sẽ
trẻ đẹp mãi cho tới ngày tôi phải

xa lìa cái địa đàng này và hy
vọng người ta sẽ liệm chúng tôi chung
cổ áo quan chôn chung ngôi tiểu mộ
bên hồ nước xanh dưới cảnh dương liễu

LÝ ĐỢI

BÀI NHỮNG NỮ LÀM ĐẦU

Tặng NTB

Đêm triều cường, đường nước bắn — vị khách
cuối về sớm hơn mọi đêm, như thế
những nữ làm đầu mỉm cười chào tại
cửa gom tóc, lau ghế, dọn bàn trang
điểm và đếm lại tiền... như thế, lúc
một rưỡi sáng và rất sớm / hơn bình
thường-đèn đã tắt một nửa mắt đã
núm cơn ngủ, xong đóng khăn này thôi
ai về riêng tư nấy... Như thế, lúc

hai rưỡi sáng sàn nhẵn những bóng, kính
không dấu tay — máy lạnh tắt cùng những
đèn chùm, mặt họ vẫn ửng phấn... như
thế, lúc hai rưỡi sáng tôi khách cuối
và vô hình nơi đó... Tôi trong bịch

tóc lộn, khăn bẩn và nước lau sàn
và chậu rửa lênh bênh phẩn — trong quần
áo vừa thay nồng mùi mồ hôi / nước
hoa Tàu... nhưng không trong bữa tối (nước
lèo thừa và bún) lúc hai rưỡi sáng...

Tôi ở nơi đó / không thuộc nơi đó.

Như thế, ngày của họ là đêm — giấc
mơ tình của họ là dao kéo — dầu
gội, thuốc lột da và lòng tay mềm...
trong hơi thở tối. Tôi ở nơi đó /

thuộc về nơi đó. Như thế, họ chờ

ngã đã ba trăm sáu mươi ngày — họ
làm việc tương tự khi về riêng họ
có ghế da lạnh và gối cứng thay
thế mồ hôi, vòng ôm và ria mép...

Tôi rời nơi đó / thuộc về nơi đó.

Lúc hai rưỡi về riêng họ quên mình
con gái — họ quên chờ mong và quên
phần thuộc mình trong đêm đen...

Tôi không nơi đó / thuộc về nơi đó.

Bình Thạnh 12.2002

VẠN GIẢ

DUYÊN NỢ

Ta đợi nhau từ muôn kiếp
Đến kiếp này mới được gặp nhau
Nhưng tình trăm năm vẫn còn cách biệt
Nên cuối cùng hai người chịu chung nỗi đau.

VIÊM TỊNH

ĐỐI TƯỢNG CÙNG EM

Những người bạn cũ mới của những
năm tháng mới cũ, luồn qua những
ngọn gió. Ngọn gió độc địa, thổi
bay mộng lung mười phương tám hướng.
Họ đi như loài hoa cỏ phát

tán nẩy mầm và chọn cho nơi
dừng lại. Đất ở đâu cũng là
đất. Còn ta đất cũ, ta già
đi cùng rơm rạ. Đón nhận và
tiễn biệt. Giọt nước mắt chảy không
đau khổ, chẳng hân hoan. Thời gian,

trò đùa của hư vô, trên giá
sách, rêu mốc bình thường, đùa cột
Đời ơi, hiu quạnh. Đó là hồi
tưởng nhau. Không phải. Đã hòa quyện
từng kiếp nào. Cháy bỏng. Tình nhân.

Người trung tính vẫn ấp ủ một
bóng hình. Đi tìm cho rạch ròi,
chộ răng thì chộ mới yên tâm.
Kẻ bần hàn tìm manh áo. Còn
người đang yêu cứ áy náy một
lần lỡ hẹn. Em. Ngọt ngào tên

lần gọi thì thầm, gợi tình trong
cơn mộng mị, rồi thăng hoa, cửa
địa ngục mở toang, ta vào nhau
năm tháng, có sá gì bạn bè,
nói tới nói lui, thở hơi tức
tưởi, ta vẫn tình cùng em. Vẫn

mãi bên ta dòng sông lạnh, chảy
cuồng lưu ướt cỗi ta bà.

NGUYỄN MAI

LỤC BÁT

Vào rừng không bước lối mòn
Bởi vì nối tiếp đâu còn mở ra
Và khi ở cõi người ta
Hiến dâng còn những màu hoa ẩn tàng.

HƯỚNG TỚI TÂN HÌNH THỨC

Thành phố dốc đồi, thị trấn bụi đỏ,
với hai nơi, mỗi lần nhắc nhớ, bồi
hồi, cảm tạ. Cảm tạ những ngày một
thời tận hiến lang thang, tận thu ngập
trần trần gian, cây cỏ. Thị trấn bụi

đỏ, thành phố dốc đồi, hai nơi, không
ngớt bồi hồi một niềm ngưỡng vọng.

THIỆN HIẾU

TRÒN

Tặng anh Nguyễn Đăng Thường

Một hơi thở không vào
Một hơi thở chẳng ra
Một người mới qua đời
Một đứa bé khóc òa...

Sài Gòn 9.5.03

ĐỘNG

Tặng Phạm Quốc Bảo

Tôi thấy rõ đi lui là đi tới
và đôi khi đi tới tức là lui
Chỉ đi ngang là không lui không tới
Và đi dọc là tới tới lui lui...

Còn có khi đi lên và đi xuống
Thì đúng là không xuống cũng chẳng lên
Và có khi đứng im là chạy đó
Cùng trôi trôi theo những áng mây trời

16.03.03

QUYỀN THI

CÁI CHẾT MỖI NGÀY

Có con chim nằm chết chiều nay, có
con người nằm chết chiều nay, chết vì
chưa bao giờ được chết. Hắn nằm ngửa
mặt nhìn trời để ngắm mây bay, hắn
đang mơ mộng. Hắn chết vì muốn xa
loài người, nếu chết đi sẽ bay đến
một ngôi sao nào đó, con chim hạnh
phúc của tôi ạ, linh hồn người là
vật mây màu trắng, bay lượn nhẹ nhàng,
này chim ơi tất cả sẽ hòa tan,
biến nhập như ánh sáng tỏa ra. Có

những kinh nghiệm mà sự sống không có
như trường cửu, ngọn gió luồn lách trong
một khe nhỏ để cho con người thở
để cho con người tư duy vì bên
kia là một đáy vực để con người
gieo mình xuống đó. Có nụ cười phục
sinh để cái hữu hạn chết đi, biết
bao niềm vui nhảy múa, bất ngờ liên
tục một ngày, phải chăng chúng trôi
dậy từ một bất chợt tự nhiên nào
mà chúng ta không hề biết đến. Mỗi
đêm ta chết trong khi vẫn sống. Mỗi
ngày ta sống trong khi đã chết, một
mỗi và cũ kỹ tháng năm. Mỗi một
thời gian chết để trôi dậy lớn khôn.

Chỉ có con chim nằm sã cánh chết
trong chiều nay là chết thật. Hỡi loài
có linh hồn, sự chết không bao giờ
hủy diệt được sự sống tinh thần mà
nó còn có tác dụng mãnh liệt hơn.
Chỉ có loài hữu hình vô tướng là chết thật.

HÀ NGUYỄN DU

KÈN, ĐUỐC VÀ NẾN

từng hồi từng hồi rền
vang nhịp điệu lúc bi
lúc hùng nhịp điệu theo
bước lập lòe của những
ánh đuốc những ánh đuốc
làm mẫu tiên phong và
cứ từng hồi và cứ
lập lòe cứ hết thế
hệ này sang đến thế
hệ khác vẫn một điều

thương tâm nhất vẫn là
những tàn lụn của ngọn
nến những ngọn nến tàn
lụn bởi những tiếng kèn
bởi lập lòe của bao
ánh đuốc những ánh đuốc
soi dẫn đến những ánh
đuốc tìm kiếm tông tích
như một đáp số của
các bài toán dù kèn

thúc quân hay kèn truy
điệu dù đuốc soi dẫn
hay đuốc truy tích dù
nến sinh nhật nến liên
hoan nến tưởng niệm
sau cùng vẫn là kèn
vẫn là đuốc vẫn là
nến gặp nhau trong ngày...
một ngày tiễn đưa nhau!!

NGUYỄN LƯƠNG BA

TÔI BIẾT CHIẾN TRANH

Tôi biết chiến tranh bởi vì tôi
sinh ra trong chiến tranh. Lúc tôi
ra đời trong một vùng quê miền
sông Hương núi Ngự thì giặc đã
tràn qua thôn xóm. Thôn xóm tôi
có những độn cát, những hàng thông
dài và những ngôi nhà ba gian
hai chái cột nhà gỗ quý nhẵn
bóng. Mẹ tôi để tôi trên cái
thúng tản cư lên Huế. Tôi biết
lên Huế tìm nhà bà con vì
giặc đã tràn qua thôn xóm tôi.
Gia đình tôi chạy, giặc tới đâu
chạy tới đó. Lính Tây uống rượu
say mềm đạp xe đụng cột đèn.
Madame Thùy ở bên cạnh nhà
tôi bồ bịch lính Tây mở nhạc
loại đĩa lớn kim to quay tay
nhảy đầm. Madame mặc váy đỏ
uống rượu. Chỉ Madame thôi còn
ông già rất hiền khăn đóng áo
dài và cũng chỉ Madame thôi
hôn, hai người ôm sát nghe nói
lính Tây sắp sửa trở về mẫu
quốc. Tôi còn nhỏ thấy người lính
Bảo An đứng nghiêm chào bắt tay
Ngài Quan Năm nói lí nhí trận
đánh ở cửa Nhà Đồ quân ta
thật anh dũng, địch bị thua to.

Lớn lên tôi đang học tiểu học
cô giáo dạy tôi bài thơ của
Tố Hữu: Ai ăn bánh bột lọc

không / Tiếng rao sao mà ướt lạnh
 tê lòng / Không phải giọng của một
 hầu non đứng tuổi / Cao thánh thót
 hay rồ khan gió bụi / Đây âm
 thanh của một cổ non tơ / Mà
 giây ngân còn vương vấn đại khờ...
 Tôi hiểu đất nước tôi đã chia
 hai. Tôi hiểu nỗi buồn, tôi hiểu.
 Cô giáo lớn hơn tôi, cô ở
 bên này hay cô ở bên kia.
 Lớn thêm nữa tôi rất lạ thấy
 người anh của Nguyễn mặc đồ nhà
 binh. Ở đâu về vậy? Ở Mỹ

Tho. Tôi hiểu đất nước tôi đang
 có chiến tranh. Đang âm ỉ cháy.
 Tôi nghe nói người đi tập kết
 nghe nói người ở lại trong Nam,
 nghe nói chú Tám để lại chiếc
 xe cua-rơ, một ít sách báo
 rồi nửa đêm (hình như có mang
 theo ba lô) biệt vô âm tín.
 Tôi vẫn thản nhiên và mơ mộng
 nghĩ đến người con gái mới quen.
 Ông bố làm cảnh sát, tôi rất
 sợ cảnh sát và vì ông hay
 đeo súng, tôi cũng sợ súng. Cho
 nên nàng nói chuyện mà tôi cứ
 nghĩ đến chuyện chết chóc bất bớ
 biết đâu mình chạy xe vêlô
 xô lệch rất dễ đụng người ta
 hoặc cứ sợ đồn Dân Vệ bị
 tấn công. Nửa đêm (lại nửa đêm)
 nhiều tiếng chân chạy thành thịch xào
 xạc trong vườn, súng nổ hai bên
 bắn nhau. Có tiếng hô xung phong
 xung phong. Tôi đang học bài thi.
 Tôi hiểu chiến tranh. Chị Lộc la:
 Bác ơi! Anh Lộc chết rồi (anh
 Lộc đi Dân Vệ). Xác anh vấp
 qua hàng rào, mất một chân. Tôi

nghiệp chị Lộc nuôi 5 đứa con.
 Tôi hiểu chiến tranh đang chạy ngang
 khu vườn, chạy ngang con đường làng
 trên từng khuôn mặt không ai biết
 ai. Có dấu khắc trên cây, cô
 Tư, họ nói cô lại trở về.

Tôi đi theo đoàn quân về miền
 Tây. Chiến trận đang Mậu Thân người
 bạn tôi bị thương nặng. Địch Thân
 Địch Thân đây Hoàng Oanh (vừa gọi
 nhưng tôi lại nhớ đến bài hát
 của Hoàng Oanh) khói lửa mịt mù.
 Tôi lại trở về thành phố đi
 sống rất gấp, hãy ngồi quán cà
 phê Con Chồn và nghe nhạc thật
 đã: Đại bác đêm đêm dội về
 thành phố / Người phu quét đường dừng
 chổi đứng nghe (nhạc Trịnh Công Sơn)
 mà thật vậy đại bác đêm đêm
 dội về (dội đi) nghe thật rõ.
 Người con gái lai Tiều nhẹ nhàng

bán hủ tiếu mì vẫn thản nhiên.
 Chiếc trực thăng bắn xạ kích ở
 trên cánh đồng. Chiến tranh và Phản
 chiến trong cùng một con người. Tôi
 hiểu một thời của quê hương tôi.
 "Life is precious
 Life is fragile
 Never again !! "(Dusty) *

* Dusty là một nữ y tá trong quân đội Mỹ đã từng phục vụ tại Việt Nam
 thời gian từ 1966-68. Bà cũng là một nhà thơ, đã xuất bản tập thơ Battle
 Dressing nói về những ngày tháng phục vụ y tá tại Việt Nam(www.
 dustyspoetry.com)

ĐỒ KH.

TÔI KHÔNG PHẢI TRỊNH CÔNG SƠN BUỔI SÁNG

Các con tôi ở Cali buổi
sáng đi học bằng qua công viên,
mắt nai ngậy tròn lung linh nắng
thủy tinh vàng không có ai ném

Vào đầu phi đạn hỏa tiễn To
mahawk bom JDAM bằng máy
bay tàng hình một trăm mười bảy
nhưng tôi vẫn chột hồn buồn dâng

Mênh mang tuồng này tôi coi rồi
chán lắm mấy tên hề hàng ba
rút chối lông gà điệu cười không
ra nước mắt Rick Jason Vic

Morrow với anh hùng sa mạc
Django đốt lên ngọn lửa thiêng
ả rập báo thù nhà trên giếng
dầu gọi nắng ta trả thù cha

Buổi sáng tôi muốn trốn trong chăn
không muốn trốn trong hầm ngàn năm
ngàn năm không đi về giáo đường
buổi sáng tôi dậy tôi không muốn

Làm bá chủ thế giới chỉ muốn
vợ tôi mang cà phê đến tận
đầu giường từng phiến băng dài trên
hai vai xuôi nhưng nàng nằm xuôi

Tôi phải lê người ra đến bếp
mà hâm nóng không có ai dân
chủ nhân quyền tự do giải phóng
mang tăng Abrams M 1 vào

Đến tận cửa phòng cuộc đời tôi
ở Mỹ bình thường chiều chủ nhật
buồn, đóa hoa hồng không có ai
tổng Sư 101 không vận

Vào tận hòng thì tôi xui bước
tôi đi trời cao không níu, cho
tay mềm nhưng tôi hên giờ này
tôi không phải là người Iraq

20.03.03

ĐỪNG LÀM XẠ THỦ GIẬT MÌNH

Bình nhất Joe Smith ngồi ăn kẹo mơ
màng từ đầu phiên gác giờ nếu đang
ở nhà anh sẽ đi lòng ra một
chỗ đại hạ giá máy tăng âm bass

ba trăm watts để gắn vào thùng sau
cái Camaro nghe Dixie Chicks
cho nó đã dù mấy con nhỏ này
có phát biểu bởi vì ông Bush mà

nó xấu hổ làm người Texas thì
tụi nó ca cũng vẫn rất mùi đi
đăng lính để học nghề tưởng gì giao
cho cây đại bác bắt mặc áo giáp

ngồi giữa sa mạc làm xạ thủ xe
chiến đấu bọc sắt Bradley giờ để
tôi giải thích cây đại liên 24
9 kiểu FN Mag bắn đạn cỡ

có 7 ly 62 cây đại liên
Browning M2 bắn đạn 12
ly 7 nhưng ở đây lên hàng đại
bác nghĩa là 25 ly có đầu

nổ và 3 loại đạn cả xuyên thép
công phá và bốc cháy tùy theo mục
tiêu mà lựa trong khi nạp nhưng khó
là ngồi đây đóng chốt kiểm soát theo

lời ông Trung tá ra lệnh thấy thường
dân đi lại còn phải đếm từ 1
tới 5 “5 giây là họ phải quay
đầu và biến khỏi nơi này sau 5

giây là họ chết” vậy chứ còn 4
giây hay là 6 thì sao Abu
Hassan làm nghề nông năm nay có
được mùa cũng kể như là bỏ ông

gọi cả nhà tới cho coi tờ truyền
đơn máy bay Mỹ thả có vẽ cái
hình một gia đình Ả rập quay quần
đề 2 chữ “An Toàn” theo tao thì

ở đây chỉ có mà lãnh bom tên
lửa với lại đạn giờ gom hết con
nít lên cái Land Rover đời 7
4 ông diện bộ đồ vét oai nhất

kiểu có sọc như là chuyên gia mua
bán chứng khoán ở London “coi cho
nó giống Mỹ” để tao cầm lái nhét
vô tam đại 17 người chạy tới

được Karbala là kể như khỏe
khỏi cần lo khi rời Najaf gặp
cái chốt đầu nó xét cho qua tụi
mày thấy chưa mặc dù tao không bằng

C Anh ngữ có ai giết chóc gì
đâu mà sợ tờ truyền đơn là do
chính tụi nó thả “An Toàn” định mệnh
đã an bài và sắp xếp mọi chuyện

xin độc giả đừng có nóng rồi chiếc
Land Rover 29 tuổi của A
bu Hassan mặc áo vét sọc sê
phải gặp chiếc chiến đấu bọc sắt Brad

ley của Joe Smith tay cầm súng đại
bác liên thanh 25 ly mặc áo
bụi đường xa đúng theo như từng chi
tiết kế hoạch hành quân đã định sẵn

và diễn tiến vô cùng tốt đẹp của
bộ trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld
khi người lính đầu tiên giơ tay kêu
dừng và Abu Hassan lại tưởng

là vậy cho qua khi người lính thứ
nhì không nghĩ liền đến việc nổ súng
chỉ thiên để cảnh cáo và bình nhất
Joe Smith đang mơ màng đến ban nhạc

Dixie Chicks giật mình còn anh có
kịp đếm đến 5 hay không thì 2
người con trai và 2 người con dâu
của Abu Hassan cũng qua đời

cùng với 2 đứa cháu gái lên 1
2 và 15 tuổi đi theo ông
bà nội và ông cố ông vãi nhưng
vẫn còn 2 con trai khác và 2

dâu sống sót với lại đứa cháu lên
7 để mà chôn cất với lại hương
hỏa đèn dầu chứ chẳng lẽ Abu
Hassan lại ác đức đến nỗi để

mà tuyệt tự chị con dâu Lame
a 36 tuổi đang có bầu 9
tháng hên mà không bị sẩy thai chỉ
chết thẳng con trai lên 3 còn “hai

đứa con gái tôi lên 2 và lên
5 tôi thấy chúng bị bứt mất đầu”
đã bảo đạn đại bác 25 ly
nó trúng thì khó chữa đâu phải chuyện

vừa vậy là cả nhà 17 chết
11 có 1 anh con còn nằm
đó mà thoi thóp chết 7 còn 3
chết 2 còn 1 mà chiến tranh này

chỉ mới bắt đầu thì tai nạn chứ
biết sao ông Đại úy sau đó còn
chạy lại chửi thề Đù mẹ tụi bây
vừa giết cả 1 gia đình vì đéo

có thằng nào bắn cảnh cáo sớm nói
nhè nhẹ thôi ông thầy nhất là khi
xạ thủ đại bác đang hờm cò súng
đừng có la lớn làm người ta lại

giật mình.

02.04.03

Phân Tâm Học và Thơ

Frederick Feirstein

Hơn vài mươi năm qua, một trong cách biện minh cho việc từ bỏ các kỹ thuật “hình thức” của văn luật và thể loại như truyện kể tuyến tính, đến từ sự hiểu lầm, theo phân tâm học, về đặc tính tự nhiên của vô thức. Vô thức được nhận thức như một thực thể hoàn toàn “tự do,” như trong tiểu thuyết tình cảm, người điên được coi là “tự do.” (Hiểu biết thông thường cho biết, người điên không được tự do, mà bị tù hãm bởi những bí hiệu, trong trường hợp này là ảo giác và ảo tưởng.) Khái niệm sai lầm về đặc tính tự nhiên của vô thức, bắt nguồn từ những nhà hiện đại thuở đầu. Khi sự hiểu lầm biến thành kinh nghiệm truyền lại cho người đi sau, nó được dùng để tấn công, cho hình thức là lừa phỉnh giả mạo trên tiến trình vô thức, chỉ nói riêng về nguồn gốc sáng tạo thôi. Nhưng các nhà phân tâm học cũng biết, từ dữ kiện bệnh nghiệm, những bày tỏ của vô thức “tự do” như thế, được tìm thấy trong chiêm bao và “những phối hợp tự do” (mang lại hiện tượng tự động viết) thật ra từ những ảo tưởng thường trực của vô thức. Không chỉ có dữ kiện bệnh nghiệm của nhà phân tâm học, mà gần đây các nhà chuyên khoa não bộ và các nhà nghiên cứu về chiêm bao dẫn chúng ta đến chỗ hiểu được rằng vô thức, khác xa với vô kỷ luật, giống như vũ trụ của lý thuyết hỗn mang và phức tạp. Nó có những điều luật riêng đưa đến trật tự, mà phải được huấn luyện để quan sát thì mới nhận ra. Chúng ta gọi là “những tiến trình chính yếu” của dời đổi và cô đọng, và cũng là những điều luật đã hình thành ẩn dụ trong thơ và tác động ẩn dụ trong truyện và kịch. Điều thật sự giải phóng chúng ta là học hỏi và áp dụng những điều luật này trong nghệ thuật, kể cả nghệ thuật phân tâm học là nơi mà tiến

trình chính yếu bị lay chuyển dưới sức lực ngày càng lớn mạnh của tiên nghiệm và bản ngã.

Mĩa may thay, phân tâm học, từng là trọng tâm văn hóa trong phần lớn thế kỷ vừa qua, đã bị phỉ báng trong nhiều năm gần đây bởi giới hàn lâm với cùng lý do họ phỉ báng thơ “hình thức” và thơ tính truyện. Chủ yếu, nghệ thuật phân tâm là một nghệ thuật có tính truyện, trong đó truyện đời của một người được lần giở ngược lại, như một bi kịch Hy Lạp, từ hậu quả đến nguyên nhân. Câu truyện được diễn ra có kịch tính và biểu tượng trong sự chuyển nhượng mà người phân tích kinh qua, như những hữu thể khác và “vật thể,” thí dụ, người phối ngẫu trong phát triển tình cảm của bệnh nhân, cả hai đều có thật hoặc chỉ là tưởng tượng. Phòng mạch tràn ngập những ông cha và bà mẹ, anh, chị, em và nhiều bản cái tôi khác. Ảo mộng và vết thương đã giúp hình thành những cái tôi như thế và chủ quan hóa những thứ khác, hiện ra trong chiêm bao kể cho nhà phân tâm nghe, và trong sự phối hợp tự do giữa mộng và thực chất khác. Trong tiến trình chữa trị, truyện kể mở ra và ẩn dụ chính yếu phát hiện động lực của những cái tôi khác nhau, bệnh nhân dần nhận thức được rằng anh hay chị ấy đang sống cuộc đời song đôi: một đời có ý thức, đời kia là ảo ảnh trau chuốt và vì nó là vô thức nên tự lặp lại trong vô số cảnh tương tự, cấu tiết với nhiều tình tiết phụ, tất cả đều được hư cấu bởi đứa trẻ (trong tâm trí họ).

Tựa như nhà thơ tính truyện dùng tình tiết có sẵn để tạo nên tác phẩm, tâm thức dùng tình tiết tiêu biểu để tạo nên những ảo mộng vô thức, thường để đáp lại cho cả hai, ước muốn bị cấm đoán và chấn thương. Giống nhà thơ tính truyện, đứa trẻ (trong tâm trí) trau chuốt một cách sáng tạo những tiêu biểu này với các chi tiết lấy từ đời riêng. Trong quá trình chữa trị, bệnh nhân và nhà phân tâm rồi sẽ cùng nhau khám phá hoặc dựng lại những thứ tình tiết chất chứa ấy như vài thí dụ sau đây, mặc cảm Oedipus hoặc ảo ảnh sinh đẻ bằng hậu môn hoặc ảo mộng Cô Bé Lộ Lem, biến thành điều mà Jacob Arlow gọi là “thần thoại cá nhân,” dẫn dắt phần lớn sự hiện hữu của một người.

Tâm tưởng của đứa trẻ, từ cách tạo nên thần thoại cá nhân để tồn tại và sinh trưởng, chúng ta có thể suy ra nền tảng tâm lý cho những xung động có tính truyện. Trong khi chúng ta buộc phải diễn lại những ảo ảnh như thế suốt đời mình để thỏa mãn và thích ứng, thì một vài người tái sản xuất chúng thành nghệ thuật tính truyện. Suốt đời chúng ta tạo nên nhiều bản khác nhau của những thần thoại một cách vô thức để đáp lời cho từng giai đoạn phát triển và mỗi chấn thương mới. Sự làm lại thần thoại cá nhân của tâm tưởng song đôi với cách một nhà văn trưởng thành lặp lại và phát triển yếu tố tình tiết chính, đề mục, và mô hình của hình tượng qua toàn thể

tác phẩm. Như tất cả mọi nhà văn đều biết, hành động thám hiểm những ảo tưởng một cách sáng tạo vừa giúp giải quyết mâu thuẫn nội tại vừa dẫn đến chiều sâu ngữ cảnh xa hơn. Khi chúng ta bị nghẽn sáng tác hoặc rơi vào sự lặp lại một cách ngán ngẩm, đó là vì có vài khía cạnh nào đó của mâu thuẫn mà biểu tượng vẫn chưa chạm đến được, thay vào đó lại dẫn đến những biểu tượng bí ẩn của triệu chứng, tự mô phỏng, và thỉnh thoảng ngã lòng. (Ngay lúc này, tái diễn những ảo tưởng trong chuyển nhượng tốt cho việc nghẽn sáng tác – giống như một nhà đạo diễn hay sẽ giúp nhà soạn kịch viết lại kịch bản; trong trường hợp này là kịch bản đời sống.)

Bởi vì thần thoại cá nhân dựa trên những thứ tiêu biểu, thí dụ chia sẻ chung những thần thoại, có tiếng dội giữa tác phẩm của người viết và độc giả hay thính giả là những người tự họ diễn lại thần thoại ngày đêm một cách vô thức. Khi đèn mờ dần trong rạp hát hay khi độc giả tạo nên một màn tối bao trùm quanh một tập thơ, một trạng thái tựa-như-xuất-thần có thể xảy ra, qua đó độc giả bước vào thần thoại của tác giả một cách cương quyết, tìm được an ủi và giúp đỡ cho mâu thuẫn nội tâm. Tất cả chúng ta đều có kinh nghiệm về đời sống nội tại của một tác giả ở tuổi niên thiếu, và vài người trong chúng ta, kinh nghiệm này đã biến họ thành nhà văn. Vì lý do nào đó, mù mờ đối với tôi lúc này, khi đọc *Le Bateau Ivre* của Rimbaud ở tuổi 17 lại có một ảnh hưởng mạnh trên tôi. Trạng thái xuất thần này là một thứ mà tiên nghiệm (phần tâm tưởng nối cả hai với vô thức và hiện thực thức tỉnh) trở nên linh hoạt một cách cuồng nhiệt và đồng bộ. Là người viết, chúng ta kinh qua điều này khi đang trong hứng sáng tác. Chúng ta cũng kinh qua thứ xuất thần như thế khi thực thi nghệ thuật phân tâm, nhất là khi người được phân giải bắt đầu nói một cách ẩn dụ với nhịp điệu thôi miên. Phân tích gia bước vào trạng thái đó một cách cảm thông, dùng tiên nghiệm của riêng họ, như một diễn viên có phương pháp, làm khi nhập vai. Kinh nghiệm thường xảy ra khi sự đối kháng với chữa trị (phản ánh sự phòng vệ vô thức) giảm đi, những huyền mộng vô thức và biến chuyển của chúng lộ dạng trên dòng tuôn chảy của phối hợp tự do và ẩn dụ.

Nhà phân tích, như tôi, từ buổi đầu lắng nghe để tìm những ẩn dụ này bởi vì chúng dẫn đến vô thức, tổ chức biểu tượng của nó phải được tái hoạt động để sự thay đổi lâu dài xảy ra. Người được phân giải dùng một hoặc hai ẩn dụ chính nhiều lần suốt quá trình chữa trị. Chúng thường xuất hiện trong những phê bình có vẻ bình thường về cái tôi hoặc về hiện thực, cũng như trong chiêm bao. Arlow tìm thấy, ẩn dụ chính thường dẫn ngược lại những huyền mộng vô thức đại biểu cho ước muốn bản năng và sự đối kháng. Tôi đã viết về việc làm thế nào mà ẩn dụ chính đó dẫn trở lại chấn thương. Ẩn dụ đại diện cho bản ngã, chấn thương đối với bản ngã, và đáp

ứng của bản ngã đối với chấn thương. Tâm linh thì thơ mộng trong việc bày tỏ một cách tiện tặn những kinh nghiệm khác biệt này. Nó dùng một ẩn dụ thôi để diễn bày lý lẽ nội tại đối với kinh nghiệm của một vài chấn thương, rất giống nhà thơ, viết một chuỗi nhạc tính, phối hợp những ẩn dụ chính để có một tính truyện tiếp giáp.

Những ẩn dụ diễn bày chấn thương thường xuất hiện ngay trong lần chữa trị đầu tiên như là cliché, không phải người ta chỉ dùng đến thứ tiêu biểu mà còn vì tiên nghiệm chưa đủ mềm dẻo để làm sống lại những cliché đó và biến chúng thành ẩn dụ thực thụ. Khi cuộc phân tâm thành công, chúng ta thường thấy cliché được cảm nhận sâu xa hơn và được dùng trong đoạn cuối chữa trị, hoàn toàn khác với cách dùng ở lần chữa trị đầu tiên. Và cũng vậy, thoát đầu cái tôi được tỏ bày trong cliché là thụ động, đến cuối cuộc chữa trị, cái tôi trở thành môi giới tác động trong cùng một ẩn dụ. Như vậy, thí dụ, (tôi đã kể lại đầy đủ chi tiết trong “Trauma, Fantasy, and Psychosomatosis”), một bệnh nhân trong lần chữa đầu tiên đã tả cách anh ta kẹt cứng trong ám ảnh, bằng cách nói là anh đang ở trong “một chiếc xe chưa sang số chạy.” (a car in neutral). Giấc mơ đầu tiên anh ta kể lại, anh ngồi trong một chiếc xe thể thao không nổ máy được. Suốt quá trình phân giải, anh có nhiều giấc mơ liên quan tới nhiều chiếc xe, và chúng ta rồi sẽ biết là đại biểu cho nhiều bản cái tôi khác nhau của anh ta. Ẩn dụ xe thể thao xuất hiện trong giấc mơ sau cùng anh kể và vẽ lại gọn gàng sự thay đổi trong vô thức là kết quả việc làm của cả hai, tôi và anh ấy: “Tôi đang lái một chiếc BMW trắng. Tôi thắng giải xe trong một cuộc thi. Tôi đang lái xe trên đường với kính xe mở rộng. Ngày tuyệt đẹp. Tôi không bao giờ nghĩ được một chiếc xe có thể khiến tôi cảm thấy sung sướng như thế này. Đây là dấu hiệu của giàu có, mọi việc đều hanh thông, Fred. Tôi đang lái xe trên đường. Một chiếc BMW. Quả là tốt đẹp hơn tôi tưởng.”

Tiên nghiệm của người bệnh (mà Suzanne Langer gọi là “biểu tượng hóa biến đổi” (symbolizing transformer)) đã trở nên vững chắc bằng cách học hỏi và thực hành nghệ thuật phân tâm học. Anh ta hiểu được ẩn dụ xe hơi một cách rõ ràng đến độ ngay cả trong trạng thái chiêm bao nó cũng đổi lại nhiều hơn. Tiên nghiệm của anh bền vững hơn, được tự do nhờ ngủ nên thoát khỏi hiện thực, bắt đầu chơi đùa với dạng thức khác nhau của ẩn dụ dành cho những mục đích mới – như một nhà thơ chơi đùa với ẩn dụ, lật xoay chúng để tạo nên ý nghĩa.

Tiên nghiệm của anh trở nên mạnh mẽ bởi chính hành động kể lại giấc mơ cho cả anh và tôi cùng nghe. Anh cho tôi biết, qua nhiều năm điều mà Ephron và Carrington đã tìm thấy trong nghiên cứu một số R.E.M chiêm bao – rằng trong lúc (sức khỏe tâm thần của) một người tiến bộ theo với

phân tích, không những chỉ có biểu tượng trong mơ trở nên dễ truyền đạt mà tự chính giấc mơ cũng trở nên có nhiều tính truyện hơn. Trong tiểu luận lời cuốn của họ, Ephron và Carrington chứng minh rằng nhiều người ở lần chữa trị đầu tiên, giấc mơ của họ không những rời rạc phân mảnh và/hoặc không mạch lạc mà còn thiếu cả nhân vật và không có kết cấu. Rồi trong lúc bệnh nhân dần bình phục, nhân vật xuất hiện trong chiêm bao cũng như tình tiết của nó; thể như họ đang học cách sử dụng những tiến trình tiên nghiệm của họ, rất giống một nhà thơ tính truyện sử dụng khi làm thơ.

Tôi thấy, không những người ta chỉ học cách sử dụng ẩn dụ, biểu tượng, và kể truyện trong lúc cùng thực hành nghệ thuật phân tâm với tôi mà họ còn học cách sử dụng hình thức, như một “nhà thơ hình thức” dùng cả hai vần và luật để tạo nên tác phẩm nghệ thuật, một phương tiện để thám hiểm hiện thực nội tâm. Những người dùng vần luật đều biết rằng phương sách này thay vì gò bó, nó lại giúp tạo nên trạng thái xuất thần đưa đến những đẳng cấp sâu hơn trong tâm tưởng của mình. Thí dụ, chúng ta biết rằng vần dẫn đến sự nối kết ý nghĩa mà ý thức thường không sao chạm đến được. Bởi vì vần hình như là một cách để kết tụ vài ngả phối hợp đến từ những huyền mộng vô thức.

Một bệnh nhân của tôi, canh tân lối chữa trị cũng như trong phát minh bệnh lý học, tìm ra phương pháp phối hợp tự do có hiệu quả hơn là kể cho tôi nghe những giấc mơ hoặc nói bất cứ gì hiện ra trong đầu. Anh vặn mở đèn phòng ngủ và viết xuống những vần anh đặt ra trên xấp giấy dài. Anh giữ những vần này cuốn theo nhau cho đến khi chúng đưa đến một chất liệu hãy còn lạ lẫm đối với tiên nghiệm hay vô thức. Vần giúp anh nâng lên chất liệu vô thức từ những bó buộc của chế phục, làm anh ta trở nên khỏe mạnh hơn, và vần biến thành những bài thơ đơn sơ.

Trong lúc làm việc với anh, tôi tình cờ đọc một cuốn sách, bản in giờ đã hết, của một tác giả tài ba và không mấy nổi tiếng, Theodore Thass-Thienemann, ông đã tìm và chứng minh trong hai quyển, ngữ nguyên học là con đường vương giả dẫn đến vô thức. Trong phần mang tựa đề “Sound Association and Rhyme,” ông nói (và tôi nghĩ rằng rất đáng để chép lại nguyên văn cả đoạn):

Khi có sự phối hợp của âm thanh, cũng sẽ có sự phối hợp của ý nghĩa... Nếu ta xem xét... một hoặc vài khái luận về vần, ta sẽ tìm thấy lần nữa sự xác nhận không cố ý của diễn dịch tâm lý qua dữ kiện triết học... Thơ thời trung cổ ưa chuộng những công thức vần tiêu biểu.

Những công thức này đã được khảo sát kỹ bởi vô số kinh nghiệm nói, cho đến khi chúng đạt được sự chấp nhận tiêu biểu chung; kết quả chúng thường trưng bày với sự phân loại đặc biệt những đặc tính riêng của vần. Trong thơ trung cổ Đức, vần tiêu biểu thông thường nhất là kết nối lip:wip (chữ Đức hiện đại là *Leib: Weib*, “body”: “woman” – tạm dịch “thân hình”: “đàn bà”). Tuy nhiên, chữ Đức *Leib* không phải chỉ có “body” và “body-self” trong ngôn ngữ không dùng nữa, mà còn là “womb” (tử cung); *Mutter-leib*, đúng là “mother-body,” nghĩa giản dị là “womb”. Vần này được lặp đi lặp lại, ám ảnh dai dẳng trong tất cả thơ trung cổ Đức. Trong “Parzival” của Wolfram có một trăm hai mươi ba lần, và những bài thơ khác cũng có con số tương tự. Đây là lý do lặp lại cách dùng công thức vần này? Ta biết được từ thí dụ bệnh lý, những lặp lại như thế là sự tuôn chảy của cưỡng chế và lo âu. Phối hợp “Tử cung” – “đàn bà” là căn nguyên lớn nhất của đè nén nỗi sợ và lo âu. Và còn có nhiều thí dụ tương tự nữa.

Qua nhiều thế kỷ, cá nhân chủ nghĩa ngày càng tăng, những công thức vần tiêu biểu mòn nhẵn đến độ biến thành dấu ấn của thơ dở nhất. Mỗi nhà thơ tự trọng đều cẩn thận né tránh như một thứ cấm kỵ (taboos), nhưng nhìn từ quan điểm tâm lý, loại vần-cấm-kỵ bị né tránh trong thơ thế kỷ mười tám cũng phơi bày chẳng kém gì những hình ảnh tiêu biểu trong thời Trung Cổ. Tôi lựa một trong những vần không có gì đặc sắc này như một kiểm thử cho diễn dịch ở trên. Ở thời trung cổ tiếng Đức *muot-guot-tuot-blut* (tiếng Đức hiện đại *Mut*, “boldness”-*gut*, “good”-*tut*, “does”-*Blut*, “blood”) là một công thức thường dùng; nó dường như giản dị nói, tính can đảm (của trái tim) là những việc tốt. Công thức này thành vần-cấm-kỵ tầm thường *Blut-Mut*, “blood-boldness, bravery”. Tôi chọn những chữ hợp vần Đức vì tiếng Anh tương tự, *blood*, *boldness*, không hợp vần với nhau. Tuy nhiên, nếu cả hai khái niệm này đi với nhau trong tiếng Anh, phối hợp này sẽ đi qua sự kết nối vô thức của ý nghĩa. Tuy vậy, trong trường hợp này, công thức hợp vần Đức cũng không phải chỉ là sự phối hợp âm

thanh mà thôi. Nhìn đến ngôn ngữ của Shakespeare ta thấy *blood and boldness*, cho dù không hợp thành một phối hợp vần mang vẻ thu hút lẫn nhau. Shakespeare nói, “The world will say, he is not Talbot’s *blood* / That basely fled when noble Talbot *stood*.” Tuy là vần khác nhau nhưng sự phối hợp của những ý nghĩa riêng biệt vẫn có. Một thí dụ khác: trong ngôn ngữ Shakespeare: “Be *bloody, bold* and *resolute*”; hay “He is *bold* and *blushes* not at death”; hay “O the *blood* more stirs to rouse a *lion* than to start a hare.” Những thí dụ như thế sinh sôi nảy nở và tập hợp trong cả một ngữ vựng chứng minh rằng những phối hợp thanh âm là biểu thị của ý nghĩa.

Để kết luận, thể nói rằng những thí dụ này chứng minh, những ý nghĩa đáng ngờ đã được phối hợp trong Anh ngữ không có vần; hậu quả là, nếu chúng được liên kết bằng vần, như trong Đức ngữ, thì hợp vần ấy cũng được ước đoán là “hợp vần của ý nghĩa.” Luận thuyết này đã bị chối từ một cách mãnh liệt bởi thí nghiệm tâm lý học, nhưng lại được xác nhận qua diễn dịch chiêm bao.

Phối hợp thanh âm nảy ra vài lạc thú từ cái kho thích nhại tiếng người khác một cách tự kiêu, được kinh qua bởi đứa trẻ. Nó nảy mầm từ lớp vỏ ngôn ngữ vô thức đầu tiên. Nó chân thật với cái ngôn ngữ lãng quên của ảo tưởng vô thức. Diễn dịch phân tích cố gắng dịch ngôn ngữ ảo tưởng vô thức này ra ngôn ngữ nói bình thường. Vẫn là một trong những đặc tính của ngôn ngữ gần như lãng quên và không ai biết của ảo tưởng. (173-75)

Thass-Thienemann là người duy nhất trong số những nhà văn phân tâm học sử dụng những từ trong thơ để giải thích tâm tưởng hoạt động, tạo nên cả hai, bệnh lý và sức khỏe. Có bốn người (Susan Deri, Laurence Kubie, Henry Krystal, và Joyce McDougall) đặc biệt lưu tâm đến việc diễn tả những khuyết điểm trong việc dùng biểu tượng để dẫn đến bệnh lý, và sử dụng trôi chảy những biểu tượng bên trong tâm tưởng và giữa tâm tưởng với thế giới bên ngoài, giúp tạo nên sức khỏe (tâm lý.) Mô hình sức khỏe của Deri là người nghệ sĩ đang sáng tác. Khi chúng ta “mạnh khỏe,” tiên nghiệm chuyên chở biểu tượng qua lại giữa những tiến trình vô thức và ý

thức. Khi chúng ta “bệnh hoạn,” đó là vì tiên nghiệm đã gắn liền một cách cứng nhắc hoặc với hiện thực hoặc tiến trình vô thức. Thay vì thương thuyết đời sống nội tại và ngoại giới với nhau bằng những biểu tượng cộng hưởng, tiên nghiệm lại dựa trên cliché và ký hiệu, ngắt đi ảnh hưởng và chỉ phát ra trong tác động ngẫu nhiên.

Như thế, khi chấn thương khốc liệt hay sự lặp lại xảy ra, theo đó là sự bất lực hiển nhiên, biểu tượng hóa ảnh hưởng mà tâm tưởng bị sốc đang dựa hầu như hoàn toàn trên những ký hiệu. Một cựu chiến binh Việt Nam tôi đã chữa trị, cố tìm cách đọc người khác qua cảm tính, để có thể có câu trả lời đúng, tùy theo trường hợp. Cách nói của ông, Krystal gọi là “thích nghi” – hầu như hoàn toàn thiếu sự trầm bổng. Khi tôi hỏi đến sự phối hợp với chiêm bao (ít có và rất đơn giản) thì ông thường cho biết một cách máy móc, nhiều chi tiết hơn, không có màu sắc nhịp điệu, giống như một đứa trẻ kể lại tình tiết của một cuốn phim.

Trong cuốn *Plea For A Measure Of Abnormality*, Joyce McDougall thấy sự hình thành của triệu chứng rất quan trọng trong việc giúp những tâm tưởng tê cứng đó sống còn – nhất là khi sự thay thế là căn bệnh trí mạng psychosomatic, thứ bệnh khi tâm tưởng tê cứng, đưa đến việc dùng cơ thể một cách câm nín để truyền đạt cái đau. McDougall giúp những người như thế tránh được hiểm nguy psychosomatosis với triệu chứng bảo vệ dựa trên lời nói của chứng loạn thần kinh. Một khi chứng loạn thần kinh hình thành, McDougall từ từ giúp họ mang cái tâm tưởng tự vệ đến sự thật và tiến trình biểu tượng hóa uyển chuyển mà chúng ta gọi là (tâm thần) mạnh khỏe.

Như hầu hết những nhà phân tích hiện nay, nhất là những người chú ý đến truyện kể hay biểu tượng hóa, McDougall cẩn thận không dùng phân loại chấn bệnh để miêu tả con người. Thay vào đó, trong hai cuốn rất hay *Theaters Of The Mind* và *Theatres Of The Body*, bà dung hợp ẩn dụ rạp hát, cả hai cho sự thấu hiểu những thất bại trong các tiến trình biểu tượng hóa và miêu tả cuộc du hành nội tại mà bà và bệnh nhân trải qua để chữa trị:

Khi dùng rạp hát như một ẩn dụ cho hiện thực tâm thần, tôi hy vọng tránh được sự phân loại tâm thần căn bản của thực thể y học. Những từ này áp dụng cho triệu chứng chứ không phải cho con người. Để nói một người nào đó là “điên khùng” (neurotic), “điên loạn” (psychotic), “làm việc xấu” (pervert), hay “loạn thần kinh hủy cơ thể” (psychosomatic), nó chỉ hơn việc đặt tên một chút xíu, chứ không đủ để diễn tả sự thể phức tạp và tinh tế là cá tính con người. Nó không những chỉ nuôi ảo tưởng rằng

chúng ta đang nói một điều gì thích đáng về một người nào đó, mà còn ám chỉ rằng phần còn lại của chúng ta đều thoát khỏi bi kịch tâm thần nằm dưới triệu chứng mà những từ này nói đến.

Mỗi rạp-hát-bí-mật trong ta... đều giao ước trong việc diễn lại những vai trong quá khứ, dùng kỹ thuật đã khám phá ra ở tuổi thơ và tái sản xuất, với sự chính xác kỳ lạ, cũng những bi hài kịch ấy, với chung cuộc y hệt, cùng lượng đau và lạc thú như cũ. Thứ đã từng cố gắng tự chữa nỗi đau tâm thần và mâu thuẫn giờ lại là triệu chứng mà một người lớn, ta làm lại nữa, theo sau những giải quyết thời con trẻ giờ đã quên. Cảnh kết cuộc phân tâm này có thể gọi là mất trật tự tâm thần hay tự tôn, ghiền hay làm việc xấu, tâm thần hay thác loạn thần kinh, nhưng chúng đều đến từ cái Tôi trẻ con cần tự bảo vệ để chống lại những nỗi khổ tâm thần (3-7).

Nhà phân tâm bước vào những bi kịch thi vị của người bệnh, một cách biểu tượng hóa, với quan niệm giúp họ viết lại bi kịch, để chúng không còn là những hướng dẫn vô thức cố định, gò bó đời sống. Để làm được việc này một cách an toàn, nhà phân tâm phải có một kiến thức sâu kín với “những cá tính nội tâm và viễn kiến riêng” đến từ sự phân tích và tự phân tâm lấy mình. Kết quả, nhà phân tâm phải phân giải hai người cùng lúc, người được phân tâm giải và ông hay bà phân tâm gia, với sự nhận biết toàn triệt rằng người được phân giải sẽ đưa cả hai trên hành trình, dẫn đến những nơi không biết trước và nguy hiểm cho cả hai. Trong mỗi buổi phân giải, sự việc cùng-chữa- trị sẽ xảy ra, nếu nhà phân tâm vẫn mở rộng tâm tình và không ngừng đặt câu hỏi.

Roy Schafer trong *The Analytic Attitude* gọi phân tâm học là “cuộc đối thoại” và tả nó như cuộc đối thoại tính truyện, trong đó câu truyện lẫn lộn và bao quanh về cái tôi, ta đã học để sống bằng cách đi lại kinh nghiệm ấy một cách tích cực trong sự chuyển nhượng và làm lại một cách khó khăn, thể như thế giới tính truyện của một nhà thơ sẽ là thế. Schafer nói rằng,

Người ta trải qua cuộc phân giải – người được phân giải – kể với nhà phân tâm về chính họ và những người khác trong quá khứ và hiện tại. Trong lúc làm việc diễn dịch, nhà phân tâm kể lại những câu truyện này. Trong lúc kể lại, vài đặc điểm được nhấn mạnh trong khi những đặc điểm khác được đặt trong ngoặc đơn; vài đặc điểm được phát triển xa hơn, có thể thông suốt từ đầu tới đuôi. Việc kể lại là một đường dọc theo phân tâm học... sự

phân chia trong nhà phân tâm và người được phân giải không cung cấp được vì cường độ ngày càng tăng, trong đó người được phân giải dần biến thành nhà đồng phân tâm những vấn đề của anh hay chị ấy và, trong vài liên quan nào đó, kể cả vấn đề của nhà phân tâm. Người được phân giải, chính thị, biến thành người kể truyện gan dạ và đáng tin hơn. (210-20)

Trong phần kết luận, chúng ta có thể nói rằng mục đích tối hậu của phân tâm học giúp người ta tự chữa bằng cách giúp họ trở thành những nhà thơ tính truyện hay hơn – với một khả năng tập quen để đổi những biểu tượng bí ẩn của triệu chứng ra ẩn dụ, và viết lại xung động và mục đích của những nhân vật nội tại của họ như thế nào, để tình tiết của đời sống có thể thay đổi tốt đẹp nhất, tùy theo hoàn cảnh thực tại cho phép.

Nguyễn Thi Ngọc Nhung dịch

Trong cuốn “After New Formalism” của Annie Finch

NGUYỄN TIẾN ĐỨC

ĐỊA NGỰC TREO

anh nghĩ tới cái địa ngục treo từ
 Z Gallerie nơi em chọn được một cụm
 hoa mầu tiết dê cô bán hàng có
 đôi mắt đợi cùng thắm mầu lân tinh
 cũng không biết tên hoa nhưng hoa đẹp
 đẹp như lá bài cơ trong xấp bài
 của bà thầy bói có tên hoa lan
 xem chỉ tay và bói bài cho em
 để đoán những điều gì sẽ xảy ra
 trong hành trình còn lại của kiếp người
 cuộc hành trình tới sở của anh hôm
 nay bắt đầu từ cột xăng Arco xe
 anh thì luôn luôn cạn xăng như xác
 lính trẻ bị vết cạn máu trong những
 trận địa tàn sát hãng Arco quảng cáo
 với hàng chữ Fill Smart anh tự hỏi
 không biết đổ cái gì cho mình thì
 được gọi là thông minh và đổ đầy
 cái gì cho trái tim để trái tim
 vẫn khao khát sống khi bị khoét khỏi
 lồng ngực mà vẫn đập đập mãnh liệt
 như tim rắn hổ bị khui ra ngâm
 trong ly rượu đế đỏ tanh mùi giết
 sống sự giết sống cũng bắt đầu từ
 khẩu Bug-B-Gon em mua ở Home Depot và
 anh đã dùng loại súng phun chất hóa
 học này phun chết một con sâu xanh
 nấp dưới cây hoa kèn mọc trước
 tượng cô bé chẵn chiên đứng cô đơn

dưới vòm hoa trắng trồng trước cửa nhà
 nó đã chết trước khi hóa thành bướm
 trước khi được tham dự vào cái hội
 mừng vũ trụ đang vào xuân ở đây
 bây giờ thì sự giết sống không chỉ
 xảy ra ở tầng thấp nó đã được
 nâng lên ở tầng cao ngoài sự tưởng
 tượng ghê gớm nhất của các thi sĩ
 anh muốn nói tới cái Twin Towers ở
 New York mà trong ký ức của anh
 đúng là cái địa ngục treo tạo bằng
 triệu tấn thép quấn tạo bằng cột khói
 ma làm đen những con hải âu ngực
 trắng như yếm lụa trinh nữ đang bay
 lượn bình yên trên vẻ đẹp của cầu
 Brooklyn tạo bằng khói bụi quỉ làm trắng
 những phụ nữ da đen đang chạy nửa sống
 nửa chết giữa lòng phố Manhattan kinh hoàng
 sự kinh hoàng ám ảnh đến độ trong
 cơn mơ dữ anh nhìn thấy rất rõ
 những con kiến cụt đầu đang loi ngoi
 giữa những trang kinh coran đặc sệt máu
 trẻ thơ những con chuột cống chết co
 quắp cạnh những con chuột của máy computer
 cả hai loại chuột đều bị thiêu sống
 lính của cả hai bên trong Một Thời
 Chúng Tôi Là Lính We Were Soldiers anh
 và em xem ở rạp Regal buổi tối
 đầu mùa xuân trong trận đánh xáp lá
 cà họ đã bị thiêu sống trong lửa
 bom xăng đặc và trong cơn mơ dữ
 anh cũng nhìn thấy rõ những giọt sữa
 ứa cùng máu trên đầu vú của một
 bà mẹ ôm con chết trên tầng cao
 những giọt sữa làm anh nhớ cuộc triển
 lãm khó quên của một nhà điêu khắc
 ở New York tác phẩm của ông là
 một dòng sữa chảy xuống một tảng đá
 ông cho rằng sữa mẹ là thứ tinh
 khiết và thiêng liêng nhất dành cho con
 ở tầng thấp những ngón tay anh cũng

sống sót qua những trận địa qua những
trại tù những ngón tay anh lừa vào
tóc em những buổi sáng lạnh mang hơi
ấm cho em những ngón tay như những
con ngựa bất kham chạy vào rừng đen
phủ đầy bóng tối mà bóng tối thì
không thể thiếu được trong ngày tận thế
tiếng kèn đồng kinh thánh sẽ ré lên
máu phủ biển bóng tối sẽ phủ đất
chúng ta cũng tồn tại trong bóng tối
chúng ta cũng yêu nhau trong bóng tối
có ca sĩ hát bài The Horse With
No Name như thế thì những ngón tay
anh cũng có thể là những con ngựa
không có tên như những đóa hoa mầu
tiết dê ở Z Gallerie không biết tên
chỉ biết mắt cô gái mầu lân tinh
đang đợi một cái gì rất cùng thắm.

NGUYỄN PHAN THỊNH

Ở MỘT THÀNH PHỐ ĐƯỜNG SÔNG

đi vẫn đường về bỗng hóa ra sông
sau cơn mưa người đắm ở hai lòng
thành phố tôi suốt những mùa bão vội
gió trong đầu và mặt đất dập dềnh.

trôi và trôi những mái nhà nuôi lũ
những cuộc đời không bến. những con đường
không dẫn về đâu. một thế hệ không
bình an. nhiều thế hệ không thương yêu.

người mà không thương người. người mà không
yêu nhau. em ê a học gì không
phải học làm người. em học làm giàu
em học mua học bán cả đời nhau.

đường hay ao và cầu hay vũng nợ
người hay ma nhập nhòa nghi hoặc nhìn
nhau trước hiên nhà? mình tin ai và
ai tin mình dù đi ngay giữa nắng?

và bão vội luôn luôn là cuồng bạo
những cánh rừng rên siết nát chân mây
những con lũ hung tàn vùi dập hết
hồn nhiên và lãng mạn cuối cùng này.

em yêu tôi và em yêu ai nữa
em là gì? mặt đất này phải chăng
còn đủ lâu đủ rộng cho người biết
thương người — để em thật yêu tôi...

5/2003

CƠN MƠ CUỐI

nàng nằm nghiêng không nằm ngửa
nàng đã chán bị đè dai
lịch sử mấy ngàn năm và
bao nhiêu năm này nàng đã

bị đè ngửa mặc dấy dựa
nàng đã chán bị lừa mị
bị tán tỉnh bị bông bẽ
bị đặt nằm ngửa nhìn lên

những hư ảo đều giả như
phim ảnh lướt trên trần nhà
trắng ố nhếch nhác kinh niên
và bầy thạch sùng mắt ố

nhồi trộn trừng ngắm nghĩa nàng
và tắc lưỡi tán thưởng khả ố
mỗi khi nàng quấy đạp rên
rỉ như mọi người đàn bà

như mọi người nữ trên thế
gian dưới thân xác đàn ông
trong lúc bấy chó dữ sủa
đều giả khắp bốn chân giường

trong lúc ba khỉ chúa nhẩn
nhở cười khục khục ngoài sân
và những đứa trẻ đuôi lợn
của một trăm năm cô đơn

eng éc vừa ỉa vừa ăn
và ôi dây thòng lọng vắt
ngang trời đông phương huyền
hoặc vây trong bốn mét vuông

nàng nằm nghiêng nàng nằm nghiêng
nàng nhìn ngang nàng nhìn ngang
thế giới thật rộng dài và
nàng lẫn mình trên bình nguyên

không núi non không hố thẳm
luôn luôn nhìn thấy chàng cũng
như nàng nằm nghiêng nhìn ngang
không sắp ngửa không dưới trên

trần nhà đang sụp đổ với
bọn thạch sùng gớm ghiếc ấy
mãi canh chừng cảm xúc nàng
mãi đếm giờ hạnh phúc nàng

đe dọa hoại thai con nàng
trên mặt đất xanh bình nguyên
sụp đổ hết tượng đài và
chôn vùi hết mọi thành quách

nhưng cuối cùng hình như nàng
lại đang nằm ngửa không nghiêng
nàng thấy ngôi sao số mệnh
một ngôi sao thành triệu ngôi

sao. trời đất đầy sao sáng
cùng với mặt trời chói chang
ô trời đất đầy sao sáng
cùng với mặt trời chói chang

mặc cho nàng nằm ngửa không
nằm nghiêng hay nàng nằm nghiêng
không nằm ngửa trong cơn điên
có thể là cuối cùng của nàng!

4/2003

ĐỨC PHỔ

KHI KHÔNG CÒN YÊU EM...

Khi tôi không còn yêu em không
có nghĩa là tôi sẽ yêu người
khác tôi chỉ biết rằng khi không
còn yêu em thì tôi sẽ trở

lại yêu chính bản thân mình giống
như ngày tôi chưa yêu em đâu
rằng tôi chưa hề yêu ai bằng
yêu em bằng tôi yêu chính bản

thân mình vì tôi vốn là một
sinh vật trần tục nhất trong những
sinh vật đã và đang hiện diện
trên quả địa cầu này chỉ tiếc

rằng khi không còn yêu em em
vẫn có thể yêu người khác giống
y chang như khi em đang yêu
tôi vì tôi chỉ là một sinh

vật giống đực mà trên thế gian
này chẳng thiếu gì những sinh vật
giống đực y chang như tôi đâu
tôi là người duy nhất yêu em!...

HOÀNG XUÂN SƠN

BỎ NHỎ

Tôi chơi tân hình thức. Mà chưa
mặn lắm. Bị ông chủ báo Thơ
nói dăm điều ba chuyện (không phải
là dụ dỗ) mà mình tròng vô

hồi nào không hay. Thế là tôi
chơi tân hình thức. Thử chút thôi!
Ủ thì thử. Mà mặn thì chưa
được mặn lắm! Có điều ở lâu

với đời cũ xem ra cũng nản.
Mà rút ra thì vẫn chưa đành.
“Bỏ thì thương mà vương thì tội”!
Ông Trần Văn Nam có hài ra

danh sách mấy tay làm thơ vẫn
đắm mình trong hai ba dòng xuôi
một lúc. (Trong đó hẳn có ta.
Muốn nhấm nháp một chút của lạ!)

Ông Trần bảo là góp sức đẩy
cho thơ tân hình thức đi tới.
Đẩy thật hay không sao ngựa vẫn
quen đường cũ. Vẫn thà thà thậm

thụt với cô em lẳng mạn cổ
 điển lục bát mạn mà sáu câu
 mùi rệu. Cũng muốn thay cái áo
 cũ bạn đã lâu mà biết làm

răng chừ! Cũng muốn làm mới làm
 mẻ cho giống bạn giống bè cho
 hợp tình hợp cảnh mà chừ biết
 mần răng chừ! Chẳng lẽ bắt chước

người xưa ngâm toán lên rằng “Thà
 cứ ở đây ngồi giữa chợ – uống
 say mà gọi thế nhân ơi!” (Ơi
 thế nhơn thiệt lắm điều lắm chiện!!!)

*

Thế mà rồi mình vẫn tiếp tục
 chơi tân hình thức dù nỗ biết
 mô tê luật Tắc luật Rì (Con
 trâu nghe hò Tắc hò Rì thì

phải trái chi đều quay được tuốt!)
 Tôi không quay tôi cứng đờ người.
 Mần thơ tân hình thức khó hay
 dễ là một điều gặm nhấm phong ba.

Ôi tân hình thức dễ mà khó
 khó mà dễ. Dễ như ai đó
 vẫn nghĩ là cứ viết tràng giang
 đại hải viết như là kể chuyện

đời xưa đời nay mà chẳng cần
 đầu cua tai nheo thọc bên nọ
 xọ bên kia ông đi sau bà
 đi trước miễn sao có tính truyện

là được. Người khó tính bảo thế
chẳng qua là một bài văn tồi
ai mần mà không đăng. Ngược lại
khi chủ ý viết một điều gì
ra hồn ra dáng thì mô có
thoát ra được miếng võ Tu Từ
(Tư Từ ngục-tù-khổ-ải?) mà
bà chị Thụy Khuê đã nhắc khéo.

Công phu mài dũa thì đành trở
về cổ điển lãng mạn cho xong.
Ôi!!?? Bây chừ biết mần răng chừ?
Thôi thì cứ ở trưa yên bề.

“Ngoảnh mặt sang Tề e Sở giận –
quay đầu về Sở sợ Tề ghen”.
Baphảibaphảibaphảiba
phải. Đừng ai ném đá à nhen!

cuối tháng hai không ba

INRASARA

CHUYỆN 40 NĂM SAU MƠI KỂ

Chuyện 1. Chạy dịch

Mẹ dắt anh chị em tôi đi trốn
năm sáu ba. Không đâu xa, mẹ dắt
qua nhà bà cô cách ba ngõ. Mẹ
nói: ngủ lại bà cô coi cú, tôi

biết mẹ dắt anh em tôi chạy dịch.
Cha kể: ngày xưa ông ngoại cống cha
chạy xa rất xa. Thời buổi này áp
chiến lược không đi đâu cả. Tôi nhớ

chị một tay ôm cứng chiếc áo *dhai*
cũ nát, Ngô tổng thống cấm Cham mặc,
một tay bế thẳng út đứng khóc nước
mắt hai hàng. Hôm nay thẳng út con

lớp sáu, áo *dhai* chả ai cấm, chị
vứt đi lâu rồi, chiến tranh chiến lược
dịch không còn. Chuyện 40 năm sau
mơi kể.

Chuyện 2. Ăn chữ

Tôi có thằng bạn mắc bệnh ăn chữ. Không thứ gì khác, hấn ăn sáng trưa chiều, hấn nhai ngấu nghiến. Vợ hấn khóc hai năm nay thôi.

Hấn ăn đủ các thứ nặng nhẹ
Nietzsche Khổng đến Sagan hấn
ăn tất tần tật. Hấn ăn từ
tổn chậm rãi. Thuở còn xà lỏn

tôi đã thấy ông lão làng tôi
ăn trắng với nước lã trừ bữa.
Trước nữa, cha kể, ông cố ngoại
tôi chạy càn Minh Mệnh đã đọc

kinh lễ, đốt thi phẩm Glang Anak
pha nước đáỉ trẻ uống thay vì
ăn chữ. Ông sống trên trăm tuổi,
cha nói, giòng ăn lạ chỉ sinh

một trong thế hệ bất kì đâu.
Cham không bao giờ tiết nòi ăn
chữ. Vợ hấn khóc sao trúng ngay
chồng em.

Chuyện 3. Chờ tàu

Có lẽ đã một trăm, hai trăm năm, và hơn thế nữa, ông đã chờ. Chờ những con tàu. Đến vào buổi chiều, như guru đã hứa.

Như bảy mươi năm trước, con ông đã chờ. Những con tàu. Chắc chắn sẽ đến, người cha nói. Người cha thì không thể nào dối con được.

Như bốn mươi năm qua, cháu ông chờ. Con tàu. Buổi chiều, sau giấc đóng chuồng. Họ chờ như thế, vẫn dằng dứng ấy trên mô đất ấy –

về phía biển. Những con tàu chắc chắn sẽ đến. Tổ tiên họ đã hứa thế, sách chép như thế. Họ không thể không chờ. Những con tàu

đến từ phía biển. Nổi cha truyền con nối. Mỗi khi có áp chiến lược, họ mới hết chờ, hết còn cơ hội chờ. Những con tàu đã

đến và bỏ đi, từ lâu rồi, có lẽ.

Chuyện 4. Sông Lu

Sông Lu chào đời cùng tôi năm Đinh
Dậu. Hai mươi tháng hạn, sông Lu nằm
phơi thân trầm dòng vào lòng đất. Sông
Lu chảy quyết liệt lúc tôi vỡ tiếng

nói đầu đời, sông Lu ẩn mình trong
tôi khi tôi bỏ làng đi lang bạt,
lần nữa sông Lu lại ra đời với
tôi, ngày trở về. Đừng ai hỏi sông

Lu ở đâu, đất Phan Thiết sông Lu
lớn dậy, sông Lu chảy ngang trời Sài
Gòn, bay Tokyo, tắt
Baghdad, hát cùng sông Euphrates.

Sông Lu ngã bệnh, chết khát. Như tôi.
Sông Lu giận dữ, gào thét hay rì
rầm kể chuyện. Sông Lu khô – cháy, sông
Lu đầy – tràn, sông Lu nung nóng đôi

cát hay sông Lu tự vỡ bờ, chở
phù sa bồi ruộng đất quê hương. Cả
khi sông Lu bị con người biến thành
thứ mương tháo vô dụng, sông Lu vẫn

miệt mài mang phù sa đổ vào biển.
Sống như là mang phù sa đổ vào
biển.

Chuyện 5. Sống lùi

Tôi sống trong cộng đồng mà mọi thứ
đều lùi. Những cái cây mọc lùi nhỏ,
nhỏ dần vào hạt mầm, tận kiếp trước
của hạt mầm. Những con sông chảy lùi,

rất xiết. Thằng bạn tôi, đám cháu của
tôi, anh em cha mẹ tôi đi thụt
lùi, bé, bé đại dần. Tôi đứng nhìn
họ, bất lực. Không thể níu. Những ý

tưởng thụt lùi về cổ sơ, bản chép
tay mọc thêm trang lật lùi như thể
hết làm thất lạc. Ngôi nhà cô hàng
xóm thuở bé thơ đã đổ nát được

dựng lại. Những giọng nói quen và lạ
bay lùi vào chiều vào trưa vào đêm,
gọi dậy oan hồn tu sĩ, tiếng thét
đại ngộ đánh thức loài hổ mang thần

thoại trườn đổ một góc rừng. Trận lốc
thổi lùi bóc từng lớp trầm tích lộ
thiên bat ngàn, thành phố cổ triệu triệu
viên gạch vụn lành lặn trở lại dựng

mênh mông cụm tháp xum xuê, bàn tay
vẫy môi cười màu áo làng mạc tiếng
qua kêu lũ chim bay lùi vào vòm
nắng. Một mình tôi đứng cô độc. Đứng

thôi mà như đã bước tới ghê lắm
rồi.

KIM YẾN

CHÓ VÀ MÈO TRONG KHU PHỐ ẢO

Hoặc sáng, hoặc tối, hoặc ban ngày,
hoặc ban đêm, hoặc mưa, hoặc nắng,
hoặc mùa hè, hoặc mùa đông... Bất
cứ lúc nào, lúc nào cũng như

lúc nào, cứ bước chân ra khỏi
nhà là tôi thấy mèo... Mèo... Mèo...
Và mèo... Đủ các loại mèo của
tôi. Vàng, trắng, đen, tất nhiên rồi.

Và mờ mờ, nhờ nhờ, ngà ngà,
nâu nâu, và ngăm ngăm, cà phê,
và ô lừ nữa. Và tam thể,
nhị thể. Và mướp hoặc không mướp,

xoăn hoặc không xoăn, xù hoặc không
xù, hoặc lông dài, hoặc lông ngắn,
hoặc tai thẳng, hoặc tai cụp, hoặc
mũi khô, hoặc mũi ướt, hoặc vuốt

cùn, hoặc vuốt sắc... Vân vân... Và...
Vân vân... Toàn những mèo... và mèo...
Những con mèo của tôi, ngoan hoặc
không ngoan, lười hoặc không lười, hay

chuột hoặc không hay chuột, hiền hoặc
không hiền, dễ thương hoặc không dễ
thương... Vân vân... Và... Vân vân... vẫn
vẫn vợ vợ, đi đi lại lại,

lang thang khắp các đường lối, vạ
vật khắp các ngõ ngách, ẩn ẩn
hiện hiện khắp các xó xỉnh, để
cứ mỗi lần bước chân ra khỏi
nhà là tôi gặp.

Hoặc sáng, hoặc tối, hoặc ban ngày,
 hoặc ban đêm, hoặc mưa, hoặc nắng,
 hoặc mùa hè, hoặc mùa đông... Bất
 cứ lúc nào, lúc nào cũng như

lúc nào, cứ bước chân ra khỏi
 nhà là tôi thấy đủ các loại
 mèo... và chó... Những con chó của
 tôi có lúc ham chơi, thích nghịch

vỏ bao thuốc lá, nhay hộp bia,
 lăn những vành bánh xe hổng, có
 lúc hiếu động, thích chơi bóng da,
 gặm khúc gỗ, cái khăn hoặc cuộn

dây, thích kéo co với một sợi
 cao su và đặc biệt là thích
 đuổi bắt cái bóng của chính nó.
 Nhưng những con chó của tôi cũng

có lúc hay âm ỉ về những chuyện
 hết sức vớ vẩn, hay phật ý
 về những chuyện hết sức vặt
 vãnh, hay tự ái về những chuyện

hết sức ngớ ngẩn... Vân vân... Và...
 Vân vân... Để rồi cuối cùng hay
 sửa nhặng xì lên gâu... gâu... gâu...
 về những chuyện hết sức dẫu

dẫu, hết sức trời ơi đất hỡi.

Thỉnh thoảng tôi cũng chột buồn về
 những con chó... Những con mèo của
 tôi uống rượu mạnh không bao giờ
 lắc lư. Những con chó của tôi

uống cà phê không bao giờ là

không lắc lư.

THIÊN NGÀ

Dù đã phân thân
nằm gọn trên những
cái đĩa và những
cái bát lớn, giữa

ngổn ngang măng, miến,
mộc nhĩ, nấm hương,
chanh, ớt cùng đủ
thứ gia vị cuộc

đời, thiên nga vẫn
làm ta suy nghĩ.
Về cái tên và
vẻ đẹp kiều diễm

của nó. Về những
quãng sông, những mặt
hồ yên ả mà
nó vẫn bơi lội.

Về sự sống và
cái chết của nó.
Và cuối cùng là
về chính bản thân

con người chúng ta.
Tại sao chúng ta
vẫn có thể ngồi
đây để chén thịt

một con thiên nga
như thế này nhỉ?

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

STRESS

Stress nặng nề, tôi rời bỏ căn phòng
của mình đi xuống phố, trong bụng không
chút xiu gì như con mèo của nhà
ai từ hôm qua đến giờ cũng không

chút xiu gì trong bụng. Mưa và gió,
những con đường ướt như chuột lột, những
hàng cây rùng mình run rẩy, cũng như
tôi rùng mình run rẩy. Trên một hẻm

phố có con chó hoang thất thểu lê
từng bước trong mưa như chính mình tôi
cũng thất thểu lê từng bước trong mưa.
Đi về đâu hỡi em, tôi chợt hát

khi đến trước một ngã tư đường, nơi
những đèn đỏ đèn xanh đang lập lập
loè loè, có cô gái ở đâu đứng
phân vân, tần ngần chẳng biết rẽ ngã

nào như hết tôi không biết rẽ ngã nào.

ĐIỀU CHUNG NHẤT CỦA ANH TÔI

Anh tôi, nói chung chẳng bao giờ
hiểu tôi, lại càng chẳng bao giờ
hiểu những gì tôi viết. Mà viết
cái gì mà lung ta lung tung,

chẳng ra đâu vào với đâu, chẳng
giống ai, cũng chẳng giống cái gì...,
anh bảo tôi thế. Nhưng anh vẫn
không ghét tôi. Anh còn quý tôi

là đằng khác. Và có điều buồn
cười là tôi viết cái gì anh
cũng đọc. Bảo rằng, để xem xem
là tôi viết cái gì. Để rồi

lần nào cũng bảo rằng chẳng biết
là tôi viết cái gì. Để rồi
không vì thế mà đâm tự nhiên
ghét tôi, không vì thế mà tự

nhiên đâm mất cảm tình với tôi.
Thỉnh thoảng hứng lên anh lại mời
tôi sang làm chén rượu và vẫn
hay vừa cười cười một cách rất

chân thật, vừa nhìn nhìn một cách
rất tha thiết vào mắt tôi mà
bảo rằng: Thế nào rồi tao cũng
phải viết cái gì. Viết những cái

mà tao đã ấp ủ từ lâu
lắm. Nhưng có điều là tao sẽ
chẳng bao giờ viết như mày. Mày
viết cái gì mà chẳng ra đâu

vào với đâu. Mà y viết toàn những
cái khó hiểu bỏ mẹ lên được.
Nhưng là tao nói thế thôi. Chứ
không phải vì thế mà tao tự

nhiên đâm ra ghét mà y. Bọn tao
đâu có ghét mà y nhiều.

ĐOÀN MINH HẢI

KINH THẢN NHIÊN

Thản nhiên ngồi nhìn ngọn lửa từ cây
nến... thản nhiên ngồi nhìn lửa từ trăm
cây nến... thản nhiên ngồi nhìn ngọn lửa
bốc lên từ một mái nhà... thản nhiên

ngồi nhìn lửa bốc lên từ một mái
chùa.. thản nhiên ngồi nhìn ngọn lửa cháy
từ một đỉnh nhà thờ, từ một xóm

đạo... thản nhiên ngồi nhìn lửa lan rộng
bốc cao từ những cánh rừng, ruộng đồng
và thản nhiên ngồi nhìn rồi nằm lẩn
ra khoái trí khi thấy lửa cháy cả
một giải đất nước mà người ta thương
gọi là quê-hương... Nhưng ai đã ngồi
nhìn rất thản nhiên và ai đã đốt
lên ngọn lửa ban đầu.

300403

RU

Em vẫn ngủ ngoan trong tim anh đấy
chứ và hãy thở thật đều...thật đều
bây giờ anh ngồi đây với lá mùa
thu...lá mùa thu đã đuổi theo anh

từ Bắc vào Nam, đuổi anh ra mé
biển nhưng biển rì rào khuynh anh nên
ở lại với quê nhà, như em vẫn
ngủ ngoan trong tim anh đấy thôi.

Cây xoan trước nhà thả những hoa tím
bay vào cửa sổ cho em tôi ngủ
ngonan hơn, say hơn những lần khác
anh muốn em cứ ngủ ngoan trong tim

anh như thế suốt một đời em và
cả một đời anh cho hai ta không
bao giờ hiu quạnh cô đơn. Hãy cứ
ngủ ngoan đi em và hãy cứ nằm

ngủ bình yên trong tim anh như thế...

cho Bích-Dung
Saigon 280103

CHÂN GIÓ

Mỗi người chỉ có hai chân, hai chân
bước đều hay hai chân đều bước, có
khi chân này bước mà chân kia lui
và chân này lui nhưng chân kia bước.

Nhiều lúc đang đi chân trái bỗng muốn
ngoặt về phải và chân phải quẹo hẳn
về trái, cũng có lúc chân phải bước
sang chân trái và chân trái lại cứ
bước sang phải. Có khi đang bước thì
chân phải bảo ngừng mà chân trái cứ
bước và khi chân trái đã ngừng lại
rồi mà chân phải không ngừng được...

Rồi cũng có lúc hai chân muốn ngừng
mà vẫn cứ bước rồi cùng bước đều
và đều bước. Và cũng chỉ có hai
chân thôi mà đôi khi chân này dẫm
lên chân kia và chân kia đạp lên
chân này cứ thế mà nhào đầu chống
đít lên trời...

Tặng anh Khế-Iêm
Saigon 150802

KHẾ IÊM

CÁI CHẾT TRÊN TRUYỀN HÌNH

AP. — BÀ *ROSA GONZALEZ* THẤY XÁC CON XUẤT HIỆN TRÊN TRUYỀN HÌNH Ắ RẬP *AL JAZEERA* VÀO SÁNG CHỦ NHẬT, VÀ HÔM SAU NHẬN ĐƯỢC GIẤY BÁO CON BÀ TỬ TRẬN. HẠ SĨ *JORGE A. GONZALEZ*, 20 TUỔI, TIỂU ĐOÀN 1 TRUNG ĐOÀN 2 PHÁO BÌNH, LỮ ĐOÀN THỦY QUÂN LỤC CHIẾN VIỄN CHÍNH HOA KỲ, CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA, CÓ VỢ *JUZTY*, 25 TUỔI, VÀ ĐỨA CON TRAI *ALONSO*, CHÀO ĐỜI NGÀY 4 THÁNG 3 NĂM 2003, VÀI TUẦN TRƯỚC KHI ANH LÊN ĐƯỜNG SANG CHIẾN TRƯỜNG TRUNG ĐÔNG. BẢN TIN CHẤM DỨT. CHẤM DỨT. IM LẶNG. KHÔNG THỂ IM LẶNG. VÀ BÀI THƠ, ĐỌC ĐỀU ĐỀU NHƯ MỘT BÀI KINH CẦU...

Người đàn bà nhận ra cái chết của
con mình trên màn hình nhưng không tin
con mình đã chết, và dù rằng một
tin báo tiếp theo như cơn bão tiếp

theo về cái chết của đứa con, bà
vẫn không tin điều mình đã thấy; không
ai nhận được tin báo và nhìn ra
cái chết của con bà và cũng không

ai thấu được nỗi đau ngay cả chính
bà vì đó chỉ là cái chết dở
đang trên màn hình và trong tin báo,
và nỗi đau chỉ là nỗi đau dở

đang; như vậy câu chuyện hư thực về
đứa con của thời chinh chiến cứ tiếp
tục được kể đi kể lại không bao
giờ chấm dứt như nỗi đau không bao

giờ chấm dứt trong lòng bà; con của
bà đã chết hay chưa chết, không ai
có thể biết được gì đằng sau cái
chết của người lính trẻ có người vợ

và đứa con sơ sinh, khi lớn lên
không thấy cha đâu ngoại trừ lá thư
còn lưu lại “Và nếu con có thể
chờ, chỉ ít lâu thôi, cha sẽ trở

về”; “cha sẽ trở về”; không ai hiểu
được gì ngoài người đàn bà đang ngậm
nỗi đau chờ đợi một cái chết khác,
của chính mình, để mong gặp lại đứa

con đã quên mất con đường trở về,
và bà cũng dần dần quên mất, đã
hơn một lần bà không tin điều mình
đã thấy, về cái chết của đứa con.

Ngày 27 tháng 3 — 2003

A DEATH ON TELEVISION

Translated by Do Vinh

AP. — MRS. *ROSA GONZALEZ* SAW HER SON'S BODY ON THE ARAB NEWS-CHANNEL AL-JAZEERA ON SUNDAY MORNING, AND THE NEXT DAY SHE WAS NOTIFIED THAT HER SON HAD BEEN KILLED IN ACTION. "I SAID POOR, POOR BOYS. THEY FELL THERE. BUT WHEN I SAW THE FACE, IT WAS THAT OF MY SON," CPL. *JORGE A. GONZALEZ*, 20 YEARS OLD, WAS ASSIGNED TO THE 1ST BATTALION, 2ND MARINE REGIMENT, 2ND MARINE EXPEDITIONARY BRIGADE, IN CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA. MARRIED TO *JUZY*, 25 YEARS OLD; HIS SON *ALONSO*, BORN MARCH 4, 2003, SEVERAL WEEKS BEFORE HE WAS DEPLOYED FOR COMBAT IN THE MIDDLE EAST. END OF NEWS FLASH. END. THE END. SILENCE. CAN NOT BE SILENT.

AND A POEM, READ
RYTHMICALLY,
LIKE A
PRAYER...

The woman sees the death of her own son
on the screen but does not believe that her
son is dead, and even though the news came like
a storm about the death of her son, she

does not believe what she saw; no one received
the news and recognized the death of her
son and she also could not understand
even her own pain because that is only

a partial death on the screen and in the
news, and the pain is only a partial
pain; the story both real and unreal
about a son in times of war continues

to be told without ever quitting like
the pain shivering in her heart; her son
dead or alive, no one could know what is
behind the death of a young soldier leaving

a wife and a newborn child growing up
without a father other than a letter remaining
“And if you can wait just a little longer,
I’ll be there as soon as the war ends.”

“I’ll be there”; no one could understand
except the woman swallowing her pain
waiting another death of her own in
order to be with the son losing the

way home, and her memories fading for
more than once she does not believe what
she saw — the death of her son.

March 27—2003

Ghi chú của tòa soạn:

Chúng tôi đăng bản dịch của nhà thơ Đỗ Vinh, với mục đích để bạn đọc nắm được tinh thần bản tin trong Anh ngữ, đồng thời làm rõ thêm nhịp điệu của nguyên bản tiếng Việt.

CON ĐƯỜNG NGƯỜI ĐÀN BÀ

“Intuition” (Trực giác), tiếng hát Jewel:

I’m just a simple girl / In a high-tech digital world /... In a world of postmodern fad /... Follow your heart / Your intuition / It will lead u in the right direction /... U learn cool from magazines / U learn love from Charlie Sheen /... You’ve got somethin’ that you’re wantin’ to sell. Sell your sin, just cash in...

Nữ ca sĩ Jewel Kilcher sinh năm 1974, cũng là một nhà thơ với 3 tập thơ “A Night Without Armor” (1998), “JewelStock ‘96” và “Pieces of You”. “Intuition” là nhạc phẩm thuộc loại top hit hiện nay, lời Jewel, nhạc Jewel và Lester A. Mendez, âm hưởng và nhịp điệu đầy quyến rũ và ma thuật, do Jewel hát và trình diễn. Bạn đọc có thể tìm nghe trên internet.

Bài thơ “Con Đường Người Đàn Bà” lỡ mượn lời Jewel nên đã cuốn theo bài hát “Intuition”. Âm mưu bại lộ, làm bài thơ trở nên vụng về thô thiển, chỉ trơ ra (không dấu điểm) những chi tiết có thực và không thực: “Freeway 22, hướng Tây”, “Bán mọi thứ tội lỗi bằng tiền mặt” (cóp ý của Jewel) là có thực. Còn các chi tiết khác đều không thực hoặc không chắc có thực. Phần thơ nói, đến đây tạm chấm dứt vì nếu không, sẽ vướng vào một âm mưu khác, cố tình làm tan biến bài thơ.

Lấy freeway 22, hướng Tây,
lối ra, đường Người Đàn Bà, quẹo
trái, hẻm thứ 3 bên phải, nhà
thứ 3 lầu 3, gần đền Thánh.

Từ nhà tới điểm hẹn không quá
30 phút lái xe, phải canh
đúng tốc độ để không sớm không
muộn, vì điểm hẹn luôn luôn thay

đổi vị trí giờ giấc, dù rằng
vẫn nằm trên con đường Người Đàn
Bà. Con đường Người Đàn Bà, qua
bản đồ, dĩ nhiên ai cũng biết,

nhưng ở vào trường hợp không có
điểm hẹn, thì con đường Người Đàn
Bà không còn là con đường Người
Đàn Bà mà là một con đường

khác. Không ai biết con đường Người
Đàn Bà là gì – một ảo ảnh,
một điểm mù, hay chỉ là một
ký hiệu – nếu không một lần đi

tới bởi đó là nhịp điệu sống
động của đời sống phóng dăng, đường
phố, không kiểm chế, không ẩn dụ...
“Bán mọi thứ tội lỗi bằng tiền

mặt.” Và tôi đã có lần đi
tới con đường Người Đàn Bà, chỉ
một lần thôi, nhưng bây giờ, rất
nhiều lần sau đó, lấy freeway

22, hướng Tây, đi mãi mà
vẫn không thấy lối ra, con đường
Người Đàn Bà. Con đường Người Đàn
Bà, đâu đó, không bao giờ...

Độc Thơ Tân Hình Thức

Nguyễn Lương Ba

Bài thơ “Khanh” của Đỗ Kh.

Thật rất khó để phân tích một bài thơ hiện đại. Mọi biểu lộ văn chương với yếu tính là mỹ học luôn có tính cách xã hội bởi sự đón nhận hay sự kết án do những giao tiếp của nó với mọi người khác nhau vây quanh nó. Lịch sử văn chương là lịch sử của sự thanh trừng. Và kinh nghiệm sáng tác hầu như đối kháng lại cảm quan của quần chúng. Người ta thanh toán nhau bởi vì không ai cùng chấp nhận một tiêu chuẩn chung để cùng phán đoán một giá trị. Và những người sáng tác lại cứ miệt mài tìm kiếm những gì chưa có, chưa ai nói đến. Cảm tính mỹ học, chính là sự ngưỡng mộ (*Le sentiment esthétique, c'est l'admiration*) (R.Bayer, *Traité d'esthétique*, Paris, A.Colin, 1956). Do đó tác phẩm văn chương sẽ tác động lên người đọc không phải theo cảm tính mà theo tiến trình lãnh hội của người đọc và dĩ nhiên, tác phẩm văn chương sẽ không tự bày tỏ mà sẽ bày tỏ tùy theo nỗ lực khám phá của người đọc. Thơ cũng vậy. Thơ Tân Hình Thức với những sự kiện được mô tả sẽ trở thành những hiện tượng vì thật ra những phán đoán giá trị nói cho cùng chỉ là những phán đoán sự kiện mà thôi. Sự kiện qua người sáng tạo, qua tác phẩm văn chương sẽ trở thành những hiện tượng và sẽ được đánh giá. Vận dụng ngôn ngữ đời thường mô tả cuộc sống, cắt nghĩa thực tại, kể chuyện... sẽ bày ra một chuỗi các sự kiện, mỗi sự kiện đều mang một giá trị tự tại như là yếu tố tiên khởi của văn

chương. Và người đọc muốn lãnh hội phải chọn lựa về cái ý nghĩa của sự kiện đó. Vì thế có thể xung đột. Nhưng bài thơ thành hình thiết yếu phải gửi tới kẻ khác, vừa là một biểu lộ, vừa là một đón nhận. Ngay cả những biểu lộ bị chia cắt, bị nghi ngờ, bị la ó vẫn có một cách thế riêng tác động lên sự biến hóa của xã hội. Bởi vì văn chương xuất phát từ mọi cảnh đời. Sự chao động của đời sống kéo theo những chuyển động của văn chương.. Và làm thế nào lại có một cái nhìn độc nhất, trơ cứng không chú ý đến những nguồn năng lực mới đang góp phần vào sự vận chuyển của xã hội. Văn chương trở thành một hiện tượng là như vậy. Nhà thơ Đỗ Kh. chú ý đến khía cạnh tính dục trong thơ của ông, không phải dựa theo ý nghĩa mà theo khả năng của chúng. Khả năng đó là lột bỏ các che đậy theo cách thế của sự vật. Hẳn là ông viết không phải vì lạc thú của ông hay là lạc thú của kẻ khác mà rõ ràng là ông muốn thay đổi. Cùng là một sự vật nhưng ông gọi tên khác đi và ông hy vọng rằng chúng sẽ thay đổi dưới mắt ông. Đó chính là những biểu tượng của trạng thái văn chương có được từ cảm nhận của một thi sĩ. Quần chúng có thể cảm động, cũng có thể phản nộ vì hoặc là đưa mình đến với những cảnh đời đó, hoặc là đưa những cảnh đời đó về chung quanh mình.

Em giận anh thì cũng đã
phải. Em còn nhìn anh thì em rộng
rãi. Đam mê chẳng có bao
nhiều, đời người đụ mà sướng cũng chẳng
có nhiều, được vậy, thật tình
là anh đã không biết yêu em nhưng
mà cũng đã có biết mê
hết chuyện rồi, xin lỗi thì em không
cần, và cũng không đúng, nhưng
mà phải biết ơn. Một lần cũng phải
biết, nói gì vài năm đó,
đâu phải nhỏ. Anh nhớ rất rõ. Cái
lưỡi, cái lồn, cái vú, bàn
tay. Cám ơn em vừa rồi bên cạnh
xe, đã để anh ôm, đặt
bàn tay lên đít ấm. Để nhắc lại,
nhớ đến, định giá đúng, bụng
sụt sùi và đầu ngực rung động. Chẳng phải
để yêu em lần nữa, chẳng
ai chịu và chẳng ai cho, để nhìn
lại đúng tầm mức cái đã
qua, đã có, bấy nhiêu trong một đời
là đã đủ, đã nhiều. Những cơ
bắp âm đạo co dãn, một cái chớp

mắt đâu phải là dễ kiếm,
 đầy hay mỏng hàng mi. Bấy nhiêu trong
 đời là đã quá thừa. Cái
 thừa là cái sang trọng. Thừa cơ lên
 bước ra đi. Cái thiếu là
 cái khốn cùng. Anh không còn thiếu em
 nữa, thật là vậy, lúc khó
 đã qua. Anh không còn nghèo em từ
 dạo đó, từ lâu. Giờ anh
 giàu em. Cám ơn em đã cho anh
 sang. Cám ơn em đã cho
 anh ở công tử vung vãi chẳng biết
 điều. Anh nhớ.

Bài thơ là một thử thách về đời sống tinh thần. Chuyện tình của ông tạo ra một tư thế mới đối nghịch với những quan niệm có sẵn. Người ta dấu diếm nhưng ông thì phơi bày. Nó đặt ra mối tương quan thân thiết giữa thực trạng xã hội và biểu lộ văn chương. Con người vẫn không ngừng là thân phận con người, hấn bị va chạm thường xuyên trong cái biện chứng nhân loại (dialectique humaine) và văn chương là phải vận động xã hội với một ý thức mở ra, phóng tới, nói về một thực tại xã hội đứng trên những tác động biến đổi nền văn chương đó.

Những tập thơ Tân hình thức

Các nhà thơ khi đến với thơ Tân hình thức có thể đã có cùng một mục đích. Đó là:

- Nói lên một cách có ý nghĩa các sự việc diễn ra trong một thế giới rộng lớn hơn.
- Diễn đạt qua mọi hình thức nghệ thuật khác nhau, kết hợp được giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại.
- Dùng ngôn ngữ đời thường mang không khí truyện kể đến người đọc.
- Áp dụng Thơ không vần và Hiệu ứng cánh bướm qua các biểu tượng và chủ đề vừa thu tóm sự đời vừa mở ra một sự đời mới.

Như vậy thơ Tân hình thức diễn tả tự nhiên, ngôn ngữ không bị ức chế hoặc vụng về lúng túng. Bút pháp chỉ định một thái độ của người làm văn chương trước cuộc đời. Do đó văn chương phải được dựng xây, phát triển trong tương giao gắn bó thiết tha đến toàn bộ đời sống. Người làm thơ trước tác phẩm thi ca của mình cũng không thể ở trong một cảnh ngộ tách rời với mọi người và công trình sáng tạo của nhà thơ thật ra là một

thiên tính đến từ mọi người. Trong khía cạnh ấy, thơ bao giờ cũng nói lên một ý nghĩa nào đó và sẽ được tác thành trọn vẹn hơn bởi người thưởng ngoạn qua những ý nghĩa được bao hàm. Thơ Tân hình thức trở về với ngôn ngữ bình thường, sử dụng âm điệu nói tự nhiên sẽ mang lại một ngôn ngữ thơ đặt biệt tiếp cận với người đọc. Và khi sử dụng các thể 5, 7 hoặc 8 chữ là một khái niệm hoàn toàn mang tính mỹ cảm hay là sự đồng nhất giữa ý tưởng và hình thức sẽ tiếp tục thúc đẩy các nhà thơ trên con đường sáng tạo để trở về với đời sống con người mà hơn bao giờ hết với thế kỷ 21 tràn đầy biến động, từ khủng bố qua bệnh tật, từ chiến tranh hủy diệt đến phân tán ý thức hệ, từ nghèo đói đến thiên tai, từ bạo động đến suy thoái gia đình đang đẩy thế giới vào những xáo động ghê gớm chi phối toàn bộ đời sống của mọi người. Một quan niệm như vậy làm xuất hiện một nhân quan mới để diễn dịch những ý nghĩa mới. Các nhà thơ tự chọn cho mình một ý nghĩa (như Diễn Đàn Thi Giới Chống Chiến Tranh/www.thigioichongchientranh.org). Và đây cũng là thời điểm cho các nhà thơ với những đặc điểm của thơ Tân hình thức — một hình thái hoạt động tinh thần tích cực — để khai mở những ý nghĩa, đi tìm các thuộc tính của xã hội. Nói rằng thơ Tân hình thức có đặc điểm là vì khi trở về với ngôn ngữ nói thông thường là một cách nhìn nhận xã hội như một biểu lộ đời và người. Do đó mỗi người phải chuẩn bị cho mình hai con đường: từ ngôn ngữ đến đời sống và từ đời sống trở về ngôn ngữ. Dấu cho ngôn ngữ có thể là ngưỡng cửa của im lặng vì ngôn ngữ không bao giờ nói hết. Tuy nhiên giá trị của ngôn ngữ là thiết lập một phạm trù ý nghĩa đưa đến những hoạt động của đời sống xã hội, diễn tả và xây dựng như là một tập hợp những hoàn cảnh cá nhân và tập thể trong ngôn ngữ.

Kể từ mùa xuân năm 2000, lần đầu tiên khái niệm về thơ Tân hình thức được đề cập đến trên *tạp chí Thơ* đã đánh dấu một khúc ngoặt trong nền thi ca Việt. Và cho đến nay thơ Tân hình thức đã trở thành một dòng thơ như một tác động nhằm đưa con người trở về đời sống hiện thực vừa dung hoà những âm vang của nền thơ cổ điển và những khát vọng về một nền thơ hiện đại nhằm xoay chuyển và biến đổi những giá trị được sáng tạo theo một nhịp chuyển động mới. Những sáng tác mới về thơ Tân hình thức được đông đảo các nhà thơ trình bày thường xuất hiện trên *tạp chí Thơ* (mỗi năm 2 số, xuất bản tại Hoa Kỳ). Đây là giai đoạn khởi đầu với những nhà thơ nổi tiếng trong sinh hoạt văn chương và có nhiều kinh nghiệm trong nhiều thể thơ khác nhau. Đến với thơ Tân hình thức như một thử thách bản thân về sự tìm kiếm những giá trị mới. Họ đã cho xuất bản những tác phẩm thơ Tân hình thức và cũng đang chờ đợi sự đóng góp từ phía độc giả. Xin được giới thiệu 3 tác phẩm sau đây:

26 Bài Tân hình thức của Lưu hy Lạc

Đây là tập thơ Tân hình thức đầu tiên được in năm 2002 do *Giọt Sương*

Hoa xuất bản tại hải ngoại. Ông là một nhà thơ có một không khí riêng để thở. Nhịp điệu trong thơ của ông nhanh, thường diễn tả về những mặt trái của cuộc sống pha lẫn những thúc bách tình cảm như một người có tâm lý bị ức chế. Là người “đi lòng định mệnh”, như một bài thơ ông đã viết trong tập “Yên Đi” (Lưu hy Lạc — *Tập chí Thơ* xuất bản 1999), thơ ông mang đến những cảnh đời bụi bặm, đường sá thậm chí lộn bại, nhố nhăng. Ông dùng ngôn ngữ bình dân, mang vẻ nhậ nhệ hàng quán đến với thơ trong cái phần xù xì, xấu xa của cuộc sống:

ngày nào giáp mặt nhau
tôi sẽ lên giọng thầy
chùa này em ơi nhỏ
nhẹ giùm đi đứng phải

biết dấu cái giọng thầy
đời này ai cũng biết
dè xẻn đúng lúc tay
bắt mặt mừng mừng tủi

tủi cái giọng thầy chùa
này tuổi này tên này
sao còn mở miệng lên
giọng thầy đời này ai

cũng phải biết ăn miếng
trả miếng lại cũng giọng
thầy đời này còn khổ
hơn chó tóm lại hơn

thua chả ăn thua gì
thì ngày nào giáp mặt
nhau nhắc nhẹ giùm đi
đứng lên đi về cũng

phải biết đừng tưởng bỏ
cái giọng thầy chùa ở
đâu đấy ở yên đi

Bốn Thôi

26 bài thơ của ông xoáy sâu vào nhiều vấn đề xã hội với những câu chuyện thông thường xảy ra chung quanh chúng ta. Bằng một giọng kể trực tiếp với những câu được lặp lại nhiều lần như một nhịp điệu vừa tự trào vừa chua chát. Đó là một đặc điểm trong thơ của ông.

Đại Nguyên của Đá của Đoàn minh Hải

Đây là tập thơ Tân hình Thức đầu tiên được xuất bản ở trong nước. In năm 2002 tại Sài gòn. Tựa Khế Iêm. Bìa và trình bày Trần tiến Dũng. Thơ của Đoàn minh Hải chất chứa nhiều kỷ niệm. Phơi bày tâm trạng của ông về gia đình, về đất nước và về bản thân. Ông tự ví mình như hòn đá, một thân phận bị chai lỳ. Vì thế thơ của ông diễn tả về những cảnh đời hẩm hiu, đau khổ, an phận. Ông nói chuyện về họ như đá nói chuyện với đá:

Cơn mưa vừa dứt mặt đường loang loáng
nước như vết đèn pha quét trên lô
cốt người đàn ông ăn xin đứng trú
mưa trước hiên nhà, nghiêng mặt chăm chú

ngó những giọt mưa nghiêng nghiêng gió bạt
cố thu mình tránh cơn gió buốt lạnh

đến thế này thì đá tảng cũng nhồi
máu cơ tim, đá tảng cũng xuất huyết
não, đá tảng cũng tai biến mạch máu
não, đá tảng cũng khô não, liệt não...

Đá Cụt

Thường bắt gặp những hình ảnh đau buồn trong thơ ông, những con người bất hạnh luôn là đề tài được ông khơi dậy nói lên cái bi thảm trong cuộc sống:

Người đàn bà mù bán vé số trên
đường Tự Do — Đồng Khởi. Chị cứ bán
suốt đời mẫn kiếp, chị cũng vẫn mù
chị không thể nhìn thấy tôi, không thể
nhìn thấy mọi người mà tôi thì cứ
phải trông thấy chị đứng trên lề đường
Tự Do — Đồng Khởi tay đưa ra những
tấm vé số mời ông đi qua mời
bà đi lại...

Đá phóng sinh luân hồi

Qua thơ Tân hình thức, ông cũng mang đến những tình cảm tha thiết về tình yêu thương gia đình con cái trong cái đạo nghĩa của người Việt Nam:

khi các con thấy được những dòng sông
khe suối hay thác đổ, đó là những
lúc ba mẹ đang rửa chân tắm mát
cho các con dù ngay bây giờ các

con bắt đầu ra đi hay ngày các
con trở về. Ba mẹ lúc nào cũng
là những vòm mây trắng bay theo,
đầu cho suốt cuộc đời này chỉ là
cơn gió thoảng...

Mừng mà buồn, Buồn mà mừng

Đối với Đoàn minh Hải, có lẽ thơ Tân hình thức đã cho ông nhiều cơ hội hơn để trình bày về những điều ông đã ấp ủ từ lâu.

Gene Đại Dương của Hà nguyên Du

Năm 2001, nhà thơ Hà nguyên Du cho xuất bản tập thơ “Anh biết, em yêu dấu”. Ông được các nhà phê bình đánh giá như một nhà thơ có khuynh hướng cách tân, muốn làm mới thi ca. Cách tân là một ý thức cải hóa mà nghệ thuật phát biểu luôn hướng về thực tiễn xã hội để thể nghiệm các giá trị của mình. Ý thức này báo hiệu cơn khủng hoảng của quy luật xã hội và mở ra những triển vọng về những giá trị mới. Nó bày tỏ rằng đang có một viễn tượng giá trị khác. Đọc tập thơ “Anh biết, em yêu dấu” bao gồm nhiều bài thơ được viết từ nhiều thể loại, thật ra rất khó nắm được khuynh hướng sáng tác của tác giả. Ông có những bài thơ mang âm hưởng của thời kỳ *Thơ Mới* với vần điệu và tâm tình lãng mạn của tình yêu như bài *Em có về ta*:

Hãy hót vườn ta chim xanh nhỏ
Số kiếp tang bồng vườn cũng khô
Tình như lá úa rơi đầy ngõ
Em có như mưa giọt xuống mồ...

Có thể thấy ông bị ảnh hưởng qua nhà thơ Đinh Hùng:

Mái tóc thương xuân gió chải hờ
Bên em trời đất bỗng hoang vu
Bước chân in dấu buồn nguyên thủy
Nỗi nhớ xanh màu núi cô sơ...

Hình tượng xuân xưa

Đến những bài thơ phá thể từ lục bát qua tự do, 5 chữ, 7 chữ đều bị ông xáo trộn. Mọi trật tự đều bao hàm bạo động. Đó là quy luật của lịch sử. “Bạo động” trong văn chương là một trách nhiệm lý thuyết, căn cứ trên những giá trị tinh thần. Ý hướng cách tân là luôn luôn mang khát vọng nền tảng đồng thời vượt trên những khát vọng đó khi thực hiện. Ông đẩy thơ lục bát vào hình thức thơ xuôi:

1.

qua sông nhớ những nhịp cầu
 qua tròng còn thắm nỗi đau nghiệt đời, qua đêm
 càng quý mặt trời, qua nhân gian thấy tình người nổi nhen,
 qua đâu mà chẳng qua em? qua muôn thách đố qua phiên lụy
 vầy, qua ai qua chòm vạ lây, qua non nước khốn qua đày
 khắc lao, qua sông nhớ những nhịp cầu, qua sông qua với tầm
 đâu ngất nghèo...

Ca dao tôi

Đây cũng chỉ là những biến dạng hình thức như một nỗ lực tinh thần từ đó nghệ thuật hướng đến. Bên cạnh những bài thơ lãng mạn cổ điển, ông cũng đẩy thơ vào thế giới trừu tượng vượt qua bình diện cảm quan:

1.

thông điệp mây đen
 lời xám ngắt
 ngón tay chớp bể
 bàn chân mưa nguồn
 mặt nạ khua reng
 cầu chứng mà mất
 thức tỉnh hết khái niệm
 hẳn là dòng sông
 luôn đầy ngư phủ..

Thông điệp mây đen

Nhưng chính trong thế giới trừu tượng này, đặt ra một sự đương đầu bất tận giữa những danh từ đưa đến sự dẫn co, tranh chấp và có thể đến cả sự lạm dụng danh từ gây nên trường phái chính thống. Nhà thơ Hà nguyên Du do dự giữa một bên là cái đẹp, cái kêu gọi cảm quan, một bên là sự bất an của ngôn ngữ do những ngộ nhận gây ra. Cái đẹp là đời sống ban đầu của tác phẩm tác động đến người thưởng ngoạn bằng cảm tính chỉ có giá trị đối với những đối tượng đi tìm nó. Còn ngôn ngữ bất an đặt vấn đề về mối tương quan giữa ngôn ngữ và đời sống xã hội nếu hiểu rằng cuộc sống con người được cảm thông tốt đẹp thì ngôn ngữ là cơ cấu tác thành sự kiện đó. Và cũng trong nỗ lực tìm tòi sáng tạo, ông đã mang đến cho độc giả tập thơ Tân hình thức, tựa đề: “Gene Đại Dương”. Trở về với ngôn ngữ nói thông thường, mang không khí truyện kể, dùng lại thể thơ 5,7 hoặc 8 chữ bám vào đời sống hiện thực, diễn tả hoàn toàn tự nhiên. Đó là những đặc tính tìm thấy trong “Gene đại dương”:

em yêu ta ới em là chim
 én báo xuân vui và rồi chim
 én bay đi cho hè sang ve
 e a ru lòng tương tư không
 êm đêm cho tim lưu ly xin
 em mưa trên ta vườn khô như
 em gieo hồng ân trong nhau không
 e dè chi nên tin yêu hơn

em mưa trên ta

Một bài thơ khác:

mơ bữa ăn có thêm chút rau và
 miếng bột ngọt cho con bớt lời xương
 mông bột lộ con mất đời bác nông vắn
 mòn mỏi không thấy chi ngày hai buổi
 mang trên vai như ách trâu cày và
 mẹ vợ buồn thủng bán thúng cứ mãi
 miết với nắng gió rách tơi áo đầy
 mảnh vá lạnh buốt đông về tội chi
 mà thê lương oan khiên kẻ bị khinh
 miệt bần hàn nhưng ới hấn chính là
 một cơ phận cần có trong một bộ
 máy xã hội một bộ máy cổ lỗ
 mong vứt đi để có cơ hội thay
 một cái máy mới vận hành tối tân...

mơ

Người đọc có thể hơi ngỡ ngàng trước một bài thơ như vậy. Bởi vì thơ Tân hình thức đã chuyển từ âm vang của chữ sang cú pháp. Đọc có thể như đọc truyện. Kỹ thuật lặp lại được sử dụng như một yếu tố thay thế vần. Phản hồi và trùng lặp sẽ mở rộng bài thơ như những làn sóng lan. Mỗi lần lặp lại có thể chuyển qua một ý tưởng mới ảnh hưởng bởi lý thuyết Hỗn Mang (Chaos):

từng hồi từng hồi rền
 vang nhịp điệu lúc bi
 lúc hùng, nhịp điệu theo
 bước lập lờ của những
 ánh đuốc, những ánh đuốc
 làm mẫu tiên phong và
 cứ từng hồi và cứ
 lập lờ cứ hết thế
 hệ này sang đến thế

hệ khác, vẫn một điều
 thương tâm nhất vẫn là
 những tàn lụi của ngọn
 nến, những ngọn nến tàn
 lụi bởi những tiếng kèn
 bởi lập lờ của bao
 ánh đuốc, những ánh đuốc
 soi dẫn đến những ánh
 đuốc tìm kiếm tông tích
 như một đáp số của
 các bài toán, dù kèn
 thúc quân hay kèn truy
 điệu dù đuốc soi dẫn
 hay đuốc truy tích dù
 nến sinh nhật nến liên
 hoan nến tưởng niệm
 sau cùng vẫn là kèn
 vẫn là đuốc vẫn là
 nến gặp nhau trong ngày
 một ngày tiễn đưa nhau!!

kèn, đuốc và nến

Thơ Tân hình thức vẫn đang trong thời kỳ thử nghiệm. Học hỏi từ nền
 thơ hiện đại của Mỹ mà phong trào thơ Tân hình thức (New Formalism)
 đang là chuyển động chính ảnh hưởng đến cả nền thi ca thế giới trong nửa
 thế kỷ nay. Trở về với thơ Việt, sau một thời gian dài gần 100 năm của thơ
 Tự Do, đây cũng là cơ hội để chúng ta học hỏi thêm không những về sự cần
 thiết phải thay đổi kỹ thuật mà thơ còn chuyển tải một nội dung phù hợp
 với thời đại chúng ta đang sống trong những chiều hướng có ý nghĩa.



tin... tin thơ

Độc “Âm Vọng” của Lê thị Thấm Vân

“Âm vọng” được dễ dàng coi là tiểu thuyết táo bạo nhất trong thời gian này (ngay cả nếu có kể đến hứa hẹn gây sóng nổi của Nguyễn Huy Thiệp với tiểu thuyết về tuổi trẻ sắp ra mắt của ông.) Điều này dễ hiểu khi tác giả “Âm vọng” trong các lĩnh vực mà bà tham dự, vẫn được coi là một người “tới” nhất (“tới” ở đây là kết hợp của các từ “táo bạo” và “mới”.) đầu tiên là khi đụng chạm đến vấn đề tình dục.

Ở Lê thị Thấm Vân, đây là điểm thường được người đọc nhận xét đến ngay, nhiều khi một cách hơi vội vã. Tính dục, tuy cũng chẳng có gì là xấu cả, nhưng ở tác giả chỉ là một nấc thang để trèo lên khái niệm bên cạnh tự do cá nhân là nữ quyền trong tác phẩm của bà. Muốn đến với nữ quyền, phải trèo qua cái xác của tính dục trong căn phòng tự do cá nhân. (Tôi xin mở một dấu ngoặc, về một giai thoại xảy ra vào dịp trình một luận án về “Le Deuxième Sexe” (Giới tính thứ nhì) của nhà văn Simone de Beauvoir, Giám đốc Luận án, khi trình bày, đã lú lẫm đọc chữ viết tên bà, S de B, thành ra “Salle de Bains,” tức là phòng tắm, khiến cử tọa, trong đó có cả bà Beauvoir hiện diện, phải ồ lên cười. Đến với nữ quyền, nhiều khi phải đi qua phòng tắm.)

Nhận xét khác về táo bạo, ở tầng của hình thức, là 3 phần khác biệt của “Âm vọng”, thí dụ cách dùng chữ “Bà” cho ngôi của người kể chuyện, thay vì “nàng”, “cô” hay là “tôi”... thường thấy hơn. Tuy chi tiết thôi, nhưng từ “bà” này đặt ngay một khoảng cách, cái VerksFremdungeffekt (cách ly phê bình) của ông Brecht khi ông cho kéo màn nhung kéo kệt trong những vở kịch sân khấu? Phần thứ ba của “Âm vọng,” không thấy không chấm,

như thử nghiệm thành công của Marie Ndiaye ở Pháp cách đây vài năm.

Nhưng ở người đọc này, táo bạo nhất của Lê thị Thấm Vân là cái nỗ lực trực diện với quá khứ “Việt” của mình, chính là một phần còn ấm áp của bản thân (đến nỗi nhiều tác giả không muốn bỏ ra khỏi, dù chỉ để nhìn lại cho rõ.) Đây là một việc bà từ lâu liên tục theo đuổi, có lẽ lộ nét nhất là ở tiểu thuyết cuối. Lê thị Thấm Vân trưởng thành ở nước ngoài nhưng bà không theo mình cây cầu mà nhiều kẻ cùng thế hệ, cùng hoàn cảnh đã đi qua dễ dàng và không tiếc nuối, cây cầu giữa 2 quê hương, 2 đời sống, 2 văn hóa, hay tượng hình hơn, có lẽ là một vết sước, một vết cắt phân ly vẫn không lành mỗi lần ta có đủ can đảm để mà nhìn đến. Những người đàn bà trên bìa của cuốn tiểu thuyết, vậy thì, là một tiếng gọi (như cái tựa cho ta đoán,) hay là một phản ánh?

Đỗ Kh.

Tuyển Tập Thơ Tân Hình Thức

Đã tới thời điểm để chúng ta ra mắt một tuyển tập thơ Tân hình thức vào cuối năm 2003. Những bài thơ tuyển chọn được căn cứ trên tiêu chuẩn, mới, hay, lạ, nên số bài thơ của mỗi tác giả không nhất thiết là bằng nhau. Do đó, ngay bây giờ, xin các anh chị, gửi về tòa soạn mỗi người từ 5 đến 10 bài, để chúng tôi có thì giờ liên lạc, trao đổi, góp ý. Ban biên tập của tuyển tập gồm: Đặng Tiến, Nguyễn Tiến Văn, Đỗ Kh., Trần Tiến Dũng, Nguyễn Thị Ngọc Nhung và Phan Tấn Hải.

Kết hợp một số yếu tố mỹ học của thơ truyền thống và tự do của nền thơ tiếng Anh, Tân hình thức Việt có thể tóm tắt những nguyên tắc sau:

1/ Giữ lại những hình thức 5, 7, 8 chữ, phù hợp với nhịp thở của thơ Việt, như một kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

2/ Thay thế *nghệ thuật tu từ* bằng *nhịp điệu tự nhiên của ngôn ngữ nói thông thường*.

3/ *Vắt dòng* và *dùng kỹ thuật lập lại* thay thế vần của thơ Việt, và trọng âm của ngôn ngữ Anh, tạo nhạc tính mới cho thơ, đồng thời thể hiện tinh thần của đời sống, *phản hồi và trùng lặp*, qua lý thuyết Hỗn mang (Chaos).

4/ Có tính truyện.

Tuyển tập thơ Tân hình thức Việt, theo dự trù, sẽ có ba phần: một bài viết, phần thơ tuyển, và phần tiểu sử tác giả. Như vậy, xin các anh chị gửi về phần tiểu sử, chính xác, rõ ràng và tóm gọn. Hạn chót gửi bài là 31 tháng 12 năm 2003.

Những Tác phẩm tái bản của nhà văn Nhật Tiến

Nhà văn Nhật Tiến mới cho tái bản một số tác phẩm chính của ông,

gồm “Chim Hót Trong Lồng”, nhật ký được viết vào năm 1959, “Thêm Hoang”, truyện dài và “Người Kéo Màn”, tiểu thuyết kịch, viết vào năm 1961, “Giấc Ngủ Chập Chờn”, truyện dài viết vào năm 1968. Nhật Tiến là một nhà văn theo đúng nghĩa, ít bị vướng vào những tranh chấp chính trị Quốc Cộng, luôn luôn ưu tư về những cảnh huống của những con người nghèo hèn trong xã hội. Từ lâu nay, tiếng nói của ông thường bị đả kích từ mọi phía bởi một điều, ông chỉ nói ra sự thật mà sự thật thì trong hoàn cảnh hiện nay, không ai chịu chấp nhận. Đọc lại tác phẩm của ông là một điều thú vị, vì chúng ta có thể gặp lại những khung cảnh xã hội Việt nam ở miền Nam cách đây gần nửa thế kỷ, gần nửa thế kỷ mà hầu như chẳng có gì thay đổi, có chăng chỉ là những thay đổi về ngôn ngữ. Vào những năm 60-61, chiến tranh chưa bộc phát, miền Nam vẫn còn an bình. Trong “Thêm Hoang”, tác giả vẽ ra nhiều cảnh đời, ở một nơi gọi là xóm Cỏ, dĩ nhiên đều là những cảnh đời rách rưới. Đó là những nhân vật như bác Tồn, người nhạc sĩ mù ăn xin trong thành phố, có mối tình chân thật với một cô gái giang hồ tên Huệ. Mối tình vụng trộm của nam nữ mới lớn như Đào và người phu xích lô Hai Hào. Những ước mơ trẻ thơ chẳng bao giờ có được như của Ích và Ngoan. Và bao nhiêu những thảm cảnh khác chỉ vì quá nghèo nàn cơ cực, chẳng hạn như bà cụ Nết, có đứa con là Năm Trà bỏ nhà đi biệt tích, vợ ở nhà theo trai, và bà mẹ chồng, chẳng biết cách nào kiếm ăn, đành phải đưa ba đứa cháu nội vào viện mồ côi, rồi trở nên điên loạn. Chương cuối cùng là Năm Trà sau cùng trở về, nổi lửa đốt cháy xóm Cỏ. Thêm Hoang được viết vào lúc tác giả mới 24 tuổi, được giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1962. Trong phần phụ lục: “Nhìn lại những trang viết cũ”, tác giả cho rằng vào thời đó, nhiều cây bút phê bình đã phê phán, “tác giả đã giải quyết sự kiện một cách dễ dãi và tiêu cực khi cho một mối lửa đốt cháy xóm Cỏ. Rằng số phận thê thảm của những con người trong Thêm Hoang, không thể chỉ một mối lửa là tác giả phải tay đứng dậy.” Nhưng cho đến bây giờ đọc lại, thì lại thấy tác giả đã làm đúng. Vì chỉ vài năm sau đó, đất nước đã chứng kiến biết bao nhiêu mối lửa, từ ngọn lửa từ bi của Bồ tát Quảng Đức, đến những ngọn lửa bạo lực của chiến tranh, tàn phá, đang đốt cháy số phận của hàng triệu con người. Là nhà văn, ông chỉ trình bày đúng thực hiện trạng đời sống, chứ nào có thể làm gì khác hơn.

Chiến tranh càng ngày càng lan rộng, chỉ vài năm sau, là trận đột kích Mậu thân 1968. Chuyện dài “Giấc Ngủ Chập Chờn” được viết trong thời kỳ này. Bối cảnh nghèo nàn từ thành phố, chuyển về vùng quê sôi động, trong đó người dân bần cùng, sống giữa hai lần đạn, bên này bên kia. Những đứa trẻ chưa đủ thành niên, bị du vào cuộc chiến, cảnh anh em, mỗi người một bên, thù không đội trời chung, và lẫn lộn là sự tàn nhẫn và vô luân, người em ngủ với chị dâu, người con bị người yêu gài cha già mua thuốc tây chuyển vào bụng, để rồi bị bắt, bị tra tấn... Tác giả không đứng về phía

bên này hay bên kia, chỉ nói lên những thảm cảnh có thực của chiến tranh. Và nhờ vậy người đọc có được sự tỉnh táo để nhận ra, dù là người dân bình thường hay người lính ở cả hai bên, họ đều là những nạn nhân đáng thương. Và cái quá khứ đó, có đáng để chúng ta phải nhớ lại hay không?

500 Founders of The 21st Century, 2003

Chúng tôi vừa nhận được bản tin do họa sĩ Nguyễn Đại Giang gửi, cho biết ông có tên trong cuốn sách trên. Đây là cuốn sách thuộc loại tiểu sử của những nhân vật nổi tiếng về khoa học, trí thức... Họa sĩ Nguyễn Đại Giang có một tấm hình chân dung tác giả, tiểu sử và một bức tranh. Xin chúc mừng họa sĩ Nguyễn Đại Giang.

Ltt. ghi nhận

Thời hạn gửi bài cho từng số báo

Số mùa Xuân, trước 30 tháng 11
Số mùa Thu, trước 30 tháng 5

Bài vở, thư từ xin gửi về:

P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92842

Email: tapchitho@aol.com

Website: <http://www.kicon.com/tapchitho/>

<http://www.VietnamesePoetry.com>

Thư của nhà thơ Hoàng Cầm

Chư' chuc' Bêl Quý Nhai

Kính yêu gửi các bạn
ở trại ở hải ngoại

Năm Quý Mão đang đến gần
chàng ta. Tôi, một người thợ không lái
ruột ra đời dân tộc và đất nước yêu quý
của mình. Cứ đến những ngày gần cuối
năm là nhớ đến các bạn, và nhớ hoàn cảnh
khác nhau mà họ được như tôi xa quê hương.
Không được hưởng các "không khí" đầm ấm,
xum vầy của gia đình, gia đình và bạn bè.

Đi xua động vật đối những tâm hồn Việt,
lưu lạc xa tổ quốc, gửi rằng tâm hồn xa ngàn
bằng không khí với những niềm buồn thiu thiu
nhất của quê hương.

Tôi coi bạn như là một lòng trên trong
vào qu' và tại đó của tôi để lại các bạn.
Đi đến đến một với các phần thơ thơ huyết
của họ, gần và xa với cho người đang chờ
mang đến đến đến đến đến đến đến đến đến
lên tay, lên tay lên tay.

Nhân dịp Tết Quý Mão, tôi xin gửi các bạn
đến xuân năm này một phần, một phần và một
phần với một sự sống. Khi chúng ta đã xa quê
hương, phần này, phần này phần này cho bạn phần này
để gửi đến các bạn để chia sẻ nỗi buồn.

Phần này, phần này phần này phần này
để gửi đến các bạn để chia sẻ nỗi buồn. Tôi
hi vọng các bạn, bạn bè và gia đình sẽ luôn
hạnh phúc và luôn luôn vui, và luôn luôn
quyết chí cao tiến bước.

Đến đây

Hoàng Cầm

Hải ngoại 31/12/2002

Danh Sách Thi Giới Chống Chiến Tranh

(cập nhật hóa April 14th, 2003 lúc 21:15, giờ California, USA)

Thi giới chống chiến tranh là tên một Website do nhà thơ Thường Quán và Đỗ Kh. phụ trách, nhân một biến cố thời sự nóng bỏng về cuộc chiến Iraq do Hoa kỳ chủ trương. Đây có lẽ là một cuộc trắc nghiệm, thể hiện quyền được phát biểu ý kiến, một quyền căn bản mà dường như vẫn còn xa lạ trong sinh hoạt ở mọi lãnh vực của người Việt. Danh sách gồm 93 nhà văn, nhà thơ ở khắp nơi trên thế giới, kể cả trong nước, đồng thời Website cũng giới thiệu một số sáng tác thơ của nhiều tác giả. Chúng tôi xin đăng lại danh sách sau đây.

Away, Hà Nội, Vietnam - Bạt Xứ, Dili, East Timor - Bình Minh, Paris, France - Chim Hải, Sydney, Australia - Cổ Ngư, Paris, France - Đàm Quang Tùng, Hà Nội, Vietnam - Đào Tuấn, Brussels - Đình Cường, Virginia, USA - Đình Linh, USA - Đình Phạm Quỳnh Châu, Hà Nội, Vietnam - Đình Trường Chinh, Fairfax, Virginia, USA - Đỗ Kh., Yorba Linda, California, USA - Đỗ Minh Tuấn, Hà Nội, Vietnam - Đỗ Quang Nghĩa, Limburg, Germany - Đỗ Quyên, Toronto, Canada - Dương Tường, Hà Nội, Vietnam - Hà Vũ Trọng, Toronto, Canada - Hà Duy Hưng, Hà Nội, Vietnam - Hoa Độ, Paris, France - Hoa Thi, Ammon, Idaho, USA - Hoàng Hưng, Hà Nội, Vietnam - Hoàng Ngọc Tuấn, Sydney, Australia - Hoàng Quốc Hải, Hà Nội, Vietnam - Hoàng Xuân Sơn, Canada - Kacheong, HongKong - Khánh Hà, Oslo, Norway - Khế Iêm, Westminster, California, USA - Khương Hà, Đồng Nai, Vietnam - Kim Anh, Saigon, Vietnam - Kim Yển, Germany - Lê An, Berlin, Germany - Lê Đạt, Hà Nội, Vietnam - Lê Hân, Ontario, Canada - Lê Minh Hà, Limburg, Germany - Lê Nghĩa Quang Tuấn, San Francisco, USA - Lê Thị Thấm Vân, Los Altos, California, USA - Lê Trọng Phương, Bonn, Germany - Luân Hoán, Montreal, Canada - Lưu Hy Lạc, USA - Lưu Linh, Georgia, USA - Mạch Nha, Paris, France - Mai Chi, Wien, Austria - Mai Ninh, Caen, France - Miêng, Paris, France - Ngô Thanh Nhân, New York, USA - Ngô Thu Hiền Taylur, Los Angeles, USA - Ngô Tự Lập, Hanoi, Vietnam - Nguyễn Bình, Hà Nội, Vietnam - Nguyễn Chi Hoan, Hà Nội, Vietnam - Nguyễn Đăng Thường, London, England - Nguyễn Đăng Tuấn, Toronto, Canada - Nguyễn Hoài Phương, Germany - Nguyễn Hoàng Tranh, Sydney, Australia - Nguyễn Hưng Quang, Hà Nội, Vietnam - Nguyễn Hữu Hồng Minh, Hồ chí Minh, Vietnam - Nguyễn Hữu Viện, Paris, France - Nguyễn Quý Đức, San Francisco, California, USA - Nguyễn Tấn Nghĩa, Vietnam - Nguyễn Thị Hồng, Hà Nội, Vietnam - Nguyễn Thị Ngọc Diễm, Nancy, France - Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Orange, USA - Nguyễn Thị Thanh Bình, Virginia, USA - Nguyễn Xuân Hoàng, San Jose, USA - Phạm Hải

Anh, Amsterdam, Holland - Phạm Miên Tường, Sydney, Australia - Phạm Quốc Thắng, Sài Gòn, Vietnam - Phạm Thị Hoài, Berlin, Germany - Phạm Trần Hải Hà & Nguyễn Thu Thủy, Vietnam - Phạm Xuân Nguyên, Vietnam - Phan Tấn Hải, Westminster, California, USA - Phan Thị Trọng Tuyến, Rouen, France - Phan Thị Vàng Anh, Vietnam - Phùng Nguyễn, Bakersfield, California, USA - Poisson, Cẩm Thi Đoàn, Paris, France - Poisson, Emmanuel, Paris, France - Tạ Duy Bình, Sydney, Australia - Tài Lực, Paris, France - Thận Nhiên, Seattle, Washington, USA - Thơ Thơ, Westminster, California, USA - Thường Quán, Melbourne, Australia - Trần Đình Lương, Sydney, Australia - Trần Mộng Tú, Seattle, Washington, USA - Trần Sa, Toronto, Canada - Trần Thị Trường, Hà Nội, Vietnam - Trần Trọng Hoàng Bách, Sài Gòn, Vietnam - Tùng Linh, Paris, France - Uyên Nguyên, Sydney, Australia - Vi Hòa, Sydney, Australia - Vũ Huy Quang, San Jose, California, USA - Vũ Ngọc Thắng, Toronto, Canada - Y Chi, Sydney, Australia - Y Nguyên, Paris, France - Ý Nhi, Toronto, Canada



Và Bạn Đọc

Thể lệ gửi bài

Bài đã gửi cho THƠ xin đừng gửi cho báo khác. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Bài chọn đăng không nhất thiết phản ánh quan điểm của tờ báo. Gửi bài cho THƠ, nếu sau hai kỳ báo không thấy đăng xin tùy nghi.

Nếu đánh máy trong đĩa, xin dùng IBMPC dưới dạng VNI và kèm theo bản in.

Trong thời gian qua chúng tôi đôi khi gặp trở ngại đối với bài vở quý anh chị gửi bằng e-mail. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi xin quý anh chị lưu ý các chi tiết sau:

1. Khi gửi bài qua dạng attachment của e-mail, xin vui lòng viết đôi dòng trong email đó cho chúng tôi biết quý anh chị đã sử dụng word processor gì (chẳng hạn Microsoft word, Word perfect, v.v) và sử dụng font tiếng Việt loại nào (chẳng hạn VNI, VPS, hay VISCII v.v).

2. Hiện font VNI và Microsoft Word 6 là dễ dàng nhất cho chúng tôi, nhất là đối với những bài thơ có cách sắp xếp (format) đặc biệt về xuống dòng, khoảng cách thụt đầu hàng, và các cỡ font khác nhau. Nếu quý anh chị không có Microsoft Word, có thể sử dụng Wordpad có sẵn trong Windows 95, hay Write có sẵn trong Windows 3.1 và Windows 3.11. Quý anh chị nào sử dụng Microsoft Word 97 xin vui lòng save bài viết ở dạng Microsoft Word 6.

Tất cả bài vở xin vui lòng gửi về địa chỉ e-mail mới của chúng tôi là tapchitho@aol.com. Tuy nhiên, vì AOL không nhận nhiều file một lúc nên xin tách ra từng file một và gửi riêng. Nếu không file sẽ bị zip lại và không mở được.

Đính chính

1. Trong TC Thơ số 24, bài thơ “Tân Sử Tích”, tác giả Lê Thị Thấm Vân,

Trang 153 dòng 18: *ngày ngày trần Truông*, thay vì trần tuông.

Trang 154, dòng 26: *dây kềm gai* thay vì dây kềm ai.

2. bài thơ “Thị Mệt và Những Chàng Hói Hề của Xứ Sở Thơ” tác giả là Lê Thị Thấm Vân, thay vì Lê Thị Hoàng Mai.

Xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

Danh sách dài hạn

Phạm Thương (CA), Thảo Trường (CA), Thông Phạm (LA), Thương Nguyên (CA), Minh Nguyệt (CA), Cẩm Nguyệt (CA), Vạn Giả (Canada), Hoàng Xuân Sơn (Canada), Vinh Nguyên (VA), Tâm Nguyên (Chicago), Jenny Ngo (TX), Lãng Ngô (CA).

Thông báo

Xin quý bạn đọc vui lòng tái hạn ngay khi hết hạn. Chúng tôi sẽ không gửi báo nếu không nhận được thư tiếp tục mua báo của quý vị. Nhân đây, chúng tôi cũng xin thông báo tới những **thân hữu đã cộng tác** với Thơ, xin quý vị tiếp tay với chúng tôi bằng cách mua dài hạn. Vì khả năng hạn chế, chúng tôi sẽ **không thể gửi báo biểu tới quý vị** như trước. Đối với những vị có cảm tình với Thơ, nếu có thể, xin làm đại diện cho Thơ. Nếu mỗi vị giúp chúng tôi bán mỗi kỳ từ 5 đến 10 số, đều đặn như vậy thì chúng tôi đỡ phải lo nhiều đến vấn đề tài chánh và có thời gian để làm tờ báo được càng ngày càng phong phú hơn về bài vở. Mọi tiết xin liên lạc về tòa soạn.

Sách báo nhận được

Hiến Chương Nhân Bản 2000, Nguyễn Ước dịch, Tạp chí Người Việt Hải Ngoại xuất bản, không đề giá.

Chim Hót Trong Lồng, nhật Ký, Nhật Tiến, Việt Tide xuất bản 2003, bìa Nguyên Trúc, 70 trang, giá 7 US.

Thềm Hoang, truyện dài, Nhật Tiến, Việt Tide xuất bản 2003, bìa Nguyên Trúc, 245 trang, giá 15 US.

Giấc Ngủ Chập Chờn, truyện dài, Việt Tide xuất bản, 2003, bìa Nguyên Trúc, 160 trang, giá 12 US.

Người Kéo Màn, tiểu thuyết kịch, Huyền Trân xuất bản, 2002, bìa Nguyên Trúc, 110 trang, giá 7 US.

Hoa Vông Vang, tuyển tập thơ, Bút Duyên Hội Tụ xuất bản, thơ của 7 tác giả: Đặng Đức Bích, Ngô Đình Phùng, N.Đ.C., Thái Tẩu, Trần Hoàn, Trần Minh Triết, Võ Ngọc Uyển, 255 trang, giá 15 US.

8 Tập Thơ của Trần Quốc Bình gồm: *Tuổi Ba Mươi*, Đường Việt xuất bản, *Tuổi Bốn Mươi*, Đường Việt xuất bản, *Tuổi Năm Mươi*, Việt Time Bách Khoa xuất bản, *Chân Trời Cũ*, An Tiêm xuất bản, *Trả Lại cho Em*, Việt Time Bách Khoa xuất bản, *Cung Đàn Xưa*, Tác giả xuất bản, *Ong Mật*, Đất Mẹ xuất bản, *Chân Trời Mới*, Việt Time Bách Khoa xuất bản.

Quý vị Mạnh Thường Quân

Để TC Thơ có thể tiếp tục có mặt trong tình trạng nghịch lý hiện nay: in ấn và gửi đi khắp nơi, nhưng có rất ít hồi âm về tài chánh, chúng tôi kêu gọi lòng hảo tâm của quý vị Mạnh Thường Quân. Thiện ý của quý vị sẽ là động lực mạnh mẽ giúp chúng tôi duy trì tờ báo. Trong số này, chúng tôi xin gửi lời cảm tạ đến quý vị sau đây đã ủng hộ chúng tôi:

Một văn hữu	200.00
Một văn hữu	100.00
Trịnh Y Thư	100.00
Vinh Phạm	100.00
Một thi hữu	100.00
Nguyễn Thị Hoàng Bắc	50.00
Nguyễn Thị Thanh Bình	50.00